

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG

PHẠM MINH ĐẠO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
DU LỊCH THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HẢI PHÒNG - 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG

PHẠM MINH ĐẠO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
DU LỊCH THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ
MÃ SỐ: 9310110

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS Trương Đình Chiến
2. PGS.TS Nguyễn Hoài Nam

HẢI PHÒNG - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án là công trình nghiên cứu cá nhân của tôi. Toàn bộ nội dung và kết quả nghiên cứu là do tôi tự tìm hiểu, phân tích một cách khách quan, trung thực, chưa được công bố dưới bất kỳ hình thức nào khác ngoài các bài báo/bài viết hội thảo của tôi và đồng tác giả được nêu trong danh mục công trình khoa học có liên quan đến luận án. Số liệu, tư liệu được trích dẫn trung thực, có nguồn gốc rõ ràng, tin cậy. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu có sự không trung thực trong thông tin sử dụng trong công trình nghiên cứu này

Hải Phòng, ngày ... tháng 12 năm 2024

Nghiên cứu sinh

Phạm Minh Đạo

LỜI CẢM ƠN

Sau quá trình học tập và nghiên cứu tương đối dài tại trường Đại học Hải Phòng, đến nay luận án tiến sĩ với chủ đề “Phát triển bền vững du lịch thành phố Hải Phòng” đã hoàn thành.

Lời đầu tiên, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến PGS.TS. Trương Đình Chiến, PGS.TS. Nguyễn Hoài Nam - những người thầy đã hướng dẫn tận tình chu đáo, với tinh thần trách nhiệm cao và có những góp ý thật quý báu để tôi có thể hoàn thành luận án tiến sĩ của mình. Tôi xin chân thành cảm ơn Quý thầy giáo, cô giáo Trường Đại học Hải Phòng đã truyền đạt cho tôi những kiến thức và kinh nghiệm nghiên cứu và đóng góp những ý kiến sâu sắc để tôi có niềm tin và động lực cũng như tri thức thực hiện luận án với mong muốn góp phần nhỏ bé vào sự phát triển bền vững của ngành du lịch thành phố Hải Phòng.

Tôi vô cùng cảm ơn các cán bộ công tác tại Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam và các anh chị ở sở du lịch thành phố Hải Phòng đã cung cấp cho tôi những tài liệu quan trọng về sự phát triển của ngành du lịch Việt Nam và về phát triển du lịch bền vững cùng các góp ý xác đáng cho tôi trong quá trình thực hiện luận án.

Đặc biệt, tôi xin trân trọng cảm ơn toàn thể thầy cô Phòng Quản lý sau đại học của Trường Đại học Hải Phòng đã giúp đỡ động viên tôi trong suốt quá trình học tập nghiên cứu tại trường.

Nghiên cứu sinh

Phạm Minh Đạo

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	vii
DANH MỤC BẢNG, HÌNH	ix
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu	5
2.1. Mục tiêu nghiên cứu.....	5
2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu	5
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	6
4. Phương pháp nghiên cứu	7
4.1. Phương pháp luận nghiên cứu.....	8
4.2. Nghiên cứu dữ liệu thứ cấp	11
4.3. Phương pháp nghiên cứu dữ liệu sơ cấp định tính	12
4.3.2. Mẫu và kỹ thuật lấy mẫu	13
5. Những đóng góp mới của luận án	20
5.1. Các đóng góp mới về học thuật.....	20
5.2. Các đóng góp mới về thực tiễn	20
6. Kết cấu luận án	21
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	22
1.1. Tổng quan nghiên cứu các công trình nước ngoài về phát triển bền vững du lịch .22	
1.1.1. Bối cảnh phát triển bền vững du lịch trên thế giới	22
1.1.2. Nghiên cứu về du lịch bền vững và sự phát triển bền vững du lịch.....	24
1.1.3. Nghiên cứu sự tham gia của các bên liên quan vào việc phát triển bền vững du lịch.....	26
1.1.4. Tổng quan các hàm ý chính sách đối với việc phát triển bền vững du lịch	30
1.2. Tổng quan nghiên cứu trong nước	32

1.2.1. Bối cảnh và thực trạng ngành du lịch Việt Nam.....	32
1.2.2. Tổng quan nghiên cứu về phát triển bền vững du lịch tại Việt Nam	34
1.2.3. Tổng quan nghiên cứu về các chính sách đối với việc phát triển bền vững du lịch tại Việt Nam	37
1.3. Khoảng trống nghiên cứu.....	40
Tiểu kết chương 1	43
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH/THÀNH PHỐ.....	44
2.1. Lý thuyết về phát triển bền vững và ngành du lịch	44
2.1.1. Lý thuyết về phát triển bền vững.....	44
2.1.2. Du lịch và phát triển du lịch	51
2.2. Lý thuyết về phát triển bền vững du lịch của một địa phương	52
2.2.1. Khái niệm, đặc điểm và bản chất của phát triển bền vững du lịch.....	52
2.2.2. Nội dung hay các trụ cột của phát triển bền vững du lịch địa phương cấp tỉnh	58
2.2.3. Các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững du lịch	65
2.3. Cơ sở lý luận về các yếu tố tác động đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương theo tiếp cận các bên liên quan	72
2.3.1. Lý thuyết các bên liên quan trong phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh/thành phố.....	72
2.3.2. Các yếu tố thuộc các doanh nghiệp du lịch tác động tới phát triển bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố.....	74
2.3.3. Các yếu tố thuộc cộng đồng cư dân địa phương tác động tới phát triển bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố.....	76
2.3.4. Các yếu tố thuộc cơ quan quản lý nhà nước tác động tới phát triển bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố.....	78
2.3.5. Các yếu tố thuộc khách du lịch tác động tới phát triển bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố.....	80
2.3.6. Tác động của các tổ chức phi chính phủ	80
2.3.7. Tác động qua lại giữa các bên tham gia trong phát triển bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố.....	81

2.5. Kinh nghiệm phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh/thành phố và bài học cho Hải Phòng	86
2.4.1. Kinh nghiệm quốc tế	86
2.4.2. Kinh nghiệm của một số địa phương trong nước.....	90
2.4.3. Bài học kinh nghiệm cho phát triển bền vững du lịch Hải Phòng	93
Tiểu kết chương 2	94
CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	95
3.1. Tổng quan về tình hình phát triển du lịch thành phố Hải Phòng	95
3.1.1. Giới thiệu về tiềm năng du lịch thành phố Hải Phòng.....	95
3.1.2. Mô hình quản lý vĩ mô ngành du lịch ở Việt Nam	97
3.1.3. Thực trạng ngành du lịch Hải Phòng	99
3.1.4. Thực trạng kết quả kinh doanh du lịch giai đoạn 2011 - 2023.....	109
3.2. Đánh giá thực trạng các tiêu chí thuộc các trụ cột phát triển bền vững du lịch Hải Phòng	120
3.2.1. Thực trạng các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững du lịch Hải Phòng về kinh tế.....	120
3.2.2. Thực trạng các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững du lịch Hải Phòng về bảo vệ và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường sinh thái	125
3.2.3. Thực trạng các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững du lịch địa phương về văn hóa - xã hội.....	133
3.2.4. Tổng hợp đánh giá về thực trạng phát triển bền vững du lịch Hải Phòng	134
3.3. Phân tích các nhân tố thuộc các bên liên quan tác động đến phát triển bền vững du lịch Hải Phòng.....	137
3.3.1. Phân tích các nhân tố tác động đến phát triển bền vững du lịch thuộc chính quyền và cơ quan quản lý vĩ mô về du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.....	137
3.3.2. Phân tích các nhân tố tác động đến phát triển bền vững du lịch thuộc các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng	147
3.3.3. Phân tích các nhân tố tác động đến phát triển bền vững du lịch thuộc cộng đồng dân cư địa phương trên địa bàn thành phố Hải Phòng.....	149
3.3.4. Phân tích các nhân tố tác động đến phát triển bền vững du lịch thuộc các tổ chức phi chính phủ trên địa bàn thành phố Hải Phòng.....	150

3.3.5. Tổng hợp tác động của các bên liên quan đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng	151
3.4. Đánh giá chung về thực trạng phát triển bền vững du lịch thành phố Hải Phòng	156
3.4.1. Thành công.....	156
3.4.2. Hạn chế.....	157
3.4.3. Nguyên nhân của các hạn chế	158
Tiểu kết chương 3	160
CHƯƠNG 4: ĐỀ XUẤT QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG.....	161
4.1. Dự báo xu hướng phát triển của du lịch trong thời gian tới.....	161
4.2.1. Các quan điểm phát triển bền vững du lịch Hải Phòng.....	164
4.2.2. Các mục tiêu và định hướng chiến lược phát triển bền vững du lịch Hải Phòng..	166
4.3. Các nhóm giải pháp đảm bảo phát triển bền vững du lịch theo 3 trụ cột của phát triển bền vững	168
4.3.1. Các giải pháp phát triển bền vững du lịch về kinh tế.....	168
4.3.2. Các giải pháp đảm bảo sự phát triển bền vững du lịch dưới góc độ văn hóa – xã hội	169
4.3.3. Các giải pháp đề xuất đảm bảo sự phát triển bền vững du lịch dưới góc độ môi trường	171
4.4. Nhóm giải pháp cụ thể cho từng bên liên quan đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng	172
4.4.1. Nhóm giải pháp cho các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch.....	172
4.4.2. Nhóm giải pháp cho các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn	177
4.4.3. Nhóm giải pháp cho cộng đồng dân cư địa phương	180
4.4.4. Nhóm giải pháp cho các tổ chức phi chính phủ	181
Tiểu kết chương 4	182
KẾT LUẬN	183
CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CỦA NGHIÊN CỨU SINH	187
TÀI LIỆU THAM KHẢO	188
PHẦN PHỤ LỤC	211

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Ký hiệu chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1.	BQ	Bình quân
2.	CSLT	Cơ sở lưu trú
3.	CSVC	Cơ sở vật chất
4.	ĐBSH	Đồng bằng sông Hồng
5.	DLCĐ	Du lịch Cộng đồng
6.	DLQG	Du lịch Quốc gia
7.	DN	Doanh nghiệp
8.	ĐVT	Đơn vị tính
9.	GDP	Tổng sản phẩm nội địa
10.	GSTC	Global Sustainable Tourism Council – Hội đồng du lịch bền vững thế giới
11.	HDV	Hướng dẫn viên
12.	KDL	Khu du lịch
13.	KS	Khách sạn
14.	KT	Kinh tế
15.	LHQ	Liên hợp quốc
16.	MT	Môi trường
17.	NCS	Nghiên cứu sinh
18.	NĐ	Nội địa
19.	NQ	Nghị quyết
20.	QHTT	Quy hoạch tổng thể
21.	QT	Quốc tế
22.	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
23.	TW	Trung ương
24.	UBND	Ủy ban nhân dân

TT	Ký hiệu chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
25.	UNESCO	United Nations Educational Scientific and Cultural Organization - Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc
26.	UNWTO	United Nations World Tourism Organization - Tổ chức Du lịch Thế giới
27.	VHTTDL	Văn hóa Thể thao Du lịch
28.	VP	Văn phòng
29.	WCPA	The World Commission on Protected Areas - Ủy ban Thế giới về những khu vực bảo hộ
30.	WTO	World Trade Organization - Tổ chức Thương mại Thế giới
31.	XH	Xã hội

DANH MỤC BẢNG, HÌNH

1. Bảng

Bảng 1: Danh sách khách thể được phỏng vấn	16
Bảng 2.1: Một số khái niệm về phát triển bền vững	45
Bảng 3.1: Số liệu phát triển cơ sở lưu trú du lịch Hải Phòng giai đoạn 2016 - 2023 .	101
Bảng 3.2: Số liệu về các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành giai đoạn 2016 – 2023 ..	103
Bảng 3.3: Các khu du lịch của Hải Phòng đạt chuẩn đến 2030	111
Bảng 3.4: Hệ thống các điểm du lịch của Hải Phòng đến năm 2030	112
Bảng 3.5: Kết quả hoạt động du lịch giai đoạn 2016 – 2023.....	117
Bảng 3.6: Tổng hợp đánh giá thực trạng phát triển bền vững du lịch Hải Phòng từ quan điểm của các bên liên quan	134
Bảng 3.7: Tổng hợp ý kiến của các bên liên quan về các nhân tố ảnh hưởng tới..... phát triển bền vững du lịch Hải Phòng	153 153

2. Hình

Hình 1: Quy trình nghiên cứu luận án	7
Hình 2.1: Các trụ cột của phát triển bền vững	46
Hình 2.2: Ba trụ cột (khía cạnh) của du lịch bền vững.....	61
Hình 2.3. Vai trò của cộng đồng dân cư trong phát triển bền vững du lịch	76
Hình 3.1: Mối quan hệ giữa các cơ quan quản lý du lịch tại Việt Nam.....	98
Hình 3.2: Sự phát triển của cơ sở lưu trú Hải Phòng giai đoạn 2011 – 2022.....	101
Hình 3.3: Số lượng lao động của ngành du lịch Hải Phòng giai đoạn 2011 – 2022...	105
Hình 3.4: Tổng lượng khách du lịch đến thành phố Hải Phòng thời kỳ 2011 – 2022	114
Hình 3.5: Cơ cấu khách du lịch nội địa - quốc tế Hải Phòng thời kỳ 2011 – 2022	116
Hình 3.6: Doanh thu từ du lịch Hải Phòng giai đoạn 2016 – 2022.....	118
Hình 3.7. Phản hồi của các bên liên quan tại địa phương về các chính sách hỗ trợ phát triển bền vững du lịch trên địa bàn Hải Phòng.....	146

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngành du lịch là ngành kinh tế phát triển nhanh và được coi là một trong những ngành kinh tế trọng điểm của nhiều địa phương và Quốc gia trên thế giới. Lý thuyết về phát triển du lịch đã được hình thành và phát triển qua nhiều nghiên cứu từ những năm phục hồi và phát triển kinh tế thế giới sau chiến tranh thế giới II. Nhu cầu du lịch của con người ngày càng tăng và nhiều quốc gia đã lựa chọn định hướng chiến lược phát triển du lịch thành ngành kinh tế chủ đạo. Lợi ích kinh tế do ngành du lịch mang lại đã được các nghiên cứu khẳng định. Cách tiếp cận phát triển ngành du lịch cũng dần gắn liền với khái niệm “phát triển bền vững” nghĩa là đảm bảo bền vững trên cả ba trụ cột là kinh tế, xã hội và môi trường. Các nghiên cứu cũng khẳng định phát triển bền vững du lịch phải gắn liền với chiến lược phát triển tổng thể của quốc gia và cần hoạch định phù hợp với việc khai thác hợp lý các tài nguyên thiên nhiên có sẵn. Phát triển du lịch cần sự hợp tác chặt chẽ giữa các bên liên quan, tuy nhiên luôn có sự xung đột do khác biệt về nhận thức, thái độ và hành vi của mỗi bên đối với phát triển du lịch. Chiến lược và kế hoạch phát triển du lịch của chính quyền đôi khi không phù hợp với lợi ích và mong muốn của cư dân địa phương. Sự phát triển du lịch thường có sự xung đột với phát triển các ngành và lĩnh vực khác trên cùng khu vực. Các quyết định phát triển du lịch đôi khi chịu tác động chi phối của một nhóm lợi ích dẫn đến không đạt được sự đồng thuận của các nhóm bên liên quan khác. Làm thế nào để phát triển bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố có tiềm năng kinh doanh du lịch vẫn đang là câu hỏi đặt ra cho các cơ quan quản lý du lịch và chính quyền địa phương. Phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương cần dựa trên sự đồng thuận và hợp tác của chính quyền, các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, cư dân địa phương, khách du lịch và các tổ chức xã hội. Nhiều nghiên cứu đưa ra các khuôn khổ chung về phát triển du lịch nhưng chưa gắn được phát triển du lịch bền vững với các điều kiện kinh tế xã hội, văn hóa và môi trường riêng biệt của từng địa phương.

Vì vậy, về lý luận vẫn cần tiếp tục nghiên cứu làm thế nào để phát triển bền vững du lịch trên phạm vi từng địa phương. Đặc biệt, rất cần nghiên cứu về vai trò của các bên liên quan trong quá trình phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh/thành phố ở một quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Hơn nữa, sự phát triển bền vững du lịch trên từng địa phương lại chịu tác động của nhiều yếu tố luôn biến đổi của mỗi địa phương, quốc gia và quốc tế càng làm cho vấn đề nghiên cứu này trở nên cấp thiết và là câu hỏi khó đối với các nhà hoạch định chính sách phát triển địa phương.

Đối với Việt Nam, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã xác định vai trò hết sức quan trọng của du lịch trong nền kinh tế và khẳng định mục tiêu phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Trên thực tế, ngành du lịch Việt Nam đã có sự phát triển đáng ghi nhận, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, bảo vệ môi trường và giữ vững an ninh, quốc phòng. Tuy nhiên, phát triển bền vững du lịch vẫn còn là một chủ đề khá mới mẻ đối với Việt Nam, mặc dù đã được Chính phủ đề cập từ Chương trình nghị sự 21 năm 1997 và đã có các hội thảo, chương trình, hội nghị về du lịch bền vững, được tổ chức với sự hỗ trợ của UNESCO và các tổ chức quốc tế khác. như EU, Tổ chức Lao động Quốc tế, UNWTO, PATA, ATTA, GSTC, ... Hơn nữa, các chính sách và giải pháp phát triển bền vững du lịch chưa đi vào cuộc sống. Cho đến nay, nhiều doanh nghiệp du lịch cũng như đa số người dân còn xa lạ với khái niệm về du lịch bền vững và chưa sẵn sàng tham gia vào phát triển bền vững du lịch.

Thực tế là phát triển du lịch Việt Nam chưa đảm bảo được tính bền vững trên phạm vi quốc gia cũng như trên phạm vi mỗi tỉnh/thành phố. Các doanh nghiệp du lịch vẫn đã và đang phải đối mặt với nhiều yếu tố tác động bên trong và bên ngoài làm cho hoạt động kinh doanh chưa bền vững. Hầu hết các doanh nghiệp du lịch có quy mô nhỏ chưa thật sự phát triển hoạt động kinh doanh theo hướng bền vững mà thường theo xu hướng tập trung vào lợi ích ngắn hạn, vì họ có điều kiện tài chính hạn hẹp. Ngành du lịch cũng phát triển chưa bền vững do các tài nguyên du lịch chưa được bảo vệ hoặc tối ưu hóa trong quá trình khai thác du lịch (An, 2015).

Các địa phương cấp tỉnh của Việt Nam có xu hướng tập trung vào phát triển kinh tế trong ngắn hạn mà chưa quan tâm đầy đủ đến phát triển dài hạn. Các chính sách và cơ chế quản lý của chính quyền địa phương nhằm đảm bảo phát triển bền vững du lịch trên địa bàn vẫn chưa đạt kết quả mong muốn. Làm thế nào để phát triển bền vững du lịch vẫn còn là câu hỏi đặt ra về phương diện quản lý nhà nước đối với nhiều tỉnh thành ở Việt Nam. Trong những năm qua cũng đã có một số công trình nghiên cứu và luận án về phát triển bền vững ngành du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh, tuy nhiên, chưa có các nghiên cứu tiếp cận theo sự tương tác giữa các bên liên quan với vai trò trọng tâm của quản lý vĩ mô ngành du lịch của chính quyền địa phương cấp tỉnh trong phát triển bền vững du lịch của địa phương. Vì vậy, rất cần nghiên cứu về phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh/thành phố tiếp cận theo lý thuyết các bên liên quan với vai trò chủ đạo của hoạt động quản lý vĩ mô của nhà nước; từ đó tìm kiếm các giải pháp phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố/tỉnh của Việt Nam trong bối cảnh mới.

Thành phố Hải Phòng có tiềm năng và lợi thế đặc biệt trong phát triển du lịch. Về tài nguyên du lịch, Hải Phòng được thiên nhiên ban tặng nhiều danh lam thắng cảnh

nổi tiếng như quần đảo Cát Bà, Vịnh Lan Hạ, và bãi biển Đồ Sơn. Đặc biệt, Cát Bà đã được UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới, là điểm đến lý tưởng cho du khách yêu thích khám phá và trải nghiệm thiên nhiên. Hải Phòng cũng có nhiều tài nguyên văn hóa, lịch sử với nhiều di tích lịch sử, và các lễ hội truyền thống đặc sắc. Theo dữ liệu của sở du lịch Hải Phòng, toàn thành phố hiện có 470 di tích được xếp hạng, trong đó có 02 di tích Quốc gia đặc biệt, và hàng trăm di tích cấp vùng, cấp thành phố. Nhiều lễ hội truyền thống đậm đà bản sắc văn hoá lịch sử đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, có các làng nghề truyền thống, có ẩm thực đa dạng hấp dẫn đối với du khách. Thành phố có hệ thống giao thông phát triển với sân bay quốc tế Cát Bi, cảng biển lớn và mạng lưới đường bộ kết nối rộng khắp. Có thể nói Hải Phòng là một trong những địa phương có nhiều thế mạnh, thiên thời địa lợi để phát triển du lịch.

Nhận thức được những tiềm năng và lợi thế phát triển du lịch, thành phố Hải Phòng đã có nhiều chủ trương, chính sách, giải pháp cụ thể đẩy mạnh phát triển ngành kinh tế quan trọng này. Đảng bộ và Chính quyền thành phố Hải Phòng đã xác định phát triển du lịch là một trong ba trụ cột để đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đồng thời đó cũng là một trong những lĩnh vực cần phát triển đột phá trong thời gian tới của thành phố. Trong ba thập kỷ qua, Hải Phòng đã có những bước phát triển vượt bậc về kinh tế, văn hóa và xã hội. Trong đó, ngành du lịch Hải Phòng đã có sự phát triển mạnh mẽ với hệ thống các điểm đến du lịch biển tiêu biểu như: bán đảo Đồ Sơn và quần đảo Cát Bà, các khu di tích lịch sử và danh thắng nổi tiếng như Tràng Kênh, núi Voi, bãi cọc Bạch Đằng, Đền thờ Nguyễn Bính Khiêm,... Các doanh nghiệp du lịch Hải Phòng đã có sự phát triển cả về số lượng và chất lượng với hàng trăm khách sạn lớn nhỏ, hàng trăm công ty lữ hành. Số lượng du khách và doanh thu của ngành du lịch thành phố ngày càng tăng. Số lượng khách du lịch cả Quốc tế và trong nước có tăng trưởng hàng năm với tốc độ khá, cơ sở vật chất phát triển, vốn đầu tư cho du lịch tăng đều qua các năm. Năm 2023, thành phố đã thu hút được 7,9 triệu khách du lịch, trong đó có gần 1 triệu khách quốc tế, doanh thu từ lữ hành tăng 44%, từ dịch vụ ăn uống tăng 13% so với cùng kỳ năm trước (Sở Du lịch thành phố Hải Phòng). Ngành du lịch Hải Phòng cũng đã và đang thu hút được nhiều dự án đầu tư mới vào khai thác tiềm năng lợi thế của địa phương; đồng thời đã và đang nỗ lực phát triển các sản phẩm du lịch mới như Foodtour.

Tuy nhiên, việc thu hút du khách chưa được như mong muốn, đặc biệt là khách quốc tế, đóng góp của ngành du lịch vào sự phát triển kinh tế chung của thành phố chưa tương xứng với tiềm năng và chưa thật sự trở thành “mũi nhọn” như kỳ vọng. Sự phát triển của du lịch thành phố chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế, chưa khẳng định được vị thế so với các địa phương lân cận trong vùng và khu vực, hiệu quả kinh tế do

du lịch mang lại thấp, cơ cấu và tỷ trọng đóng góp của ngành du lịch vào kinh tế của thành phố còn khiêm tốn. Thực trạng phát triển du lịch Hải Phòng chưa tương xứng với tiềm năng, thiếu tính chuyên nghiệp và chưa bền vững. Các doanh nghiệp du lịch Hải Phòng phần lớn có quy mô nhỏ, kinh doanh manh mún; cơ sở hạ tầng phục vụ khách du lịch chưa phát triển đồng bộ; sản phẩm du lịch đơn điệu, nghèo nàn, thiếu những sản phẩm du lịch tạo nên giá trị khác biệt để thu hút du khách đến Hải Phòng. Du lịch Hải Phòng hiện chưa tạo được hình ảnh hấp dẫn khác biệt nổi trội so với nhiều địa phương khác, các dịch vụ vui chơi giải trí nhìn chung còn nghèo nàn, quà lưu niệm hoặc đặc sản của địa phương phục vụ du khách còn đơn điệu. Sản phẩm du lịch chưa được đầu tư chiều sâu, vẫn dựa trên việc khai thác những giá trị sẵn có, chưa có sản phẩm du lịch mang tính độc đáo để bắt kịp xu hướng và nhu cầu thị hiếu của du khách, thiếu những sản phẩm có sức hấp dẫn và tính cạnh tranh cao. Sự phát triển của từng điểm đến du lịch trên địa bàn chưa bền vững do sự đầu tư chưa thật sự đồng bộ giữa dịch vụ lưu trú, khu vui chơi giải trí, dịch vụ nghỉ dưỡng, trung tâm mua sắm lớn,...

Phát triển du lịch tại nhiều điểm đến du lịch của thành phố chưa đảm bảo yêu cầu bền vững về bảo vệ môi trường tự nhiên và hệ sinh thái; chưa bảo tồn và phát huy được các giá trị văn hóa lịch sử địa phương. Hơn nữa, sự phát triển của ngành du lịch thành phố cũng gặp một số cản trở tự nhiên như du lịch biển bị ảnh hưởng bởi yếu tố thời tiết miền bắc nên chỉ đông khách du lịch nội địa tấp biển vào 4 tháng mùa hè, còn mùa đông hầu như vắng khách. Vấn đề điều hòa nhu cầu giữa các mùa trong năm cũng đòi hỏi cần nghiên cứu để tìm ra các định hướng phát triển và các mô hình kinh doanh phát triển bền vững du lịch của thành phố.

Phát triển bền vững du lịch Hải Phòng đòi hỏi phải xử lý được các nguyên nhân dẫn đến những hạn chế của ngành du lịch thành phố. Các nguyên nhân và yếu tố tác động đến phát triển bền vững du lịch thành phố Hải Phòng cần phải được nghiên cứu từ nhiều góc độ khác nhau như từ sự nỗ lực của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch (cả lưu trú và lữ hành), từ sự tham gia của cộng đồng cư dân địa phương vào phát triển du lịch, từ quan điểm chiến lược và các chính sách quản lý du lịch của chính quyền địa phương,... Phát triển du lịch trên địa bàn một thành phố như Hải Phòng lại đòi hỏi phải nghiên cứu theo cách tiếp cận đa ngành, đa lĩnh vực và nghiên cứu vai trò của tất cả các bên liên quan trong quá trình phát triển bền vững du lịch, đồng thời đòi hỏi phải nghiên cứu trên các phương diện kinh tế, văn hóa xã hội và môi trường. Thành phố đang đối mặt với những thách thức về môi trường liên quan đến du lịch, chẳng hạn như suy thoái môi trường sống ở những khu vực như Vườn quốc gia Cát Bà và ở các điểm nóng du lịch. Cần nghiên cứu để đưa ra các chiến lược nhằm giảm thiểu những tác động này đồng

thời thúc đẩy các hoạt động du lịch thân thiện với môi trường. Hơn nữa, xây dựng chính sách phát triển bền vững du lịch đòi hỏi dữ liệu nghiên cứu tại địa phương. Việc nghiên cứu toàn diện các bên liên quan ảnh hưởng tới phát triển bền vững du lịch Hải Phòng có thể cung cấp thông tin về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và nguy cơ của thành phố trong phát triển du lịch bền vững, làm cơ sở đề xuất chính sách và giải pháp phù hợp.

Vì vậy, từ cả phương diện lý thuyết và thực tiễn rất cần thực hiện nghiên cứu xây dựng cơ sở lý thuyết về phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh, đánh giá thực trạng và tìm ra các giải pháp phát triển bền vững du lịch thành phố Hải Phòng. Đặc biệt là các giải pháp phát triển bền vững du lịch từ góc độ hoạch định chính sách và quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Xuất phát từ những lý do trên, tác giả lựa chọn đề tài nghiên cứu **“Phát triển bền vững Du lịch thành phố Hải Phòng”** làm đề tài luận án Tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế. Kết quả nghiên cứu có thể là tài liệu tham khảo hữu ích cho thành phố Hải Phòng trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện các Chính sách, Quy hoạch, Kế hoạch, Đề án phát triển bền vững ngành du lịch của địa phương.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu cơ sở lý thuyết phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh/thành phố từ góc độ của các bên liên quan tại địa phương theo cách tiếp cận đa chiều. Nghiên cứu đánh giá thực trạng phát triển bền vững du lịch, từ đó, xác định quan điểm, chiến lược và giải pháp phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển bền vững du lịch trong bối cảnh mới. Xây dựng khung lý thuyết về phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh theo lý thuyết các bên liên quan tại địa phương;

- Xác định các nhân tố thuộc các bên liên quan tại địa phương tác động đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố. Xây dựng khung phân tích các bên liên quan trong phát triển bền vững du lịch trên địa bàn theo hướng tiếp cận đa chiều;

- Phân tích thực trạng phát triển du lịch của thành phố Hải Phòng và thực trạng phát triển bền vững du lịch của Hải Phòng trên ba trụ cột: kinh tế, môi trường và xã hội.

- Phân tích đánh giá thực trạng ảnh hưởng của các nhân tố thuộc các bên liên quan tới phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Phân tích thực

trạng ảnh hưởng của các chính sách quản lý du lịch của chính quyền thành phố tới phát triển bền vững du lịch trên địa bàn.

- Đề xuất hệ thống quan điểm, chính sách và giải pháp góp phần phát triển bền vững du lịch thành phố Hải Phòng gắn với vai trò của các bên liên quan trong phát triển bền vững du lịch Hải Phòng.

2.3. Câu hỏi nghiên cứu

- Khung lý thuyết về phát triển bền vững du lịch ở địa phương cấp tỉnh/thành phố bao gồm những gì? Đánh giá mức độ phát triển bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố dựa trên những tiêu chí chủ yếu nào?

- Vai trò của các bên liên quan trong phát triển bền vững du lịch trên địa bàn của tỉnh/thành phố? Có các nhân tố nào thuộc các bên liên quan ảnh hưởng tới phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh/thành phố?

- Thực trạng phát triển du lịch thành phố Hải Phòng hiện nay được các bên liên quan nhận định đánh giá như thế nào? Nhận định của các bên liên quan về thực trạng phát triển bền vững du lịch của thành phố Hải Phòng?

- Thực trạng vai trò của các bên liên quan tại địa phương trong phát triển bền vững du lịch Hải Phòng? Phân tích thực trạng các nhân tố đang là động lực hoặc rào cản đối với phát triển bền vững du lịch Hải Phòng?

- Các quan điểm, định hướng, các giải pháp nhằm phát triển bền vững du lịch thành phố Hải Phòng trong thời gian tới là gì?

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Các vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh/thành phố; Nội hàm và các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững du lịch trên địa bàn theo ba trụ cột: kinh tế, môi trường và xã hội; Các nhân tố ảnh hưởng thuộc các bên liên quan đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố Hải Phòng.

Khách thể nghiên cứu: các bên liên quan trong phát triển du lịch, bao gồm: các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, người dân địa phương, khách du lịch, chính quyền và cơ quan quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

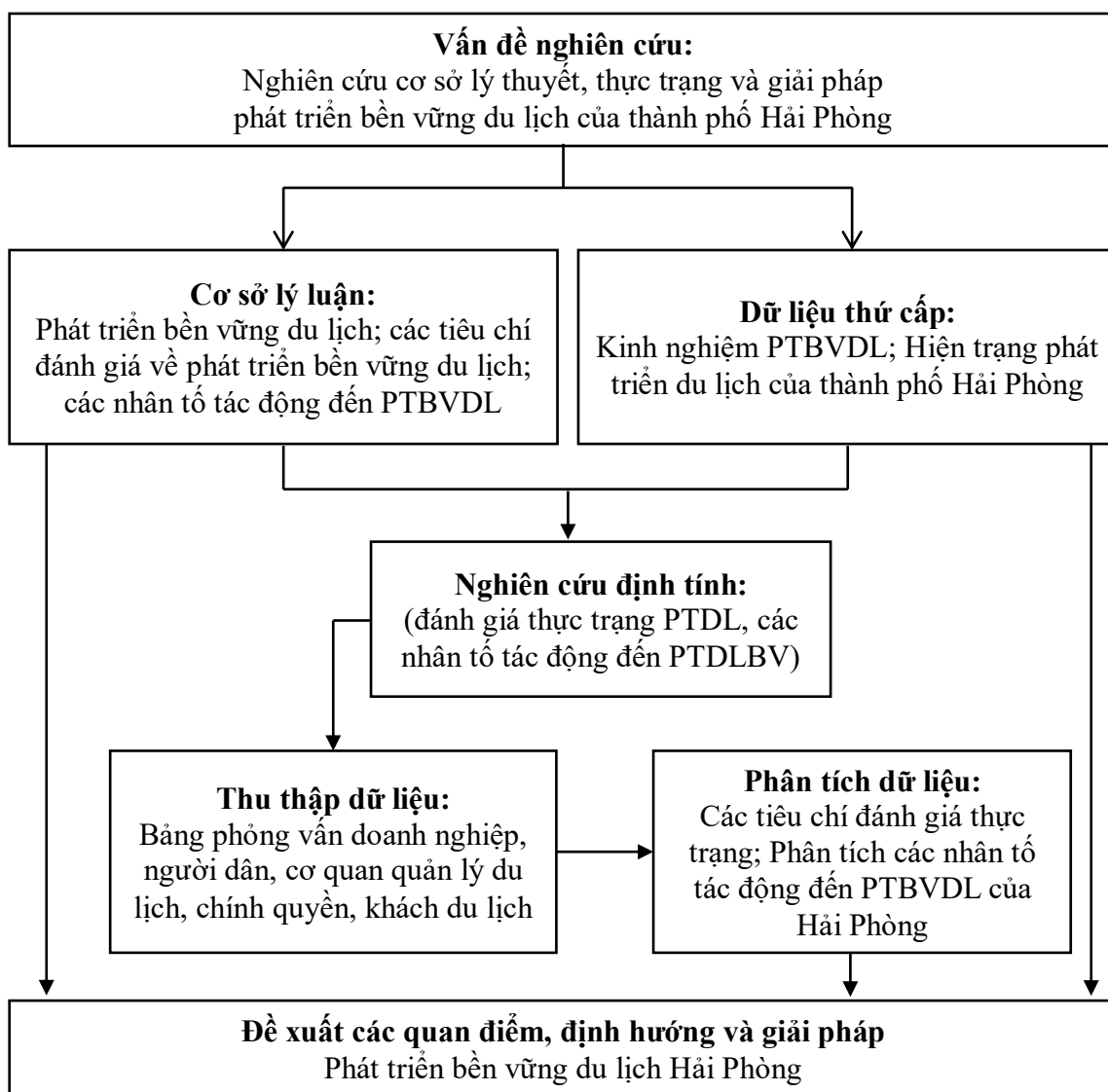
Phạm vi nghiên cứu: về nội dung luận án tập trung vào ba trụ cột của phát triển bền vững du lịch và các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố, các nhân tố thuộc các bên liên quan ảnh hưởng tới phát triển bền vững du lịch trên địa bàn Hải Phòng.

Về không gian là các điểm đến du lịch, các hoạt động du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Về thời gian: nghiên cứu dữ liệu thứ cấp trong hơn 10 năm gần đây (chủ yếu từ 2011 đến 2023) và định hướng tới 2030. Dữ liệu sơ cấp khảo sát trong khoảng thời gian từ tháng 01/2023 đến 12/2023.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, luận án đã sử dụng các phương pháp phân tích dữ liệu thứ cấp từ các tài liệu liên quan đến chủ đề nghiên cứu và nghiên cứu định tính để thu thập và phân tích dữ liệu sơ cấp từ các khách thể nghiên cứu là các bên liên quan đến phát triển du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng đã xác định. Quy trình nghiên cứu thể hiện ở hình 1.



Hình 1: Quy trình nghiên cứu luận án

4.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Theo Sarantakos (2013), phương pháp nghiên cứu là các công cụ được các nhà nghiên cứu sử dụng để thu thập bằng chứng thực nghiệm hoặc dữ liệu để phân tích rút ra các kết luận. Ngược lại, phương pháp luận là "chiến lược, kế hoạch hành động, quy trình hoặc thiết kế nằm sau việc lựa chọn các phương pháp cụ thể và liên kết việc lựa chọn và sử dụng các phương pháp với các kết quả mong muốn" (Crotty, 2003). Phương pháp luận nghiên cứu cung cấp khuôn khổ cho quá trình nghiên cứu có hệ thống. Trong nghiên cứu khoa học xã hội, có 2 phương pháp luận nghiên cứu là nghiên cứu thực chứng và nghiên cứu diễn giải.

Nghiên cứu thực chứng được xây dựng bởi các quy tắc khoa học giải thích các hiện tượng thông qua các mối quan hệ nhân quả (Jennings, 2010), là mô hình chính cho nhiều nghiên cứu cho đến những thập kỷ gần đây. Nghiên cứu thực chứng dựa trên niềm tin rằng thực tế là khách quan và có thể đo lường được. Các nhà nghiên cứu áp dụng phương pháp tiếp cận khoa học, dựa vào dữ liệu thực nghiệm, phương pháp có cấu trúc và phân tích định lượng để khám phá ra các quy luật và mô hình phổ quát. Các nghiên cứu thực chứng dựa trên giả định rằng mỗi vấn đề kinh tế xã hội có thể cô lập và các thủ tục nghiên cứu có thể được thực hiện lặp lại để tìm ra kết quả. Các nghiên cứu về du lịch, chẳng hạn như phân loại hành vi của khách du lịch thành các loại hành vi khác nhau nhằm dự đoán các xu hướng trong tương lai, sử dụng phương pháp thực chứng. Tuy nhiên, phương pháp nghiên cứu thực chứng sẽ không giúp tìm hiểu được bản chất phức tạp của một vấn đề kinh tế xã hội không thể dự đoán, hoặc các mối quan hệ phức tạp giữa con người, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước và môi trường xung quanh như vấn đề phát triển bền vững du lịch trên vùng lãnh thổ (Phillimore & Goodson, 2004).

Phương pháp luận nghiên cứu diễn giải coi hiện tượng thực tế được xây dựng trên cơ sở xã hội, nhấn mạnh vào những trải nghiệm chủ quan và ý nghĩa mà cá nhân gán cho các hiện tượng. Phương pháp luận này ưu tiên các phương pháp định tính như phỏng vấn, nghiên cứu trường hợp và dân tộc học để khám phá những hiểu biết cụ thể theo ngữ cảnh. Các nhà nghiên cứu diễn giải tập trung vào việc tìm hiểu cách cá nhân nhận thức và tương tác với môi trường của họ. Trong một mô hình nghiên cứu diễn giải, phương pháp định tính thường được sử dụng với các kỹ thuật, bao gồm: dân tộc học, nghiên cứu phân tích trường hợp điển hình và phân tích tài liệu thứ cấp (Jennings, 2010). Phương pháp nghiên cứu định tính được coi là: 'Bất kỳ loại nghiên cứu nào tạo ra những phát hiện không đạt được bằng các thủ tục thống kê hoặc các phương tiện định lượng khác' (Strauss & Corbin, 1990). *Phương pháp nghiên cứu định tính bao hàm một loạt các kỹ thuật diễn giải nhằm mô tả, giải mã, diễn dịch, nói cách khác là tìm ra ý nghĩa,*

chứ không phải tần suất, của một số hiện tượng tự nhiên xảy ra trong các lĩnh vực khoa học xã hội (Van Maanen, 1983).

Mục tiêu của luận án là tìm hiểu vai trò của các bên liên quan và sự tương tác giữa các bên liên quan trong phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố chịu tác động của nhiều yếu tố thuộc các bên liên quan trên địa bàn. Vì vậy, phương pháp luận nghiên cứu điển giải phù hợp để thực hiện luận án, bởi vì nghiên cứu điển giải tập trung vào giải thích những vấn đề từ thực tiễn hoạt động của các bên liên quan đến phát triển du lịch trên địa bàn để rút ra được những vấn đề và nguyên nhân mà vấn đề phát triển bền vững du lịch trên địa bàn nghiên cứu đang gặp phải. Các phương pháp nghiên cứu định tính cho phép NCS thực hiện thu thập và phân tích dữ liệu xung quanh chủ đề nghiên cứu có hệ thống và chặt chẽ trong bối cảnh cụ thể của vấn đề nghiên cứu là phát triển bền vững du lịch của thành phố Hải Phòng.

Để tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển bền vững du lịch, luận án cần phải điển giải hành vi của các bên liên quan tại địa phương tham gia và ảnh hưởng tới sự phát triển bền vững du lịch, và mối quan hệ tác động qua lại giữa các bên tham gia thông qua tìm hiểu các điển giải của họ về phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương. Để thực hiện được mục tiêu nghiên cứu như vậy, cách tiếp cận theo phương pháp luận điển giải rõ ràng thích hợp hơn cách tiếp cận theo phương pháp luận thực chứng, vì nó linh hoạt hơn và thu được dữ liệu phong phú hơn. Vì vậy, với phương pháp nghiên cứu định tính, NCS thực hiện các cuộc phỏng vấn một số đại diện của các bên liên quan đến phát triển du lịch ở địa phương: người dân địa phương, doanh nhân và người kinh doanh du lịch, khách du lịch và chính quyền địa phương cùng các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch. Việc sử dụng phỏng vấn các khách thể nghiên cứu "có thể cung cấp thông tin chi tiết về nhận thức, thái độ và hành vi của các bên liên quan đối với các vấn đề phát triển bền vững du lịch trên địa bàn". Rõ ràng là sự phong phú của các dữ liệu thu được và phân tích theo phương pháp luận điển giải rất phù hợp để đánh giá được quan điểm của các bên liên quan về phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Đồng thời, NCS cho rằng các điển giải về phát triển bền vững du lịch của địa phương như thành phố Hải Phòng cần phải dựa trên nghiên cứu cấu trúc xã hội phản ánh mối quan hệ tương tác giữa các bên liên quan: khách du lịch, doanh nghiệp kinh doanh du lịch, cư dân địa phương, chính quyền và cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch và môi trường kinh tế, xã hội và tự nhiên của địa phương. Cấu trúc xã hội của mỗi địa phương có thể thay đổi theo thời gian và giữa các địa điểm và giá trị văn hóa (Jennings,

2010). Vì vậy, NCS xác định các đối tượng nghiên cứu trong luận án bao gồm các bên liên quan đến phát triển bền vững ngành du lịch, đó là: người dân địa phương, các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và chính quyền địa phương, khách du lịch. Các bên liên quan trong phát triển bền vững du lịch có vai trò khác nhau, mục tiêu và lợi ích không đồng nhất và có quan điểm khác nhau về phát triển du lịch. Sau đó, để thu được các thông tin dữ liệu và tri thức có giá trị từ thực tế cần thông qua phỏng vấn định tính để tìm hiểu nhận thức, thái độ và quan điểm của các bên liên quan tại địa phương đối với phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố. NCS cũng xem xét các cấu trúc giải thích khác nhau về phát triển bền vững du lịch từ quan điểm của các đối tượng nghiên cứu thuộc các bên liên quan trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Mặt khác, những kết luận về thực tế phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng cũng sẽ được rút ra từ phân tích các dữ liệu thứ cấp được tổng hợp từ các nguồn của cơ quan quản lý du lịch của thành phố kết hợp với các thông tin thu được từ các đối tượng tham gia phỏng vấn gắn với bối cảnh nghiên cứu cụ thể.

Như vậy, để phân tích, đánh giá vai trò và hành vi của các bên liên quan tại địa phương trong phát triển bền vững du lịch như phần trên đã lập luận, NCS nhận thức rằng việc sử dụng phương pháp nghiên cứu phỏng vấn định tính được coi là cách tiếp cận tốt nhất để thu được các dữ liệu phong phú và nhiều chiều cần thiết để đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp cho vấn đề nghiên cứu. Phương pháp định tính sử dụng để thực hiện luận án bao gồm: phân tích dữ liệu thứ cấp và điều tra phỏng vấn một mẫu đại diện cho các nhóm khách thể nghiên cứu để khám phá cách thức các bên liên quan hiểu hoặc giải thích thực trạng phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng (chứ không phải là xác định và dự đoán các mối quan hệ nhân quả bằng mô hình nghiên cứu định lượng).

Vì vậy, NCS thực hiện luận án này bằng sử dụng phương pháp định tính nhằm có thể thu thập và phân tích các dữ liệu và thông tin theo ngữ cảnh để tìm hiểu về hành vi người dân địa phương, doanh nghiệp kinh doanh du lịch, khách du lịch và chính quyền và cơ quan quản lý nhà nước đối với một vấn đề kinh tế xã hội cụ thể là phát triển bền vững du lịch của thành phố Hải Phòng. Bằng cách sử dụng phương pháp định tính, thu thập và phân tích các thông tin phong phú và chuyên sâu về chủ đề nghiên cứu, qua đó NCS thu nhận được cách giải thích của các bên liên quan tại địa phương về hiện trạng và giải pháp phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Hơn nữa, do nguồn dữ liệu cần thu thập và phân tích trong nghiên cứu luận án này là phức tạp, các khách thể nghiên cứu lại bao gồm nhiều nhóm bên liên quan khác nhau nhưng có tác động qua lại lẫn nhau về nhiều khía cạnh và luôn thay đổi, do đó NCS nhận thấy nếu

thực hiện nghiên cứu khảo sát định lượng thì các dữ liệu thu được từ các bên liên quan khác nhau sẽ rất khác nhau, không đánh giá được toàn diện và chính xác vấn đề nghiên cứu. Hơn nữa, các dữ liệu khảo sát định lượng không thể phản ánh được bản chất của vấn đề nghiên cứu, đặc biệt là không thể khám phá được các hạn chế cũng như nguyên nhân sâu xa của các hạn chế trong phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Vì vậy, NCS quyết định sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính để thực hiện luận án, bao gồm: nghiên cứu dữ liệu thứ cấp và nghiên cứu phỏng vấn trực tiếp các cá nhân đại diện cho các bên liên quan đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

4.2. Nghiên cứu dữ liệu thứ cấp

Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu thứ cấp từ các công trình nghiên cứu đã có trong và ngoài nước về chủ đề nghiên cứu để phục vụ nhiệm vụ tổng quan các công trình nghiên cứu đã có và hình thành cơ sở lý thuyết cho luận án. Các tài liệu thứ cấp từ các nguồn chính thức như tài liệu của các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương, của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch rất hữu ích cho NCS thực hiện nghiên cứu phân tích đánh giá thực trạng phát triển du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng. NCS đã căn cứ vào các mục tiêu nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu làm cơ sở cho việc lựa chọn thu thập các tài liệu có liên quan từ các nguồn có giá trị.

Các tài liệu dùng để xây dựng cơ sở lý thuyết về phát triển bền vững ngành du lịch và phát triển du lịch bền vững là các công trình nghiên cứu lý thuyết về các bên tham gia trong phát triển du lịch, lý thuyết về vai trò của quản lý Nhà nước trong phát triển ngành du lịch, lý thuyết về tác động của các chính sách quản lý vĩ mô tới hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực du lịch, lý thuyết quản trị các doanh nghiệp kinh doanh lõi hành và lưu trú, lý thuyết về các giai đoạn phát triển của các điểm đến du lịch,...

Các tài liệu thứ cấp cụ thể liên quan sử dụng trong luận án để đánh giá thực trạng phát triển bền vững du lịch Hải Phòng là tài liệu chính thức do chính quyền địa phương Hải Phòng, cụ thể là UBND thành phố Hải Phòng, Cục Thống kê và Sở Du lịch ban hành. Các tài liệu này thể hiện quan điểm của các nhà lãnh đạo địa phương giải thích về phát triển bền vững và những gì họ đã làm để phát triển bền vững du lịch tại thành phố Hải Phòng. Nguồn dữ liệu khác là các tài liệu của Cục Du lịch quốc gia, thể hiện quan điểm, chiến lược phát triển du lịch của Việt Nam. Các tiêu chí để thu thập các loại tài liệu thứ cấp cụ thể là:

(1). Các văn bản chính thức liên quan đến phát triển du lịch của chính quyền thành phố Hải Phòng;

(2). Các tài liệu liên quan như chiến lược và kế hoạch phát triển du lịch của thành phố Hải Phòng, chương trình hành động để thực hiện các chiến lược, kế hoạch đã thông qua;

(3). Các văn bản, tài liệu của các doanh nghiệp du lịch tại địa phương phản hồi cho chính quyền địa phương.

(4) Số liệu về kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp và ngành du lịch Hải Phòng; Các số liệu thống kê về tình hình phát triển du lịch trên địa bàn Hải Phòng.

Tất cả các tài liệu đã được xem xét để xác định dữ liệu liên quan phục vụ cho nghiên cứu chủ đề luận án. Những dữ liệu này đã giúp NCS giảm bớt sự không chắc chắn về dữ liệu thu thập được từ các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc, vì một số dữ liệu không thể được cung cấp bởi chính quyền địa phương trong các cuộc phỏng vấn. Sử dụng các tài liệu đã xuất bản này làm tài liệu tham khảo, NCS sau đó có thể phân tích, cách thức và lý do phát triển du lịch trong khu vực và đánh giá mức độ phát triển bền vững của hoạt động du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu của luận án là kiểm tra thực nghiệm các nguyên tắc của phát triển bền vững du lịch ở cấp độ quản lý vĩ mô một địa phương cụ thể là thành phố Hải Phòng. Do đó, phương pháp nghiên cứu so sánh các chỉ tiêu phát triển kinh doanh du lịch được sử dụng để đánh giá thực trạng, tìm ra vấn đề và nguyên nhân trong quá trình phát triển, quy hoạch và quản lý du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

4.3. Phương pháp nghiên cứu dữ liệu sơ cấp định tính

4.3.1. Xác định các thông tin và phương pháp thu thập thông tin định tính

Phương pháp nghiên cứu dữ liệu định tính là một quá trình có hệ thống để kiểm tra dữ liệu phi số nhằm khám phá các mô hình, chủ đề và ý nghĩa. Phương pháp này dựa trên phân tích dữ liệu thu thập được thông qua các cuộc phỏng vấn, vì các cuộc phỏng vấn cung cấp những hiểu biết sâu sắc, phong phú về kinh nghiệm, suy nghĩ và nhận thức của người tham gia. Để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu, như phần phương pháp luận đã chỉ ra, NCS sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính bằng phỏng vấn trực tiếp đại diện của các bên liên quan trong phát triển du lịch trên địa bàn địa phương nhằm mục đích tìm hiểu sâu sắc và đa dạng nhận thức và hành vi của các bên liên quan đối với phát triển bền vững du lịch Hải Phòng. Phương pháp nghiên cứu phỏng vấn sâu cũng là cách thích hợp nhất để tìm hiểu và giải thích các nhân tố tác động từ nhiều bên liên quan đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn.

Dữ liệu được thu thập từ phỏng vấn trực tiếp các nhóm người trả lời chính: người dân địa phương là những người không làm việc trong ngành du lịch; người kinh doanh

du lịch trên địa bàn Hải Phòng; khách du lịch; chính quyền và cơ quan quản lý du lịch địa phương chịu trách nhiệm quản lý ngành du lịch trên địa bàn thành phố. Các cuộc phỏng vấn với các bên liên quan này cung cấp dữ liệu định tính phong phú phản ánh sự phức tạp của các khía cạnh xã hội, kinh tế và môi trường trong phát triển du lịch trên địa bàn. Phương pháp phỏng vấn định tính giúp trích xuất những hiểu biết có ý nghĩa về vấn đề nghiên cứu có bản chất đa diện của phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Phương pháp chọn mẫu có mục đích được sử dụng để tiếp cận đại diện các bên liên quan đầu tiên ở địa phương phù hợp với các tiêu chí của nghiên cứu. Sau đó, lấy mẫu quả cầu tuyết đã được sử dụng để tiếp cận những người trả lời phù hợp hơn. Sau khi đánh giá hiệu quả thu thập thông tin của phương pháp tiếp cận và tiếp cận được danh sách các đáp viên, cuộc điều tra phỏng vấn thực địa được thực hiện từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2023.

Dữ liệu được thu thập từ bốn mươi sáu người trả lời đại diện cho các bên liên quan đến phát triển du lịch trên địa bàn. Những người tham gia được phỏng vấn riêng lẻ, sử dụng bảng hỏi phỏng vấn bán cấu trúc. Quan sát hành vi của những người tham gia cũng được sử dụng để thu thập dữ liệu. Tất cả các cuộc phỏng vấn đã được ghi âm và ghi chép lại, với sự cho phép được thu thập và sử dụng thông tin của người được phỏng vấn. Tính ẩn danh và tính bảo mật của thông tin thu thập được từ những người trả lời đó được đảm bảo bằng cách sử dụng các mã số người được phỏng vấn chứ không phải tên và địa chỉ cụ thể. Kỹ thuật phân tích chuyên đề sau đó đã được sử dụng để phân tích dữ liệu.

4.3.2. Mẫu và kỹ thuật lấy mẫu

Việc xác định quy mô mẫu cho các cuộc phỏng vấn định tính phụ thuộc vào mục tiêu, thiết kế và khuôn khổ lý thuyết của nghiên cứu. Không giống như nghiên cứu định lượng, nghiên cứu định tính không hướng đến khái quát thống kê, do đó quy mô mẫu thường nhỏ hơn và được hướng dẫn bởi nguyên tắc bão hòa dữ liệu - điểm mà không có chủ đề hoặc hiểu biết mới nào xuất hiện từ các cuộc phỏng vấn bổ sung. Quy mô mẫu phỏng vấn định tính được xác định phụ thuộc vào tính không đồng nhất của khách thể nghiên cứu (trong luận án này là các bên liên quan đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn), mục tiêu nghiên cứu, tính phức tạp của chủ đề nghiên cứu và nguồn lực thực hiện nghiên cứu. Một số nhà nghiên cứu khuyến nghị về quy mô mẫu trong nghiên cứu định tính là: Đối với nghiên cứu hiện tượng học: 5-10 người tham gia; Nghiên cứu lý thuyết cơ bản: 20-30 người tham gia; Nghiên cứu tường thuật: 1-10 người tham gia, nghiên cứu trường hợp: 1-15 người tham gia (Guest, G., Bunce, A., & Johnson, L. (2006). Về lý thuyết, phương pháp nghiên cứu định tính cũng cho phép dùng phỏng vấn

khi thông tin tìm kiếm đã được xác nhận đồng thuận. Dựa trên luận án thuộc dạng nghiên cứu hiện tượng với mục tiêu nghiên cứu nhằm phát hiện bản chất của vấn đề và khách thể nghiên cứu là các bên liên quan đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn Hải Phòng, NCS đã xác định quy mô mẫu phỏng vấn định tính là bốn mươi sáu người, bao gồm hai mươi công dân địa phương, mười người là cán bộ quản lý các công ty du lịch và ba lãnh đạo ngành du lịch, ba lãnh đạo chính quyền địa phương, mười khách du lịch. (xem bảng 1). Do Hải phòng có nhiều điểm đến du lịch và cư dân đang sinh sống trong các khu vực du lịch đó rất đông đảo nên NCS đã lựa chọn phỏng vấn trực tiếp 20 người dân để tìm kiếm các đánh giá của họ về phát triển bền vững du lịch trên địa bàn. Đối với chủ doanh nghiệp và cán bộ kinh doanh du lịch số lượng phỏng vấn là 10 người từ 10 doanh nghiệp có quy mô khác nhau đảm bảo đại diện cho cộng đồng kinh doanh. NCS cũng chọn phỏng vấn ba lãnh đạo Sở Du lịch và Cục Du lịch Quốc gia – những người đại diện cho quản lý nhà nước về du lịch. NCS chọn phỏng vấn 3 cán bộ chính quyền địa phương tại 3 khu du lịch chính của thành phố đủ để có thông tin về hoạt động quản lý du lịch của địa phương điểm đến. Mười khách du lịch được phỏng vấn đư đến có thông tin từ góc nhìn của du khách về chất lượng dịch vụ du lịch và quan điểm của du khách về phát triển bền vững du lịch. Quy mô và cơ cấu mẫu phỏng vấn định tính này đủ đảm bảo để các thông tin thu được phản ánh quan điểm chung của tổng thể nghiên cứu là các bên liên quan đến phát triển du lịch Hải Phòng.

NCS sử dụng phương pháp lấy mẫu không ngẫu nhiên (tức là lấy mẫu không theo xác suất) được coi là thích hợp cho nghiên cứu luận án, theo phương pháp luận diễn giải sử dụng cách tiếp cận định tính. Vì nghiên cứu định tính yêu cầu thông tin phong phú, cung cấp cái nhìn sâu sắc có giá trị hơn về các vấn đề đang được nghiên cứu, nên thay vì phỏng vấn một số lượng lớn người trả lời thì nên lựa chọn những người tham gia cẩn thận đáp ứng các tiêu chuẩn của nguồn thông tin. Lấy mẫu có mục đích và lấy mẫu ném tuyết được NCS chọn để thực hiện nghiên cứu nhằm thu được dữ liệu phong phú hơn và hữu ích hơn. Trong lấy mẫu có chủ đích, những người được chọn là những người đã được nhà nghiên cứu biết đến là có trình độ và có nhiều thông tin và hiểu biết sâu sắc có giá trị về các câu hỏi nghiên cứu. Tuy nhiên, người ta cũng nhận thấy rằng kỹ thuật này có thể gặp phải rủi ro khi lấy mẫu các nhóm đồng nhất có kinh nghiệm giống nhau (Jordan & Gibson, 2003). Để tránh lấy mẫu những người được phỏng vấn ‘cùng quan điểm’, những người tham gia được lấy từ nhiều nhóm khác nhau. Khi các nhóm được thiết lập, NCS thực hiện các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc và các phương pháp quan sát người tham gia phỏng vấn.

NCS đã thực hiện các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc với đại diện của các nhóm khách thể nghiên cứu:

(1). Công dân địa phương đã sinh sống lâu năm tại các điểm đến du lịch, quan tâm đến phát triển du lịch của địa phương;

(2). Những người quản lý các doanh nghiệp du lịch tại địa phương như cơ sở lưu trú, công ty lữ hành, dịch vụ ăn uống, vận chuyển;

(3). Cán bộ quản lý của Cục Du lịch Quốc gia, Sở Du lịch Hải Phòng và cán bộ chính quyền địa phương tại điểm đến du lịch.

(4). Khách du lịch đến Hải Phòng.

Để chọn đúng người tham gia phỏng vấn, NCS cũng đã quan tâm đến đặc điểm và khả năng tiếp cận của những người được phỏng vấn. Trong nghiên cứu luận án này, các tiêu chí sau được sử dụng để lựa chọn người tham gia phỏng vấn định tính:

1. Trên 18 tuổi vì lý do tiếp cận và đạo đức; cư dân đã có thời gian sinh sống trên địa bàn du lịch từ 5 năm trở lên;

2. Thường xuyên tiếp xúc với khách du lịch hoặc làm việc trong ngành du lịch (bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước và tư nhân);

3. Quan tâm đến ngành du lịch của thành phố Hải Phòng;

4. Người được phỏng vấn từ ngành du lịch phải đã làm việc trong ngành ít nhất năm năm.

Đối với nhóm các bên liên quan đầu tiên, người dân địa phương được chọn phỏng vấn vì cuộc sống và sinh kế của họ có thể bị ảnh hưởng bởi hoạt động du lịch và khách du lịch, và ngược lại, hành vi của họ ảnh hưởng trực tiếp đến trải nghiệm của khách du lịch, đồng thời cần xem xét mức độ tham gia của người dân vào hoạt động du lịch. Những người cung cấp thông tin trong nhóm công dân địa phương cũng phải có mối quan tâm đến du lịch, chẳng hạn như có hiểu biết sự phát triển du lịch có đóng góp như thế nào vào sự phát triển bền vững của khu vực, vì nếu không có hiểu biết thì thông tin thu được sẽ rất hạn chế.

Đối với nhóm thứ hai (bao gồm các doanh nhân và nhà quản trị doanh nghiệp du lịch địa phương) và nhóm thứ ba (chính quyền địa phương), những người làm việc trong các tổ chức du lịch tư nhân hoặc nhà nước ở địa phương đều phù hợp để nghiên cứu. Họ chắc chắn có những vai trò quan trọng trong sự phát triển của du lịch bền vững.

Phỏng vấn các nhà kinh doanh du lịch và hướng dẫn viên du lịch nhằm thu được thông tin về hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn, các vấn đề xung quanh

hoạt động của doanh nghiệp du lịch cũng như sự hợp tác và mối quan hệ giữa cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, chính quyền địa phương với doanh nghiệp kinh doanh du lịch. Khách du lịch cũng được hỏi về đánh giá của họ đối với điểm đến du lịch trong khu vực.

Những người này đại diện cho các bên liên quan trực tiếp tham gia và có ảnh hưởng đến phát triển bền vững ngành du lịch; mỗi đối tượng đã được phỏng vấn riêng lẻ, sử dụng bảng câu hỏi phỏng vấn bán cấu trúc để đảm bảo thông tin thu được đa dạng, khách quan, tin cậy.

Bảng 1: Danh sách khách thể được phỏng vấn

Tiêu chí	Số lượng
Cán bộ của Cục Du lịch Quốc gia	1
Cán bộ của Sở Du lịch Hải Phòng	2
Cán bộ chính quyền địa phương tại điểm đến du lịch	3
Các nhà quản trị doanh nghiệp du lịch và hướng dẫn viên du lịch	10
Người dân địa phương ở các điểm đến du lịch: Cát Bà, Đồ Sơn, nội thành Hải Phòng	20
Khách du lịch	10
Tổng số	46

Quá trình thu thập dữ liệu phỏng vấn được chia thành năm giai đoạn. Giai đoạn đầu tiên liên quan đến việc lựa chọn người được phỏng vấn và gửi lời mời yêu cầu phỏng vấn họ. Giai đoạn thứ hai bao gồm việc sắp xếp ngày giờ phỏng vấn và chuẩn bị kịch bản câu hỏi. Giai đoạn thứ ba là phỏng vấn trong khi giai đoạn thứ tư liên quan đến việc phân tích dữ liệu thu thập được. Cuối cùng, giai đoạn thứ năm được thực hiện để giải quyết mọi vấn đề với người được phỏng vấn và mọi thắc mắc liên quan đến cuộc phỏng vấn của họ. Việc chia quy trình thành năm giai đoạn này hoàn toàn nhằm mục đích làm rõ ràng về mặt tổ chức. Để duy trì tính linh hoạt, các cuộc phỏng vấn được thực hiện theo hình thức bán cấu trúc, với mỗi phỏng vấn trung bình từ 45 đến 60 phút. Các nhà quản trị doanh nghiệp du lịch và cán bộ quản lý nhà nước được phỏng vấn một số lần để đảm bảo thu được đầy đủ thông tin.

4.3.3. Phân tích dữ liệu định tính

Các dữ liệu thu thập được qua các cuộc phỏng vấn định tính với đại diện các bên liên quan cung cấp những hiểu biết vô giá về phát triển bền vững du lịch trên địa bàn.

Dữ liệu được thu thập thường bao gồm nhiều góc nhìn khác nhau về các chủ đề như bảo tồn môi trường, lợi ích kinh tế, bảo tồn văn hóa và sự hợp tác của các bên liên quan. Phân tích dữ liệu một cách có hệ thống đảm bảo phát hiện ra các chủ đề chính và các chính sách và giải pháp cho phát triển bền vững du lịch trên địa bàn. Quá trình phân tích định tính được thực hiện ngay sau khi dữ liệu được thu thập để đảm bảo rằng dữ liệu có tính mới, tính thời sự và tất cả các giải thích về các vấn đề được nghiên cứu đảm bảo tính tiến hóa. Trên thực tế, trong nghiên cứu định tính, các giai đoạn thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu thường đan xen vào nhau ở một mức độ nào đó, thay vì tách biệt với nhau.

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu là phát hiện các vấn đề trong phát triển bền vững du lịch trên địa bàn Hải Phòng, NCS đã phân tích dữ liệu phỏng vấn định tính dựa trên kết hợp phân tích chủ đề với phân tích nội dung và tường thuật để khám phá các ý kiến đa dạng của các bên liên quan. Để phân tích dữ liệu, NCS sử dụng cách tiếp cận quy nạp để biến dữ liệu thu thập được thành kiến thức có ý nghĩa gắn với hiện tượng quan tâm. Để xử lý khối lượng dữ liệu, kỹ thuật phân tích theo chủ đề và theo nội dung đã được sử dụng. Phân tích dữ liệu định tính được xác định là làm việc với dữ liệu, sắp xếp chúng, chia chúng thành các đơn vị có thể quản lý được, mã hóa chúng, tổng hợp chúng và tìm kiếm các mẫu (chủ đề) thông tin.

Phương pháp phân tích theo từng chủ đề được NCS sử dụng trong phân tích dữ liệu thu thập được từ phỏng vấn các bên liên quan đến phát triển bền vững du lịch Hải Phòng. Phân tích dữ liệu phỏng vấn định tính theo chủ đề đáp ứng yêu cầu có được hiểu biết sâu sắc về quan điểm của các bên liên quan trong phát triển bền vững du lịch Hải Phòng. Phương pháp này bao gồm việc tổ chức, mã hóa và phân tích dữ liệu phỏng vấn xung quanh các chủ đề liên quan đến sự phát triển bền vững du lịch trên địa bàn. Đây là cách tiếp cận phân tích như là "một phương pháp để xác định, phân tích và báo cáo các mẫu (chủ đề) dữ liệu". NCS đã sử dụng quy trình phân tích dữ liệu theo các giai đoạn: (i) làm quen với dữ liệu; (ii) tạo mã ban đầu; (iii) tìm kiếm chủ đề; (iv) xác định các chủ đề; (v) phân tích dữ liệu theo các chủ đề; và (vi) xác thực dữ liệu và lập báo cáo.

Quá trình phân tích dữ liệu bắt đầu bằng việc làm quen với dữ liệu, trong đó NCS xem xét các bản ghi phỏng vấn để xác định các chủ đề chính, bao gồm: ba trụ cột của phát triển bền vững du lịch, bảo tồn môi trường, lợi ích kinh tế, bảo tồn văn hóa; sự tham gia của cộng đồng và hiệu quả của chính sách quản lý du lịch. Các bên liên quan như chính quyền địa phương, chủ doanh nghiệp du lịch, cư dân địa phương và khách du lịch

cung cấp nhiều thông tin từ các góc nhìn khác nhau, làm phong phú thêm cho nội dung phân tích.

Tiếp theo, NCS áp dụng phân loại dữ liệu thành các chủ đề cụ thể được xác định từ trước hoặc mới xuất hiện. Dữ liệu thu thập được trước hết sẽ được nghiên cứu để nhóm một cách thủ công thành các chủ đề cụ thể cần tìm hiểu để phục vụ các mục tiêu nghiên cứu trọng tâm. Việc phân tích bắt đầu với việc xác định các chủ đề cần nghiên cứu. Ví dụ, chủ đề phỏng vấn về "sự tham gia của cộng đồng cư dân địa phương vào phát triển bền vững du lịch" có thể tập trung thu thập dữ liệu đánh giá các thách thức, khả năng và điều kiện để người dân địa phương được tham gia vào quá trình ra quyết định phát triển các dự án du lịch trên địa bàn. Tương tự như vậy, chủ đề "bảo tồn môi trường" sẽ tập hợp ý kiến của các bên liên quan về các hoạt động du lịch có thân thiện với môi trường không hoặc các rào cản trong việc thực hiện bảo vệ môi trường. Chủ đề phát triển bền vững về kinh tế bao gồm "tạo việc làm", "phân phối thu nhập từ du lịch" và "rào cản đối với đầu tư tư nhân". Chủ đề hợp tác giữa các bên liên quan bao gồm "các chính sách khuyến khích hoặc đảm bảo", "quan hệ đối tác công tư" và "tham gia của cộng đồng cư dân địa phương vào hoạch định phát triển du lịch trên địa bàn". Một danh mục các chủ đề mới cần tìm hiểu được tạo cho bất kỳ vấn đề nào chưa xuất hiện. Việc sử dụng phân tích thông tin theo từng chủ đề đáp ứng yêu cầu linh hoạt và dễ tiếp cận và có thể đóng góp vào việc tạo ra dữ liệu phong phú để diễn giải được bản chất của vấn đề nghiên cứu là phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Sau khi dữ liệu được tập hợp theo chủ đề, NCS tiến hành phân tích so sánh để xác định các nhận thức, mâu thuẫn hoặc khoảng cách giữa các quan điểm của các bên liên quan. Những phát hiện này cung cấp thông tin chi tiết đánh giá thực trạng phát triển bền vững du lịch và cơ sở để xuất các chính sách du lịch toàn diện, bền vững phù hợp với bối cảnh của thành phố Hải Phòng. Phương pháp phân tích này đảm bảo tổng hợp được các ý kiến đã thu thập từ đại diện các bên liên quan, khám phá ra các hạn chế và nguyên nhân làm cơ sở cho các giải pháp phát triển bền vững du lịch trên địa bàn Hải Phòng. Dữ liệu phân tích theo các chủ đề gắn với mục tiêu nghiên cứu và khung lý thuyết. Đối với mỗi chủ đề, NCS cũng xác định được những hiểu biết về thách thức và cơ hội.

Bước cuối cùng, NCS xác thực các kết quả phát hiện bằng các kỹ thuật: Kiểm tra thành viên bằng cách chia sẻ kết quả sơ bộ với các bên liên quan khác để xác nhận tính chính xác và sự cộng hưởng của thông tin. Kiểm tra chéo các phát hiện với các nguồn dữ liệu khác như tài liệu về các chính sách đã ban hành, kết quả phân tích dữ liệu thứ cấp hoặc quan sát thực địa.

NCS đã phân tích các dữ liệu thu thập từ phỏng vấn các bên liên quan trong phát triển du lịch trên địa bàn theo các chủ đề:

- Định nghĩa các chủ đề về phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương tỉnh/thành phố;
- Xem xét vai trò và ảnh hưởng của các bên liên quan đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Làm rõ vai trò của cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và chính quyền địa phương trong việc hoạch định chính sách và phân bổ nguồn lực phát triển du lịch.
- Đánh giá các loại thái độ, hành vi, động lực và rào cản của các bên liên quan đối với phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Đánh giá thực trạng các hoạt động bảo vệ môi trường của doanh nghiệp du lịch. Phát hiện mối quan tâm, nguyện vọng và mức độ tham gia của cư dân địa phương vào phát triển bền vững du lịch tại các điểm đến trên địa bàn.
- Tìm mối liên hệ các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển bền vững du lịch từ từng bên liên quan: Giữa kinh nghiệm và thái độ, giữa thái độ và hành vi, giữa hoàn cảnh và động cơ, v.v;
- Tìm kiếm các thông tin được các bên liên quan giải thích về nguyên nhân của những hạn chế trong phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng;
- Tìm kiếm các ý tưởng mới từ đại diện các bên liên quan trong phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng: định hướng chiến lược và các giải pháp cụ thể.

Phân tích dữ liệu định tính theo chủ đề cho phép hiểu toàn diện về phát triển du lịch bền vững. Phương pháp này đảm bảo rằng các quan điểm riêng từ góc độ của chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng địa phương được nắm bắt và tích hợp vào các chiến lược có thể hành động cân bằng các ưu tiên về môi trường, kinh tế và văn hóa.

Để trình bày kết quả nghiên cứu, NCS cũng đồng thời sử dụng phương pháp phân tích tường thuật tập trung vào những câu chuyện mà người tham gia kể, xem xét cách họ nêu quan điểm về chủ đề nghiên cứu. NCS phân tích cấu trúc, nội dung và bối cảnh của các phát biểu của người được phỏng vấn, tìm kiếm bản chất của vấn đề qua cách họ mô tả các sự kiện hoặc trải nghiệm về phát triển bền vững du lịch trên địa bàn. Phân tích tường thuật có giá trị để hiểu quan điểm cá nhân của người được phỏng vấn đánh giá về chủ đề mà NCS cần khám phá.

Các phương pháp phân tích dữ liệu phỏng vấn các bên liên quan định tính cung cấp những hiểu biết quan trọng về các thách thức và cơ hội cho phát triển bền vững du lịch trên địa bàn Hải Phòng. Việc sử dụng phương pháp phỏng vấn định tính đảm bảo

phát hiện được chính xác quan điểm của các bên liên quan trong phát triển bền vững du lịch trên địa bàn.

5. Những đóng góp mới của luận án

5.1. Các đóng góp mới về học thuật

- Luận án đã xây dựng được khung lý thuyết hệ thống về vai trò, bản chất của phát triển bền vững du lịch trên địa bàn một địa phương cấp tỉnh/thành phố. Đã làm rõ nội hàm các trụ cột phát triển bền vững du lịch của địa phương: (1) Phát triển du lịch với tính bền vững về kinh tế, chia sẻ lợi ích công bằng cho các bên liên quan; (2) Phát triển du lịch với bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên du lịch tự nhiên và hệ sinh thái; (3) Phát triển du lịch gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa - xã hội của địa phương;

- Xác định được các đặc điểm của phát triển bền vững du lịch, từ đó đã xác định hệ thống các tiêu chí đánh giá mức độ phát triển bền vững du lịch về cả ba trụ cột trên địa bàn tỉnh/thành phố ở một quốc gia đang phát triển.

- Đã xây dựng khung lý thuyết toàn diện về vai trò của các bên liên quan trong phát triển bền vững du lịch, từ đó xác định các yếu tố thuộc các bên liên quan ảnh hưởng tới phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh/thành phố. Đã đề xuất khung lý thuyết về đánh giá tác động qua lại và sự hợp tác giữa các bên liên quan trong phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh/thành phố.

- Luận án đã phát triển khung lý thuyết đánh giá việc xây dựng và thực hiện các quy định pháp luật và chính sách hỗ trợ, kế hoạch và quy hoạch phát triển bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố, bao gồm: (i) Xây dựng các chính sách và các kế hoạch phát triển du lịch; (ii) Tổ chức thực hiện các chính sách và kế hoạch; (iii) Xác định yêu cầu phát triển một số chính sách mới; và (iv) Hoạt động truyền thông các chính sách tới các bên liên quan để thực hiện.

5.2. Các đóng góp mới về thực tiễn

- Đã đánh giá được thực trạng phát triển du lịch trên tất cả các tiêu chí cơ bản: lượng khách, doanh thu, cơ sở vật chất phục vụ du lịch trên địa bàn Hải Phòng;

- Bằng khảo sát các bên liên quan đã đánh giá được các tiêu chí phản ánh mức độ phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng, về ba trụ cột: (i) về kinh tế chưa bền vững, tỷ trọng đóng góp vào GRDP mới khoảng 7%, doanh thu và tỷ suất lợi nhuận còn thấp; lợi ích kinh tế chia sẻ cho cộng đồng cư dân địa phương còn khiêm tốn, tính thời vụ của kinh doanh du lịch cao; (ii) chưa bảo vệ và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và chưa tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn tài nguyên sẵn

có của địa phương; (iii) chưa bảo tồn và phát huy được các giá trị văn hóa lịch sử đặc sắc của Hải Phòng.

- Bằng dữ liệu phỏng vấn các bên liên quan đã đánh giá được tác động của các yếu tố thuộc các bên liên quan tại địa phương ảnh hưởng đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn Hải Phòng. Trong đó, đã phân tích làm rõ tác động của các yếu tố quản lý nhà nước của chính quyền địa phương Hải Phòng đối với phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố.

- Đã đánh giá được thực trạng các chính sách phát triển bền vững du lịch của chính quyền thành phố Hải Phòng từ ý kiến của các bên liên quan. Đánh giá thực trạng công tác lập kế hoạch và quy hoạch phát triển du lịch chưa đảm bảo tính bền vững dài hạn, quy hoạch sử dụng đất còn nhiều hạn chế, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp du lịch chưa hiệu quả,... Trong đó, đã đánh giá cụ thể các chính sách hiện hành hỗ trợ du lịch bền vững cho các khu vực du lịch chủ yếu của Hải Phòng như Cát Bà, Đồ Sơn. Đã chỉ ra được các hạn chế, các rào cản và nguyên nhân đối với phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Đã đề xuất hệ thống quan điểm, định hướng chiến lược và các giải pháp đồng bộ để phát triển bền vững du lịch Hải Phòng cả về ba trụ cột: kinh tế, môi trường và văn hóa xã hội. Các giải pháp cũng được phát triển cho từng bên liên quan trong phát triển bền vững du lịch Hải Phòng.

6. Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án gồm 4 chương.

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài luận án

Chương 2: Cơ sở lý thuyết và kinh nghiệm thực tiễn về phát triển du lịch bền vững trên địa bàn địa phương cấp tỉnh/thành phố

Chương 3. Phân tích thực trạng phát triển bền vững du lịch thành phố Hải Phòng

Chương 4: Đề xuất quan điểm, định hướng chiến lược và giải pháp phát triển bền vững du lịch thành phố Hải Phòng

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan nghiên cứu các công trình nước ngoài về phát triển bền vững du lịch

Phát triển bền vững nói chung và trong lĩnh vực kinh doanh du lịch đã được quan tâm nghiên cứu rộng rãi trên thế giới. Phát triển bền vững du lịch vừa đáp ứng nhu cầu của khách du lịch, vừa mang lại cơ hội thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân, đồng thời nâng cao cơ hội phát triển trong tương lai nhờ đảm bảo mối tương quan hợp lý giữa sự phát triển du lịch và chất lượng môi trường (Eagles, McCool, & Haynes, 2002). Xu hướng chủ đạo của các nghiên cứu về phát triển du lịch trên thế giới là luôn gắn phát triển với chủ đề du lịch bền vững, rất nhiều nghiên cứu đã tập trung làm rõ khái niệm, các nhân tố ảnh hưởng và đánh giá tác động cụ thể của phát triển du lịch đến cộng đồng cư dân sinh sống tại địa phương (Inskeep 1991; Southgate & Sharpley 2002; Yuksel, Bramwell & Yuksel 1999). Nhiều nghiên cứu đưa ra những tranh luận ngược chiều, do phát triển du lịch có tác động đa chiều có cả ảnh hưởng tích cực lẫn tiêu cực đến cộng đồng, nền kinh tế và môi trường địa phương (Erick T. Byrd, 2007). Theo Macbeth, thực tế là du lịch và phát triển du lịch hiện nay không thể tách rời khái niệm sự phát triển bền vững, và tính bền vững là yêu cầu tất yếu của phát triển du lịch, đồng thời ông khẳng định “tư tưởng nền tảng là không có lý thuyết phát triển du lịch nào hiện nay có thể tách khỏi du lịch bền vững như một khái niệm cốt lõi và toàn diện” (2005).

Nhìn chung, các vấn đề về phát triển bền vững du lịch được nghiên cứu bởi UNWTO (2014, 2017); Lu và Nepal (2009); Alvarez và Cooper (2014); Waseema (2017); Pjerotic, Delibasic, Joksiene, Griesiene và Georgeta (2017); Pjerotic (2017). v.v ... Các khía cạnh nghiên cứu đa dạng, nhưng chủ yếu bao gồm: các nghiên cứu về bối cảnh phát triển bền vững du lịch (Gresi & Kara, 2018; Jeon và cộng sự, 2016; Madhavan & Rastogi, 2013), nghiên cứu về tính bền vững và sự phát triển bền vững du lịch, mối liên hệ giữa các bên liên quan trong sự phát triển bền vững các điểm du lịch, các vấn đề cạnh tranh trong phát triển bền vững du lịch (Crouch và Ritchie, 1999; Hassan, 2000; Mihalic, 2000; Croes và Kubickova, 2013).

1.1.1. Bối cảnh phát triển bền vững du lịch trên thế giới

Trong nhiều thập kỷ, du lịch đã trở thành ngành kinh doanh quan trọng, tạo nhiều công ăn việc làm và là nguồn thu nhập chính của nhiều cộng đồng cư dân và nhiều địa

phương trên thế giới. Nhu cầu đi du lịch đã trở thành một nhu cầu tự nhiên và là một phần không thể tách rời của cuộc sống con người (Dalia Streimikiene và cộng sự, 2020). Phần lớn các nghiên cứu về du lịch trong giai đoạn đầu tập trung vào vai trò của du lịch trong phát triển kinh tế và tiềm năng phát triển du lịch như một giải pháp kinh tế thay thế khả thi. Tuy nhiên, sự phát triển của du lịch có những mặt trái và có những tác động tiêu cực đến xã hội và môi trường có thể kể đến như môi trường thiên nhiên bị tàn phá, các điểm du lịch phải tiếp nhận lượng khách du lịch lớn gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của người dân địa phương (Buckley, 2012; Gosling, € 2002; Neto, 2003; Pan et al., 2018). Trên thực tế, khách du lịch trong quá trình tiêu dùng sản phẩm du lịch với mức độ cao sẽ gây nên vấn đề ô nhiễm môi trường do họ tạo ra lượng rác thải khổng lồ tại các điểm đến du lịch. Điều này có thể là một vấn đề đặc biệt nghiêm trọng đối với các quốc gia đang phát triển, các khu vực thiếu điều kiện bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và hệ sinh thái địa phương trước sức ép của du lịch đại chúng (Gaetano Grilli và cộng sự, 2018). Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng các quốc gia phát triển du lịch không được kiểm soát không chỉ có khả năng dẫn đến suy thoái môi trường, mà ngược lại, suy thoái môi trường cũng gây ra mối đe dọa nghiêm trọng đối với các hoạt động du lịch. Việc mở rộng nhanh chóng các hoạt động du lịch ven biển và đại dương, chẳng hạn như lặn với ống thở, lặn với bình dưỡng khí, câu cá thể thao, có thể đe dọa nghề cá và các nguồn tài nguyên biển khác (Frederico Neto, 2003). Sự xáo trộn đối với đời sống thủy sinh ở biển cũng có thể do việc sử dụng nhiều trò chơi cảm giác mạnh, chẳng hạn như lướt ván, mô tô nước, tàu thuyền chở du khách tham quan. Một ví dụ điển hình là phát triển du lịch ảnh hưởng đến môi trường sống của sinh vật, mối đe dọa lớn đối với rừng ngập mặn, rạn san hô ở các vùng ven biển (Bernard & Cook, 2015).

“Không dễ dàng gì, nhiều điểm đến du lịch đã mất cảnh giác trong việc đối phó các tác động tiêu cực của du lịch đối với tài nguyên thiên nhiên, xã hội và văn hóa” (Sirakaya, Jamal, và Choi, 2000). Đồng quan điểm, Bhati và Pearce (2017) cũng nhận định rằng việc phát triển du lịch có thể đẩy nhanh sự suy giảm tài nguyên thiên nhiên, cùng với đó, tính bền vững của điểm đến du lịch sẽ bị đe dọa do không có khả năng bảo tồn di sản thiên nhiên hữu hình và tính toàn vẹn của các địa danh, kiến trúc, cảnh quan trước sự gia tăng nhanh chóng của khách du lịch. Để đối phó với những tệ nạn phát triển liên quan đến du lịch đại chúng thông thường, các hình thức du lịch khác nhau (ví dụ: du lịch sinh thái, du lịch xanh, du lịch nông nghiệp) đã được quan tâm phát triển từ những năm 1980. Ở Đài Loan, du lịch dựa vào cộng đồng được liên kết với phát triển bền vững và bảo tồn môi trường. Việc phát triển du lịch dựa vào cộng đồng, đặc biệt là ở các làng quê, làng chài và cộng đồng địa phương, đang trở thành chính sách quốc gia

của chính phủ Đài Loan (Cục Du lịch Đài Loan, 2011). Chương trình Môi trường của Liên hợp quốc và Tổ chức Thương mại Thế giới (2005) đề cập rằng du lịch bền vững là “hoạt động diễn ra trên phạm vi rộng và có trách nhiệm giải trình về các tác động đối với môi trường, kinh tế, xã hội hiện tại và trong tương lai; cũng như cộng đồng chủ cơ sở du lịch, khách tham quan và ngành du lịch phải có trách nhiệm bảo vệ môi trường” (Alonso và cộng sự, 2018). Sau đó, Tổ chức Du lịch Thế giới của Liên hợp quốc (UNWTO) đã công bố năm 2017 - năm du lịch bền vững và khuyến khích cả thế giới đi du lịch, tuân theo các nguyên tắc của du lịch bền vững và hướng đến cộng đồng địa phương (UNWTO, 2017). Tiền đề quan trọng của phát triển bền vững du lịch thừa nhận rằng “môi trường có giá trị nội tại lớn hơn giá trị như một tài sản du lịch của nó. Cần bảo vệ môi trường lâu dài cho các thế hệ tương lai bằng cách không để môi trường bị ảnh hưởng bởi những quyết định phát triển ngắn hạn” (Chhabra, 2005).

1.1.2. Nghiên cứu về du lịch bền vững và sự phát triển bền vững du lịch

Các vấn đề du lịch bền vững được đặc biệt chú trọng nghiên cứu bởi UNWTO (2014, 2017); Lu và Nepal (2009); Alvarez và Cooper (2014); Waseema (2017); Pjerotic, Delibasic, Joksiene, Griesiene và Georgeta (2017); Pjerotic (2017). Coenen và Truffer (2012); Butler (1999); Mihalic, Šegota, Knežević Cvelbar, và Kuščer (2016); Waligo, Clarke và Hawkins (2013); Kangwa (2017); Streimikiene, & Bilan, 2015); Agyeiwaah, McKercher, và Suntikul (2017), v.v ... Mỗi liên hệ giữa du lịch và phát triển bền vững các điểm du lịch cũng được giải quyết ở nhiều khía cạnh nghiên cứu khác nhau (Egresi & Kara, 2018; Jeon và cộng sự, 2016; Madhavan & Rastogi, 2013; Nunkoo & So, 2016; Pesonen & Komppula, 2010; Woo, Kim & Uysal, 2015).

Trước tiên, một số nghiên cứu chỉ ra những lợi ích của việc phát triển kinh doanh du lịch theo hướng bền vững đối với cộng đồng. Dalia Streimikiene và cộng sự (2020) nhận định rằng, du lịch nói chung và du lịch bền vững nói riêng đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội. Mô hình du lịch bền vững tìm cách đạt được cân bằng giữa “mô hình tiện ích” truyền thống và mô hình phát sinh "lý thuyết trao đổi xã hội", tập trung vào đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích và chi phí kinh tế; với mô hình môi trường mới (NEP) tập trung vào bảo tồn tất cả các nguồn tài nguyên và bảo đảm hạnh phúc của cộng đồng (Rowe, 1992). Các hoạt động du lịch đảm bảo tính bền vững có thể được coi là thước đo ổn định xã hội, cho phép thiết lập mối quan hệ đa dạng với những nền văn hóa khác, gia tăng sự hấp dẫn của địa điểm du lịch, thu hút được ngày càng nhiều khách du lịch (Cloquet, Palomino, Shaw, Stephen, & Ozdemir & Yolal, 2017; Ponnappureddy, Priskin, Ohnmacht, Vinzenz, & Wirth, 2017). Đồng quan điểm, theo Sharpley và Sharpley (1997), du lịch bền vững cung cấp một cách thức mới để khai thác điểm đến,

có thể thiết lập mối quan hệ cộng sinh giữa du lịch và môi trường vật chất, xã hội, văn hóa và chính trị của điểm đến. Các nghiên cứu đã chỉ ra bảo tồn di sản văn hóa, duy trì các giá trị truyền thống và cung cấp trải nghiệm đích thực cho khách du lịch được coi là yếu tố quan trọng của hoạt động du lịch bền vững. Croall (1995) tin rằng hầu hết những thay đổi văn hóa xã hội do phát triển du lịch mang lại đều có lợi và cần đánh giá cao vai trò của du lịch trong việc phát huy các giá trị của tiến bộ xã hội và tiến hóa văn hóa. Cụ thể, Frederico Neto (2003) nghiên cứu và chỉ ra ba nhóm tác động tích cực chính của việc phát triển bền vững du lịch đến xã hội, bao gồm: *thứ nhất*, du lịch mang lại cơ hội việc làm đáng kể cho lao động phổ thông, những người di cư từ nông thôn ra thành thị và những phụ nữ có thu nhập thấp hơn. *Thứ hai*, có những mối liên hệ đáng kể của du lịch với khu vực phi chính thức, ngành du lịch có thể tạo ra các hiệu ứng cấp số nhân tích cực cho các nhóm nghèo hơn dựa vào để kiếm sống. *Thứ ba*, hoạt động du lịch dựa vào việc bảo tồn vốn tự nhiên, chẳng hạn như cảnh quan thiên nhiên hoang dã hay các di sản văn hóa, được coi là sinh kế cho những người nghèo ở địa phương, ngay cả khi họ không có nguồn tài chính” (Ashley et al., 2001).

Không dừng lại ở những lợi ích của phát triển bền vững du lịch, một số nghiên cứu cũng tập trung làm rõ các thách thức của việc phát triển du lịch bền vững, dựa trên những thực tế bất lợi, tiêu cực. Croall (1995) tuyên bố rằng phát triển du lịch đã tầm thường hóa, dẫn đến sự đồng nhất các nền văn hóa, có những tác động tiêu cực đến lối sống truyền thống và sự khác biệt của các nền văn hóa địa phương. Nghiên cứu của Szymańska (2013) chỉ ra thách thức hiện tại của việc phát triển du lịch bền vững là mức độ hiểu biết của khách du lịch về khái niệm du lịch bền vững còn mơ hồ. Nghiên cứu của Szymanska (2013) cho thấy 61% khách du lịch ở Ba Lan không biết phát triển du lịch bền vững là gì, người dân của Ba Lan không quen thuộc với khái niệm “phát triển bền vững” và những người đã nghe về nó thường cho rằng nó chỉ gắn liền với bảo vệ môi trường (Kostrzewa & Piasecki, 2009).

Các nghiên cứu cũng đã tập trung vào sự phát triển bền vững du lịch gắn với cộng đồng địa phương và chỉ ra du lịch cộng đồng hoặc sự tham gia của cộng đồng vào phát triển du lịch thường rất khó thực hiện, đặc biệt là ở các nước đang phát triển (Tosun, 2000). Một số bất lợi của du lịch bền vững trong ngắn hạn cũng là chủ đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm như phát triển du lịch bền vững dẫn đến suy giảm các chỉ tiêu kinh tế truyền thống của du lịch (ví dụ: chi tiêu cho mỗi khách du lịch và thời gian lưu trú trung bình), sự sụt giảm về số lượng các cơ sở lưu trú được chứng nhận đáp ứng các tiêu chí bền vững (ví dụ: DGQA, EMAS, EU Ecolabel và Biosphere). Dalia Streimikiene và cộng sự (2020) đã phát hiện tính nhạy cảm xã hội cùng với phúc lợi kinh tế là những

các yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng tới phát triển du lịch theo hướng bền vững. Khó khăn trong việc phát triển các điểm đến du lịch bền vững càng trở nên trầm trọng hơn do việc nhiều bên tham gia (ví dụ như các nhà cung cấp dịch vụ, chính quyền địa phương, chính quyền quốc gia, người dân địa phương) cần phải kết hợp để tạo ra các dịch vụ du lịch cạnh tranh đồng thời đạt được tính bền vững (Hassan, 2000). Xét về khía cạnh cạnh tranh khi phát triển bền vững du lịch, một số nghiên cứu như nghiên cứu của UNWTO (2017) đã chỉ ra trong nền kinh tế hiện đại bất kỳ lĩnh vực kinh doanh nào cũng phải đối mặt với tình trạng cạnh tranh khốc liệt và lĩnh vực du lịch cũng vậy. Để tồn tại, các doanh nghiệp kinh doanh du lịch buộc phải tăng cường hiệu quả kinh doanh, triển khai các công nghệ tiên tiến nhất để tìm kiếm lợi thế cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ mà họ cung cấp và đấu tranh giành thị phần lớn hơn, giữ chân các chuyên gia giỏi nhất. Ngoài ra, cần nhấn mạnh rằng sự phát triển du lịch gắn kết chặt chẽ với sự chú ý và lựa chọn của người tiêu dùng, các doanh nghiệp kinh doanh phải tìm mọi cách thu hút nhiều khách hàng hơn, để mở rộng kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh (Luekveerawattana, 2018). Những vấn đề mâu thuẫn giữa phát triển du lịch nhằm mục tiêu lợi nhuận ngắn hạn với mục tiêu dài hạn, giữa mục tiêu thỏa mãn nhu cầu trực tiếp của khách du lịch với mục tiêu bảo đảm tính bền vững của môi trường tự nhiên xã hội của điểm đến vẫn là những chủ đề rất cần tiếp tục nghiên cứu nhằm phát triển bền vững ngành du lịch.

Từ năm 2019 đến năm 2024, nghiên cứu phát triển du lịch bền vững đã có những tiến triển đáng kể, tập trung vào sự phù hợp của nó với các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc. Các lĩnh vực nghiên cứu chính bao gồm bảo tồn môi trường, bền vững về mặt xã hội-văn hóa và tính bao trùm về kinh tế. Các nhà nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết của sự hợp tác giữa nhiều bên liên quan để cân bằng lợi ích kinh tế của du lịch với các tác động sinh thái và xã hội của nó (Saarinen, J. 2020; Spenceley, A. 2021).

1.1.3. Nghiên cứu sự tham gia của các bên liên quan vào việc phát triển bền vững du lịch

Một số nghiên cứu đã tập trung vào sự khác biệt giữa ý tưởng phát triển du lịch bền vững và triển khai thực tế (Agyeiwaah, McKercher, & Suntikul, 2017). Các nghiên cứu đều đã xác định lĩnh vực du lịch là đa ngành và phát triển du lịch có sự tham gia của nhiều tác nhân là các bên liên quan trong quá trình lập kế hoạch đến triển khai thực hiện phát triển du lịch bền vững (Hardy & Beeton 2001; Gunn, 1994; Ioannides, 1995). Nghiên cứu của Erick T. Byrd (2007) chỉ ra có nhiều tình huống và hoạt động du lịch cụ thể trong đó sự tham gia của các bên liên quan đến phát triển du lịch có thể xảy ra cả không chính thức và chính thức. Và mặc dù không phải tất cả các bên liên quan đều cần

tham gia bình đẳng vào quá trình quyết định gắn với phát triển du lịch với yêu cầu phát triển bền vững, nhưng tất cả các lợi ích của các bên liên quan cần được xác định và đảm bảo (Donaldson & Preston, 1995). Nếu lợi ích của một nhóm các bên liên quan chính đến phát triển du lịch không được xác định, không được đảm bảo, thì toàn bộ quá trình phát triển bền vững du lịch có thể thất bại (Clarkson, 1995).

Một số nghiên cứu xem xét việc hình thành và phát triển du lịch bền vững tại các quốc gia, thành phố điển hình. Litvin (2005), trong nghiên cứu về đổi mới Phó King, Charleston SC, đã thảo luận về cách các bên liên quan có thể phát triển du lịch thông qua việc phát triển “Thiết kế Charette” hoặc nhóm làm việc và khảo sát địa phương. EN (2007), Mikowski (2007) và Sobrado (2005) cùng tiến hành nghiên cứu về La Fortuna - nơi trở thành đầu tàu cho các hoạt động du lịch bền vững, một ví dụ lý tưởng về phát triển du lịch bền vững. Nghiên cứu đã chỉ ra những kết quả tích cực trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường ở cộng đồng và cấp doanh nghiệp du lịch đều gắn liền với quyền sở hữu và quản lý mạnh mẽ của địa phương đối với các doanh nghiệp liên quan đến du lịch. Trong khi đó, nghiên cứu của Colin J. Hunter (2018) ghi nhận mức độ tham gia thấp của các bên liên quan địa phương vào xây dựng các tài liệu quy hoạch du lịch ở Ba Lan. D'Mello và cộng sự (2016) khẳng định để phát triển bền vững du lịch, cần bắt đầu phát triển toàn bộ sản phẩm du lịch dựa trên lợi ích chung bao gồm lợi ích của tất cả các bên liên quan như khách du lịch trong và ngoài nước, cư dân địa phương, chủ doanh nghiệp và chính quyền địa phương,...

Bàn về mối quan hệ giữa các bên liên quan, nhiều nghiên cứu đã xem xét cách phân chia sự tham gia vào việc phát triển du lịch bền vững địa phương theo từng cấp. Cách thức, thể chế, hệ thống quản lý được thiết lập xác định cách thức mà các bên liên quan hoạt động trong lĩnh vực hoạch định các chính sách cũng như các công cụ và chỉ số được sử dụng để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững du lịch (Sofield, Guia, & Specht, 2017).

- Ở cấp chính quyền, có nhiều nghiên cứu ngày càng đồng thuận rằng phát triển bền vững du lịch phải được thúc đẩy bởi các cộng đồng địa phương và các tổ chức du lịch được thành lập trên toàn cầu (Goodwin, 2016). Cách tiếp cận mới này mang lại ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển bền vững du lịch do nó ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa các thực thể chính trị và khả năng tác động của chính phủ đối với nền kinh tế. Nó cũng ảnh hưởng đến việc lựa chọn các công cụ và tiêu chí đánh giá cũng như các tranh luận về vai trò của chính quyền trong phát triển bền vững du lịch (Hall, 2011).

- Ở cấp cộng đồng cư dân địa phương, đại diện của cộng đồng cư dân địa phương hoặc các quan chức chính quyền địa phương thường được giao các lĩnh vực quyền hạn cụ thể và các nhiệm vụ phải hoàn thành bao gồm những công việc quản lý nhà nước về

du lịch. Để làm cho công việc của họ hiệu quả hơn, chính quyền địa phương cũng cần cộng tác ở cấp quốc gia và quốc tế với các tổ chức chính trị xã hội khác.

Các nghiên cứu đã có cũng ghi nhận những ưu điểm của việc quản lý tài nguyên địa phương do cộng đồng lãnh đạo (Bernard, 1973; Bridger và cộng sự, 2006; Maser, 1997; Summers, 1986; Warren, 1978; Wilkinson, 1991). Cùng với sự thất bại của các dự án quản lý tài nguyên tập trung trên phạm vi toàn quốc hoặc khu vực, các nhà nghiên cứu chỉ ra nhu cầu về các phản ứng dựa vào cộng đồng nhiều hơn (Bridger và cộng sự, 2006; Kontogeorgopoulos, 2005). Điều này phản ánh thực tế là ở cấp địa phương, các phản ứng linh hoạt hơn và có khả năng được điều chỉnh cho phù hợp với các nguồn lực độc đáo và bối cảnh văn hóa và lịch sử của địa phương (Maser & Kirk, 1996; Tosun & Timothy, 2003). Một phần kết quả của việc La Fortuna trở thành một ví dụ lý tưởng về phát triển du lịch bền vững (Mikowski, 2007; Sobrado, 2005, 2008) gắn liền với quyền sở hữu và quản lý mạnh mẽ của địa phương đối với các doanh nghiệp liên quan đến du lịch (Sobrado, 2005, 2008).

Liao & Chern (2015) cũng chỉ ra một hình thức hợp tác đặc biệt quan trọng bao gồm các nỗ lực chung giữa người dân địa phương, khách du lịch và khu vực công. Qua quá trình tìm hiểu, NCS nhận thấy có số lượng lớn các nghiên cứu bàn về vai trò của cư dân địa phương (cộng đồng) đối với việc tham gia vào sự phát triển bền vững du lịch điển hình như nghiên cứu của Nunkoo, Smith và Ramkissoonin (2013) - người đã phân tích thái độ của cư dân địa phương hướng tới du lịch qua 140 bài báo được xuất bản từ năm 1984 đến năm 2010. Fallon & Kriwoken (2003), Gursoy & Rutherford (2004), Nicholas, Thapa, & Ko (2009) cùng chung nhận định việc phát triển bền vững du lịch theo hướng bền vững là khó khăn nếu không có sự hỗ trợ và tham gia của cộng đồng cư dân. Các tài liệu hiện có cho thấy rằng cư dân là những tác nhân chính trong năng lực phát triển du lịch vì họ bị ảnh hưởng trực tiếp bởi nó (Ap 1992; Murphy 1985; Gunn 1994). Khả năng chấp nhận của người dân địa phương đối với du khách và phát triển du lịch đóng một vai trò quan trọng trong việc thu hút và làm hài lòng du khách (Davis, Allen, và Cosenza 1988; Cooke 1982). Nhiều thập kỷ trước, Murphy (1985) cho rằng “thiện chí và sự hợp tác của các cộng đồng chủ nhà” là một trong những yếu tố thiết yếu của sự phát triển du lịch. Gunn (1994) đã thêm vào điều này bằng cách trích dẫn Ritchie: “Không còn có thể giả định rằng cư dân của một điểm đến / khu vực du lịch sẽ tự động chấp nhận tất cả (hoặc bất kỳ) hình thức phát triển du lịch mà ngành đề xuất hoặc cố gắng áp đặt.” Do đó, việc đánh giá thái độ của người dân đối với sự phát triển du lịch và các tác động của người dân địa phương đến phát triển bền vững du lịch vẫn cần tiếp tục cần nghiên cứu trong giới học giả du lịch (Akis, Peristianis và Warner 1996; Allen và

cộng sự 1988; Lindberg, Dellaert, và Rassing 1999; Fredline và Faulkner 2000; Gursoy, Jurowski, và Uysal 2002; King, Pizam và Milman 1993; Lankford và Howard 1994; Lindberg và Johnson 1997; Madrigal 1993; Sirakaya, Teye và Sonmez 2002; Smith và Krannich 1998).

Tuy vậy, Harrison (1996) cho rằng khó có thể thống nhất những mong muốn của người dân và cộng đồng địa phương để đưa ra một hướng dẫn cụ thể thiết thực cho sự phát triển du lịch. Lý tưởng là cộng đồng địa phương 'tự thân vận động' và tham gia tích cực vào việc lập kế hoạch và quản lý du lịch, nhưng trên thực tế, sự tham gia của cộng đồng trong hầu hết các trường hợp là dựa trên quan hệ. Không có quyền sở hữu đối với các tài nguyên du lịch, hầu hết các hình thức tham gia của cư dân địa phương đều dựa trên sự hợp tác hoặc dàn xếp hợp tác (Honey, 1999; Scheyvens, 1999).

Cư dân địa phương quyết định có phụ thuộc vào lợi ích và chi phí do du lịch mang lại hay không dựa trên sự cân nhắc của họ về các mối quan tâm đến kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường (Ap, 1992; Gursoy, Chi, & Dyer, 2010; Gursoy & Rutherford, 2004; Nunkoo & Ramkissoon, 2011; Yoon và cộng sự, 2001). Dựa trên lý thuyết này, nếu các cư dân địa phương nhận thấy rằng họ có khả năng được hưởng lợi từ các hoạt động du lịch mà không phải chịu những chi phí không thể chấp nhận được, thì những cư dân này có khả năng hỗ trợ và tham gia hỗ trợ phát triển các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng. Là đối tượng tương tác, hoặc là môi trường cho các hoạt động du lịch, vì vậy thái độ và hành vi của cư dân địa phương tạo nên nguồn lực 'lòng hiếu khách' của một điểm đến (Smith, 1994). Người dân địa phương càng thu được nhiều lợi nhuận từ du lịch, họ sẽ càng có động lực để bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên của khu vực cũng như hỗ trợ các hoạt động du lịch. Tuy nhiên, nếu các cư dân chủ nhà cho rằng phát triển du lịch dựa vào cộng đồng sẽ gánh chịu nhiều chi phí hơn là lợi ích, họ có thể sẽ phản đối sự phát triển này (Ap, 1992; Gursoy et al., 2002; Jurowski, Uysal, & Williams, 1997). Thêm vào đó, một số tài liệu đã cung cấp các quan điểm đa dạng về mối quan hệ giữa sự gắn bó của cộng đồng cư dân chủ nhà và sự hỗ trợ của họ đối với sự phát triển du lịch (McCool & Martin, 1994; Pennington-Grey, 2005). Ví dụ, một số tác giả đã chỉ ra rằng sự gắn bó của cộng đồng ảnh hưởng trực tiếp và đáng kể đến việc hỗ trợ phát triển du lịch (Gursoy & Rutherford, 2004; Nicholas và cộng sự, 2009), trong khi các tác giả khác chưa tìm thấy mối liên hệ đáng kể giữa sự gắn bó của cộng đồng với các hoạt động hỗ trợ phát triển du lịch (Choi & Murray, 2010; Gursoy và cộng sự, 2002).

Các nghiên cứu gần đây tập trung vào tìm hiểu về ảnh hưởng của quản trị và quan hệ đối tác trên địa bàn điểm đến du lịch đối với phát triển bền vững du lịch, đặc

biệt là ở các khu vực dễ bị tổn thương như các đảo nhỏ và các khu bảo tồn. Các nghiên cứu gần đây cũng đã tập trung phân tích tiềm năng của phát triển du lịch trong việc xóa đói giảm nghèo, thúc đẩy giao lưu văn hóa và giải quyết bất bình đẳng (Butler, R. W. 2020; Ong, L. T. J., & Storey, D. (2021). Butler, R. W. (2020) đã nghiên cứu đánh giá về quá trình phát triển, thách thức và vai trò của các bên liên quan trong việc thúc đẩy các hoạt động du lịch đảm bảo cân bằng lợi ích kinh tế với trách nhiệm về môi trường và xã hội.

1.1.4. Tổng quan các hàm ý chính sách đối với việc phát triển bền vững du lịch

Một số công trình nghiên cứu đã tìm hiểu về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, khả năng quản lý công ty và sự xuất sắc trong kinh doanh; đây là những yếu tố đầu vào có giá trị để phát triển bền vững kinh doanh du lịch cũng như các lĩnh vực kinh doanh liên quan khác (Popescu, 2019; Popescu & Popescu, 2019). McIntyre (1993) đề xuất rằng phát triển bền vững du lịch phải xem xét tất cả các yếu tố bao gồm: kế hoạch phát triển, quản lý số lượng khách, sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan,... Các nghiên cứu đã có đã đưa ra các nhóm hàm ý chính sách để phát triển bền vững ngành du lịch.

1.1.4.1 Hàm ý về chính sách đầu tư, nâng cao chất lượng dịch vụ

Phát triển bền vững du lịch có thể đạt được mà không gây thiệt hại cho năng lực cạnh tranh của ngành này nếu các vấn đề quan trọng như dân số già đi, nhu cầu du lịch của người khuyết tật, tiêu dùng bền vững và phát triển bền vững các điểm đến du lịch sẽ được giải quyết bằng cách cung cấp các dịch vụ du lịch phù hợp. Các vấn đề tiêu dùng bền vững cần được ưu tiên đáp ứng bằng cách phát triển các sản phẩm và dịch vụ du lịch theo nguyên tắc ưu tiên đảm bảo tính bền vững về kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường. Ví dụ, các vấn đề xã hội trong phát triển bền vững du lịch gắn với đóng góp của du lịch vào phát triển cộng đồng địa phương và phát triển sản phẩm/dịch vụ du lịch đáp ứng các nhu cầu của dân số già và người tàn tật.

Smagurauskienė (2009) khẳng định phát triển bền vững du lịch không thể thực hiện được nếu không thu hút được các nguồn lực đầu tư. Các nguồn lực đầu tư cung cấp cho các doanh nghiệp du lịch sức mạnh cạnh tranh để thực thi chiến lược và biện pháp phát triển bền vững hoạt động kinh doanh. Theo Smagurauskienė (2009), tất cả các quốc gia trên thế giới đều hỗ trợ phát triển kinh doanh du lịch dưới hình thức này hay hình thức khác, đặc biệt chú ý đến các hoạt động kinh doanh vừa và nhỏ vì các doanh nghiệp đều cần có hệ sinh thái và môi trường để đảm bảo sự phát triển ổn định.

1.1.4.2. Hàm ý về chính sách quản lý, giáo dục

Du lịch bền vững và có trách nhiệm đã trở thành một chuẩn mực xã hội. Vì vậy, cần phải giáo dục các doanh nghiệp cũng như các bên liên quan khác nhận thức đầy đủ và có hệ thống về vấn đề này. Đã đang hình thành và phát triển những quan điểm mới về phát triển bền vững du lịch bao gồm sản phẩm, dịch vụ, tập trung vào các loại hình du lịch mới và phân khúc người tiêu dùng riêng biệt, hay tập trung vào đối tượng như người già, người tàn tật cũng như các dịch vụ du lịch xanh.

Một số nghiên cứu nhận định du lịch bền vững có thể làm giảm các tác động tiêu cực đến môi trường bằng cách tăng cường năng lực quản lý với việc đưa ra các chương trình giáo dục và đào tạo, phát triển hệ thống giám sát (Fennell 1999). Ví dụ, cần giáo dục và đào tạo để giải thích thông tin về sự cần thiết phải nâng cao nhận thức, tầm quan trọng của vốn tự nhiên và văn hóa địa phương ở các nước nhiệt đới cho khách du lịch tiềm năng, để khuyến khích hành vi du lịch bền vững.

Các nhà hoạch định chính sách phát triển bền vững du lịch có thể sử dụng kết quả những nghiên cứu này để xem xét phát triển các dịch vụ du lịch sinh thái phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững. Ví dụ, các chương trình cải thiện hệ thống xử lý chất thải và nước thải; tạo hệ thống gắn nhãn hiệu điểm đến du lịch bền vững cho các khu du lịch; đặt các mức giá vé vào cửa theo tiêu chuẩn bền vững (ví dụ như giới hạn về số lượng du khách theo mùa) cho các điểm đến du lịch, hoặc cho các khu bảo tồn biển.

Đặc biệt, các nghiên cứu cũng nhấn mạnh cần có một cái nhìn cân bằng về khái niệm bền vững. Vì tính bền vững có nguồn gốc từ chủ nghĩa môi trường, nhiều nhà nghiên cứu cho thấy một kiểu 'tôn thờ thiên nhiên' và có phần chống lại sự thay đổi. Nhưng các bên liên quan không được quên vai trò của con người trong việc 'làm chủ, khai thác và sử dụng thiên nhiên' thay vì chỉ thuần túy thuận theo tự nhiên. Sự phủ nhận tiến bộ của con người được thể hiện trong mô tả tính bền vững có khả năng ngăn cản nhân loại đối mặt và giải quyết các vấn đề nghèo đói và kém phát triển. Do đó, cần quan tâm đến vấn đề cần nghiên cứu lớn hơn nhiều so với chỉ nghiên cứu phát triển du lịch thuần túy (Butcher, 1997).

Faulkner và Ryan (1999) đề xuất các nhà nghiên cứu từ các nền tảng giáo dục và tri thức khác nhau cần làm việc cùng nhau theo cách hài hòa và hiệu quả hơn, theo cách tiếp cận liên ngành để nghiên cứu vấn đề phát triển bền vững du lịch, nơi mà sự phát triển cần phối hợp toàn diện giữa nhiều lĩnh vực khác nhau. Ngoài ra, nghiên cứu của Tsung Hung Lee (2013) chỉ ra cần cấp bách xây dựng các chính sách và biện pháp không

chỉ phù hợp về mặt lý thuyết mà còn khả thi về mặt thực tiễn. Đặc biệt, nên chú trọng nghiên cứu các cách thức áp dụng các nguyên tắc phát triển bền vững cho du lịch đại chúng thông thường, với số đông khách du lịch.

1.1.4.3. Hàm ý về các bên liên quan tham gia vào sự phát triển bền vững du lịch

Một chìa khóa chính cho sự thành công và thúc đẩy phát triển bền vững du lịch trong cộng đồng là sự hỗ trợ của các bên liên quan, ví dụ như cư dân địa phương, chủ doanh nghiệp và các nhà lãnh đạo cộng đồng (Gunn, 1994). Một bên liên quan được xác định là “bất kỳ nhóm hoặc cá nhân có thể ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng bởi "sự phát triển du lịch trong một khu vực (Feeeman 1984). Font & Sallows (2002) gợi ý việc cần nỗ lực hơn nữa để thúc đẩy các quy tắc, tiêu chuẩn và thực hành tốt nhất về du lịch bền vững trên toàn cầu, thông qua các cơ quan công nhận như WTO và Hội đồng Quản lý Du lịch Bền vững. Phát triển du lịch bền vững cần có thái độ thúc đẩy các thực hành bền vững được xác định tại địa phương. Ở La Fortuna, những nỗ lực về tổ chức được thể hiện rõ qua số lượng lớn các tổ chức địa phương được thành lập để đạt được các mục tiêu bền vững. Cuối cùng, các yếu tố hành vi đối với thực hành bền vững đã bao gồm sự tham gia hiệu quả và liên tục vào các nỗ lực bền vững tại địa phương. (Frederico Neto, 2003).

Dempsey và cộng sự (2011) kết luận rằng năng lực cạnh tranh, các vấn đề môi trường và xã hội của sự phát triển du lịch bền vững có thể được giải quyết cùng nhau mà điều quan trọng là những người tham gia lập kế hoạch phát triển điểm đến du lịch phải thu hút ý kiến của người dân địa phương và đảm bảo các yêu cầu của cộng đồng được phản ánh trong quá trình phát triển. Các tương tác xã hội chân thành rất quan trọng trong việc phát triển bền vững vì “không có tương tác xã hội, những người sống trong một khu vực nhất định chỉ có thể được mô tả như một nhóm cá nhân sống cuộc sống riêng biệt, ít có ý thức cộng đồng hoặc cảm giác tự hào hoặc gắn bó với địa điểm” (Dempsey et al., 2011, tr. 294).

1.2. Tổng quan nghiên cứu trong nước

Phát triển du lịch nói chung và phát triển bền vững du lịch nói riêng tại Việt Nam đã được khá nhiều các tác giả trong nước quan tâm nghiên cứu. Các nghiên cứu trong nước gần đây đã tập trung làm rõ thực trạng, bối cảnh ngành du lịch và phát triển bền vững du lịch, từ đó đề xuất các hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy phát triển bền vững du lịch ở địa bàn một số địa phương cụ thể.

1.2.1. Bối cảnh và thực trạng ngành du lịch Việt Nam

Du lịch ngày càng được coi trọng trong cơ cấu kinh tế của Việt Nam, có tỷ trọng ngày càng tăng trong cơ cấu GDP quốc nội. Nhiều nghiên cứu tập trung đánh giá tiềm

năng, lợi thế của Việt Nam trong phát triển du lịch. Nghiên cứu của Lê Thị Thành Giao đã đánh giá Việt Nam có tiềm năng to lớn để phát triển du lịch với hệ thống di sản đa dạng, được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới như quần thể di tích cố đô Huế, phố cổ Hội An, Phong Nha Kẻ Bàng,... Trước khi đối diện với những khó khăn do dịch Covid gây ra, trong giai đoạn 2011 - 2019, ngành du lịch Việt Nam đạt được những thành tựu đáng khích lệ, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao vị thế, hình ảnh đất nước. Theo thống kê, năm 2019 là năm thứ 10 liên tiếp ngành du lịch có tốc độ tăng trưởng cao và ổn định kể từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu năm 2009. Khách du lịch tăng lên đáng kể, từ 6 triệu lượt khách quốc tế, 30 triệu lượt khách nội địa (năm 2011) tăng lên 18 triệu lượt khách quốc tế, 85 triệu lượt khách nội địa (năm 2019), tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 - 2019 đạt 14,9%/năm đối với khách quốc tế, 15%/năm đối với khách nội địa. Cùng với sự gia tăng lượng khách, tổng thu từ khách du lịch và đóng góp của ngành du lịch vào GDP cũng tăng lên đáng kể. Năm 2011, tổng thu từ khách du lịch mới chỉ đạt 130.000 tỷ đồng, đóng góp 3,1% vào GDP. Đến năm 2019, tổng thu từ khách du lịch đã tăng lên 726.000 tỷ đồng (tăng hơn 5,5 lần so với năm 2011), mức tăng trưởng bình quân cho cả giai đoạn 2011 - 2019 đạt 24%/năm, đóng góp của ngành du lịch vào GDP đạt 9,2%. Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch ngày càng được cải thiện, nâng cao cả về chất và lượng. Năm 2011, cả nước có 13.756 cơ sở lưu trú, với tổng số 256.739 buồng, đến năm 2019, tăng lên 30.000 cơ sở lưu trú với 650.000 buồng. Tuy nhiên, năm 2020, dịch bệnh toàn cầu Covid-19 gây ra những ảnh hưởng không nhỏ đối với ngành du lịch. Chuỗi tăng trưởng liên tục 10 năm của du lịch Việt Nam bị “đứt gãy”, các chỉ tiêu phát triển du lịch trong năm 2020 không thể hoàn thành như mục tiêu Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đề ra. Ngành Du lịch Việt Nam ngừng trệ hoàn toàn khi Chính phủ triển khai các biện pháp mạnh để ứng phó với đại dịch, (Lê Hoàng Thị Ngân Hà). Một số nghiên cứu giai đoạn này tập trung vào ảnh hưởng của đại dịch và giải pháp đối phó của ngành du lịch.

Một số nghiên cứu đề cập đến bối cảnh mới của ngành du lịch là xu hướng toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Xu hướng này tạo ra nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức cho phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, công nghệ thực tế ảo, năng lượng tái tạo, kết cấu hạ tầng mạng toàn cầu, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, in-tơ-nét vạn vật, kinh tế chia sẻ, thúc đẩy “siêu tự động hóa”, “siêu kết nối”, mở ra cơ hội dài hạn về tăng hiệu quả và năng suất lao động. Đồng thời, vấn đề ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu đe dọa sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia cũng

như toàn cầu. Sự suy giảm, cạn kiệt tài nguyên, khan hiếm về năng lượng, nhiên liệu; các hiện tượng thời tiết cực đoan, như bão tố, lốc xoáy, lũ lụt, hạn hán, triều cường, động đất, sóng thần, xâm nhập mặn,... gây ảnh hưởng đối với phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển du lịch nói riêng. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu phải đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường sống an toàn, nhân văn.

Một số công trình nghiên cứu tìm hiểu sự phát triển du lịch trên phạm vi các địa phương là các tỉnh của Việt Nam, nhằm phân tích đánh giá thực trạng phát triển du lịch của mỗi địa phương. Nghiên cứu của Trần Thị Kim Oanh (Trường Đại học Tân Trào) đã tìm hiểu tình hình phát triển du lịch tại tỉnh Tuyên Quang. Nghiên cứu đã thống kê những thành tựu của du lịch Tuyên Quang, chỉ ra tiềm năng phát triển du lịch của tỉnh, đánh giá Tuyên Quang đã có bước tiến mới trong việc mở rộng các loại hình du lịch như du lịch văn hóa - lịch sử, du lịch sinh thái, du lịch tâm linh, du lịch lễ hội dựa trên những tài nguyên du lịch đã có và mới được hình thành. Các khu, điểm du lịch thu hút được lượng lớn khách du lịch như khu di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào, khu nghỉ dưỡng suối khoáng Mỹ Lâm, khu du lịch sinh thái Nà Hang, các đền, chùa nổi tiếng trên địa bàn tỉnh. Một số loại hình du lịch mới được phát triển đã tạo nên đặc trưng riêng biệt cho du lịch Tuyên Quang như lễ hội Thành Tuyên, lễ hội Rước Mầu, lễ hội Lòong Tông. Công trình nghiên cứu của Nguyễn Minh Thành (2016) cũng đã tìm hiểu thực trạng và đánh giá tình hình phát triển du lịch của tỉnh Bắc Ninh, đã chỉ ra rằng Bắc Ninh với ưu thế là có tốc độ phát triển kinh tế xã hội sau tái lập tỉnh ở mức cao, hệ thống chùa chiền nhiều, có nhiều làng nghề truyền thống với những sản phẩm có giá trị là những điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch. Ngoài ra, một số công trình nghiên cứu khác cũng nhằm đánh giá thực trạng du lịch tại các địa phương khác như du lịch Đà Lạt (Phan Thị Bích Hằng, 2010), phát triển du lịch của Thành phố Hà Nội (Nguyễn Đức Hải, 2013), của Đà Nẵng (Nguyễn Thị Thống Nhất, 2010),... Tựu chung lại, các nghiên cứu này đã xem xét và phân tích thực trạng, bối cảnh để nhận thấy những tiềm năng du lịch ở các địa phương nói riêng và Việt Nam nói chung, từ đó chỉ ra rằng Việt Nam chưa tận dụng hết những nguồn lực hiện tại và tương lai và phải đổi diện với những cơ hội - thách thức mới, đòi hỏi những sự thay đổi trong quản lý để phát triển du lịch.

1.2.2. Tổng quan nghiên cứu về phát triển bền vững du lịch tại Việt Nam

Một số công trình nghiên cứu về tác động của bối cảnh toàn cầu hóa và sự biến đổi khí hậu đã tạo ra cơ hội và thách thức đối với sự phát triển của du lịch Việt Nam. Từ đó, đề xuất đầy mạnh xu hướng phát triển bền vững du lịch vừa đạt mục tiêu phát triển

kinh tế tăng doanh thu từ du lịch, vừa bảo vệ môi trường du lịch an toàn, lâu dài. Ở nước ta, khái niệm phát triển bền vững mới được tiếp cận từ thập niên 1980, được khẳng định trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội của đất nước 1991 – 2000, cũng như thông qua các chủ trương qua các kỳ đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, XI, XII, XIII trở thành những định hướng quan trọng cho các ngành, trong đó có ngành Du lịch. Theo Hội nghị Ủy ban Thế giới về Phát triển và Môi trường (Ủy ban Brundtland) xác định năm 1987: “Hoạt động phát triển du lịch bền vững là hoạt động phát triển du lịch ở một khu vực cụ thể sao cho nội dung, hình thức và quy mô là thích hợp và bền vững theo thời gian, không làm suy thoái môi trường, làm ảnh hưởng đến khả năng hỗ trợ.” Bàn về nghiên cứu xu hướng phát triển bền vững du lịch tại Việt Nam, các nghiên cứu đã làm rõ các đặc điểm, mục tiêu cũng như nguyên tắc, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành. Lê Thị Hoàng Ngân Hà (2021) xác định “Đối với cả Việt Nam và thế giới, du lịch bền vững không phải là một loại hình hay trào lưu du lịch, mà đó là cương lĩnh phát triển du lịch của thời đại. Du lịch bền vững là phát triển du lịch trong điều kiện bảo tồn và cải thiện các mặt môi trường, kinh tế, văn hóa và xã hội”. Tác giả phân tích và làm rõ thực trạng du lịch Việt Nam thời kỳ Covid 19, nhận thấy những ảnh hưởng rõ rệt đối với kinh tế - xã hội: Các cơ sở lưu trú đóng cửa, nhân viên thất nghiệp,... Ngoài ra, nhận thức của du khách Việt Nam về tác động của hoạt động du lịch tới môi trường và cộng đồng địa phương cũng đang dần được cải thiện trong đại dịch, mở đường cho xu hướng du lịch bền vững trong tương lai. Từ đó, nghiên cứu cũng đề xuất và chỉ ra một số giải pháp thực tế cho việc phát triển bền vững du lịch tại Việt Nam sau thời kỳ đại dịch Covid.

Cùng bối cảnh đó, Lê Thị Thành Giao (2020) tổng hợp trên cơ sở tiếp thu những kết quả nghiên cứu về lý luận và kinh nghiệm quốc tế đối với phát triển du lịch bền vững phân tích những ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến ngành du lịch toàn cầu, đối chiếu với hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam. Nghiên cứu đưa ra cách tiếp cận vấn đề dưới những góc độ sau: khái niệm về du lịch bền vững, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển bền vững du lịch. Công trình nghiên cứu đã xác định:

- Bộ tiêu chí đánh giá tổng thể phát triển bền vững du lịch, bao gồm: Chứng minh việc quản lý bền vững hiệu quả, tối đa hóa các lợi ích kinh tế xã hội cho cộng đồng địa phương và tối thiểu hóa các tác động có hại, tối đa lợi ích cho di sản văn hóa và tối thiểu tác động có hại, tối đa lợi ích cho môi trường và tối thiểu tác động có hại.

- Các nhân tố ảnh hưởng bao gồm: Tài nguyên du lịch, Cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch, trình độ tổ chức quản lý ngành du lịch, nguồn nhân lực, sự tham gia của cộng đồng trong phát triển bền vững du lịch.

Nghiên cứu của Nguyễn Minh Thành (2016) đi sâu vào đánh giá toàn diện hiện trạng du lịch tỉnh Bắc Ninh. Với mong muốn phát triển du lịch địa phương, tác giả đã thực hiện đề tài với tinh thần khoa học, nghiêm túc để xây dựng được tư liệu có giá trị giúp ích cho chính quyền địa phương. Đề tài đã thiết lập quy trình marketing địa phương rõ ràng cho ngành du lịch của tỉnh với 5 giai đoạn: đánh giá hiện trạng địa phương, xây dựng tầm nhìn và mục tiêu phát triển, thiết kế chiến lược phát triển, hoạch định chương trình hành động và thực hiện kiểm soát. Một địa phương khác cũng đã được nghiên cứu về tình hình phát triển bền vững du lịch là tỉnh Phú Thọ. Dựa trên cơ sở lý thuyết, làm rõ tầm quan trọng của xu hướng phát triển du lịch bền vững, nghiên cứu của Dương Hoàng Hương (2017) đã đánh giá tiềm năng, phân tích thực trạng du lịch tại tỉnh Phú Thọ, từ đó đề xuất được một số quan điểm phát triển, mục tiêu định hướng trong giai đoạn đến năm 2030.

Một số nghiên cứu đã làm rõ mối quan hệ giữa tài nguyên du lịch và phát triển bền vững du lịch. Đỗ Trọng Dũng (2011) với nghiên cứu “Phát triển du lịch sinh thái bền vững ở Tây Bắc Việt Nam trên phương diện đánh giá điều kiện tự nhiên” đi sâu vào một số nội dung nghiên cứu chính: hệ thống các khái niệm cơ bản về phát triển du lịch sinh thái, vị trí của du lịch sinh thái trong chiến lược phát triển du lịch Việt Nam; đánh giá điều kiện tự nhiên, phân tích mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên và các tài nguyên du lịch tự nhiên đối với du lịch sinh thái bền vững, vai trò của các điều kiện tự nhiên và nhân văn trong phát triển du lịch sinh thái; phân tích hiện trạng phát triển và các mô hình quản lý hoạt động du lịch sinh thái ở tiểu vùng du lịch miền núi Tây Bắc. Nguyễn Minh Tuệ, Phạm Lê Thảo (2005) đã hệ thống các nguyên tắc phát triển du lịch bền vững, trong đó tập trung phân tích ý nghĩa và yêu cầu của nguyên tắc khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên trong phát triển du lịch. Theo nghiên cứu này, sử dụng hợp lý tài nguyên bao gồm cả phát huy hiệu quả sử dụng trong hiện tại trên cơ sở kiểm kê đánh giá, quy hoạch phù hợp để sử dụng cho các mục tiêu cụ thể; đồng thời sử dụng sao cho các nguồn tài nguyên này còn có thể được lưu lại cho các thế hệ tương lai.

Với góc nhìn khác, Lưu Thị Thanh Mai (2020) nghiên cứu mối quan hệ giữa mạng xã hội, nhận thức phát triển bền vững và lựa chọn điểm đến của du khách với trường hợp nghiên cứu tại Tây Nguyên. Nghiên cứu đã hệ thống hóa các lý thuyết về ý định du lịch, các lý thuyết hành vi có liên quan như lý thuyết các bên liên quan (ST), thuyết hành động hợp lý, mô hình chấp nhận công nghệ,... Từ đó nghiên cứu đưa ra một số đề xuất, hàm ý phát triển cho các bên tham gia như du khách, các doanh nghiệp tổ chức hoạt động du lịch tại địa phương.

Nghiên cứu của Lã Thị Bích Quang (2021) về “phát triển du lịch cộng đồng bền vững từ góc nhìn lý thuyết các bên liên quan: nghiên cứu điển hình tại các tỉnh Tây Bắc

Việt Nam” đã phân tích vai trò của các bên liên quan đến phát triển hình thức du lịch cộng đồng ở các điểm đến du lịch cụ thể của vùng Tây Bắc, từ đó đề xuất các hàm ý chính sách phát triển loại hình du lịch cộng đồng. Vũ Văn Đông với chủ đề nghiên cứu “Phát triển du lịch bền vững Bà Rịa – Vũng Tàu” đã phân tích bối cảnh cụ thể và thực trạng phát triển của du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, phát hiện các điểm bất cập dẫn đến du lịch của tỉnh chưa đáp ứng các yêu cầu bền vững đặc biệt là bền vững về môi trường cảnh quan từ đó đề xuất được một số giải pháp phát triển du lịch bền vững trên địa bàn tỉnh này.

Công trình nghiên cứu của Đào Thị Bích Nguyệt (2023) đã tập trung nghiên cứu về phát triển bền vững du lịch cộng đồng ở Việt Nam hiện nay đã chỉ ra được thực trạng phát triển một số loại hình du lịch cộng đồng tại một số địa phương. Công trình này phân tích vai trò của du lịch cộng đồng trong phát triển kinh tế địa phương và giảm nghèo, đồng thời chỉ ra các thách thức liên quan đến việc phân chia lợi ích giữa doanh nghiệp và cộng đồng địa phương. Nghiên cứu đề xuất sự đồng thuận giữa nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư để tạo nên một hệ sinh thái du lịch bền vững.

1.2.3. Tổng quan nghiên cứu về các chính sách đối với việc phát triển bền vững du lịch tại Việt Nam

1.2.3.1. Các nghiên cứu về chính sách phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường

Nghiên cứu của Trần Thị Thu Hằng (2019) về “Chính sách hỗ trợ bảo tồn di sản văn hóa và phát triển du lịch bền vững tại Hà Nội” đã phân tích chính sách của chính quyền thành phố trong việc bảo tồn các di sản quan trọng như Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hoàng thành Thăng Long và các làng nghề truyền thống. Tác giả cho rằng, Hà Nội đã áp dụng các chính sách như miễn giảm thuế cho các doanh nghiệp du lịch sử dụng công nghệ xanh, khuyến khích các dự án du lịch cộng đồng và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào việc bảo tồn di sản văn hóa. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khó khăn trong việc triển khai các chính sách này, chẳng hạn như vấn đề kinh phí hạn chế và sự chưa đồng đều trong thực hiện các chương trình ở các quận, huyện.

Nghiên cứu của Nguyễn Văn Trọng (2020) với chủ đề “Tác động của chính sách bảo vệ môi trường tới phát triển bền vững du lịch tại Hà Nội” đã phân tích các chương trình bảo vệ môi trường mà chính quyền thành phố đang thực hiện, đặc biệt là chương trình chống ô nhiễm không khí và xử lý rác thải tại các điểm du lịch. Kết quả cho thấy, mặc dù chính sách có hiệu quả ở mức độ nhất định, nhưng vẫn cần sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa các cơ quan liên quan và cộng đồng dân cư.

Nghiên cứu của Lê Hồng Hạnh (2018) về “Chính sách quản lý tài nguyên và phát triển du lịch bền vững tại Quảng Ninh” đã tập trung vào phân tích chiến lược phát triển

du lịch gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên. Nghiên cứu đã chỉ ra Quảng Ninh đã áp dụng nhiều chính sách tiên bộ, bao gồm việc phân vùng du lịch và kiểm soát lượng khách vào Vịnh Hạ Long, triển khai các chương trình giám sát chất lượng nước và đa dạng sinh học. Ngoài ra, chính quyền tỉnh cũng khuyến khích phát triển các hình thức du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và du lịch xanh để giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường. Tuy nhiên, việc giám sát và thực thi các chính sách vẫn còn gặp khó khăn do tình trạng quá tải du lịch trong mùa cao điểm và năng lực quản lý còn hạn chế ở một số khu vực.

Nguyễn Thị Lan (2020) trong nghiên cứu “Chính sách phát triển du lịch bền vững tại Đà Nẵng” đã tập trung phân tích các chính sách hỗ trợ phát triển du lịch xanh và bảo vệ môi trường của thành phố. Tác giả chỉ ra rằng Đà Nẵng đã triển khai các chính sách nhằm giảm thiểu tác động môi trường từ hoạt động du lịch như chương trình “Thành phố không rác thải nhựa”, khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng năng lượng tái tạo và các hoạt động du lịch thân thiện với môi trường. Ngoài ra, thành phố còn phát triển các chính sách khuyến khích người dân địa phương tham gia vào các hoạt động du lịch cộng đồng và bảo vệ các di sản thiên nhiên. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra một số khó khăn trong việc thực hiện chính sách do thiếu hụt nguồn lực tài chính và kỹ thuật.

Nghiên cứu của Nguyễn Thanh Hương (2019) về “Chính sách bảo tồn di sản văn hóa trong phát triển du lịch bền vững tại Huế” đã phân tích các chính sách bảo tồn di sản văn hóa như Hoàng thành Huế, các lăng tẩm và chùa chiền đã được triển khai để thúc đẩy phát triển du lịch bền vững. Tác giả nhận định rằng, chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế đã tập trung vào việc bảo tồn các di sản văn hóa và kết hợp với phát triển du lịch văn hóa. Chính sách hỗ trợ tài chính và khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp tư nhân trong việc bảo tồn di sản đã mang lại những kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng việc quản lý di sản vẫn còn gặp thách thức trong bối cảnh lượng du khách gia tăng và áp lực phát triển cơ sở hạ tầng.

Lê Thị Thành Giao (2020) đề xuất cơ quan quản lý nhà nước cần thực hiện tốt hơn chức năng quy hoạch ngành Du lịch để từ đó có sự đầu tư theo lộ trình, đảm bảo đầu tư hiệu quả, phân bổ nguồn lực hợp lý cho từng giai đoạn, lựa chọn phát triển đúng hướng các dự án đầu tư. Chú trọng đến công tác bảo tồn, duy tu các công trình văn hóa; ban hành các quy định, cơ chế chính sách khuyến khích sự tham gia đầu tư của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp vào hoạt động phát triển du lịch.

Nghiên cứu của Nguyễn Minh Thắng (2020) về "Phát triển bền vững du lịch văn hóa tại Hà Nội" đã chỉ ra rằng mặc dù thành phố Hà Nội đã triển khai nhiều chính sách

bảo tồn di tích và phát triển du lịch văn hóa, nhưng các hoạt động bảo tồn vẫn còn gặp nhiều thách thức. Các yếu tố như quá tải du lịch và ô nhiễm môi trường đang gây ảnh hưởng tiêu cực đến các di tích lịch sử và cảnh quan đô thị. Nghiên cứu đề xuất giải pháp xây dựng chiến lược quản lý du khách tốt hơn, khuyến khích du lịch có trách nhiệm và tăng cường vai trò của cộng đồng địa phương trong bảo tồn di sản văn hóa.

Nghiên cứu của Nguyễn Thị Thu Trang và Vũ Văn Thành (2024) về hoàn thiện chính sách phát triển du lịch bền vững tại Việt Nam đã hệ thống cơ sở lý luận về ban hành chính sách và lập kế hoạch thực hiện các chính sách phát triển du lịch bền vững, phổ biến và duy trì chính sách; từ đó tổng kết một số kết quả phát triển ngành du lịch Việt Nam theo hướng bền vững; đưa ra một số khuyến nghị nhằm phát triển bền vững du lịch. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu mới tổng kết được một số số liệu về phát triển du lịch, chưa đánh giá được thực trạng các tiêu chí phát triển bền vững du lịch và chưa có những phát hiện các nguyên nhân cụ thể từ các chính sách phát triển du lịch chưa phù hợp.

1.2.3.2. Phát triển du lịch với đầu tư hạ tầng và nâng cao chất lượng nhân lực du lịch

Tác giả bài viết “Du lịch bền vững là gì” nhận định Việt Nam cần phải nâng cao hơn nữa cơ sở hạ tầng, đầu tư và phát triển để thu hút khách hàng nội địa cũng như nước ngoài, góp phần gia tăng năng lực cạnh tranh. Mai Anh Vũ, Nguyễn Xuân Hiếu (2020) cho rằng cơ sở hạ tầng còn có vai trò thúc đẩy hoạt động phát triển bền vững du lịch dưới góc độ: Hệ thống cơ sở hạ tầng hoàn thiện cho phép phát triển du lịch ở những vùng sâu, vùng xa; cho phép giảm tải cho các điểm du lịch truyền thống, đồng thời khắc phục tính mùa vụ trong du lịch, phân phối lại thu nhập đến với cư dân địa phương.

Nguồn nhân lực được xem là yếu tố chủ chốt trong phát triển bền vững du lịch. Cần tăng cường công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch, đặc biệt là nhân lực du lịch chất lượng cao để bổ sung cho ngành du lịch, đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn mới (Nguyễn Trùng Khánh, 2020). Lê Hoàng Thị Ngân Hà (2020) sau khi phân tích thực trạng lao động du lịch tại Tuyên Quang cũng đề xuất hàm ý nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp du lịch về phát triển bền vững sẽ giúp các doanh nghiệp ứng phó tốt hơn với các rủi ro hiện tại và trong tương lai. Việc nâng cao năng lực này gồm nâng cao năng lực doanh nghiệp như: nâng cao nhận thức về du lịch bền vững, phát triển và khác biệt hóa sản phẩm du lịch bền vững, marketing du lịch bền vững, vận hành doanh nghiệp du lịch bền vững, quản trị doanh nghiệp du lịch bền vững,... Ngoài ra, cũng cần triển khai nhiều hoạt động khác nhau cho doanh nghiệp lữ hành nhằm nâng cao kiến thức về phát triển bền vững, cách làm để có sản phẩm khác biệt, du lịch trách nhiệm với cộng đồng địa phương, bảo vệ môi trường, áp dụng các tiêu chí của phát triển

du lịch bền vững..., bảo đảm các mục tiêu của phát triển du lịch bền vững gồm: Hiệu quả kinh tế; Phát triển cho địa phương; Đáp ứng sự thỏa mãn của khách du lịch; Bảo tồn các giá trị văn hóa; Bảo vệ tự nhiên; Bảo vệ môi trường; Sử dụng hiệu quả các nguồn lực; An sinh xã hội; Công bằng xã hội.

1.2.3.3. Các nghiên cứu về giải pháp phát triển bền vững du lịch

Với mục đích nghiên cứu đánh giá thực trạng, từ đó đề xuất các giải pháp phát triển ngành du lịch Việt Nam, một số công trình nghiên cứu đã đề xuất những giải pháp phát triển du lịch tương ứng với các bối cảnh nghiên cứu cụ thể. Lã Thị Bích Quang (2021) đã đề xuất các chính sách khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương và hình thức du lịch cộng đồng. Một số nghiên cứu đề xuất hàm ý chính sách phát triển du lịch gắn liền với chiến lược marketing địa phương, ví dụ như nghiên cứu của Trần Thị Kim Oanh (2020) xây dựng và hoàn thiện chiến lược marketing địa phương cho ngành du lịch tỉnh Tuyên Quang hay nghiên cứu của Hoàng Xuân Trọng, Nguyễn Hoàng Yến (2017) xây dựng chiến lược marketing địa phương cho việc phát triển du lịch khu vực lòng hồ Thủy điện Sơn La. Ông Nguyễn Trùng Khánh – Cục trưởng Cục Du lịch Quốc gia (trước là Tổng cục trưởng Tổng cục Du Lịch) cũng cho rằng ngành du lịch cần hướng tới phát triển du lịch bền vững, tăng cường nghiên cứu, phát triển sản phẩm và dịch vụ du lịch đa dạng, hình thành các dòng sản phẩm du lịch mới (du lịch y tế, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ du lịch về đêm...) và nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng nhu cầu thị trường. Trong đó, điểm chung của các nghiên cứu là để phát triển du lịch Việt Nam trong bối cảnh mới, ngành du lịch cần triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp.

Một số nghiên cứu đề xuất việc đẩy nhanh tốc độ chuyển đổi số trong quản lý và thông tin du lịch, thông tin các điểm đến, các sản phẩm du lịch của các địa phương, hình thành được hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử liên thông giữa Trung ương, địa phương và có thể hỗ trợ được các doanh nghiệp khai thác, phục vụ hoạt động kinh doanh du lịch. Vũ Văn Đông (2014) đã cho rằng quản lý nhà nước về du lịch có vai trò quan trọng trong phát triển bền vững du lịch và đã thực hiện khảo sát ý kiến đánh giá của các bên liên quan đến du lịch về nhân tố quản lý nhà nước lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Kết quả đánh giá quản lý nhà nước trên các mặt giá cả dịch vụ du lịch, cảnh quan môi trường, quy hoạch du lịch,... trên địa bàn địa phương đang ở mức trung bình.

1.3. Khoảng trống nghiên cứu

Từ tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến phát triển bền vững ngành du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh/thành phố, NCS nhận thấy còn có những vấn đề sau mà các nghiên cứu đã có chưa giải quyết hoặc giải quyết chưa triệt để.

- Phát triển bền vững vẫn còn là một vấn đề gây tranh cãi ở các nước phát triển trong vài thập kỷ qua (Mowforth & Munt, 2009). Cho đến hiện tại, việc giải thích và thực hiện khái niệm này vẫn còn tương đối mới mẻ đối với các quốc gia đang phát triển. Phát triển bền vững du lịch cũng phải đảm bảo bền vững về cả ba trụ cột là kinh tế, môi trường và xã hội. Các vấn đề về phát triển bền vững du lịch, mang tính đặc thù liên ngành và đa ngành vẫn chưa được khám phá đầy đủ ở các nước đang phát triển. Vì vậy, vẫn cần nghiên cứu làm thế nào để phát triển bền vững du lịch trong mối quan hệ với yêu cầu, điều kiện và các mô hình kinh doanh du lịch ở mỗi quốc gia đang phát triển. Đây là khoảng trống nghiên cứu mà luận án hướng tới giải quyết.

- Các vấn đề về phát triển bền vững du lịch - ngành kinh doanh đặc thù mà sự phát triển gắn liền với các tài nguyên thiên nhiên và văn hóa lịch sử; phụ thuộc vào nhiều ngành và lĩnh vực khác; chịu sự tác động và chi phối của nhiều bên liên quan và nhiều nhân tố kinh tế, môi trường và xã hội ở từng địa phương. Tuy nhiên, đang thiếu các nghiên cứu khám phá hạn chế các chiến lược phát triển bền vững du lịch ở các địa phương cụ thể theo bối cảnh. Nhiều nghiên cứu đưa ra các khuôn khổ chung nhưng chưa đề cập đến các điều kiện kinh tế, xã hội và môi trường riêng biệt của từng địa phương, ảnh hưởng đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương. Đây là khoảng trống nghiên cứu khác của luận án.

- Cho đến hiện nay, vẫn thiếu các nghiên cứu về sự hợp tác của các bên liên quan ở cấp địa phương, đặc biệt là về cách các cơ quan chính phủ, doanh nghiệp tư nhân và cộng đồng cư dân địa phương có thể làm việc phối hợp một cách có hiệu quả để đạt được các mục tiêu chung. Còn thiếu các nghiên cứu về sự hợp tác của các bên liên quan trong phát triển bền vững du lịch trên địa bàn một địa phương cấp tỉnh/thành phố ở một quốc gia đang phát triển. Các vấn đề lý thuyết về vai trò của các bên liên quan đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh/thành phố vẫn đang gây tranh luận giữa các nhà nghiên cứu và nhà quản lý. Vì vậy, rất cần nghiên cứu về sự hợp tác của các bên liên quan, đặc biệt là vai trò quản lý vĩ mô của nhà nước đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh của Việt Nam là Hải Phòng.

- Cộng đồng doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn địa phương – một bên liên quan có vai trò quyết định trong phát triển bền vững du lịch dựa trên những lợi ích và chi phí mà họ nhận được (Andriotis & Vaughan, 2003). Sebele (2010) gợi ý rằng hoạt động kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp du lịch địa phương phải mang lại nhiều cơ hội tăng thu nhập doanh nghiệp cũng như cho người dân địa phương, nghĩa là họ mong muốn nhận được lợi ích từ sự phát triển bền vững du lịch. Gursoy và Rutherford (2004) cũng cảnh báo rằng các hoạt động bền vững của doanh nghiệp du lịch có thể cản

trở hoặc bị bỏ qua vì khả năng đầu tư, khả năng quản lý và hiệu quả hoạt động. Do đó, vẫn cần phải nghiên cứu về quan điểm, thái độ và hành vi của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn địa phương đối với phát triển bền vững du lịch.

- Sự phát triển bền vững của du lịch phụ thuộc vào sự ủng hộ của cộng đồng cư dân sống tại điểm đến (Chen, 2001), thiện chí và sự tham gia của họ, vì thái độ tích cực của cư dân là rất quan trọng đối với sự hài lòng và các chuyến thăm lặp lại của du khách (Long & Kayat, 2011). Thái độ của cộng đồng cư dân địa phương có thể gây cảm giác không hài lòng cho khách du lịch, dẫn đến tỷ lệ khách quay lại thấp (The Economist, 2010) cũng như ảnh hưởng đến ý định mua lại trong tương lai (He & Song, 2009), và tạo ra một hình ảnh tiêu cực về du lịch tại địa phương. Hiện chưa có nhiều các nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của cộng đồng cư dân địa phương trong mối quan hệ với các bên liên quan khác đến sự phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương.

- Vai trò quản lý nhà nước đối với phát triển bền vững ngành du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố như Hải Phòng là vô cùng quan trọng trong điều hòa mối quan hệ và sự tác động qua lại giữa các bên liên quan khác vào phát triển bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố. Vì vậy, vẫn cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ các nhân tố thuộc về quy hoạch, kế hoạch và các chính sách và cơ chế quản lý tác động đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố. Làm thế nào để phát triển bền vững du lịch thành phố Hải Phòng trong bối cảnh áp lực về tăng trưởng cao, cạnh tranh nguồn lực giữa nhiều ngành kinh tế và thể chế quản lý kinh tế đặc thù của Việt Nam càng làm cho vấn đề nghiên cứu trở nên cần thiết.

- Việt Nam đã xác định chiến lược phát triển du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển bền vững và chính phủ đã đưa ra các chính sách hỗ trợ sự phát triển du lịch theo hướng bền vững, như được nêu trong Luật Du lịch. Thành phố Hải Phòng là địa phương có nhiều điểm đến du lịch hấp dẫn được nhiều người trong nước và khách quốc tế biết đến. Tuy nhiên, sự phát triển của du lịch Hải Phòng vẫn chưa bền vững, chưa đạt được nhưng mục tiêu như kỳ vọng. Cần nghiên cứu cơ sở thực tiễn cho các chính sách phát triển bền vững du lịch Hải Phòng.

- Mặc dù Việt Nam đã phát triển ngành du lịch trong một số thập kỷ qua nhưng vẫn chưa thu hút được nhiều du khách quốc tế. Du lịch Hải Phòng cũng chưa thu hút được nhiều khách du lịch quốc tế có giá trị cao. Du lịch biển của Hải Phòng bị ảnh hưởng lớn bởi thời tiết khi hậu nên tính mùa vụ rất cao làm cho phát triển du lịch của thành phố kém hiệu quả và thiếu tính bền vững về kinh tế. Vì vậy, rất cần nghiên cứu toàn diện để có các giải pháp phát triển bền vững du lịch của thành phố trên cả ba trụ cột: kinh tế, môi trường và xã hội.

Luận án này hướng tới mục tiêu giải quyết các khoảng trống nghiên cứu đã phát hiện ở trên, qua đó đóng góp vào lý thuyết phát triển bền vững du lịch ở một địa phương cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương của một quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Luận án xây dựng khung lý thuyết về phát triển bền vững du lịch và sử dụng cách tiếp cận các bên liên quan để đánh giá các yếu tố tác động đến sự phát triển bền vững của du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố. Dựa trên khung lý thuyết đã phát triển, luận án tập trung vào đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển bền vững ngành du lịch của thành phố Hải Phòng trên các khía cạnh đảm bảo tính bền vững, tập trung vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trên địa bàn thành phố, bảo vệ môi trường và trật tự an toàn xã hội.

Tiểu kết chương 1

Trong chương 1, NCS đã tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến chủ đề phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh/thành phố. Các nội dung tổng quan tập trung vào các nghiên cứu về ngành du lịch, phát triển du lịch và bối cảnh phát triển ngành du lịch; các nghiên cứu về quan điểm, nội dung của cách tiếp cận du lịch bền vững và phát triển bền vững du lịch; các nghiên cứu về vai trò của các bên tham gia vào phát triển du lịch; thực trạng phát triển du lịch của Việt Nam trong những năm qua. NCS cũng tập trung tổng quan các công trình nghiên cứu về các nhân tố tác động đến phát triển du lịch bền vững và vai trò của quản lý nhà nước trong phát triển du lịch theo hướng bền vững. Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu đã có, NCS đã tổng hợp được các khoảng trống nghiên cứu mà các nghiên cứu đã có chưa giải quyết hoặc giải quyết chưa triệt để để luận án của NCS tập trung vào nghiên cứu nhằm lấp đầy các khoảng trống đó.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH/THÀNH PHỐ

2.1. Lý thuyết về phát triển bền vững và ngành du lịch

2.1.1. Lý thuyết về phát triển bền vững

2.1.1.1. Khái niệm về phát triển bền vững

Khái niệm “*phát triển bền vững*” đã được hình thành cùng với quá trình nhận thức về phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường của các quốc gia trên thế giới. Đối mặt với những hậu quả do tham vọng thúc đẩy phát triển kinh tế thật nhanh chóng từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, con người bắt đầu nhìn nhận về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường, giữ gìn tài nguyên và sự cần thiết phải gắn các mục tiêu về tiến bộ xã hội trong quá trình phát triển kinh tế. Đây hiện đang là mục tiêu hướng tới của nhiều quốc gia trên thế giới, mỗi quốc gia sẽ dựa theo đặc thù kinh tế, xã hội, chính trị, địa lý, văn hóa... để hoạch định chiến lược phù hợp. Bắt nguồn từ chủ nghĩa môi trường và trở nên nổi tiếng vào những năm 1970, ý tưởng rõ ràng về phát triển bền vững lần đầu tiên được Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên Liên quốc gia (IUCN et al., 1980) nêu bật trong Chiến lược Bảo tồn Thế giới của mình. Phát triển bền vững được định nghĩa là “sự phát triển đáp ứng các nhu cầu của hiện tại mà không ảnh hưởng đến khả năng của các thế hệ tương lai đáp ứng nhu cầu của chính họ” (WCED, 1987).

Khái niệm Phát triển bền vững đã nhận được sự tán thành rộng rãi kể từ khi xuất hiện vào năm 1980 thông qua việc xuất bản Báo cáo của Brundtland, được trình bày tại Ủy ban Phát triển Môi trường Thế giới (Weaver, 2005). Các mục tiêu cốt lõi bao gồm cam kết phát triển không tạo ra tác động tiêu cực đến môi trường và bao gồm sự công bằng hơn trong cả việc ra quyết định và phân phối các lợi ích tích cực mà sự phát triển có thể mang lại. Phát triển được coi là 'bền vững' cung cấp một đề xuất hấp dẫn vì “phát triển bền vững thể hiện khả năng tiếp tục phát triển kinh tế mà không làm căng thẳng quá mức đến khả năng biến đổi của môi trường, văn hóa xã hội hoặc kinh tế của trái đất.” (Weaver, 2005).

Định nghĩa sử dụng phổ biến nhất về phát triển bền vững được đưa ra trong báo cáo của Almuhrzi, H. M. và Al-Azri, H. I. (2019) phát triển bền vững là “Một quá trình đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng cho các thế hệ tương lai”. Do đó, phát triển bền vững là tạo ra một cuộc sống tốt hơn cho tất cả mọi

người cả trong hiện tại lẫn tương lai. Nói cách khác, phát triển bền vững dựa trên các nguyên tắc hợp lý về cách thức sử dụng các tài nguyên thế giới, và cách phân chia lợi ích thu được từ chúng.

NCS đã tổng hợp các định nghĩa khác nhau về thuật ngữ “phát triển bền vững” qua các công trình nghiên cứu đã có:

Bảng 2.1: Một số khái niệm về phát triển bền vững

Năm	Bài nghiên cứu	Định nghĩa
1980	<i>Chiến lược bảo tồn thế giới</i> (Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên thế giới (IUCN), với sự hợp tác của UNEP và WWF công bố)	Phát triển bền vững phải cân nhắc đến các yếu tố xã hội và sinh thái; hiện trạng khai thác các nguồn tài nguyên tái tạo và không tái tạo; các điều kiện thuận lợi cũng như khó khăn cả trước mắt cũng như lâu dài trong các phương án hành động.
1987	<i>Tương lai chung của chúng ta</i> (còn gọi là <i>Báo cáo Brundtland</i>) do WECD ấn hành	Phát triển bền vững được hiểu là “sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng, thỏa mãn nhu cầu của các thế hệ mai sau”
1992	<i>Tuyên bố Rio về môi trường và phát triển và Chương trình nghị sự 21 (Agenda 21)</i>	Phát triển bền vững không chỉ bao gồm các yếu tố tăng trưởng gắn với bảo vệ tài nguyên môi trường, mà còn đề cập đến các khía cạnh về bảo đảm sự tiến bộ xã hội cho con người trong quá trình thực hiện mục tiêu phát triển.
2002	Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững (WSSD) họp tại Johannesburg (Nam Phi)	“Phát triển bền vững nhằm bảo đảm sự tăng trưởng kinh tế ổn định trong mối quan hệ với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường sống”.

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

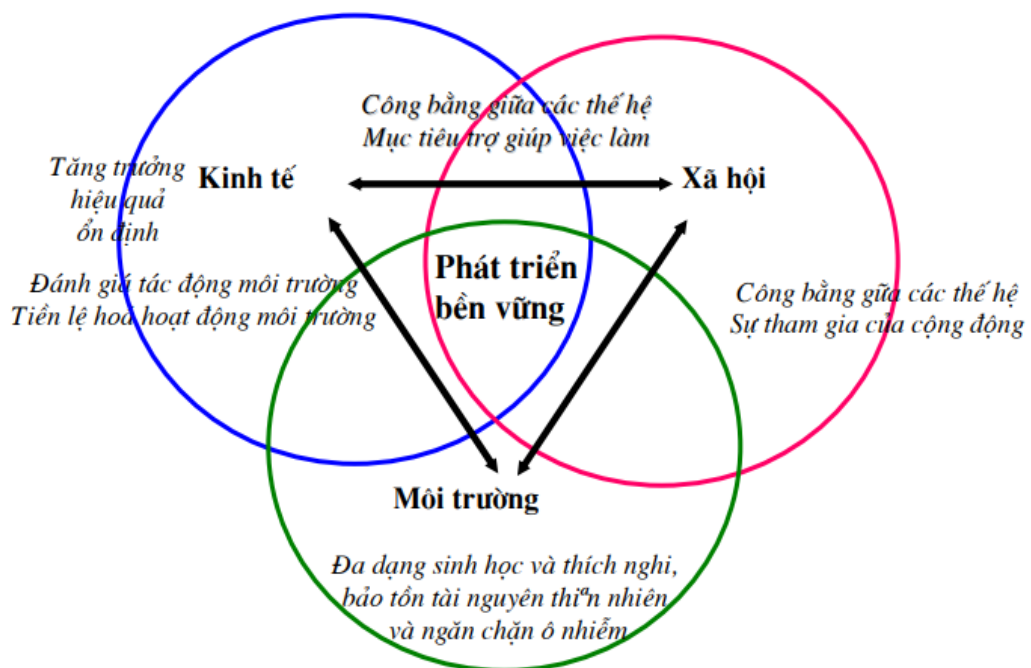
Với 27 nguyên tắc trong Tuyên bố Rio, cùng 40 nhóm nội dung được thể hiện trong Chương trình nghị sự, kết hợp cùng các định nghĩa tiền đề trước đó đã lần lượt bổ sung cho nhau, WSSD đã đưa ra một bức tranh toàn diện rằng tính bền vững trong phát triển kinh tế không chỉ chú trọng đến việc sử dụng các nguồn tài nguyên mà còn đề cập

đến các khía cạnh về bảo đảm sự tiến bộ xã hội cho con người trong quá trình thực hiện mục tiêu phát triển. Tính bền vững, tất nhiên phải đảm bảo dài hạn theo thời gian.

2.1.1.2. Các trụ cột cơ bản của phát triển bền vững

Mặc dù có nhiều định nghĩa về phát triển bền vững, nhưng hầu hết các định nghĩa đều bao hàm ý tưởng rằng có ba trụ cột phụ thuộc lẫn nhau của phát triển bền vững: môi trường, kinh tế và xã hội (Elliott.2006). UNEP và UNWTO (2005) cũng xác định các trụ cột là sự bền vững về kinh tế, bền vững xã hội, bền vững môi trường và công nhận sự phụ thuộc và tương hỗ lẫn nhau giữa ba trụ cột này trong phát triển bền vững. Trong phát triển bền vững, sự phụ thuộc lẫn nhau của ba trụ cột được nhấn mạnh bởi tiềm năng của chúng có khả năng tác động lẫn nhau và cạnh tranh với nhau. Việc đạt được sự cân bằng thích hợp cho phát triển bền vững, chắc chắn sẽ có nghĩa là phải đánh đổi ở một mức độ nào đó giữa ba thành phần này.

Từ định nghĩa về phát triển bền vững, các trụ cột của sự bền vững còn được gọi là ba điểm mấu chốt cho sự phát triển bền vững là các khía cạnh: kinh tế, môi trường và xã hội. Như thế, phát triển bền vững không cho phép con người vì sự ưu tiên phát triển của thể hệ này mà gây ra sự suy thoái, ảnh hưởng đối với thể hệ khác. Nguyên tắc cơ bản là phát triển không chỉ nhằm mục đích bền vững về kinh tế, mà còn phải đảm bảo bền vững cả về môi trường-sinh thái, văn hoá-xã hội.



Hình 2.1: Các trụ cột của phát triển bền vững

Nguồn: UNCED, 1992

Bền vững về kinh tế có nghĩa là tạo ra sự thịnh vượng ở các cấp độ khác nhau của xã hội và đảm bảo tiết kiệm chi phí và đạt hiệu quả trong tất cả các hoạt động kinh tế. Điều quan trọng là khả năng tồn tại của các doanh nghiệp và hoạt động của họ sẽ được duy trì trong dài hạn (Lange và cộng sự, 2018).

Bền vững về xã hội, nghĩa là tôn trọng quyền con người và cơ hội bình đẳng cho mọi người trong xã hội. Nó đòi hỏi một sự phân phối công bằng các lợi ích, với trọng tâm là giảm nghèo. Nhấn mạnh vào các cộng đồng địa phương, duy trì và củng cố các hệ thống hỗ trợ cuộc sống của họ, nhận ra và tôn trọng các nền văn hóa khác nhau và tránh bất kỳ hình thức khai thác nào mang tính bóc lột (Eizenberg và Jabareen, 2017)

Bền vững về môi trường, có nghĩa là bảo tồn và quản lý tài nguyên, đặc biệt là những tài nguyên không thể tái tạo hoặc quý hiếm. Yêu cầu phải thực hiện các hành động giảm thiểu ô nhiễm không khí, đất, nước và bảo tồn đa dạng sinh học và di sản thiên nhiên (Baland và cộng sự, 2018).

Cộng đồng khoa học đều nhất trí nhận định rằng tính bền vững phải đảm bảo trong dài hạn (Rahmoun và Baeshen, 2020; Rodriguez-Diaz và Espino-Rodriguez, 2016) và việc thực hiện phát triển bền vững hiệu quả là kết quả của sự kết nối giữa ba trụ cột này, là yếu tố liên quan đến tính cạnh tranh và thành công của các điểm đến và các địa phương phát triển du lịch (Azzopardi và Nash, 2016; Cucculelli và Goffi, 2016; Rodriguez-Diaz và Espino-Rodriguez, 2016). Quan điểm then chốt là phải luôn xem xét ba trụ cột này theo các cách thức phụ thuộc lẫn nhau và hỗ trợ lẫn nhau. Sự phát triển bền vững cần tạo ra sự cân bằng giữa ba trụ cột này.

Trong bối cảnh của thế kỷ XXI, trước những diễn biến mới của các yếu tố toàn cầu hóa, hội nhập và biến đổi khí hậu với xu hướng ngày càng nhanh hơn, quan điểm phát triển bền vững với ba trụ cột của sự phát triển nhìn chung tiếp tục nhận được sự đồng thuận từ nhiều nghiên cứu cũng như tại các chương trình nghị sự lớn của thế giới (RIO+20, COP 21). Cùng phạm vi của sự phát triển bền vững, nội hàm của các trụ cột được mở rộng, đề cập sâu hơn các vấn đề toàn cầu mà mọi quốc gia đều phải đối mặt.

Tại Việt Nam, quan điểm về phát triển bền vững được tiếp cận nghiên cứu và từng bước vận dụng trong hoạch định chủ trương, chính sách phát triển từ đầu những năm 90 của thế kỷ trước và ngày càng được bổ sung, hoàn thiện. Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhấn mạnh quan điểm phát triển bền vững, đồng thời bổ sung định hướng “Phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu” (Văn kiện Đại hội 13 Đảng cộng sản Việt Nam) và chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu - một mô hình của phát triển

bền vững. Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 cũng xác định ba nhóm định hướng ưu tiên nhằm phát triển bền vững trong cả thời kỳ, tương ứng với ba khía cạnh của phát triển bền vững (gồm các định hướng ưu tiên về kinh tế, về xã hội, về tài nguyên và môi trường). Một số nghiên cứu mới, đặt phát triển bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa, kế thừa mô hình phát triển bền vững quốc tế đã lập luận về mối quan hệ giữa 3 trụ cột của phát triển bền vững và đưa ra nội hàm của các khái niệm liên quan. Theo Ngô Thắng Lợi, Vũ Thành Hưởng (2015) “Phát triển bền vững là sự phát triển đạt được tăng trưởng kinh tế bền vững đồng thời thúc đẩy tiến bộ, công bằng xã hội ngày càng cao và dựa trên cơ sở khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguồn lực tài nguyên thiên nhiên, phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý và kiểm soát có hiệu quả ô nhiễm môi trường và phát triển các tài nguyên có khả năng tái sinh”. Quan điểm của Việt Nam về phát triển bền vững là:

- *Tăng trưởng kinh tế bền vững với tốc độ cao hợp lý, ổn định dài hạn.* Tăng trưởng có chất lượng trên cơ sở khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển và gắn liền với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội theo xu hướng tiến bộ.
- *Tăng trưởng kinh tế bền vững đồng thời thúc đẩy tiến bộ và công bằng về xã hội đạt được ngày càng cao hơn:* sự tăng trưởng tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội tham gia làm việc, giảm tỷ lệ thất nghiệp, nâng cao mức thu nhập, tác động lan tỏa tích cực đến công tác xóa đói giảm nghèo, giảm tỷ lệ nghèo, xóa nghèo bền vững. Tăng trưởng kinh tế đồng thời đảm bảo khả năng tiếp cận các nguồn lực, tiếp cận các dịch vụ công (dịch vụ y tế, giáo dục, các công trình phục vụ cộng đồng) của các thành phần kinh tế và của mọi người đều bình đẳng.
- *Tăng trưởng kinh tế bền vững trên cơ sở khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguồn lực tài nguyên thiên nhiên, phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý và kiểm soát có hiệu quả ô nhiễm môi trường và phát triển các tài nguyên có khả năng tái sinh.*

Luật bảo vệ môi trường 2014 và luật bảo vệ môi trường (sửa đổi) 2020 cũng đã đưa ra khái niệm “phát triển bền vững là phát triển đáp ứng các nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ và hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, đảm bảo tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường”.

Theo Liên hợp quốc, đã có sự đồng thuận trên toàn thế giới nhằm hướng dẫn phát triển bền vững đến năm 2030. Trong các mục tiêu phát triển bền vững được cam kết thực hiện theo ba khía cạnh (kinh tế, xã hội và môi trường) một cách cân bằng và tích hợp. Đây cũng là các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ và các quốc gia cần phải tìm cách giải quyết từ chính sách đến thực tiễn.

Cùng với các mục tiêu phát triển bền vững, sáng kiến lớn thứ hai của Liên Hợp Quốc trong việc chuyển đổi nền kinh tế toàn cầu sang một nền kinh tế cân bằng với môi trường và có thể tạo điều kiện thúc đẩy phát triển bền vững là "nền kinh tế xanh". Mặc dù không phải là một Tuyên ngôn chính trị cấp tiến cho sự thay đổi mang tính cách mạng, sáng kiến của UNEP này thể hiện một chương trình nghị sự thực tế về 'xanh hóa' trong phát triển kinh tế, kêu gọi hai phần trăm GDP toàn cầu được đầu tư cho mười lĩnh vực trung tâm của nền kinh tế và khuyến khích nguồn vốn công và tư đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh các-bon thấp và hiệu quả cao về sử dụng tài nguyên. Cách tiếp cận này được tóm tắt trong định nghĩa của Liên hợp quốc về Nền kinh tế xanh là: "nền kinh tế mang lại lợi ích cho con người được cải thiện và công bằng xã hội, đồng thời giảm đáng kể rủi ro cho môi trường sinh thái." UNEP (2011)

Quan điểm phát triển bền vững tập trung vào bảo vệ môi trường và công bằng xã hội trong quá trình phát triển, tương tự như các mục tiêu phát triển bền vững nói chung. Nhấn mạnh vào kiểm soát việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên, năng lượng, giảm thiểu chất thải và chất độc hại ra môi trường, tiết kiệm tài nguyên và năng lượng cho các thế hệ tương lai và giảm thiểu ô nhiễm, giúp hỗ trợ phát triển bền vững. Sự tập trung vào công bằng xã hội cộng hưởng với khái niệm công bằng giữa các thế hệ, là một phần không thể thiếu trong khái niệm phát triển bền vững. Chất lượng sinh kế cũng được nhấn mạnh vào các hoạt động hỗ trợ việc bảo tồn thiên nhiên và các cộng đồng sinh thái. Trong nền kinh tế xanh tương tự như phát triển bền vững, lợi ích giữa các thế hệ được xem xét. Quan điểm dài hạn cần phải chuyển đổi mô hình từ nền kinh tế nâu sang xanh không chỉ là giải pháp ngắn hạn cho cuộc khủng hoảng toàn cầu hiện nay mà còn là chiến lược dài hạn để phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo.

Tăng trưởng kinh tế trong nền kinh tế xanh chuyển sự chú trọng không chỉ vào trạng thái kết thúc và tập trung nhiều hơn vào quá trình mà mục tiêu phát triển cần đạt được, ví dụ công bằng kinh tế và công bằng xã hội đối với chủ nghĩa tiêu dùng đại chúng. Do đó, quá trình này làm dấy lên tranh luận và các câu hỏi về loại hình tăng trưởng và phát triển trong lĩnh vực du lịch mà luận án của NCS nghiên cứu. Được UNEP xác định là ngành kinh tế mũi nhọn (2011), du lịch được hiểu là có vai trò quan trọng trong một tương lai bền vững. Lời kêu gọi chuyển đổi mô hình sang nền kinh tế xanh phản ánh sự phát triển trong nhận thức về những hạn chế của phát triển kinh tế sau Cách mạng công nghiệp và sự bất ổn ngày càng cao của mô hình kinh tế tuyến tính không bền vững. Nó cũng cho thấy sự lo lắng chung về việc phát triển kinh tế đang ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường trong hiện tại và tương lai.

Khái niệm ‘phát triển bền vững’ dần trở nên phổ biến và được đưa vào các chính sách và chiến lược của nhiều tổ chức quốc tế sau báo cáo của Brundtland (WCED, 1987). Để đáp ứng các mục tiêu bao trùm của phát triển bền vững như Brundtland và nhiều nhà bình luận khác đã xác định sau đó, đòi hỏi phải đạt được đồng thời tính bền vững về môi trường, bền vững kinh tế và bền vững xã hội. Tuy nhiên, do sự mơ hồ của định nghĩa WCED về phát triển bền vững, nên có một loạt các định nghĩa và cách giải thích khác nhau. Hầu hết nỗ lực xác định và giải thích khái niệm bị ảnh hưởng bởi các học thuyết cơ bản của các nhóm hoặc tổ chức cụ thể. Những khó khăn trong việc tìm kiếm sự thống nhất chung giữa các bên liên quan trong việc xác định khái niệm, chứng tỏ rằng phát triển bền vững là một vấn đề phức tạp và đa lĩnh vực. Trong nỗ lực phát triển sự hiểu biết về khái niệm phát triển bền vững và hướng tới một thế giới phát triển bền vững, điều kiện tiên quyết là phải củng cố khái niệm để không bị ảnh hưởng bởi thể chế và lợi ích nhóm (Mebratu, 1998).

Mặc dù phát triển bền vững được các chính phủ, doanh nghiệp và xã hội dân sự chấp nhận rộng rãi và sự tiến bộ của các chỉ số đo lường phát triển bền vững, nhưng trên thực tế, xu hướng phát triển không bền vững vẫn phổ biến do thiếu các chính sách phù hợp. Để hỗ trợ phát triển bền vững, Liên hợp quốc đã vận động chuyển sang nền kinh tế xanh phản ánh các trụ cột của phát triển bền vững, tức là tập trung vào bảo vệ môi trường tự nhiên và đảm bảo công bằng xã hội trong quá trình phát triển kinh tế, với đặc điểm là tiết kiệm tài nguyên, hòa nhập xã hội và phát thải các-bon thấp. Tiến tới mô hình phát triển bền vững trên toàn cầu cũng đã được củng cố thông qua nghị định về Mục tiêu phát triển bền vững giai đoạn 2015-2030 đã được LHQ đưa ra (2015). Với các mục tiêu cụ thể hơn và một khoảng thời gian cụ thể để đạt được chúng, khái niệm phát triển bền vững đã trở nên rõ ràng hơn và sau đó sẽ là những chính sách và chiến lược phù hợp hơn để thực hiện nó.

Vì phát triển bền vững cần sự tham gia của tất cả các tổ chức, quốc gia và cá nhân trên toàn thế giới nên có thể coi đây là một nhiệm vụ phát triển khó khăn nhất. Tuy nhiên, mặc dù phát triển bền vững được coi là một vấn đề toàn cầu hoặc của mọi quốc gia (Mowforth & Munt, 2009), nhưng nó mới chỉ được thực hiện trong một số lĩnh vực và đã không được thực hiện ở những lĩnh vực khác. Phát triển bền vững đòi hỏi cân bằng đa chiều và trong một số tình huống phải lựa chọn giữa các mục tiêu xung đột với nhau, phụ thuộc vào nhiều nhân tố phức tạp. Các mục tiêu phát triển bền vững đôi khi triệt tiêu lẫn nhau, vì vậy, cần sự đánh đổi hay hy sinh những mục tiêu nhất định cho các mục tiêu bền vững khác. Ví dụ, sẽ khó duy trì việc làm đầy đủ và tăng doanh thu từ việc khai thác tài nguyên thiên nhiên trong khi vẫn muốn bảo vệ toàn vẹn sự đa dạng sinh học.

Ngoài ra, phát triển bền vững lại phải được thực hiện cả trong và giữa một số cấp độ quản lý khác nhau, ví dụ: phát triển bền vững ở cấp độ hộ gia đình, cộng đồng, tỉnh, quốc gia và toàn cầu. Do đó, để đạt được sự phát triển bền vững đòi hỏi các nhà lãnh đạo phải đánh giá đa chiều và hệ thống để có thể quyết định theo đuổi các chiến lược và chính sách phù hợp mới có thể giải quyết phát triển bền vững từng vấn đề cụ thể cho các lĩnh vực kinh doanh cụ thể. Một lần nữa nhấn mạnh, phát triển bền vững đòi hỏi một tầm nhìn dài hạn để cân bằng các mục tiêu kinh tế, môi trường và xã hội sao cho không chỉ đáp ứng các nhu cầu của hiện tại mà còn của nhiều thế hệ tương lai.

2.1.2. Du lịch và phát triển du lịch

Trước tiên, cần làm rõ một số vấn đề lý luận về “du lịch”. Khái niệm “du lịch” đã được các nhà nghiên cứu định nghĩa và được sử dụng rộng rãi trên sách báo và các phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, mỗi thời kỳ phát triển, khái niệm về du lịch cũng mang những nét đặc trưng khác nhau và được bổ sung ngày càng hoàn thiện hơn. Ý nghĩa và tầm quan trọng của du lịch đã được ghi nhận trong Tuyên bố Manila về Du lịch thế giới năm 1980, rằng du lịch là “một hoạt động cần thiết cho cuộc sống của các dân tộc do tác dụng trực tiếp của nó trên các lĩnh vực xã hội, văn hóa, giáo dục, và với các thành phần kinh tế trong mỗi nền kinh tế cũng như trong các mối quan hệ quốc tế”. Hội nghị quốc tế về thống kê du lịch tại Ottawa, Canada đưa ra định nghĩa: “Du lịch là hoạt động của con người đi tới một nơi ngoài nơi ở thường xuyên của họ trong một khoảng thời gian ít hơn khoảng thời gian đã được các tổ chức du lịch quy định trước, mục đích của chuyến đi không phải là để tiến hành các hoạt động kiếm tiền trong phạm vi vùng tới thăm”. Theo UNWTO, du lịch “là một hiện tượng văn hóa, xã hội và kinh tế đòi hỏi sự di chuyển của con người đến những quốc gia hay những địa điểm khác bên ngoài khu vực sinh sống thường ngày của họ cho mục đích cá nhân hoặc công việc. Những người này được gọi là du khách (mà có thể là khách du lịch hoặc người đi chơi, người cư trú hoặc không cư trú) và du lịch đã thực hiện những hoạt động đó cho họ, một số trong đó có liên quan đến chi tiêu du lịch”.

Trên cơ sở tổng hợp những quan điểm lý luận và thực tiễn về du lịch trên thế giới và trong nước, Dương Hoàng Dương (2017) đưa ra định nghĩa phát triển du lịch, cụ thể “Phát triển du lịch là sự tăng lên về thu nhập, quy mô của ngành du lịch cùng với sự thay đổi chất lượng và cơ cấu ngành du lịch theo hướng tiến bộ và hiệu quả. Phát triển du lịch đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của du khách, đem lại hiệu quả kinh tế, chính trị, xã hội ngày càng cao và mở rộng lợi ích cho địa phương, nước làm du lịch, cho doanh nghiệp hoạt động du lịch và người dân”. Nghiên cứu của Lê Đức Viện (2020) chỉ rõ vai trò và đặc điểm của ngành du lịch như một ngành dịch vụ đặc thù.

- (a) Du lịch là ngành dịch vụ, ngành công nghiệp không khói, ít gây ô nhiễm môi trường;
- (b) Sản phẩm du lịch được tạo nên bởi sự kết hợp của việc khai thác các yếu tố tự nhiên, xã hội với việc sử dụng các nguồn lực, sản phẩm du lịch là vô hình;
- (c) Quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm diễn ra đồng thời, sản xuất kết thúc cũng là lúc tiêu thụ sản phẩm hoàn thành;
- d) Quá trình sản xuất thực hiện nhiều công đoạn khác nhau;
- (đ) Sản phẩm của ngành du lịch không thể dự trữ và cũng không có tồn kho.

Du lịch là ngành kinh doanh dịch vụ tổng hợp phục vụ cho các nhu cầu khác nhau của khách du lịch với các dịch vụ chính là: lưu trú, lữ hành, ăn uống và nhiều dịch vụ bổ trợ khác. Hoạt động của ngành du lịch lại phụ thuộc vào nhiều ngành kinh tế kỹ thuật khác như giao thông vận chuyển, các ngành sản xuất hàng hóa phục vụ du khách, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của các điểm đến du lịch,... Vì vậy, phát triển du lịch là sự phát triển của toàn ngành du lịch với tất cả các dịch vụ phục vụ du khách, đồng thời phát triển của các ngành và các lĩnh vực phục vụ cho sự phát triển của ngành du lịch. Phát triển du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh/thành phố là sự phát triển cả về quy mô lẫn hiệu quả, cả số lượng và chất lượng của ngành kinh doanh du lịch của địa phương nhằm góp phần vào sự phát triển kinh tế, văn hóa xã hội của địa phương.

Phát triển du lịch là quá trình mở rộng và cải thiện cơ sở hạ tầng, dịch vụ và điểm tham quan của một điểm đến để tăng sức hấp dẫn đối với du khách. Khái niệm này bao gồm nhiều hoạt động và chiến lược nhằm thúc đẩy du lịch theo cách tối đa hóa lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực. Phát triển du lịch là một quá trình năng động và phức tạp đòi hỏi phải lập kế hoạch cẩn thận, thực hành bền vững và hợp tác giữa nhiều bên liên quan, bao gồm chính phủ, doanh nghiệp và cộng đồng địa phương. Phát triển du lịch là một khái niệm đa diện đòi hỏi một cách tiếp cận toàn diện, tích hợp phát triển cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch, tiếp thị, sự tham gia của cộng đồng và hoạch định chính sách hiệu quả.

2.2. Lý thuyết về phát triển bền vững du lịch của một địa phương

2.2.1. Khái niệm, đặc điểm và bản chất của phát triển bền vững du lịch

2.2.1.1. Khái niệm về phát triển bền vững du lịch

Khái niệm phát triển bền vững du lịch được phát triển từ khái niệm phát triển bền vững vận dụng vào lĩnh vực du lịch với bản chất là phát triển du lịch đảm bảo tính bền vững về cả kinh tế, môi trường và xã hội. Phát triển bền vững du lịch cần phải thay đổi mô hình kinh doanh du lịch hướng tới các mục tiêu bền vững trong bối cảnh toàn cầu

hóa. Phát triển bền vững du lịch cũng có thể được hiểu là sự thay đổi ngành du lịch đối phó với các tác động tiêu cực của du lịch đại chúng. Honey (2008) đã chỉ ra bằng cách sử dụng thuật ngữ phát triển “du lịch bền vững”, hướng tới mang lại lợi ích hiệu quả dài hạn về cả môi trường, kinh tế và xã hội ở các điểm đến du lịch.

Phát triển du lịch bền vững và phát triển bền vững du lịch chỉ là cách diễn đạt khác nhau của cùng một vấn đề với bản chất là phát triển bền vững trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể của nền kinh tế là du lịch. Phát triển bền vững du lịch nghĩa là không phát triển du lịch bằng mọi giá và không chỉ phát triển du lịch nhằm đạt được các lợi ích ngắn hạn trước mắt mà phải đảm bảo lợi ích lâu dài. Phát triển bền vững du lịch phải đảm bảo bền vững cho cả ba trụ cột của phát triển trên địa bàn địa phương; không chỉ đảm bảo tăng trưởng bền vững về các chỉ tiêu kinh tế của ngành kinh doanh du lịch mà phải đảm bảo tính bền vững của các yếu tố môi trường và xã hội. Vì vậy, phát triển bền vững du lịch phải gắn liền với phát triển bền vững từng cơ sở kinh doanh du lịch, từng điểm đến du lịch, từng địa phương và quốc gia.

Các học giả đều khẳng định phát triển du lịch cần tuân thủ quan điểm phát triển bền vững. Chủ đề phát triển bền vững du lịch đã và đang ngày càng nhận được sự quan tâm của các tổ chức quốc tế và cộng đồng khoa học (Ủy ban Châu Âu, 2000, 2017; UNEP và WMO, 2005), cũng như các chuyên gia trong lĩnh vực du lịch và khách du lịch nói chung (Solís-Radilla et al., 2019). Tuy nhiên, còn một số quan điểm khác nhau mà không có sự đồng thuận chung về khái niệm và các chỉ tiêu đo lường du lịch bền vững (Buckley, 2012; Iniesta-Bonillo và cộng sự, 2016; Ko, 2005; Solís-Radilla và cộng sự, 2019).

Theo hướng dẫn của Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) được nhiều tác giả tán thành, phát triển bền vững du lịch được hiểu là “sự phát triển ngành kinh doanh du lịch đáp ứng nhu cầu của khách du lịch hiện tại và cư dân ở các khu vực tiếp nhận du khách, đồng thời bảo vệ và nâng cao cơ hội cho tương lai”. Du lịch bền vững hướng tới quản lý tất cả các nguồn tài nguyên du lịch theo cách có thể đáp ứng các nhu cầu kinh tế trong khi vẫn duy trì tính toàn vẹn của văn hóa - xã hội, các quá trình sinh thái thiết yếu, sự đa dạng sinh học và các hệ thống hỗ trợ sự sống (UNWTO, 2002). Trong phạm vi định nghĩa theo cách tiếp cận này, có những chủ đề chung có thể được kết hợp thành một số 'nguyên tắc' cho phát triển bền vững, dựa trên quan điểm cơ bản rằng các thế hệ tương lai cần được bù đắp cho sự giảm sút nguồn tài nguyên do các hành động của các thế hệ hiện tại (Pearce và cộng sự, 1989). Haughton và Hunter (1994) cho rằng những khái niệm về công bằng và bảo vệ môi trường cho tương lai, phải làm nền tảng cho quá trình phát triển bền vững du lịch, sao cho các nguyên tắc về công bằng giữa các thế hệ và

trách nhiệm xuyên biên giới được đặt lên hàng đầu trong chính sách phát triển bền vững du lịch. Các khái niệm về tính bền vững ngày càng được liên kết với tư duy hệ thống (Bell và Morse, 2003; Kelly và Baker, 2002; Bakkes, 1997) theo đó tính bền vững được hiểu là một khuôn khổ để quản lý sự thay đổi cơ bản trong phát triển ngành du lịch.

Ngành du lịch đang phát triển trên toàn cầu cũng đang bị đánh giá có những tác động tiêu cực đối với môi trường và cộng đồng cư dân địa phương thông qua phát triển các hoạt động du lịch đại trà. Vì vậy, giới học thuật và nghiên cứu đã đề xuất cần phải nghiên cứu và áp dụng các nguyên tắc phát triển bền vững đối với các hoạt động du lịch (Hughes, 2004 in Lew, Hall and Williams 2004). Do đó, phát triển bền vững du lịch đã nhận được sự tán thành trên toàn cầu tương tự như khái niệm về phát triển bền vững nói chung (Roberts và Hall, 2001). Tuy nhiên, vẫn tồn tại sự bất đồng về các thành phần của khái niệm du lịch bền vững và cách giải thích nó về mặt chính sách và thực tiễn, vì vậy vẫn có sự đồng thuận rằng đây là một cách tiếp cận để phát triển bền vững toàn bộ các hoạt động du lịch chứ không phải chỉ là một loại hình du lịch cụ thể.

Đặc điểm bao trùm của các nguyên tắc phát triển du lịch bền vững là cần phải có sự cân bằng về chính sách và chiến lược nhằm đáp ứng mong muốn của khách du lịch, các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, xã hội và cộng đồng cư dân địa phương là chủ nhà (Hunter, 1997). Điều này bao gồm việc chuyển trọng tâm từ các chiến lược chủ yếu là tăng trưởng kinh tế sang các chiến lược quan tâm nhiều hơn đến bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và bảo vệ các cộng đồng xã hội bị ảnh hưởng bởi sự phát triển các hoạt động du lịch cùng với việc đánh giá cao hơn mối liên hệ giữa môi trường và cộng đồng địa phương (Hunter, 1997).

Tuy nhiên, hiện vẫn tồn tại những cách giải thích khác nhau về các trọng tâm của du lịch bền vững để bảo tồn hay gìn giữ cảnh quan thiên nhiên? Phân tích của Hunter (1997) về cách diễn giải du lịch bền vững cho thấy rằng có những thái cực khác nhau về chủ đề này. Nếu các phương pháp tiếp cận tăng trưởng kinh tế bị phê phán thì các phương pháp tiếp cận chủ yếu quan tâm đến bảo tồn sinh thái cũng phải như vậy. Hunter lập luận rằng nhận thức chủ đạo về phát triển bền vững du lịch tại các điểm đến du lịch là phải đạt được sự cân bằng giữa nhu cầu và mong muốn của các bên liên quan khác nhau trong phát triển du lịch.

Được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, du lịch có vai trò quan trọng trong đảm bảo một tương lai bền vững. Lời kêu gọi chuyển đổi mô hình kinh tế sang nền kinh tế xanh phản ánh sự phát triển trong nhận thức về những hạn chế của phát triển kinh tế sau Cách mạng công nghiệp tập trung nhiều vào tăng trưởng kinh tế mà coi nhẹ các vấn đề xã hội và môi trường. Việc nhấn mạnh đến phát triển bền vững du lịch cũng cho thấy sự

lo lắng chung về thực tế phát triển du lịch đang ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường trong cả hiện tại và tương lai.

2.2.1.2. Đặc điểm của phát triển bền vững du lịch của một địa phương

Về cơ bản, phát triển bền vững du lịch nhấn mạnh ba đặc điểm: *thứ nhất*, nhấn mạnh vào đảm bảo bền vững về chất lượng trải nghiệm của du khách, cuộc sống của cộng đồng chủ nhà và môi trường tự nhiên; *thứ hai*, phát triển bền vững du lịch nhấn mạnh đến tính liên tục của hoạt động kinh doanh du lịch, khai thác và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và giá trị văn hóa, và *cuối cùng* là đảm bảo sự cân bằng giữa nhu cầu của khách du lịch, nhà kinh doanh du lịch, cộng đồng dân cư chủ nhà và môi trường tự nhiên (Moscardo & Woods, 1998).

Phát triển du lịch bền vững của một địa phương cấp tỉnh là một cách tiếp cận chiến lược nhằm cân bằng giữa sự phát triển của ngành du lịch các ngành kinh tế khác và với việc bảo tồn môi trường tự nhiên, văn hóa - xã hội của địa phương. Các đặc điểm chính của phát triển bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh phản ánh cam kết giảm thiểu tác động tiêu cực trong khi tối đa hóa những đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế, xã hội và môi trường chung của tỉnh/thành phố. Bản chất của phát triển du lịch trên địa bàn địa phương chủ yếu là việc tạo ra một ngành du lịch bền vững và mang lại lợi ích cho cả cộng đồng địa phương và du khách. Phát triển bền vững du lịch trên địa bàn một tỉnh/thành phố là việc phát triển các hoạt động du lịch một cách cân nhắc, nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa việc tạo ra lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương, bảo vệ và duy trì nguồn tài nguyên du lịch bao gồm cả tự nhiên, văn hóa, di tích lịch sử,... Cụ thể là:

- Phát triển bền vững du lịch địa phương đặt trọng tâm vào việc tạo ra lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương, bao gồm việc tạo ra việc làm, tăng thu nhập, cải thiện hạ tầng cơ sở, và thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội của địa phương.

- Phát triển bền vững du lịch đòi hỏi sự tôn trọng và bảo vệ giá trị văn hóa – xã hội, giá trị truyền thống và môi trường tự nhiên của địa phương. Quá trình phát triển kinh doanh du lịch luôn gắn liền với các hoạt động bảo tồn di sản văn hóa, bảo vệ các khu vực sinh thái tự nhiên, không đánh đổi môi trường để lấy sự tăng trưởng kinh tế thuần túy.

- Phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương đòi hỏi quản lý thông minh về lượng du khách và sử dụng tài nguyên, để tránh tình trạng quá tải và hạn chế các tác động tiêu cực của hoạt động du lịch đến môi trường và cộng đồng cư dân địa phương.

- Phát triển bền vững du lịch địa phương thường được thực hiện thông qua sự hợp tác giữa các bên liên quan, bao gồm chính quyền địa phương, doanh nghiệp du lịch, tổ chức phi chính phủ và cộng đồng cư dân địa phương và khách du lịch.

- Đảm bảo sự hài lòng của du khách và tạo được nhóm du khách trung thành. Bản chất của phát triển bền vững du lịch địa phương cũng bao gồm việc cung cấp các trải nghiệm chất lượng và phát triển các trải nghiệm du lịch mang tính bền vững cho du khách, từ việc tham quan các điểm du lịch đặc biệt đến trải nghiệm văn hóa và hoạt động khác.

- Phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương gắn liền với quá trình đầu tư xây dựng và cải thiện hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch như giao thông, điện, nước, để thu hút và tạo ra trải nghiệm tích cực của du khách.

Tóm lại, phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương không chỉ là việc tạo ra nguồn thu nhập mà còn là việc thúc đẩy sự phát triển toàn diện và bền vững cho cộng đồng cư dân địa phương, bảo vệ và quảng bá di sản văn hóa và môi trường của địa phương.

Chính quyền địa phương cấp tỉnh đóng vai trò quan trọng trong phát triển du lịch bền vững trên địa bàn. Chính quyền và cơ quan quản lý du lịch địa phương chịu trách nhiệm xây dựng và thực hiện các chính sách, quy định và sáng kiến hướng dẫn phát triển bền vững du lịch đồng thời đảm bảo rằng phát triển du lịch mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương, bảo vệ môi trường và bảo tồn di sản văn hóa. Sự tham gia của chính quyền địa phương cấp tỉnh là rất quan trọng trong việc điều phối các lợi ích đa dạng của các bên liên quan và thúc đẩy phát triển bền vững du lịch góp phần vào phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường tại địa phương.

2.2.2.3. Vai trò của phát triển bền vững du lịch của địa phương

Về bản chất, phát triển bền vững du lịch là cách tiếp cận nhằm đạt được các mục tiêu dài hạn cho tất cả các hình thức kinh doanh du lịch trong phát triển kinh tế, xã hội - văn hóa, và bảo vệ môi trường trên địa bàn địa phương (Lozano-Oyola và cộng sự, 2012; Tổ chức Du lịch Thế giới WTO, 2004). Mục tiêu của phát triển bền vững là tìm kiếm sự cân bằng giữa các trụ cột phát triển bền vững: kinh tế, xã hội và môi trường. Việc phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương góp phần giải quyết các vấn đề phát triển phức tạp của địa phương và là định hướng chiến lược phát triển bền vững của địa phương (Castellani, 2009). Theo Griggs et al. (2013) và Pearce (1988), phát triển bền vững du lịch sẽ mang lại phúc lợi xã hội cao hơn, cơ hội phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, nâng cao mức sống của cư dân địa phương.

Trong khi có rất nhiều nghiên cứu nhấn mạnh đến tính bền vững về môi trường và kinh tế (ví dụ, Krstic và cộng sự, 2015; Pulido-Fernández và cộng sự, 2015), thì dường như còn ít công trình nghiên cứu chú ý đến vai trò của phát triển bền vững trong

việc giải quyết những thách thức cơ bản như sinh kế bền vững cho cư dân địa phương và sự thịnh vượng chung (Hopwood và cộng sự, 2005). Theo các nghiên cứu trước đây, phát triển bền vững du lịch có thể được coi là một giải pháp thay thế cho các cách giảm nghèo truyền thống cho cộng đồng cư dân địa phương (Cobbina và cộng sự, 2015; Hart và cộng sự, 2016). "Tính bền vững trong phát triển kinh doanh du lịch nhằm giảm các tác động tiêu cực đến xã hội và môi trường, đồng thời phát triển khả năng kinh tế địa phương, cải thiện cơ sở hạ tầng, y tế và giáo dục" (Medina-Muñoz et al., 2016; Swarbrooke, 1999; Yu et al., 2011). Những lợi ích tiềm năng của phát triển bền vững du lịch tại các điểm đến du lịch tự nhiên bao gồm: tăng cường các cơ hội kinh tế, bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên, và cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương (Eagles 2013; Fennell and Weaver 2005; Puppim de Oliveira 2005; Strickland-Munro, Allison và Moore 2010; UNEP và UNWTO 2005). Nói cách khác, phát triển du lịch bền vững mang lại lợi ích kinh tế không chỉ cho cơ quan quản lý điểm đến du lịch mà còn mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương (cải thiện sinh kế của người dân) đồng thời bảo tồn tính toàn vẹn về sinh thái và văn hóa - xã hội của toàn bộ điểm đến du lịch - khu vực tự nhiên cần bảo tồn (UNEP và UNWTO 2005; Walpole và cộng sự, 2001). Đồng quan điểm, nghiên cứu của Marek Nowacki và cộng sự (2018) về kế hoạch quản lý khu du lịch, đảm bảo tính bền vững về sinh thái, văn hóa - xã hội và kinh tế, nghĩa là: cải thiện kinh tế cho người dân địa phương trong khu vực du lịch; Bảo tồn thiên nhiên và tài nguyên thiên nhiên (như nước, quần thể sinh vật, cảnh quan hoặc năng lượng); Duy trì các giá trị văn hóa và môi trường xã hội của khu du lịch.

Dương Hoàng Dương (2017) phân tích và chỉ rõ "Doanh thu của ngành du lịch đóng góp ngày càng cao vào tăng trưởng kinh tế của địa phương. Các địa phương có nguồn thu nhập từ du lịch ngày càng tăng là những minh chứng cho vai trò của ngành du lịch đối với phát triển kinh tế địa phương. Du lịch phát triển bền vững thúc đẩy cơ cấu kinh tế địa phương chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đó là nhờ tỷ trọng dịch vụ ngày càng tăng và đồng thời thúc đẩy các ngành khác chuyển dịch theo hướng hiện đại và hiệu quả." Du lịch phát triển bền vững kéo theo hạ tầng giao thông phát triển và được bảo vệ, cơ sở lưu trú hiện đại,... Các địa phương có chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch phù hợp sẽ tạo điều kiện, thúc đẩy các doanh nghiệp và đông đảo người dân thực hiện các hoạt động du lịch có hiệu quả. Nhờ đó, công ăn việc làm ở địa phương ổn định và ngày càng tăng, góp phần xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống của người dân bản địa. Bên cạnh đó, với chất lượng và tính trách nhiệm cao trong phát triển bền vững du lịch, sẽ giúp quảng bá, lan tỏa hình ảnh tốt đẹp của địa

phương, của quốc gia ra với thế giới, đạt được sự ghi nhận tích cực của bạn bè quốc tế, từ đó tạo thuận lợi cho việc mở rộng, thúc đẩy phát triển các quan hệ giao lưu, giao thương, hợp tác, hội nhập quốc tế.

2.2.2. Nội dung hay các trụ cột của phát triển bền vững du lịch địa phương cấp tỉnh

Khung tiêu chí ba trụ cột phát triển bền vững (Triple Bottom Line - TBL) là một cách tiếp cận toàn diện đối với sự phát triển bền vững du lịch, xem xét mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường (Elkington, J. 1997). Trong bối cảnh phát triển bền vững du lịch, khung tiêu chí TBL giúp đảm bảo rằng các sáng kiến phát triển du lịch không chỉ nhằm mang lại lợi nhuận mà còn mang lại sự phát triển về mặt xã hội và trách nhiệm bảo vệ môi trường. Cách tiếp cận toàn diện này rất cần thiết để thúc đẩy tính bền vững lâu dài trong du lịch, mang lại lợi ích cho cả cộng đồng địa phương và môi trường.

Trụ cột kinh tế của TBL trong du lịch bền vững

Trụ cột kinh tế của TBL tập trung vào khả năng tài chính và lợi ích kinh tế của phát triển du lịch. Phát triển bền vững du lịch phải đóng góp vào nền kinh tế địa phương bằng cách tạo việc làm, tạo thu nhập và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đồng thời giảm thiểu tác động kinh tế tiêu cực.

Phát triển bền vững du lịch có thể tạo ra nhiều cơ hội việc làm, từ việc làm trực tiếp tại khách sạn và nhà hàng đến việc làm gián tiếp trong các lĩnh vực như giao thông vận tải và nông nghiệp. Đảm bảo rằng những công việc này cung cấp mức thu nhập công bằng và điều kiện làm việc tốt là rất quan trọng đối với tính bền vững về kinh tế của địa phương.

Phát triển bền vững du lịch là đảm bảo cung cấp nguồn thu nhập đáng kể cho cộng đồng địa phương. Bằng cách thu hút khách du lịch, các doanh nghiệp địa phương như cửa hàng thủ công mỹ nghệ, quán ăn và công ty lữ hành có thể phát triển mạnh. Điều quan trọng là phải đảm bảo rằng thu nhập từ du lịch vẫn nằm trong cộng đồng và hỗ trợ phát triển địa phương.

Phát triển bền vững du lịch góp phần đa dạng hóa nền kinh tế địa phương, giảm sự phụ thuộc vào các ngành kinh doanh truyền thống như nông nghiệp hoặc sản xuất. Sự đa dạng hóa này có thể tăng cường khả năng phát triển kinh tế cho địa phương.

Phát triển bền vững du lịch dẫn đến cải thiện cơ sở hạ tầng địa phương, chẳng hạn như đường sá, sân bay và mạng lưới hạ tầng. Những cải thiện này mang lại lợi ích cho cả khách du lịch và người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương nói chung.

Trụ cột xã hội của TBL trong du lịch bền vững

Trụ cột xã hội của TBL giải quyết các tác động của du lịch đối với cộng đồng địa phương và nhằm đảm bảo rằng phát triển du lịch có tính bao trùm xã hội và tôn trọng văn hóa. Du lịch bền vững phải góp phần vào tăng phúc lợi xã hội và gắn kết cộng đồng.

Việc thu hút cộng đồng cư dân địa phương vào quá trình lập kế hoạch và ra quyết định về du lịch là điều cần thiết để phát triển bền vững về mặt xã hội. Sự tham gia này đảm bảo rằng phát triển du lịch phù hợp với nhu cầu và nguyện vọng của cộng đồng và trao quyền cho người dân để họ có thể đóng vai trò tích cực trong các sáng kiến du lịch.

Du lịch có thể đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn các di sản văn hóa địa phương. Bằng cách giới thiệu các sản phẩm nghệ thuật, hàng thủ công, lễ hội và phong tục truyền thống, du lịch có thể nuôi dưỡng lòng tự hào và bản sắc trong cộng đồng. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải quản lý các hoạt động du lịch để ngăn chặn việc thị trường hóa các giá trị văn hóa và lịch sử.

Phát triển bền vững du lịch đảm bảo lợi ích do hoạt động du lịch mang lại được phân phối công bằng giữa tất cả các thành viên cộng đồng. Đảm bảo cho các nhóm thiểu số, chẳng hạn như phụ nữ và người dân bản địa, tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động du lịch.

Du lịch bền vững phải góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống chung cho người dân địa phương. Điều này bao gồm cải thiện khả năng tiếp cận giáo dục, chăm sóc sức khỏe và các dịch vụ xã hội khác. Doanh thu từ du lịch có thể được tái đầu tư vào các dự án phát triển cộng đồng, nâng cao phúc lợi xã hội.

Trụ cột môi trường của TBL trong du lịch bền vững

Trụ cột môi trường của TBL tập trung vào việc giảm thiểu dấu chân sinh thái của các hoạt động du lịch và thúc đẩy bảo tồn môi trường tự nhiên. Du lịch bền vững phải bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên, đảm bảo rằng môi trường vẫn là nguồn tài nguyên có giá trị cho các thế hệ tương lai.

Phát triển bền vững du lịch có thể tạo ra ngân quỹ và nâng cao nhận thức cho các nỗ lực bảo tồn môi trường. Ví dụ, phí vào cửa các công viên quốc gia và khu bảo tồn có thể được sử dụng để tài trợ cho các dự án bảo tồn và duy trì môi trường tự nhiên.

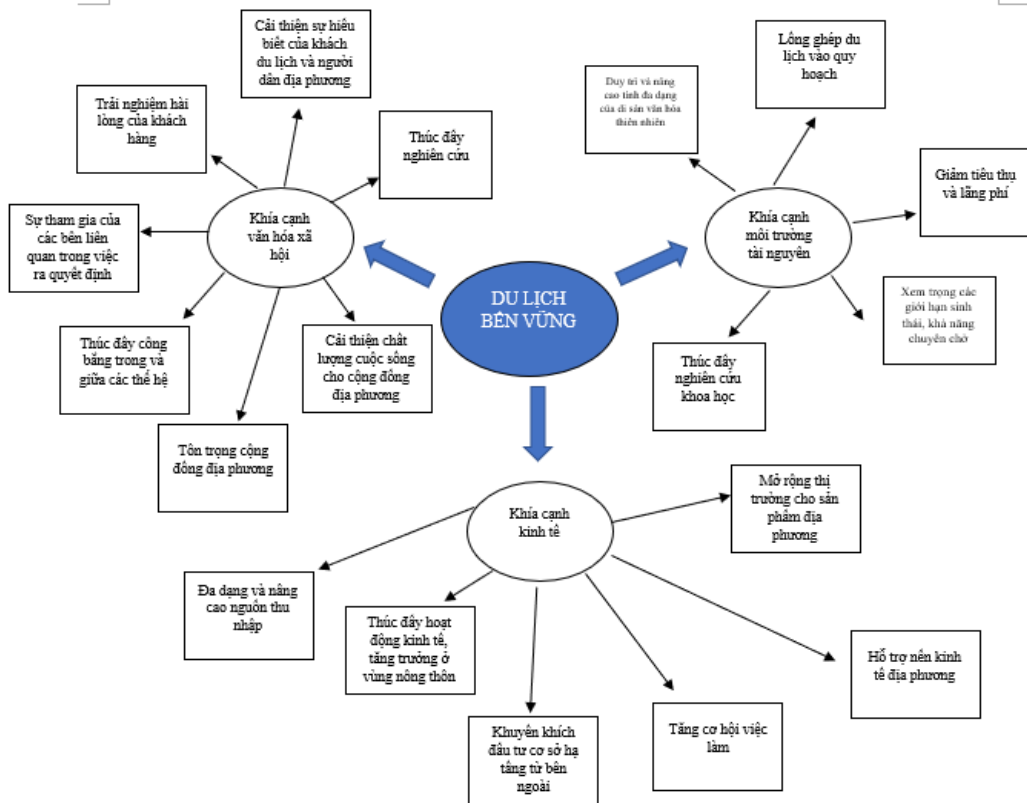
Phát triển bền vững du lịch đòi hỏi phải quản lý cẩn thận các nguồn tài nguyên thiên nhiên, chẳng hạn như nước, năng lượng và động vật hoang dã. Việc thực hiện các hoạt động như giảm thiểu chất thải, tái chế và sử dụng năng lượng tái tạo có thể làm giảm đáng kể tác động của các hoạt động du lịch đến môi trường.

Bảo vệ đa dạng sinh học là một khía cạnh quan trọng của phát triển bền vững du lịch. Điều này liên quan đến việc bảo vệ các hệ sinh thái khỏi những tác động tiêu cực của các hoạt động du lịch. Du lịch sinh thái, có trách nhiệm bảo vệ các khu vực tự nhiên, là một ví dụ điển hình về du lịch hỗ trợ bảo tồn đa dạng sinh học.

Giảm thiểu biến đổi khí hậu. Phát triển bền vững du lịch góp phần vào việc giảm phát thải khí nhà kính thông qua lựa chọn phương thức giao thông ít carbon, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo.

Cùng bản chất như phát triển bền vững nói chung, phát triển bền vững du lịch chắc chắn sẽ liên quan đến sự đánh đổi giữa ba trụ cột và đánh giá về các ưu tiên và tầm quan trọng của các mục tiêu của kinh tế, xã hội và môi trường. Do đó, ở các cấp độ không gian khác nhau, phát triển bền vững du lịch sẽ dựa trên các cơ chế quản lý và công nghệ, bao gồm công nghệ xanh và quản lý môi trường cho phép tối đa hóa lợi ích kinh tế và xã hội từ việc sử dụng môi trường như một nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên với tác động môi trường tối thiểu.

Việc dựa trên các nguyên tắc phù hợp, được quán triệt xuyên suốt và tuân thủ nghiêm túc trong quá trình phát triển cũng chính là đặc trưng riêng nổi bật nhất của phát triển bền vững du lịch. Trong khi phát triển du lịch không bền vững dựa trên cơ sở không đảm bảo hoặc thường xuyên phá vỡ các nguyên tắc phát triển bền vững, thì phát triển bền vững du lịch luôn tuân thủ nghiêm túc và đầy đủ các nguyên tắc - vốn cũng đã được xác định để định hướng và đảm bảo sự phát triển bền vững. Marek Nowacki và cộng sự (2018) bổ sung và làm rõ các nội dung chính của phát triển bền vững du lịch bao gồm: (1) sử dụng tối ưu các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường - yếu tố quan trọng để phát triển du lịch, duy trì các quá trình sinh thái cơ bản và đảm bảo việc bảo tồn sự đa dạng sinh học và tự nhiên; (2) tôn trọng các giá trị văn hóa xã hội của cộng đồng dân cư sinh sống tại khu vực tiếp nhận du khách, bảo vệ các tài nguyên và di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, các giá trị truyền thống của họ, và đóng góp vào sự hiểu biết giữa các nền văn hóa; (3) bảo vệ hoạt động quan trọng và lâu dài của nền kinh tế, mang lại lợi ích kinh tế xã hội phù hợp cho tất cả các bên liên quan, bao gồm cả việc làm, thu nhập và các dịch vụ xã hội và đóng góp vào xóa đói giảm nghèo cho cộng đồng cư dân tại khu vực tiếp nhận du khách. Hunter (2007) cũng tổng hợp các nội dung cơ bản của du lịch bền vững theo ba trụ cột: kinh tế, văn hóa xã hội, môi trường (hình 2.2).



Hình 2.2: Ba trụ cột (khía cạnh) của du lịch bền vững

Nguồn: Hunter (2007)

Sự khác biệt giữa phát triển du lịch thông thường không bền vững với phát triển bền vững du lịch là ở chỗ: phát triển du lịch thông thường chỉ chú trọng mục tiêu kinh tế, tối đa hóa lợi nhuận, các khía cạnh xã hội, môi trường chỉ là phương tiện để đạt mục tiêu kinh tế chứ không phải là mục tiêu cuối cùng; ngược lại phát triển bền vững du lịch đảm bảo hài hòa các mục tiêu phát triển, trong đó các khía cạnh kinh tế, xã hội, môi trường đều là những trụ cột quan trọng của phát triển bền vững. Phát triển bền vững du lịch cũng bao hàm sự cân nhắc kỹ lưỡng, hợp lý giữa các mục tiêu, lợi ích ngắn hạn và dài hạn để có phương án phân bổ nguồn lực và các giải pháp tổ chức thực hiện phù hợp nhằm đạt được các mục tiêu này.

Saarinen (2006) cũng đã xác định ba trụ cột truyền thống chính của phát triển bền vững du lịch: dựa vào tài nguyên, dựa vào hoạt động và dựa vào cộng đồng. Trong trụ cột truyền thống “dựa vào tài nguyên”, trọng tâm của tính bền vững chủ yếu là môi trường, nhấn mạnh yêu cầu bảo tồn thiên nhiên, giảm thiểu các tác động tiêu cực của du lịch đến môi trường. Do đó, để duy trì sự tăng trưởng ngành du lịch về kinh tế, các bên liên quan phải xem xét lại quan điểm của họ về tài nguyên thiên nhiên và tránh xa cách tiếp cận coi nguồn tài nguyên thiên nhiên là vô tận. Ngành du lịch không thể tự duy trì

và phát triển bền vững nếu không có các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Các nhà nghiên cứu thừa nhận tầm quan trọng của môi trường tự nhiên trong sự tồn vong của ngành du lịch và lưu ý rằng bất kỳ kế hoạch phát triển du lịch nào cũng đều phải xem xét nghiêm túc đến môi trường tự nhiên. Một số nghiên cứu cũng chỉ ra các khu vực được quản lý tốt hơn và môi trường tự nhiên ở đó được bảo vệ, và do đó đã thu hút được nhiều khách du lịch hơn.

Tài nguyên và môi trường tự nhiên, tất nhiên là nguồn lực đầu vào để phát triển du lịch, là điều kiện cần thiết cho mọi phương thức phát triển du lịch, trong đó có phát triển du lịch bền vững. Tuy nhiên, trong khi du lịch không bền vững chỉ coi tài nguyên và môi trường du lịch là yếu tố đầu vào cần phải tận dụng, khai thác triệt để và sẵn sàng đánh đổi việc bảo vệ tài nguyên và môi trường để hướng đến tối đa hóa lợi ích kinh tế, thì phát triển bền vững du lịch đặt ra yêu cầu bảo vệ, bảo tồn tài nguyên, phát triển các loại tài nguyên có khả năng tái sinh, bảo vệ môi trường trong suốt quá trình phát triển, không những thế, phát triển bền vững du lịch đặt ra mục tiêu bảo vệ tài nguyên và môi trường cân bằng với các mục tiêu kinh tế, xã hội khác cả trước mắt cũng như lâu dài, và trong phát triển bền vững du lịch, vấn đề bảo vệ tài nguyên và môi trường là một trong ba trụ cột phát triển. Chất lượng môi trường tự nhiên thường đóng vai trò quan trọng nhất trong ngành du lịch giải trí vừa để thu hút khách du lịch vừa cung cấp các nguồn lực cho các hoạt động du lịch.

Theo trụ cột truyền thống "dựa trên hoạt động", cách tiếp cận phát triển bền vững nghiêng về hướng lấy hoạt động du lịch làm trung tâm, chủ yếu tập trung vào các yêu cầu của du lịch như một ngành kinh tế. Trụ cột này tập trung nhiều hơn vào ngành kinh doanh du lịch hơn là dựa trên tài nguyên thiên nhiên và có thể được hiểu là mô hình năng động của du lịch bền vững trong đó các giới hạn đối với tăng trưởng được xác định bởi các loại hình hoạt động du lịch đã được phát triển trong không gian điểm đến. Vì vậy, mặc dù bảo tồn các nguồn tài nguyên mà ngành du lịch đòi hỏi phải mở rộng là một điều kiện của tính bền vững, các loại hình hoạt động du lịch có giới hạn khác nhau. Ngoài ra, nếu các tài nguyên phục vụ cho một loại hoạt động chưa khai thác hết khả năng, ngành du lịch có thể tiếp tục mở rộng và đa dạng hóa sang các loại hình du lịch khác để khai thác khả năng tài nguyên hiện có.

Trụ cột truyền thống thứ ba, "dựa vào cộng đồng", nhấn mạnh đến sự đóng góp của các bên liên quan từ cộng đồng địa phương trong việc ra quyết định phát triển du lịch, vì vậy có thể được hiểu là đây là sự thể hiện của phương pháp tiếp cận phát triển du lịch dựa vào các bên tham gia. Trong mô hình này, các giới hạn đối với tăng trưởng hoặc giới hạn của sự thay đổi có thể chấp nhận được của du lịch phải được xác định bằng "cộng đồng" nhấn mạnh các giá trị văn hóa xã hội của cư dân địa phương.

Hơn nữa, cần hiểu rõ bản chất của “phát triển bền vững du lịch” nghĩa là phát triển du lịch phải đóng góp vào sự phát triển bền vững nói chung. Hunter (1995) cho rằng phát triển bền vững du lịch là đóng góp của du lịch vào phát triển bền vững và đưa ra hai mô hình khái niệm thay thế về phát triển bền vững du lịch và mối quan hệ phát triển bền vững: hòa nhập toàn bộ, được mong đợi cho phát triển du lịch bền vững và hòa nhập một phần có thể xảy ra đối với du lịch bền vững. Frederico (2003) đã đề xuất, một phương pháp tiếp cận phát triển bền vững du lịch ở các nước đang phát triển phải vừa giảm thiểu tác động môi trường tại địa phương, vừa ưu tiên hơn nữa cho sự tham gia của cộng đồng và xóa đói giảm nghèo, điều này có thể giúp giải quyết các vấn đề kinh tế và xã hội của phát triển bền vững.

Một số nghiên cứu khác cũng xác định các trụ cột tạo nên phát triển bền vững du lịch nhưng tách bền vững địa phương ra thành trụ cột thứ tư (McVey, 1993; Sharpley, 2000; Velikova, 2001; McKercher, 2003)

(1) Bền vững về kinh tế: Hoạt động du lịch sinh lợi không chỉ ngắn hạn mà còn lâu dài và duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức độ có thể kiểm soát được. Để làm được điều này, điều cần thiết là phải thúc đẩy hoạt động du lịch và đồng thời kiểm soát khả năng phục vụ du khách.

(2) Bền vững về môi trường: Du lịch phải hỗ trợ duy trì sự đa dạng sinh học cũng như tài nguyên môi trường. Nó phải được lập kế hoạch cẩn thận về sức chứa của môi trường tự nhiên và môi trường xây dựng để hoạt động du lịch không làm tổn hại đến môi trường.

(3) Bền vững về xã hội: Du lịch hỗ trợ người dân địa phương tăng cường khả năng kiểm soát cuộc sống và bản sắc địa phương của họ. Ngành du lịch cũng giúp các cộng đồng thu hút lượng khách du lịch ngày càng tăng mà không ảnh hưởng hoặc làm tổn hại đến văn hóa bản địa.

(4) Bền vững của địa phương: Mức độ tham gia của cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch ngày càng tăng và ngành này mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương.

Việc áp dụng lý thuyết phát triển bền vững du lịch ở cấp khu vực tỉnh/thành phố được thể hiện thông qua khuôn khổ chung về phát triển bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố cũng bao gồm cả ba trụ cột của du lịch bền vững. Trong đó, nhấn mạnh khía cạnh môi trường rằng đa dạng sinh học và việc sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên không thể tái tạo là rất quan trọng đối với sự phát triển bền vững du lịch. Cần phải giảm thiểu tất cả các loại ô nhiễm, suy thoái môi trường và giảm thiểu chất thải từ các hoạt động du lịch. Khuôn khổ các yếu tố tác động trong quá trình phát triển du lịch có thể

gây nên cho môi trường tự nhiên phải được giải quyết càng sớm càng tốt. Tất nhiên, trong đó, không được bỏ qua vấn đề biến đổi khí hậu như một khía cạnh quan trọng của định hướng phát triển bền vững du lịch trên phạm vi không gian của tỉnh/thành phố.

Có thể kết luận rằng, phát triển bền vững du lịch là con đường mà bất kỳ địa phương nào muốn phát triển ngành du lịch cũng cần tuân thủ để phù hợp với các nguyên tắc phát triển bền vững nói chung. Vì vậy, phát triển bền vững du lịch không phải là phát triển một hình thức du lịch cụ thể mà là các quan điểm, định hướng, giải pháp hướng dẫn và thực hành quản lý để các hoạt động du lịch trở thành một phần của phát triển bền vững của địa phương.

Tiếp cận nghiên cứu về phát triển du lịch bền vững có thể trên nhiều cấp độ và phạm vi khác nhau như từ cấp độ phát triển bền vững của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch đến từng loại hình du lịch cụ thể, đến từng điểm đến du lịch, từng khu vực địa phương và đối với toàn bộ quốc gia. Luận án này tập trung nghiên cứu phát triển du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh/thành phố là Hải Phòng vì vậy, các nội dung lý thuyết tập trung vào quản lý nhà nước về phát triển du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh. Đối với địa bàn tỉnh/thành phố, sự phát triển du lịch bền vững phụ thuộc phản ứng của các bên liên quan địa phương đối với các chính sách hiện hành hỗ trợ du lịch bền vững trong khu vực. Các vấn đề lý thuyết về các rào cản trong việc phát triển và thực hiện các chính sách phát triển bền vững du lịch ở quy mô địa phương của Dodds (2007a; 2007b; 2010) và Dodds & Butler (2010) được sử dụng như một khuôn khổ lý thuyết cơ bản. Khung lý thuyết đã xác định được các vấn đề của các bên liên quan tại địa phương đối với các chính sách phát triển du lịch bền vững, chẳng hạn như năng lực quản lý kém, không tin tưởng vào chính sách của chính quyền địa phương, quy hoạch thiếu khoa học và không ổn định, các chính sách khuyến khích phát triển du lịch bền vững không rõ ràng và thiếu hiệu quả.

Phát triển du lịch bền vững trên địa bàn địa phương cấp tỉnh/thành phố đồng thời còn phụ thuộc vào mối quan hệ giữa phát triển bền vững du lịch của quốc gia, của liên khu vực với các tỉnh thành xung quanh và phụ thuộc vào hoạt động của các bên liên quan trên địa bàn tỉnh/thành phố.

Là cơ quan quốc tế về du lịch, UNWTO's (2004) đã xác định phát triển bền vững du lịch theo sáu mục tiêu chính:

(1) Tối đa hóa sự hài lòng của khách du lịch. Trọng tâm là tối đa hóa sự hài lòng của khách du lịch nhằm mục đích kích thích phát triển kinh tế. Để đạt được điều này, cần phải giải quyết mọi xung đột giữa cộng đồng cư dân địa phương và khách du lịch,

trong đó nhấn mạnh sự cần thiết của sự tham gia của các bên liên quan vào quá trình phát triển du lịch.

(2) Đảm bảo sử dụng tối ưu tài nguyên môi trường, bao gồm cân bằng giữa việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên với các nhu cầu và lựa chọn phát triển kinh tế. Điều này đòi hỏi phải sử dụng hiệu quả tài nguyên môi trường cho du lịch, ví dụ như nước, đất đai và điện năng, đặc biệt là ở những vùng khan hiếm tài nguyên.

(3) Tôn trọng nguồn gốc văn hóa - xã hội của cộng đồng dân cư địa phương và bảo vệ các nét văn hóa xã hội độc đáo của các điểm đến. Địa phương phải tạo mối liên hệ không chỉ giữa việc bảo tồn những nét độc đáo của văn hóa mà còn làm thế nào để những đặc điểm này hấp dẫn khách du lịch và cần được bảo tồn để các thế hệ mai sau hưởng lợi. Mối liên hệ lâu dài giữa sự bền vững kinh tế và sự hài lòng của du khách dựa trên cơ sở tài nguyên văn hóa là rõ ràng, tức là việc bảo tồn các hiện vật văn hóa vật thể cần đảm bảo phát triển du lịch đồng thời mang lại cơ hội sinh kế cho người dân địa phương;

(4) Đảm bảo rằng tất cả các bên liên quan được tiếp cận với các lợi ích kinh tế - xã hội của ngành du lịch. Lợi ích từ du lịch, các cơ hội sinh kế phải được phân phối bình đẳng cho tất cả cư dân của khu vực điểm đến, không phân biệt văn hóa, dân tộc, giới tính, tầng lớp xã hội hoặc bất kỳ phân biệt nào khác.

(5) Giám sát các tác động của du lịch. Mục đích này rất quan trọng không chỉ để bảo vệ chất lượng an toàn của môi trường tự nhiên và xã hội mà còn cung cấp một hệ thống giám sát liên tục để đánh giá sự tiến bộ của du lịch bền vững theo các mục tiêu đã thống nhất. Điều này cho phép tiếp tục thực hiện các chiến lược hiện có nếu thành công hoặc phát triển những chiến lược mới.

(6) Đảm bảo rằng tất cả các bên liên quan được thông báo về quá trình phát triển bền vững du lịch và khuyến khích các bên tham gia vào quá trình này. Do đó, để phát triển bền vững du lịch thành công đòi hỏi sự đồng thuận và hỗ trợ từ tất cả các bên liên quan. Đồng thời yêu cầu đầu tư xây dựng năng lực để đảm bảo rằng các bên liên quan có khả năng tham gia, ví dụ: người nghèo được trang bị kiến thức và kỹ năng để tham gia phát triển bền vững du lịch.

2.2.3. Các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững du lịch

Để đánh giá mức độ phát triển bền vững du lịch và sự thịnh vượng của điểm đến hay địa phương du lịch, một bộ các tiêu chí đánh giá được xác định, đòi hỏi một cơ sở thông tin tích hợp, chặt chẽ và hệ thống. Để đạt được mục tiêu này, các tiêu chí cung cấp thông tin đáng tin cậy về các hoạt động du lịch bền vững (Ward, 2000). Các tiêu chí đánh giá xác định các vấn đề tiềm ẩn và có thể là nền tảng cho việc nghiên cứu và thực

hành phát triển bền vững du lịch (Mendola & Volo, 2017; Miller, 2001). Các tiêu chí đáng tin cậy hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách trong việc chẩn đoán và xác định các vấn đề văn hóa xã hội, môi trường và kinh tế để nâng cao tính bền vững của các hoạt động du lịch. Phân tích hiện trạng phát triển bền vững du lịch thông qua đánh giá các tiêu chí cung cấp thông tin cần thiết cho các nhà hoạch định chính sách tìm cách kết hợp phát triển bền vững trong quy hoạch và ra quyết định về phát triển du lịch (Chhetri & Arrowsmith, 2008; Lozano-Oyola và cộng sự, 2012). Sự cần thiết phải có các tiêu chí đánh giá sự chuyển đổi hướng tới phát triển bền vững trong du lịch đã được một số nhà nghiên cứu và các tổ chức quốc gia và quốc tế khẳng định (Blancas et al., 2015; Kristjánsdóttir et al., 2018; Rebollo & Ivars, 2004; Torres-Delgado & Saarinen, 2014; WTO, 2004).

Nghiên cứu của Marek Nowacki và cộng sự (2018) chỉ ra các tiêu chí dùng để đánh giá hiện trạng quản lý bền vững các hoạt động du lịch đã được xác định theo các khía cạnh của phát triển bền vững du lịch là: kinh tế, văn hóa - xã hội, chính trị - hành chính, môi trường tự nhiên. Các tiêu chí đo lường mức độ phát triển bền vững được phân tích kỹ lưỡng và chỉ những tiêu chí đại diện cho các yếu tố có thể kiểm soát, đo lường được và có thể được sử dụng làm tiêu chí đánh giá mức độ phát triển bền vững mới được lựa chọn. Danh sách các tiêu chí quan trọng là:

- (1). Chất lượng nước: tức là điều kiện nước của các bãi biển.
- (2). Cảnh đẹp: cảnh quan toàn vẹn như một điểm thu hút khách du lịch.
- (3). Môi trường sống của các loài động thực vật: nó đánh giá tính toàn vẹn của hệ sinh thái tại khu vực địa phương.
- (4). Trình độ nhận thức về du lịch bền vững: Kiến thức của cộng đồng địa phương về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.
- (5). Sự phát triển của các dịch vụ công cộng: các dịch vụ công cộng như hệ thống cống rãnh, nước, điện, v.v. tại khu vực điểm đến du lịch có đảm bảo giữ gìn môi trường tự nhiên.
- (6). Các hoạt động kinh tế khác: tầm quan trọng trong việc đa dạng hóa các hoạt động kinh tế cho phép người dân địa phương có thể sinh sống.
- (7). Thu nhập trên mỗi đồng vốn đầu tư cho du lịch: ảnh hưởng của thu nhập trung bình hàng tháng của cư dân sinh sống tại các khu vực điểm đến du lịch.
- (8). Phát sinh chất thải rắn: quản lý và xử lý chất thải rắn từ các hoạt động phát triển điểm đến du lịch,...

Ngoài ra, *chứng nhận tính bền vững* cũng là một công cụ để nâng cao chất lượng của ngành du lịch địa phương, nâng cao tính cạnh tranh của các điểm đến và loại bỏ các tác động môi trường do phát triển du lịch (Font và Harris, 2004). Một nghiên cứu của Goffi et al. (2019) đề xuất mô hình năng lực cạnh tranh được phát triển từ mô hình Crouch (2003), trong đó đưa ra bảy tiêu chí kinh tế - xã hội mới, cụ thể là ở cấp địa phương: (1) tăng trưởng của kinh tế địa phương; (2) phúc lợi kinh tế của người dân địa phương; và (3) mức sống của những người nghèo nhất. Mô hình của họ cũng đề xuất các tiêu chí đánh giá tính bền vững kinh tế xã hội: (4) tăng cơ hội việc làm; (5) sự phát triển của các doanh nghiệp địa phương; (6) cải thiện các dịch vụ địa phương; và (7) thu hút đầu tư.

Theo Chương trình nghị sự đến 2030 của liên hợp quốc, sự thịnh vượng bao gồm sự bình đẳng hoặc khả năng để tất cả nhân loại tận hưởng cuộc sống trọn vẹn thông qua tiến bộ xã hội, công nghệ và kinh tế diễn ra hài hòa với tự nhiên (Nam, 2015). Để xem xét tất cả các khía cạnh chính của sự thịnh vượng, mô hình thịnh vượng do UN-Habitat đề xuất (2013) và được áp dụng bởi Wong (2015) đã được mở rộng. Mô hình điều chỉnh bao gồm sáu khía cạnh: chất lượng cuộc sống, năng suất, công bằng và hòa nhập xã hội, đảm bảo cơ sở hạ tầng và tính bền vững của môi trường. Vì trọng tâm là sự thịnh vượng của một điểm đến du lịch, mô hình đã kết hợp sáu khía cạnh:

- *Chất lượng cuộc sống*: Tiêu chí này là sự kết hợp của bốn tiêu chí phụ: (a) công bằng và điều kiện sống, (b) sức khỏe, (c) sự hài lòng về cuộc sống tổng thể và (d) giáo dục.
- *Trao quyền về văn hóa xã hội*: Có ba tiêu chí đánh giá khía cạnh này: (a) kiến thức về biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên và những gì có thể tái chế; (b) di sản văn hóa, bản sắc và tài sản của địa phương, và (c) các sản phẩm địa phương.
- *Tăng trưởng kinh tế*: Tiêu chí này là đánh giá qua: (a) tỷ lệ thất nghiệp, (b) lạm phát; (c) hạnh phúc, và (d) năng suất lao động.
- *Chất lượng môi trường*: Tiêu chí này kết hợp các tiêu chí nhỏ: (a) bảo tồn tài sản thiên nhiên, (b) mức độ ô nhiễm, và (c) cường độ sử dụng tài nguyên thiên nhiên.
- *Sự hài lòng của khách du lịch*: Ba tiêu chí để đánh giá khía cạnh này: (a) chất lượng của các điểm đến, (b) giá cả hợp lý, và (c) sự thân thiện của cư dân địa phương.
- *Tính hấp dẫn của điểm đến*: Tiêu chí này kết hợp ba tiêu chí: (a) trải nghiệm bãi biển và hoạt động giải trí, (b) phong cảnh đẹp, và (c) khí hậu.

Dựa trên việc tổng hợp các nghiên cứu tiền đề nêu trên, NCS khái quát các tiêu chí thành các nhóm cơ bản. Cụ thể các tiêu chí đánh giá mức độ phát triển bền vững du

lịch tập trung vào ba trụ cột của tính bền vững trong phát triển du lịch trên địa bàn địa phương (kinh tế, môi trường, văn hóa xã hội). Hệ thống tiêu chí này sẽ được sử dụng để khảo sát đánh giá thực trạng phát triển bền vững của du lịch Hải Phòng.

** Nhóm tiêu chí đánh giá phát triển bền vững du lịch về kinh tế*

- Tỷ lệ tăng về số lượng và chất lượng các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn, đặc biệt là nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Thu nhập từ du lịch qua các năm: Doanh thu của ngành du lịch, tỷ lệ đóng góp vào GDP.

- Số lượt khách du lịch qua các năm; Mật độ và lưu lượng khách du lịch so với dung lượng phục vụ của điểm đến du lịch;

- Hiệu quả và lợi nhuận mang lại cho các doanh nghiệp và toàn ngành du lịch trên địa bàn;

- Tỷ lệ tăng trưởng của các ngành phục vụ du lịch;

- Chỉ tiêu phát triển các cơ sở vật chất phục vụ ngành du lịch;

- Chỉ tiêu việc làm trong ngành du lịch của cư dân địa phương, chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực du lịch về số lượng và chất lượng.

- Mức độ phân phối thu nhập từ du lịch có đảm bảo công bằng giữa các nhóm cộng đồng khác nhau tại địa phương.

- Đầu tư vào cơ sở hạ tầng bền vững, cơ sở lưu trú và phương tiện giao thông thân thiện với môi trường.

** Nhóm tiêu chí đánh giá phát triển bền vững du lịch về văn hóa xã hội*

- Sự tham gia của cộng đồng địa phương vào quá trình lập kế hoạch và ra quyết định về du lịch. Các tiêu chí cụ thể bao gồm: mức độ tham gia của cộng đồng, sự tồn tại của các ủy ban du lịch địa phương và mức độ lợi ích mà cộng đồng nhận được từ du lịch.

- Mức độ thân thiện của chính quyền và người dân địa phương đối với du khách;

- Tỷ lệ các giá trị văn hóa, lịch sử được bảo tồn và phát huy;

- Số lượng các điểm, khu du lịch văn hóa tâm linh được bảo tồn, tôn tạo.

- Số lượng di sản văn hóa, sự kiện văn hóa và sự tham gia của cộng đồng địa phương vào du lịch văn hóa.

** Nhóm tiêu chí đánh giá phát triển bền vững du lịch về bảo vệ tài nguyên - môi trường:*

Bảo tồn đa dạng sinh học là điều cần thiết để duy trì sự cân bằng sinh thái và sức hấp dẫn của các điểm đến du lịch. Các tiêu chí trong danh mục này bao gồm:

- Số lượng khu bảo tồn, phạm vi môi trường sống tự nhiên và sự đa dạng của các loài trên địa bàn địa phương;
- Sự hiện diện và hiệu quả của các chương trình bảo tồn;
- Tỷ lệ các tài nguyên du lịch thiên nhiên được khai thác và bảo tồn;
- Tiêu chí quản lý chất thải của ngành du lịch. Ví dụ, tỷ lệ các điểm du lịch có xử lý thu gom rác thải.

- Chất lượng nước bao gồm: mức độ ô nhiễm các nguồn nước, tình trạng sẵn có của nước uống sạch và mức tiêu thụ nước của ngành du lịch.

Về phương pháp đánh giá, với khuôn khổ gồm ba điểm mấu chốt, còn được gọi là 3P (con người, hành tinh và lợi nhuận), hoặc 3E (kinh tế, môi trường và công bằng), là một trong những cách tiếp cận được sử dụng rộng rãi nhất để đánh giá mức độ phát triển bền vững (Elkington 1997). Theo khuôn khổ này, tính bền vững đòi hỏi sự phát triển cân bằng của các lĩnh vực xã hội, kinh tế và sinh thái (UNEP và UNWTO 2005). Theo đó, quan điểm về du lịch bền vững cho rằng cần phải có sự cân bằng phù hợp giữa các khía cạnh môi trường sinh thái, văn hóa xã hội và kinh tế của phát triển du lịch (Stoddard và cộng sự 2012). Một số học giả đã điều chỉnh khung ba điểm mấu chốt để đánh giá sự phát triển bền vững du lịch (Cottrell và cộng sự 2004; Cottrell và cộng sự 2007; Deng và cộng sự 2003; Ko 2005; Puhakka và cộng sự 2009; Stoddard và cộng sự 2012; Thapa 2013; UNEP và UNWTO 2005; Yu, Chancellor, và Cole 2009). Các học giả đều cho rằng, theo truyền thống, việc đánh giá mức độ thành công và khả năng cạnh tranh của các điểm đến du lịch hầu như luôn được thực hiện chỉ dựa trên các tiêu chí về bản chất kinh tế mà không tính đến các tác động tiêu cực đến môi trường và văn hóa xã hội (Rodríguez-Díaz và Espino-Rodríguez, 2016). Tuy nhiên, mặc dù thừa nhận rằng phát triển bền vững về kinh tế là điều kiện quan trọng để đảm bảo tính bền vững lâu dài nhưng hiệu quả hoạt động của các điểm đến du lịch không thể chỉ được phân tích thông qua các tiêu chí kinh tế (Dwyer và Kim, 2003; Kuscer và cộng sự, 2017). Hiện ngày càng có nhiều nhà nghiên cứu công nhận rằng cần phải áp dụng một mô hình mới để đảm bảo một cái nhìn tổng thể hơn về tính bền vững. Tuy nhiên, vẫn tồn tại những lo ngại về việc áp dụng các chính sách môi trường có thể làm tổn hại đến lợi nhuận và khả năng cạnh tranh của các điểm đến du lịch và do đó, đến sự thịnh vượng của người dân địa phương và xã hội nói chung (Goffiet al., 2019; Pulido-Fernandez et al., 2015). Để điều chỉnh những nhận thức này, nhiều tác giả đã bày tỏ sự cần thiết phải có thêm các nghiên cứu tập trung vào thực nghiệm, cũng như đề xuất các mô hình cung cấp bằng chứng rằng phát triển du lịch và tăng khả năng cạnh tranh phải đảm bảo tính bền vững (Gallardo-Vasquez và cộng sự, 2019; Goffi và cộng sự, 2019). Ritchie và Crouch (2003)

cũng cho rằng các khía cạnh phát triển bền vững khác nhau trong du lịch cần phải hiệp đồng với nhau và đảm bảo các biện pháp không đối kháng với nhau.

Các nghiên cứu đã có cũng phân tích ưu nhược điểm, vận dụng đa dạng các phương pháp đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch, phù hợp với từng bối cảnh nghiên cứu. Đầu tiên, đã có một số nỗ lực để phát triển hệ thống tiêu chí toàn cầu về du lịch bền vững (Choi và Sirakaya 2005; Yu et al. 2009). Việc lựa chọn phát triển một hệ thống tiêu chí đánh giá áp dụng rộng rãi như vậy hầu như không thể thực hiện được vì các điểm đến du lịch khác nhau rất nhiều về các thuộc tính lý sinh, các đặc điểm của cộng đồng cư dân địa phương và các cấu trúc thể chế quản lý du lịch. Thêm vào đó, có một phương pháp là đánh giá sức chứa (hay cũng gọi là khả năng phục vụ du khách). Trong mô hình 'vòng đời khu vực du lịch' (TALC) về sự tiến hóa của phát triển du lịch, Butler (1980) đưa ra khái niệm về "khả năng phục vụ" này, đề xuất rằng tại bất kỳ điểm du lịch nào cũng có một "giới hạn" đối với số lượng khách du lịch, nếu vượt ra ngoài, chúng có xu hướng làm hại đến khả năng tồn tại trong tương lai của điểm du lịch. Hunter (1995) đã mô tả các khả năng phục vụ du khách khác nhau như sau:

- Khả năng phục vụ về mặt vật lý - giới hạn số lượng du khách mà địa điểm du lịch có thể phục vụ, vượt quá số lượng này quá trình phục vụ sẽ suy giảm hoặc các vấn đề về môi trường sẽ phát sinh.
- Khả năng phục vụ về tâm lý (hoặc tri giác) - mức độ thích thú thấp nhất mà khách du lịch sẵn sàng chấp nhận trước khi họ bắt đầu tìm kiếm các điểm đến thay thế.
- Khả năng gánh chịu về mặt xã hội - mức độ chịu đựng của dân cư địa phương đối với sự hiện diện và hành vi của khách du lịch tại khu vực điểm đến, và / hoặc mức độ đông đúc của khách du lịch được chấp nhận bởi những khách du lịch khác.
- Khả năng phục vụ về kinh tế - khả năng thực hiện các hoạt động du lịch mà không làm thay đổi hoặc làm gián đoạn các hoạt động kinh doanh mong muốn khác của địa phương.

Nhiều người chỉ trích mô hình của Butler và đặt câu hỏi về việc giải thích khả năng phục vụ (Haywood, 1986 và Getz, 1992, trích dẫn trong Prideaux, 2000). Tuy nhiên, "vẫn chưa có một định nghĩa được chấp nhận rộng rãi cũng như không có một quy trình hệ thống tiêu chuẩn để đánh giá nó".

Để đánh giá và giám sát khả năng duy trì bền vững hoạt động du lịch, các nhà nghiên cứu đã phát triển các loại tiêu chí tổng hợp với kỹ thuật đánh giá khác nhau, chẳng hạn như Chỉ số Du lịch Bền vững (STI), Tiêu chí của Hội đồng Du lịch Bền vững Toàn cầu, Hệ thống tiêu chí Phân tích Tầm quan trọng - Hiệu suất (IPA). Chỉ số STI kết hợp các tiêu chí về môi trường, kinh tế và xã hội thành một tiêu chí duy nhất, cung cấp

đánh giá tổng thể về tính bền vững của du lịch, cung cấp một công cụ thiết thực cho các điểm đến để giám sát, quản lý và cải thiện du lịch bền vững ở cấp địa phương. Một tiêu chí tổng hợp khác là “Dấu chân sinh thái” đánh giá tác động môi trường của các hoạt động du lịch bằng cách tính toán lượng tài nguyên thiên nhiên tiêu thụ và chất thải tạo ra. Nó cung cấp cái nhìn toàn diện về tính bền vững của du lịch.

Như vậy có rất nhiều tiêu chí và cách thức đánh giá sự phát triển bền vững của du lịch, phụ thuộc vào bối cảnh và chủ thể. Tuy nhiên, để đảm bảo khách quan, các phương pháp đánh giá hệ thống các tiêu chí phải tuân thủ theo một bộ nguyên tắc. Cụ thể, theo Bell và Morse (1999), bộ nguyên tắc khi đánh giá được thiết lập cụ thể bao gồm:

- “Phát triển bền vững du lịch” cần được xác định rõ ràng trong bối cảnh cụ thể của nó;
- Tính bền vững cần được nhìn nhận theo nghĩa tổng thể, bao gồm các thành phần kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái;
- Các khái niệm về công bằng nên được đưa vào bất kỳ quan điểm nào về sự phát triển bền vững.
- Các tiêu chí đánh giá nên trải dài theo thời gian của con người và hệ sinh thái, và quy mô không gian nên bao gồm các tác động cục bộ và dài hạn đối với con người và hệ sinh thái;
- Các tiến bộ mà phát triển bền vững du lịch hướng tới cần dựa trên một số tiêu chí nhất định để đánh giá;
- Các phương pháp và dữ liệu được sử dụng để đánh giá phải cung cấp cho tất cả các bên liên quan;
- Kết quả đánh giá cần được truyền đạt một cách hiệu quả cho tất cả các bên liên quan;
- Cần có sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan trong đánh giá;
- Nên cho phép đánh giá lặp lại để xác định xu hướng và kết hợp các kết quả đánh giá;
- Đảm bảo năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về du lịch của địa phương để giám sát tiến độ đánh giá tính bền vững.

NCS sẽ sử dụng hệ thống các tiêu chí đánh giá mức độ phát triển bền vững du lịch trên địa bàn Hải Phòng theo 3 nhóm tiêu chí đo lường ba trụ cột đã xác lập ở cơ sở lý thuyết này đánh giá mức độ phát triển bền vững của du lịch thành phố Hải Phòng dựa trên nghiên cứu dữ liệu thứ cấp và kết quả nghiên cứu định tính bằng phỏng vấn thu thập nhận xét đánh giá của các bên tham gia phục vụ cho các phân tích nhận định về thực trạng phát triển bền vững du lịch Hải Phòng trong chương 3.

2.3. Cơ sở lý luận về các yếu tố tác động đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương theo tiếp cận các bên liên quan

2.3.1. Lý thuyết các bên liên quan trong phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh/thành phố

Lý thuyết các bên liên quan, được Freeman giới thiệu vào năm 1984, cho rằng một tổ chức nên xem xét lợi ích của tất cả các bên liên quan trong quá trình ra quyết định. Trên địa bàn địa phương có nhiều bên liên quan đến phát triển bền vững du lịch. Mỗi nhóm bên liên quan có lợi ích và tác động riêng biệt đến phát triển du lịch trên địa bàn địa phương, cần phải nghiên cứu vai trò của mỗi bên trong quá trình phát triển bền vững du lịch. Richardson và Fluker (2004) định nghĩa các bên liên quan đến phát triển du lịch trên địa bàn là "những người quan tâm hoặc những người bị ảnh hưởng bởi du lịch". Weaver và Lawton (2010) định nghĩa các bên liên quan đến phát triển du lịch là, "các thành viên của một mạng lưới được kết nối với nhau, trong đó tồn tại các khả năng tương tác giữa hai hoặc nhiều các thành phần trong hệ thống". Nói cách khác, các bên liên quan trong phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương được coi là một mạng lưới các tổ chức và cá nhân liên quan đến phát triển hoạt động du lịch trên địa bàn địa phương (Waligo, Clarke, và Hawkins, 2013). Những đặc điểm này sẽ được sử dụng để xác định các bên liên quan phù hợp tại địa phương cần nghiên cứu. Các nhóm bên liên quan chính đến phát triển du lịch trên địa bàn địa phương là: khách du lịch, cộng đồng người dân địa phương, các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và các tổ chức phi chính phủ (Byrd et al., 2009a; Conaghan & Hanrahan, 2009).

Các bên liên quan đến phát triển bền vững du lịch, cũng chính là các chủ thể chính tham gia hoạt động du lịch trên địa bàn địa phương. Mỗi chủ thể có vai trò, vị trí riêng và thông qua hoạt động tham gia, bằng hành vi cụ thể của mình, đều có những đóng góp, tác động, ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch. Do đó tính trách nhiệm của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch là yếu tố cần thiết để góp phần đảm bảo cho phát triển bền vững du lịch; đồng thời vấn đề công bằng về lợi ích cũng chính là một trong các yêu cầu, nội dung của phát triển bền vững du lịch, là mục tiêu mà phát triển bền vững du lịch hướng đến.

Trong bối cảnh lĩnh vực du lịch, nguyên lý chính của lý thuyết các bên liên quan là tất cả các bên quan tâm hoặc bị ảnh hưởng bởi sự phát triển du lịch phải có cơ hội để tác động đến hoạt động quản lý và phát triển hoạt động du lịch (Sautter và Leisen 1999; UNEP và UNWTO 2005). Điều này có nghĩa là phát triển bền vững du lịch đòi hỏi sự hỗ trợ và tham gia của các bên liên quan trong toàn bộ quá trình lập kế hoạch khai thác

điểm đến phục vụ du khách (Byrd, Bosley, và Dronberger 2009; Currie, Seaton, và Wesley 2009; Jamal và Stronza 2009; Waligo et al. 2013). Lý thuyết về các bên liên quan rất hữu ích trong việc kiểm tra xem các nhóm bên liên quan khác nhau nhận thức như thế nào về phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương. Mối quan hệ giữa các bên liên quan rất phức tạp và năng động vì vai trò của các bên liên quan là cụ thể theo từng địa điểm, thay đổi về loại hình và mức độ theo thời gian, nguồn lực và sự lãnh đạo (Byrd 2007; Sautter và Leisen 1999). Có sự đánh đổi về bản chất giữa các bên liên quan trong phát triển bền vững du lịch (Byrd và cộng sự 2009; Hawkins và Cunningham 1996; Murphy 1983; Sautter và Leisen 1999). Các tổ chức quản lý điểm đến và các nhà kinh doanh du lịch có xu hướng tập trung vào việc đáp ứng yêu cầu của khách du lịch nhằm tối đa hóa lợi nhuận, trong khi người dân địa phương tập trung vào cải thiện sinh kế và chất lượng cuộc sống của họ, do đó, quan điểm của cả khách du lịch và cư dân địa phương là rất quan trọng trong việc lập kế hoạch và quản lý bền vững du lịch. Điều này dẫn đến bắt buộc phải xác định quan điểm của các bên liên quan và xem xét các giá trị, nhận thức và lợi ích của họ trong phát triển du lịch vì vai trò của họ định hình bản chất của phát triển bền vững du lịch tại một điểm đến (Imran và cộng sự 2014). Ví dụ, các tác giả nhận thấy rằng du khách ủng hộ việc duy trì phát triển bền vững du lịch bằng cách mua hàng hóa địa phương. Phát hiện này trùng khớp với kết quả của báo cáo đánh giá của MESST năm 2007, trong đó các doanh nhân địa phương đã liên kết tính bền vững của du lịch với khả năng kinh tế tiềm năng của doanh nghiệp (Zorpas và cộng sự, 2008). Các doanh nghiệp du lịch địa phương tin rằng ưu tiên chính của tính bền vững là đảm bảo lợi ích kinh tế lâu dài, đồng thời đảm bảo sử dụng tối ưu tài nguyên môi trường trên địa bàn địa phương.

Nghiên cứu của luận án về phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh/thành phố tập trung vào các trụ cột của phát triển bền vững du lịch ở địa phương: giải thích về vai trò của các bên liên quan tại địa phương trong phát triển du lịch bền vững; phản ứng của các bên liên quan tại địa phương đối với các chính sách hiện hành hỗ trợ phát triển bền vững du lịch trong khu vực; nhận thức và sự hiểu biết của các bên liên quan về những tác động tích cực và những tác động tiêu cực của phát triển bền vững du lịch; và những rào cản mà các bên liên quan tại địa phương gặp phải đối với sự tham gia của họ vào phát triển bền vững du lịch.

Phát triển bền vững du lịch theo cách tiếp cận các bên liên quan tại địa bàn một địa phương cấp tỉnh là một khái niệm đa chiều với các chủ đề chính: (1) Du lịch mang lại lợi ích kinh tế bền vững, thu hút và phục vụ được nhiều khách du lịch hơn và tăng tỷ suất lợi nhuận đầu tư; (2) Du lịch đảm bảo lợi ích kinh tế được chia sẻ cho các bên liên

quan tại địa phương; (3) Du lịch tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn tài nguyên sẵn có của khu vực, với quy hoạch sử dụng đất cẩn thận; (4) Du lịch với bảo vệ và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường tự nhiên; (v) Du lịch tập trung vào bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa - xã hội địa phương.

Ở góc độ văn hóa - xã hội, sự hài lòng của khách du lịch và cộng đồng địa phương đối với chất lượng dịch vụ và cơ hội việc làm được xác định là yếu tố cần thiết cho sự thành công của phát triển du lịch theo hướng bền vững trên địa bàn địa phương. Công bằng xã hội với sự phân phối lợi nhuận từ du lịch công bằng thông qua các cơ hội việc làm và sinh kế cũng như cung cấp dịch vụ tốt hơn cho người dân địa phương được nhấn mạnh trong phát triển bền vững du lịch. Các khía cạnh văn hóa - xã hội cũng phải được giải quyết thấu đáo nhằm mục đích bảo vệ văn hóa của cộng đồng địa phương khỏi bị ảnh hưởng tiêu cực bởi khách du lịch.

Farrell và Twining-Ward (2004) đề xuất rằng các bên liên quan không chỉ cần hiểu biết cơ bản các vấn đề về phát triển bền vững du lịch mà còn biết cách làm thế nào để họ có thể kết nối với các đặc điểm khác của cộng đồng địa phương để đưa ra các quyết định sáng suốt. Tính bền vững của du lịch không chỉ phụ thuộc vào những yếu tố cơ bản của "ngành du lịch" mà còn phụ thuộc vào toàn bộ "hệ thống du lịch toàn diện".

Vì vậy, theo NCS, để phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh/thành phố sẽ đòi hỏi phải nghiên cứu toàn bộ hệ thống, liên ngành các hoạt động du lịch và các yếu tố tác động từ các bên liên quan đến sự phát triển du lịch. Trong đó, yếu tố mang tính quyết định ở tầm vĩ mô là hoạt động quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn địa phương. Sau đây, luận án trình bày các nhóm yếu tố tác động từ các bên liên quan đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương.

2.3.2. Các yếu tố thuộc các doanh nghiệp du lịch tác động tới phát triển bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố

Các doanh nghiệp du lịch đóng vai trò quan trọng trong phát triển du lịch bền vững tại địa phương. Các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trực tiếp cung cấp các dịch vụ phục vụ khách du lịch như: lưu trú, lữ hành, tham quan, giải trí,... Các hoạt động kinh doanh của họ ảnh hưởng trực tiếp đến ba trụ cột của phát triển bền vững du lịch: môi trường, kinh tế và văn hóa - xã hội. Các doanh nghiệp du lịch hoạt động theo các mô hình và tiêu chuẩn bền vững sẽ tác động tích cực đến sự phát triển bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố. Các nguồn lực kinh doanh, trình độ quản lý và sự phát triển của đội ngũ doanh nhân ảnh hưởng quyết định đến sự phát triển bền vững du lịch trên địa bàn.

Hoạt động của cơ sở kinh doanh du lịch trực tiếp góp phần tạo nên doanh thu, giá trị tăng thêm của ngành du lịch, đồng thời cũng tác động trực tiếp đến tài nguyên du lịch, đến môi trường tự nhiên, xã hội cũng như đến cộng đồng dân cư trên địa bàn điểm đến du lịch. Với việc sử dụng hiệu quả, hợp lý tài nguyên và các nguồn lực du lịch khác để góp phần thúc đẩy tăng trưởng bền vững du lịch, chia sẻ lợi ích với cộng đồng, các cơ sở kinh doanh có thể đóng góp cho giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo ở địa phương, bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch. “Ngược lại, nếu cơ sở kinh doanh du lịch thiếu ý thức trách nhiệm, các nguồn lực trong đó có tài nguyên du lịch có thể bị khai thác, sử dụng lãng phí hoặc quá mức cho mục tiêu lợi nhuận, lợi ích cộng đồng thường bị bỏ qua, công tác xử lý chất thải, bảo vệ môi trường bị xem nhẹ để tiết giảm chi phí, từ đó gây ảnh hưởng lớn đến phát triển du lịch bền vững.” (Dương Hoàng Dương, 2017).

Trách nhiệm Xã hội của Doanh nghiệp (CSR) tác động tới phát triển bền vững du lịch. Các doanh nghiệp du lịch áp dụng các hoạt động CSR bao gồm: giảm thiểu tác động đến môi trường, hỗ trợ cộng đồng địa phương và thúc đẩy các hoạt động kinh doanh có đạo đức. Các công ty thực hiện kinh doanh du lịch đảm bảo tính bền vững có thể nâng cao danh tiếng và thu hút khách du lịch có ý thức bảo vệ môi trường (Hall & Page, 2022). Các doanh nghiệp du lịch áp dụng các hoạt động bền vững có thể giảm thiểu những tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên và cộng đồng cư dân địa phương.

Việc áp dụng các công nghệ tiên tiến có thể tăng cường tính bền vững trong kinh doanh du lịch. Điều này bao gồm việc sử dụng năng lượng tái tạo, vật liệu xây dựng bền vững và công nghệ giảm thiểu chất thải. Các doanh nghiệp du lịch tận dụng công nghệ để cải thiện hiệu quả sử dụng tài nguyên và giảm tác động đến môi trường có thể đóng vai trò quan trọng trong du lịch bền vững (Pérez-Esparrells & Ysa, 2023). Bằng cách thúc đẩy các hoạt động du lịch thân thiện với môi trường và nâng cao nhận thức của khách du lịch về bảo tồn môi trường, các doanh nghiệp du lịch có thể giúp bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên quan trọng đối với sức hấp dẫn của địa phương như một điểm đến du lịch.

Các doanh nghiệp du lịch kinh doanh tốt sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo ra việc làm, tạo ra thu nhập và đóng góp bền vững vào phát triển kinh tế địa phương thông qua thuế và chi tiêu cho hàng hóa và dịch vụ địa phương. Đặc biệt, các doanh nghiệp du lịch bền vững tập trung vào lợi ích kinh tế dài hạn thay vì lợi nhuận ngắn hạn.

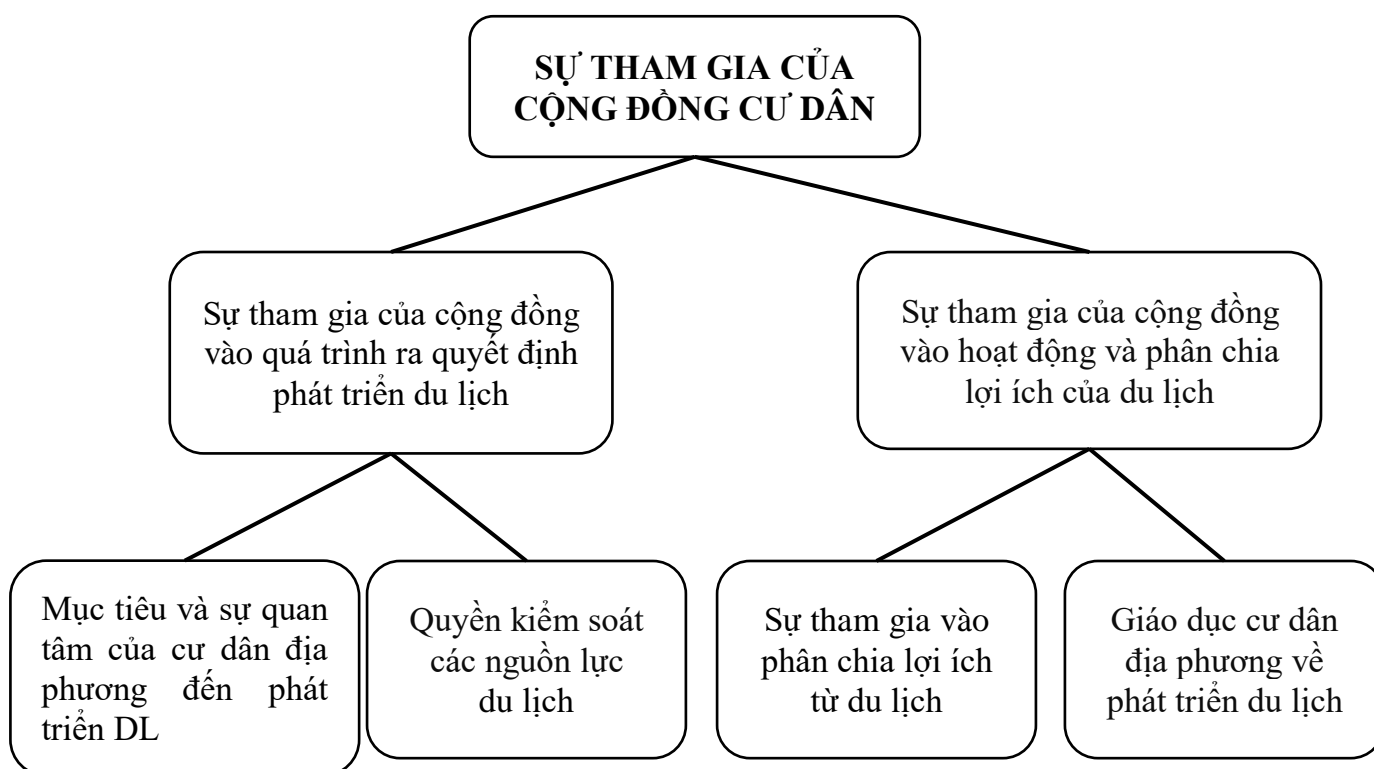
Các doanh nghiệp du lịch có thể hỗ trợ đa dạng hóa hoạt động kinh tế trên địa bàn bằng cách tạo ra mối liên kết với các lĩnh vực khác, chẳng hạn như nông nghiệp, thủ công mỹ nghệ và dịch vụ. Điều này giúp phát triển kinh tế địa phương. Ví dụ, các dự án du lịch sinh thái kết hợp các sản phẩm nông nghiệp và thủ công mỹ nghệ địa phương có thể cung cấp thêm nguồn thu nhập cho cộng đồng địa phương (Nguyen, 2023).

Các doanh nghiệp du lịch tuyển dụng nhân lực địa phương, tác động đến sự bền vững về sinh kế của cư dân địa phương. Các doanh nghiệp du lịch tạo ra nhiều việc làm cho cư dân, trả lương cao sẽ ảnh hưởng quan trọng đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn. Các doanh nghiệp có thể đầu tư vào đào tạo và phát triển nhân viên để nâng cao kỹ năng và khả năng tuyển dụng của người lao động địa phương (Scheyvens, 2023).

Các doanh nghiệp du lịch cũng ảnh hưởng đến cấu trúc văn hóa xã hội của tỉnh/thành phố. Họ tương tác với cộng đồng địa phương và có thể ảnh hưởng đến di sản văn hóa, truyền thống của địa phương. Các doanh nghiệp du lịch bền vững tôn trọng và bảo tồn di sản văn hóa của các khu vực mà họ hoạt động. Họ hợp tác với cộng đồng địa phương và thu hút người dân địa phương tham gia vào các hoạt động du lịch. Sự hợp tác này giúp bảo tồn di sản văn hóa địa phương bền vững.

2.3.3. Các yếu tố thuộc cộng đồng cư dân địa phương tác động tới phát triển bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố

Cộng đồng cư dân trên địa bàn điểm đến du lịch là tác nhân quan trọng ảnh hưởng đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn vừa với tư cách là những người tham gia phục vụ khách du lịch, vừa nhận được lợi ích hoặc có thể bị ảnh hưởng về lợi ích khi phát triển hoạt động du lịch trên địa bàn sinh sống của họ. Hình 2.3 thể hiện vai trò tham gia của cộng đồng cư dân địa phương vào phát triển bền vững du lịch tại điểm đến.



Hình 2.3. Vai trò của cộng đồng dân cư trong phát triển bền vững du lịch

Người dân địa phương đã xác định các chủ đề chính về ý nghĩa của phát triển bền vững du lịch. Hai chủ đề có ý nghĩa chung cho cả người dân địa phương và các doanh nhân du lịch tại địa phương: (i) Phát triển du lịch với việc bảo vệ và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường tự nhiên; (ii) Phát triển du lịch với việc tối ưu hóa trong sử dụng tài nguyên; và quy hoạch sử dụng đất cẩn thận. Ngoài ra, hai chủ đề chính có ý nghĩa chung cho cư dân, doanh nghiệp du lịch địa phương và chính quyền địa phương: (iv) du lịch với lợi ích kinh tế chung cho các bên liên quan tại địa phương; và (v) du lịch tập trung vào bảo vệ môi trường tự nhiên và các giá trị văn hóa xã hội địa phương.

Sự tham gia của cộng đồng cư dân địa phương giúp đảm bảo phát triển du lịch phù hợp với nhu cầu và giá trị của địa phương. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng các mô hình du lịch dựa vào cộng đồng có thể thúc đẩy các hoạt động bền vững bằng cách ưu tiên sự tham gia và ra quyết định của cộng đồng cư dân địa phương. Các mô hình du lịch dựa vào cộng đồng nhấn mạnh sự tham gia của người dân địa phương vào các quy trình ra quyết định, hỗ trợ cho các sáng kiến bền vững (Pérez-Esparrells & Ysa, 2023). Khi cư dân địa phương tham gia vào quá trình lập kế hoạch phát triển du lịch, họ có nhiều khả năng hỗ trợ và duy trì các sáng kiến bền vững hơn.

Bảo tồn văn hóa và truyền thống địa phương là yếu tố quan trọng đối với phát triển bền vững du lịch. Các cộng đồng tích hợp di sản văn hóa của họ vào các dịch vụ du lịch không chỉ nâng cao trải nghiệm của du khách mà còn bảo tồn văn hóa. Bằng cách thu hút người dân địa phương tham gia vào quá trình phát triển du lịch, có thể đảm bảo rằng các tài sản văn hóa của cộng đồng địa phương được bảo tồn bền vững (Scheyvens, 2023). Các dự án du lịch do cộng đồng lãnh đạo thành công thường có các nghệ thủ công truyền thống, biểu diễn nghệ thuật và ẩm thực địa phương, thu hút khách du lịch tìm kiếm trải nghiệm trong khi vẫn bảo tồn được di sản văn hóa.

Du lịch có thể thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương bằng cách tạo ra việc làm và hỗ trợ các nghề truyền thống của địa phương. Cần đảm bảo doanh thu từ du lịch mang lại lợi ích cho cộng đồng cư dân thay vì chỉ cho doanh nghiệp du lịch là điều kiện cho sự phát triển bền vững. Vì vậy, doanh nghiệp du lịch cần trả lương công bằng, hỗ trợ các doanh nhân địa phương và đào tạo nâng cao kỹ năng cho người dân địa phương (Hall & Page, 2022). Doanh thu từ du lịch mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương giúp giảm bớt căng thẳng xã hội và thúc đẩy phát triển bền vững. Việc phân phối công bằng các lợi ích kinh tế từ du lịch cho cộng đồng địa phương là yếu tố tác động mạnh đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn.

Công bằng xã hội đảm bảo tất cả các thành viên cộng đồng địa phương, bao gồm cả các nhóm thiểu số, đều được hưởng lợi từ các hoạt động du lịch cũng là yếu tố quan

trọng tác động đến phát triển bền vững du lịch. sự hòa hợp xã hội và giảm sự chênh lệch trong cộng đồng có thể thúc đẩy các hoạt động du lịch bền vững (Scheyvens, 2023).

2.3.4. Các yếu tố thuộc cơ quan quản lý nhà nước tác động tới phát triển bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố

Chính phủ và cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch cùng với chính quyền địa phương cấp tỉnh là bên liên quan quan trọng trong phát triển bền vững du lịch. Các cơ quan quản lý nhà nước chi phối đến phát triển bền vững du lịch thông qua các hoạt động: hoạch định chính sách, phát triển cơ sở hạ tầng, đảm bảo sự tham gia của cộng đồng cư dân địa phương vào du lịch và giám sát việc thực hiện các chính sách và quy định phát triển bền vững du lịch trên địa bàn. Bằng cách quản lý hiệu quả các hoạt động du lịch, chính quyền tỉnh có thể đảm bảo phát triển bền vững du lịch, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế, xã hội và môi trường của địa phương, đồng thời bảo vệ lợi ích của các thế hệ tương lai. Dưới đây là một số yếu tố cụ thể thuộc cơ quan quản lý nhà nước.

Ban hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường: Chính quyền trung ương và địa phương có vai trò quan trọng trong việc thiết lập và thực thi các quy định về môi trường để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên khỏi những tác động tiêu cực của du lịch. Các chính sách hiệu quả có thể làm giảm sự suy thoái môi trường và thúc đẩy các hoạt động bền vững. Ví dụ, các quy định về quản lý chất thải, sử dụng đất và bảo tồn tài nguyên là điều cần thiết để duy trì sự cân bằng sinh thái (Pérez-Esparrells & Ysa, 2023). Ban hành và thực thi các quy định và cơ chế quản lý hoạt động du lịch tại các điểm đến du lịch trên địa bàn tỉnh.

Ban hành chính sách hỗ trợ phát triển bền vững du lịch: Chính quyền ban hành các chính sách khuyến khích và hỗ trợ nhằm tạo điều kiện phát triển du lịch bền vững trên địa bàn. Các chính sách bao gồm cung cấp các ưu đãi tài chính cho các hoạt động du lịch bền vững, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, và thúc đẩy quan hệ đối tác công tư; khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, bảo tồn nước và phát triển giao thông bền vững (Hall & Page, 2022).

Xây dựng cơ sở hạ tầng bền vững: Chính quyền có vai trò quan trọng trong phát triển cơ sở hạ tầng hỗ trợ du lịch bền vững. Hạ tầng quan trọng là hệ thống giao thông công cộng hiệu quả và các cơ sở quản lý chất thải bền vững. Cơ sở hạ tầng đảm bảo phục vụ lượng khách du lịch đổ về mà không gây quá tải cho hạ tầng kỹ thuật của địa phương.

Xây dựng năng lực phát triển bền vững du lịch cho doanh nghiệp và người dân trên địa bàn: Chính quyền địa phương có thể tăng cường năng lực của cộng đồng địa phương và các doanh nghiệp kinh doanh du lịch thông qua các chương trình đào tạo về

các hoạt động du lịch bền vững, bảo tồn môi trường và gắn kết cộng đồng. Xây dựng năng lực đảm bảo rằng các bên liên quan tại địa phương được trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để tham gia phát triển bền vững du lịch.

Chính quyền địa phương và cơ quan chức năng quản lý nhà nước về du lịch tác động trực tiếp đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thông qua năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch.

Theo Điều 10 Luật Du lịch của Việt Nam (Luật số: 09/2017/QH14), “quản lý nhà nước về du lịch nói chung bao gồm các nội dung: (1) Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch; (2) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động du lịch; (3) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về du lịch; (4) Tổ chức, quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; (5) Tổ chức điều tra, đánh giá tài nguyên du lịch để xây dựng quy hoạch phát triển du lịch, xác định khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch; (6) Tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế về du lịch; hoạt động xúc tiến du lịch ở trong nước và nước ngoài; (7) Xây dựng bộ máy quản lý nhà nước về du lịch phù hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý phát triển du lịch; (8) Cấp, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về hoạt động du lịch; (9) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về du lịch.” Trên cơ sở quy định chung về quản lý nhà nước về du lịch, chính quyền các địa phương có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn phù hợp với chức năng của bộ máy chính quyền và phân cấp, phân quyền của Chính phủ. Đối với mỗi địa phương, năng lực quản lý nhà nước ở mức độ nào sẽ có tác động đến phát triển du lịch bền vững tương ứng ở mức độ đó. Một bộ máy nhà nước của địa phương được xác định là có năng lực quản lý đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch bền vững đòi hỏi phải được tổ chức hợp lý để có thể thực hiện tốt, đầy đủ các chức năng quản lý nhà nước nói chung nêu trên, đồng thời phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc của phát triển du lịch bền vững trong mọi khâu của quy trình quản lý, mọi nội dung của quản lý.

Chính quyền địa phương tác động đến phát triển bền vững du lịch với tư cách là bên liên quan với vai trò quản lý thúc đẩy và phối hợp các bên liên quan khác. Quản lý nhà nước không chỉ bao gồm việc xây dựng chính sách và quy hoạch phát triển du lịch, mà còn phải đảm bảo việc thực thi hiệu quả các quy định pháp luật, bảo vệ tài nguyên, và phát triển cộng đồng địa phương. Đảm bảo mang lại các lợi ích phù hợp cho tất cả các bên liên quan trong đó có Nhà nước.

2.3.5. Các yếu tố thuộc khách du lịch tác động tới phát triển bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố

Nhận thức, thái độ và hành vi của khách du lịch về các hoạt động du lịch bền vững là những yếu tố tác động mạnh đến phát triển du lịch bền vững. Các tác động bao gồm mức độ hài lòng của khách du lịch về tính bền vững của điểm đến du lịch và sự chủ động tham gia của khách du lịch vào các hoạt động bền vững. Khách du lịch bằng việc tiêu dùng và chi trả cho sản phẩm du lịch, họ chính là người tạo nên thu nhập cho các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, thúc đẩy hình thành và phát triển hệ thống kinh doanh, sản xuất và cung ứng hàng hóa, dịch vụ du lịch.

Khách du lịch có nhận thức và thái độ tích cực, có trách nhiệm với du lịch bền vững sẽ tôn trọng bảo tồn văn hóa địa phương, giảm xả thải rác và hỗ trợ các doanh nghiệp du lịch phát triển bền vững. Các chiến dịch giáo dục và nâng cao nhận thức có thể thúc đẩy các hành vi du lịch có trách nhiệm của khách du lịch (Hall & Page, 2022).

Nhu cầu của khách du lịch tìm kiếm các lựa chọn các loại hình du lịch bền vững và thân thiện với môi trường. Nhu cầu của du khách sẽ thúc đẩy các doanh nghiệp du lịch áp dụng các hoạt động du lịch bền vững. Khách du lịch ưu tiên lựa chọn các điểm đến du lịch bền vững sẽ thúc đẩy các doanh nghiệp và cộng đồng địa phương phát triển bền vững du lịch (Pérez-Esparrells & Ysa, 2023).

Mức chi tiêu của khách du lịch có thể ảnh hưởng đến phát triển bền vững du lịch. Khách du lịch có mức chi tiêu cao cho mua sắm các sản phẩm, dịch vụ và trải nghiệm địa phương đóng góp trực tiếp hơn cho kinh tế địa phương (Scheyvens, 2023).

Tính chất mùa vụ trong nhu cầu của khách du lịch có tác động mạnh đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch và khả năng phục vụ của địa phương. Các doanh nghiệp kinh doanh thu hút được khách du lịch trái mùa sẽ đảm bảo dòng du khách ổn định trong suốt cả năm có thể giúp giảm thiểu những tác động tiêu cực của nhu cầu biến động. Việc phát triển các điểm tham quan và hoạt động du lịch vào mùa thấp điểm để thu hút khách du lịch quanh năm có vai trò quan trọng trong phát triển bền vững du lịch (Hall & Page, 2022).

2.3.6. Tác động của các tổ chức phi chính phủ

Các tổ chức phi chính phủ và các cơ quan quốc tế đóng vai trò quan trọng trong việc vận động cho các hoạt động du lịch bền vững. Họ có thể tác động đến chính sách, nâng cao nhận thức và hỗ trợ cho các sáng kiến du lịch bền vững. Các nỗ lực vận động có thể làm nổi bật tầm quan trọng của việc bảo tồn môi trường, công bằng xã hội và sự tham gia của cộng đồng vào phát triển du lịch (Scheyvens, 2023).

Các tổ chức phi chính phủ và các cơ quan quốc tế có thể cung cấp tài trợ và nguồn lực cho các dự án du lịch bền vững, bao gồm các khoản tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật và các chương trình xây dựng năng lực. Sự hỗ trợ từ các tổ chức này có thể giúp vượt qua các rào cản về tài chính và kỹ thuật đối với phát triển du lịch bền vững (Nguyen, 2023).

Các tổ chức phi chính phủ và các cơ quan quốc tế có thể tiến hành đánh giá tác động để đánh giá tính bền vững của các dự án du lịch. Điều này bao gồm việc giám sát các tác động về môi trường, xã hội và kinh tế để đảm bảo rằng phát triển du lịch phù hợp với các mục tiêu bền vững. Các đánh giá thường xuyên có thể xác định các lĩnh vực cần cải thiện và giúp các bên liên quan điều chỉnh chiến lược của họ cho phù hợp (Hall & Page, 2022).

Các tổ chức phi chính phủ và các cơ quan quốc tế có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức giữa các bên liên quan. Điều này bao gồm việc tổ chức các hội thảo, hội nghị và chương trình đào tạo để phổ biến các mô hình và giải pháp thành công (Pérez-Esparrells & Ysa, 2023).

2.3.7. Tác động qua lại giữa các bên tham gia trong phát triển bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố

Như trên đã nói, phát triển bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố là một quá trình đa diện đòi hỏi sự tham gia và hợp tác tích cực của nhiều bên liên quan, bao gồm: các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp du lịch, cộng đồng địa phương và khách du lịch, các tổ chức phi chính phủ. Mỗi bên liên quan này đóng vai trò quan trọng trong việc định hình tính bền vững của du lịch ở cấp tỉnh. Sự tương tác giữa các bên liên quan này là điều cần thiết để đảm bảo phát triển du lịch cân bằng, mang lại lợi ích cho tất cả các bên liên quan và bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên, các giá trị văn hóa và kinh tế của địa phương cho các thế hệ tương lai.

Tương tác giữa các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp du lịch, cộng đồng cư dân địa phương và khách du lịch là yếu tố cốt lõi để đạt được sự phát triển du lịch bền vững. Sự hợp tác hiệu quả đảm bảo rằng lợi ích và mối quan tâm của tất cả các bên liên quan được xem xét, dẫn đến kết quả phát triển du lịch cân bằng và bền vững hơn. Một lĩnh vực hợp tác chính là trong việc lập kế hoạch và quản lý phát triển du lịch. Các quy trình lập kế hoạch toàn diện có sự tham gia của tất cả các bên liên quan có thể dẫn đến các chiến lược du lịch bền vững và được chấp nhận hơn. Ví dụ, việc đưa cộng đồng địa phương vào quá trình ra quyết định đảm bảo rằng nhu cầu và mối quan tâm của họ được giải quyết, trong khi các doanh nghiệp du lịch có thể cung cấp thông tin chi tiết về xu hướng thị trường và các thách thức trong hoạt động.

2.3.7.1. Quan hệ đối tác công tư

Quan hệ đối tác công tư là một cơ chế hợp tác quan trọng trong phát triển bền vững du lịch. Các quan hệ đối tác này có thể tận dụng các nguồn lực, chuyên môn và mạng lưới của cả khu vực công và tư để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững. Ví dụ, quan hệ đối tác công tư có thể tập trung vào phát triển cơ sở hạ tầng du lịch thân thiện với môi trường, thúc đẩy các sản phẩm du lịch bền vững hoặc cung cấp đào tạo cho cộng đồng địa phương.

Các nghiên cứu về quan hệ đối tác du lịch tập trung vào các giai đoạn và quy trình mà các thỏa thuận hợp tác phải trải qua. Vì vậy, luận án cũng tập trung vào nghiên cứu; thông qua cuộc điều tra về cách thức phát triển quan hệ đối tác du lịch giữa các địa phương để phát triển bền vững du lịch thành công. NCS khám phá các khuôn khổ tiếp cận được điều chỉnh từ các lý thuyết tổ chức và quản lý, chẳng hạn như mô hình các giai đoạn phát triển của Gray (1985). Gray đề xuất rằng các quan hệ đối tác thường xuyên chuyển qua các giai đoạn từ giai đoạn đặt vấn đề, đến thiết lập phương hướng và cuối cùng là giai đoạn thực hiện. Trong các nghiên cứu học thuật về phát triển du lịch, nhiều nghiên cứu đã bắt đầu áp dụng và điều chỉnh mô hình của Gray vào nghiên cứu về quan hệ đối tác du lịch (Selin và Chavez, 1995; Bramwell và Araujo, 2002). Họ đưa ra các khuôn khổ với các giai đoạn và điều kiện được xác định để tạo ra và phát triển các thỏa thuận đối tác trong du lịch.

Để đánh giá nhận thức và hiểu biết của các bên liên quan về tác động tích cực và tiêu cực của phát triển bền vững du lịch, các tài liệu về phát triển du lịch bền vững trên địa bàn địa phương được sử dụng làm khuôn khổ nghiên cứu (Canavan, (2014), Miller et al. (2010) và Williams và Ponsford (2009). Nhận thức và hiểu các tác động của các bên liên quan trên địa bàn địa phương tới phát triển bền vững du lịch có thể phân loại thành sáu chủ đề chính trong ba khía cạnh của phát triển bền vững du lịch. Các tác động này được phân loại là (i) các tác động tích cực đến môi trường tự nhiên; (ii) các tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên; (iii) các tác động tích cực về hiệu quả kinh tế; (iv) các tác động tiêu cực về hiệu quả kinh tế; (v) các tác động tích cực về văn hóa - xã hội và (vi) các tác động tiêu cực về văn hóa - xã hội.

Những tác động tích cực là những tác động mà du lịch bền vững hướng tới, và là điểm khác biệt với du lịch thông thường. Các mặt tiêu cực có thể được giảm thiểu khi hoạt động du lịch bền vững được thực hiện nhất quán và triệt để.

Về những rào cản mà các bên liên quan tại địa phương gặp phải đối với sự tham gia của họ vào phát triển bền vững du lịch, khung lý thuyết về các yếu tố rào cản sự

tham gia của cộng đồng của Tosun (2000) được sử dụng làm khuôn khổ nghiên cứu. Tosun (2000) đã xác định ba nhóm trở ngại chính đối với sự tham gia của cộng đồng địa phương vào quy trình phát triển du lịch ở các nước đang phát triển: (i) rào cản hoạt động, (ii) rào cản cấu trúc và (iii) rào cản văn hóa.

Như vậy, ba chủ đề chính đã được xác định dựa trên những rào cản mà các bên liên quan tại địa phương gặp phải đối với sự tham gia của họ vào phát triển du lịch bền vững trong khu vực: hoạt động, cấu trúc và văn hóa. Các rào cản hoạt động bao gồm thiếu thông tin về du lịch bền vững, thiếu sự hợp tác giữa các bên liên quan tại địa phương và sự tập trung của quản lý công về du lịch. Các rào cản về cấu trúc bao gồm thiếu cán bộ quản lý tiềm năng được đào tạo và thiếu nguồn lực tài chính cho chính quyền địa phương và các doanh nghiệp du lịch địa phương. Cuối cùng, các rào cản văn hóa bao gồm thiếu thời gian tham gia vào các hoạt động du lịch và mức độ nhận thức thấp về các vấn đề môi trường và xã hội trong cộng đồng dân cư địa phương.

Một chủ đề quan trọng khác về tương tác giữa các bên liên quan tham gia phát triển bền vững du lịch là các thỏa thuận hợp tác. Du lịch bền vững cũng coi trọng hoạt động hợp tác giữa các các bên liên quan (Laing và cộng sự, 2009). Các thỏa thuận đối tác có thể được coi là việc thực hiện các hoạt động du lịch bền vững thông qua một quá trình hợp tác, toàn diện và dân chủ hơn. Điều này đã dẫn đến việc tăng cường xem xét và áp dụng tính hợp tác làm việc trong những bối cảnh này. Những lợi ích và cam bẫy của những nỗ lực hợp tác trong lĩnh vực du lịch đã được Bramwell và Lane (2000) nhấn mạnh trong nghiên cứu của họ.

Việc hợp tác liên kết trong phát triển du lịch như vậy sẽ mang lại lợi ích cho địa phương vì các kiến thức và nguồn lực được tổng hợp từ nhiều bên liên quan sẽ gia tăng nhờ sự phối hợp trong các hoạt động. Điều quan trọng đối với các địa phương cấp tỉnh là quan hệ đối tác du lịch có thể được phát triển như một phản ứng tăng khả năng phục vụ du khách và giảm kinh phí cho các cơ quan quản lý du lịch (Laing et al., 2009). Điều này càng khẳng định cho quan điểm phát triển bền vững du lịch không thể thực hiện tách biệt khỏi các yếu tố bên ngoài hoặc động lực của các chính sách khác. Trên thực tế, các thỏa thuận hợp tác có thể là thành phần chính của việc quản lý các hoạt động và chính sách phát triển bền vững du lịch trên địa bàn một địa phương.

2.3.7.2. Sự liên kết và hợp tác du lịch giữa các địa phương trong nước và quốc tế, liên kết phối hợp giữa du lịch và các ngành, lĩnh vực liên quan

Sự phát triển của ngành du lịch trên địa bàn một địa phương cụ thể luôn nằm trong mối quan hệ với sự phát triển du lịch của các địa phương lân cận của quốc gia và

sự phát triển du lịch của các quốc gia lân cận. Các điểm đến du lịch trong một địa phương luôn vừa hợp tác vừa cạnh tranh với các điểm đến du lịch của các địa phương lân cận. Vì vậy sự liên kết hợp tác giữa các địa phương trong phát triển du lịch sẽ đảm bảo cho sự phát triển bền vững và hiệu quả ngành du lịch do thu hút được du khách tham gia các tuyến du lịch liên vùng hoặc liên điểm đến. Do ngành du lịch mang tính chất đa ngành và sự phát triển chịu tác động của sự phát triển của nhiều ngành kinh tế kỹ thuật khác. Đặc biệt cần có sự phát triển đồng bộ của các ngành giao thông vận tải, các ngành cung cấp các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật cho các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, các ngành liên kết với du lịch để tạo ra được các sản phẩm du lịch mới. Hơn nữa, các công ty kinh doanh địa phương cho rằng ngành du lịch không phát triển bền vững là do sự thiếu hợp tác và cạnh tranh không lành mạnh giữa các công ty du lịch trên địa bàn.

2.3.7.3. Du lịch tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn tài nguyên sẵn có của khu vực

Tối ưu hóa các nguồn tài nguyên du lịch là điều cần thiết để đảm bảo phát triển du lịch bền vững, bao gồm cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế với bảo tồn môi trường và phúc lợi xã hội. Để đạt được sự cân bằng này, điều quan trọng là phải quản lý và sử dụng các nguồn tài nguyên du lịch - thiên nhiên, văn hóa và con người - một cách hiệu quả và có trách nhiệm. Bằng cách áp dụng phương pháp tiếp cận toàn diện, các bên liên quan có thể tạo ra các mô hình du lịch bền vững.

Trên địa bàn tỉnh/thành phố nơi phát triển ngành du lịch, người dân và doanh nhân địa phương đều nhận thấy rằng phát triển bền vững du lịch nghĩa là tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn tài nguyên trong khu vực. Trên địa bàn tỉnh/thành phố đang sở hữu nhiều yếu tố phù hợp để phát triển du lịch như tài nguyên thiên nhiên, di tích lịch sử, làng nghề và các lễ hội hàng năm, ngành du lịch của địa phương sẽ phải cạnh tranh với các hoạt động kinh doanh khác về sử dụng hợp lý các tài nguyên thiên nhiên và văn hóa lịch sử này của địa phương.

Tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn tài nguyên du lịch là nền tảng để đạt được sự phát triển du lịch bền vững. Bằng cách quản lý tài nguyên thiên nhiên một cách có trách nhiệm, bảo tồn di sản văn hóa, đầu tư vào nguồn nhân lực, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch và thúc đẩy quản trị hợp tác, các bên liên quan có thể tạo ra một cách tiếp cận cân bằng đảm bảo tính bền vững lâu dài. Việc tích hợp các cân nhắc về kinh tế, xã hội và môi trường trong phát triển du lịch sẽ không chỉ nâng cao trải nghiệm của du khách mà còn bảo vệ các nguồn tài nguyên du lịch.

2.3.7.4. Du lịch với quy hoạch sử dụng đất của địa phương

Quy hoạch sử dụng đất đóng vai trò then chốt trong phát triển du lịch bền vững ở cấp tỉnh. Quy hoạch bao gồm việc quản lý việc phân bổ và phân phối tài nguyên đất theo cách cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, bảo tồn môi trường và công bằng xã hội. Các bên liên quan từ nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm các cơ quan chính phủ, cộng đồng địa phương, doanh nghiệp tư nhân và các tổ chức môi trường có vai trò quan trọng trong việc định hình các chiến lược sử dụng đất hiệu quả. Vai trò, đóng góp và sự hợp tác của họ rất cần thiết để đảm bảo rằng tăng trưởng du lịch không làm tổn hại đến tính toàn vẹn sinh thái hoặc phúc lợi xã hội.

Cộng đồng người dân địa phương và các doanh nhân kinh doanh du lịch trên địa bàn địa phương, là những người phải đối mặt với các vấn đề liên quan đến việc sử dụng đất của ngành du lịch trên địa bàn. Vì vậy, phát triển du lịch bền vững phải bao gồm việc lập kế hoạch sử dụng đất để xây dựng các công trình phục vụ du lịch hợp lý. Người dân sống gần các khu vực có các dự án và địa điểm du lịch, là các bên liên quan tại địa phương chịu tác động trực tiếp của quy hoạch sử dụng đất. Quy hoạch sử dụng đất cho các dự án du lịch hoặc để xây dựng các khách sạn mà không xem xét các vấn đề môi trường và không gắn với bảo vệ quyền lợi của cư dân địa phương và bảo tồn tài nguyên có thể dẫn đến các xung đột giữa các bên liên quan tại địa phương.

Các cơ quan chính quyền, đặc biệt là ở cấp tỉnh, là những bên liên quan chính trong quy hoạch sử dụng đất cho du lịch. Họ chịu trách nhiệm xây dựng và thực thi các quy định, chính sách và khuôn khổ hướng dẫn sử dụng đất. Điều này bao gồm luật phân vùng, đánh giá tác động môi trường (EIA) và việc thành lập các khu bảo tồn. Chính quyền phải cân bằng nhu cầu phát triển du lịch với các mục đích sử dụng đất khác, chẳng hạn như nông nghiệp, lâm nghiệp và phát triển đô thị. Hơn nữa, họ nên phối hợp với nhiều ngành khác nhau để đảm bảo rằng quy hoạch sử dụng đất xem xét tính bền vững lâu dài, thay vì lợi ích kinh tế ngắn hạn. Quy hoạch sử dụng đất hiệu quả cho phát triển du lịch bền vững đòi hỏi sự hợp tác giữa tất cả các bên liên quan. Chính quyền phải tạo điều kiện cho đối thoại giữa khu vực tư nhân, cộng đồng địa phương và các tổ chức môi trường để tạo ra một phương pháp tiếp cận tích hợp. Các bên liên quan nên hợp tác với nhau để lập kế hoạch sử dụng đất toàn diện, xem xét các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường. Các cơ chế tham gia của công chúng, chẳng hạn như tham vấn, hội thảo và các cuộc họp của các bên liên quan, là điều cần thiết để đạt được sự đồng thuận và đảm bảo tính minh bạch trong quá trình lập kế hoạch.

2.3.7.5. Du lịch với lợi ích kinh tế được chia sẻ cho các bên liên quan tại địa phương

Chia sẻ lợi ích trong phát triển du lịch bền vững là một vấn đề quan trọng nhưng phức tạp liên quan đến việc phân phối công bằng các lợi ích do du lịch tạo ra giữa các bên liên quan khác nhau, như cộng đồng địa phương, cơ quan chính phủ, doanh nghiệp tư nhân và tổ chức bảo vệ môi trường. Ở cấp tỉnh, đảm bảo chia sẻ lợi ích công bằng và toàn diện là điều cần thiết để thúc đẩy tính bền vững lâu dài, thúc đẩy công bằng xã hội và duy trì cam kết của các bên liên quan đối với phát triển du lịch. Tuy nhiên, sự mất cân bằng về quyền lực, nguồn lực và quy trình ra quyết định thường tạo ra những thách thức trong việc đạt được sự phân phối lợi ích công bằng. Để giải quyết những thách thức này đòi hỏi sự hợp tác, minh bạch và khuôn khổ chính sách chiến lược.

Phát triển bền vững du lịch cần đảm bảo người dân địa phương, khách du lịch, các doanh nhân và chính quyền địa phương cảm thấy rằng phát triển du lịch đã đảm bảo chia sẻ lợi ích kinh tế công bằng cho các bên liên quan tại địa phương. Các sản phẩm địa phương và một số dịch vụ khác tại địa phương cũng phát triển để phục vụ du khách; điều này không chỉ làm cho người kinh doanh du lịch được hưởng lợi mà công dân địa phương cũng sẽ được hưởng lợi.

Việc chia sẻ lợi ích công bằng trong phát triển du lịch bền vững ở cấp tỉnh không đơn giản. Sự mất cân bằng quyền lực giữa các nhà đầu tư kinh doanh du lịch quy mô lớn và các bên liên quan địa phương thường làm cho phân phối lợi ích không bình đẳng. Các doanh nghiệp lớn có nhiều ảnh hưởng hơn đến các quy trình ra quyết định. Hơn nữa, việc thiếu khả năng tiếp cận các nguồn lực có thể hạn chế cộng đồng địa phương tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động du lịch. Chính quyền cần có khuôn khổ chính sách đảm bảo tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tính bao trùm trong các quy trình chia sẻ lợi ích. Chính quyền cũng nên thực hiện các quy định đảm bảo sự tham gia của cộng đồng vào lên kế hoạch phát triển các dự án du lịch.

2.5. Kinh nghiệm phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh/thành phố và bài học cho Hải Phòng

2.4.1. Kinh nghiệm quốc tế

2.4.1.1. Palawan, Philippines: Mô hình bảo tồn biển và du lịch bền vững

Palawan là một tỉnh của Philippines, thường được gọi là "Biên giới cuối cùng" do có sự đa dạng sinh học phong phú và môi trường tự nhiên nguyên sơ. Tỉnh này là nơi có một số hệ sinh thái biển ngoạn mục nhất thế giới, bao gồm Công viên thiên nhiên Tubbataha Reefs, một di sản thế giới được UNESCO công nhận, và các khu vực El Nido và Coron, nổi tiếng với những vách đá vôi tuyệt đẹp, vùng nước trong vắt và rạn san hô

rực rỡ. Ngành du lịch của Palawan đã phát triển nhanh chóng, nhưng chính quyền địa phương và nhiều bên liên quan đã triển khai các chiến lược hiệu quả để đảm bảo rằng sự tăng trưởng này không gây tổn hại đến môi trường.

Các chiến lược và hành động chính

Khu bảo tồn biển (MPA) Một trong những chiến lược quan trọng nhất đối với du lịch bền vững ở Palawan là thành lập và quản lý hiệu quả các Khu bảo tồn biển (MPA). Ví dụ, Công viên thiên nhiên Tubbataha Reefs là một trong những MPA được quản lý tốt nhất trên thế giới. Các quy định nghiêm ngặt được đưa ra để kiểm soát các hoạt động du lịch trong công viên, bao gồm giới hạn số lượng du khách, lệnh cấm đánh bắt cá và hướng dẫn lặn biển và lặn bằng ống thở. Doanh thu từ phí vào cửa và các hoạt động du lịch khác trong các MPA này được tái đầu tư vào các nỗ lực bảo tồn, bao gồm các chương trình tuần tra, giám sát và giáo dục. Cách tiếp cận này không chỉ giúp bảo vệ hệ sinh thái biển mà còn đảm bảo du lịch vẫn là nguồn thu nhập bền vững cho cộng đồng địa phương.

Cơ sở hạ tầng du lịch thân thiện với môi trường. Tại các khu vực như El Nido và Coron, chính quyền địa phương đã khuyến khích phát triển cơ sở hạ tầng du lịch thân thiện với môi trường. Các khu nghỉ dưỡng và khách sạn được yêu cầu tuân thủ các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về môi trường, chẳng hạn như hệ thống quản lý chất thải, các hoạt động bảo tồn nước và sử dụng năng lượng tái tạo. Nhiều nơi lưu trú được thiết kế để hòa hợp với môi trường tự nhiên, giảm thiểu tác động về mặt thị giác và sinh thái. Chính quyền địa phương cũng đã thúc đẩy việc sử dụng các phương tiện giao thông thân thiện với môi trường, chẳng hạn như thuyền chạy bằng năng lượng mặt trời và xe ba bánh chạy bằng điện, để giảm lượng khí thải carbon và bảo vệ chất lượng không khí. Những sáng kiến này đã giúp đưa Palawan trở thành một địa phương đi đầu trong lĩnh vực du lịch sinh thái, thu hút du khách quan tâm đến du lịch bền vững.

Sự tham gia của cộng đồng và chia sẻ lợi ích. Một khía cạnh quan trọng của mô hình du lịch bền vững của Palawan là sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương vào phát triển du lịch. Chính quyền địa phương và các tổ chức phi chính phủ (NGO) đã hợp tác với nhau để đảm bảo rằng lợi ích du lịch được chia sẻ công bằng giữa người dân địa phương. Các sáng kiến du lịch cộng đồng, chẳng hạn như các tour du lịch có hướng dẫn viên do ngư dân địa phương dẫn đầu hoặc các trải nghiệm văn hóa do cộng đồng bản địa cung cấp, mang lại lợi ích kinh tế trực tiếp cho người dân địa phương. Ngoài ra, doanh thu từ du lịch được sử dụng để tài trợ cho các dự án phát triển cộng đồng, chẳng hạn như giáo dục, chăm sóc sức khỏe và cải thiện cơ sở hạ tầng. Cách tiếp cận này không chỉ cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương mà còn thúc đẩy ý thức quản lý và trách nhiệm bảo vệ môi trường tự nhiên.

Các chương trình giáo dục và nâng cao nhận thức về môi trường. Giáo dục và nâng cao nhận thức về môi trường là những thành phần không thể thiếu trong chiến lược du lịch bền vững của Palawan. Nhiều chương trình đã được phát triển để giáo dục cả khách du lịch và người dân địa phương về tầm quan trọng của công tác bảo tồn. Ví dụ, du khách đến Rạn san hô Tubbataha được yêu cầu tham dự các buổi họp giao ban về các quy tắc và quy định của công viên, tầm quan trọng của các rạn san hô và các hoạt động lặn có trách nhiệm. Các trường học và cộng đồng địa phương cũng tham gia vào các hoạt động giáo dục về môi trường, chẳng hạn như bảo vệ rạn san hô, dọn dẹp bãi biển và các hoạt động trồng rừng ngập mặn. Các chương trình này giúp xây dựng đạo đức bảo tồn tự nhiên của người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, đảm bảo phát triển bền vững du lịch trong khu vực.

2.4.1.2. Kinh nghiệm của Sikkim, Ấn Độ

Sikkim, một tiểu bang ở đông bắc Ấn Độ, là mô hình phát triển du lịch bền vững. Nằm giữa Nepal, Bhutan và Tây Tạng, Sikkim nổi tiếng với sự đa dạng sinh học phong phú, nền văn hóa sôi động và cảnh quan tuyệt đẹp. Trong vài thập kỷ qua, Sikkim đã nổi lên như một trường hợp thành công về cách phát triển du lịch bền vững trong một khu vực nhạy cảm về mặt sinh thái và thách thức về kinh tế. Chính quyền tiểu bang Sikkim đã có những thành công trong phát triển bền vững du lịch trên địa bàn.

Bảo tồn môi trường

Cam kết bảo tồn môi trường của Sikkim là nền tảng của chiến lược du lịch bền vững của tiểu bang này. Chính quyền tiểu bang đã thực hiện các chính sách nghiêm ngặt để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Ví dụ, Sikkim đã cấm sử dụng túi nhựa và bán nước uống đóng chai trong chai nhựa từ lâu trước khi các tiểu bang khác của Ấn Độ áp dụng các biện pháp tương tự. Ngoài ra, Sikkim đã cam kết tất cả các hoạt động nông nghiệp trên địa bàn đều là 100% hữu cơ. Điều này không chỉ giúp bảo tồn chất lượng đất và nước mà còn định vị Sikkim là một điểm đến độc đáo cho khách du lịch sinh thái.

Sự tham gia của cộng đồng

Một trong những điểm sáng nhất của công tác quản lý du lịch của Sikkim là sự tham gia tích cực của cộng đồng cư dân địa phương. Chính quyền tiểu bang đã khuyến khích phát triển du lịch cộng đồng (CBT) bằng cách thúc đẩy hình thức lưu trú tại nhà dân và du lịch làng quê. Những sáng kiến này cho phép khách du lịch trải nghiệm văn hóa và lối sống địa phương đồng thời mang lại lợi ích kinh tế trực tiếp cho người dân địa phương. Sự tham gia của cộng đồng dân cư đảm bảo rằng sự phát triển du lịch phù hợp với nhu cầu và nguyện vọng của người dân địa phương, thúc đẩy ý thức sở hữu và trách nhiệm đối với các hoạt động bền vững.

Bảo tồn văn hóa

Sikkim là nơi sinh sống của nhiều nhóm dân tộc khác nhau, bao gồm Lepchas, Bhutias và Nepal, mỗi nhóm đều có di sản văn hóa độc đáo. Chính quyền đã nỗ lực bảo tồn và phát triển di sản văn hóa thông qua du lịch. Lễ hội, nghề thủ công truyền thống và ẩm thực địa phương là một phần không thể thiếu trong trải nghiệm du lịch ở Sikkim. Chính quyền và cộng đồng cư dân địa phương cùng nhau hợp tác để đảm bảo rằng du lịch văn hóa không dẫn đến việc biến truyền thống thành hàng hóa mà thu hút khách du lịch tìm hiểu sâu về văn hóa phong phú của Sikkim.

Quy định và giám sát

Chính quyền Sikkim đã thiết lập một cơ chế quản lý mạnh mẽ để đảm bảo rằng sự phát triển du lịch không làm tổn hại đến sự cân bằng sinh thái. Chính sách du lịch sinh thái hướng dẫn cụ thể cho các hoạt động du lịch, giám sát động của du lịch tới môi trường. Chính sách này cũng bao gồm các điều khoản giám sát và đánh giá tác động môi trường của các dự án du lịch, đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc bền vững. Chính quyền cũng đã thành lập các ủy ban ở cấp khu du lịch để giám sát việc thực hiện các hướng dẫn này, giúp quá trình quản lý trở nên toàn diện và hiệu quả hơn.

Phát triển cơ sở hạ tầng

Mặc dù ưu tiên bảo tồn môi trường và văn hóa, nhưng chính quyền địa phương vẫn quan tâm phát triển cơ sở hạ tầng. Tiểu bang đã đầu tư vào việc cải thiện phương tiện giao thông, chỗ ở và phương tiện liên lạc để phục vụ cho lượng khách du lịch ngày càng tăng. Tuy nhiên, những sự phát triển này được lên kế hoạch cẩn thận để giảm thiểu dấu chân sinh thái của chúng. Ví dụ, Sikkim đã tập trung vào việc phát triển chỗ ở thân thiện với môi trường, chẳng hạn như khách sạn và khu nghỉ dưỡng dùng năng lượng mặt trời, và sử dụng xe điện cho phương tiện giao thông địa phương.

Thúc đẩy du lịch phục vụ thị trường ngách

Sikkim đã thành công trong việc tạo ra thị trường ngách trong thị trường du lịch cạnh tranh bằng cách phát triển các hình thức du lịch chuyên biệt. Du lịch mạo hiểm, du lịch tâm linh và du lịch chăm sóc sức khỏe là một số ngách mà Sikkim đã phát triển. Địa hình đa dạng của tiểu bang mang đến nhiều cơ hội cho hoạt động đi bộ đường dài, leo núi và chèo thuyền trên sông, thu hút những người đam mê phiêu lưu từ khắp nơi trên thế giới. Ngoài ra, các tu viện, nơi tĩnh tâm yoga và trung tâm thiền định đã biến nơi đây thành điểm đến phổ biến cho du lịch tâm linh và chăm sóc sức khỏe. Bằng cách tập trung vào du lịch ngách, Sikkim đã thu hút được khách du lịch có giá trị cao đồng thời giảm áp lực lên các nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa của mình.

2.4.2. Kinh nghiệm của một số địa phương trong nước

2.4.2.1. Kinh nghiệm của tỉnh Quảng Ninh

Quảng Ninh nằm ở phía đông bắc Việt Nam, nổi tiếng với vịnh Hạ Long - một trong những di sản thế giới được UNESCO công nhận. Quảng Ninh có tài nguyên du lịch biển đảo phong phú, với những điểm đến du lịch hấp dẫn và có tiềm năng phát triển du lịch. Du lịch được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn và tỉnh đã quan tâm xây dựng quy hoạch và chiến lược phát triển đồng bộ từ 2010. Với sự gia tăng khách du lịch hàng năm đến vịnh Hạ Long, Quảng Ninh đã chú trọng quy hoạch du lịch Vịnh Hạ Long để phát triển bền vững. Chiến lược phát triển du lịch của Quảng Ninh tập trung vào: du lịch trải nghiệm trên vịnh Hạ Long; phát triển du lịch văn hóa lịch sử; tận dụng thắng cảnh thiên nhiên của biển đảo; phát triển gắn với văn hóa bản địa; xây dựng các điểm vui chơi giải trí đẳng cấp; đẩy mạnh quảng bá xúc tiến du lịch và ứng dụng số hóa vào quản lý du lịch.

Một số tổ chức nước ngoài đã hỗ trợ cho địa phương lập kế hoạch phát triển bền vững hơn. Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) đã hợp tác cùng với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh vào năm 2012 thực hiện dự án “Bảo vệ môi trường Vịnh Hạ Long” (VNAT, 2012). Dự án nhằm nâng cao năng lực quản lý hoạt động du lịch cho các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương trong việc giám sát và kiểm tra môi trường, quản lý sử dụng đất, quy hoạch du lịch bền vững và giáo dục cho cư dân và khách du lịch bảo vệ môi trường. Dự án đã mang lại kết quả tốt, có tác động tích cực đến môi trường Vịnh cũng như kiến thức và hành vi của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, khách du lịch và cư dân địa phương.

Bên cạnh đó, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) cũng hợp tác với các quan chức chính phủ Việt Nam để đảm bảo tính bền vững của Vịnh Hạ Long bằng cách nâng cao nhận thức và năng lực của các tổ chức phi chính phủ cũng như chính phủ địa phương để quản lý hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên (VNAT, 2014b). USAID và chính quyền địa phương nhận thấy rằng sự phát triển của nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, bến cảng, khai thác mỏ và giao thông ngày càng gây áp lực lên vịnh do làm suy thoái môi trường và làm cho môi trường sống của các cộng đồng xung quanh vịnh trở nên dễ bị tổn thương hơn. Kết quả là, họ có chính sách nhất định để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và cộng đồng địa phương trong khi các ngành kinh tế khác vẫn có thể phát triển được.

Tóm lại, tỉnh Quảng Ninh đã xác định và thực thi chiến lược quản lý phát triển du lịch theo hướng bền vững cho Vịnh Hạ Long. Cơ quan quản lý nhà nước đã xác định và thực thi các chính sách và biện pháp để phát triển bền vững hoạt động du lịch, giải quyết được vấn đề mật độ khách du lịch quá đông vào thời kỳ cao điểm và hạn chế sự

phát triển quá mức của các ngành kinh tế khác trong vùng có ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển bền vững du lịch Vịnh Hạ Long.

2.4.2.2. Kinh nghiệm của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Các cấp chính quyền và cơ quan quản lý du lịch địa phương đã ban hành nghị quyết, quy hoạch và kế hoạch phát triển du lịch trên địa bàn tạo nên hành lang pháp lý thuận lợi cho phát triển du lịch. Đồng thời, các cấp chính quyền cũng thực hiện tốt việc tuyên truyền cho cộng đồng cư dân địa phương nhận thức về phát triển bền vững du lịch.

Có chính sách hợp lý để thu hút đầu tư vào phát triển ngành du lịch; đồng thời thực hiện tốt việc quy hoạch đất đai và có kế hoạch bố trí sử dụng các tài nguyên du lịch địa phương cho các doanh nghiệp kinh doanh hợp lý, thu hút được các nhà đầu tư lớn. Chính quyền đã quan tâm phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải và các yếu tố hạ tầng kỹ thuật khác phục vụ cho việc đi lại dễ dàng cho du khách giữa các điểm đến và ở từng điểm đến.

Có chính sách và thực hiện việc quản lý các hoạt động tại điểm đến hiệu quả. Đảm bảo vệ sinh an toàn cho khách du lịch. Xây dựng được hình ảnh điểm đến thân thiện đối với khách du lịch. Chú trọng đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nhân lực cho du lịch đảm bảo cả về số lượng và chất lượng. Quan tâm đến xây dựng các sản phẩm du lịch mới hấp dẫn du khách. Đồng thời, có chính sách và chủ trương quan tâm đầu tư cho các hoạt động quảng bá xúc tiến cho du lịch trên địa bàn.

2.4.2.3. Kinh nghiệm hợp tác liên vùng để phát triển bền vững du lịch của thành phố Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế và tỉnh Quảng Nam

Ba tỉnh miền Trung Việt Nam là Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế và Quảng Nam đã và đang hợp tác trong quy hoạch tuyến du lịch mang lại những trải nghiệm tuyệt vời cho du khách. Chính quyền địa phương xác định phát triển bền vững du lịch là định hướng chiến lược quan trọng trong quản lý điểm đến. Ba tỉnh này nhận thấy cần phải làm việc cùng nhau để cung cấp một loạt các dịch vụ tuyệt vời cho khách du lịch bao gồm cả dịch vụ công và tư. Chính quyền địa phương cũng nhận ra rằng đang thiếu sự hợp tác giữa khu vực nhà nước và tư nhân cũng như giữa các công ty tư nhân trong phát triển du lịch. Trong khi hợp tác là yếu tố then chốt của phát triển bền vững du lịch thành công.

Để giải quyết vấn đề này, Biên bản ghi nhớ về hợp tác phát triển du lịch đã được Ủy ban nhân dân ba tỉnh Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế và Quảng Nam và Tổng cục Du lịch ký kết vào ngày 27 tháng 2 năm 2014. Với bản ghi nhớ này, sự hợp tác đã đảm bảo cho phát triển du lịch trở nên bền vững hơn.

Trong khu vực của ba tỉnh này, có ba Di sản Thế giới mang đến những trải nghiệm khó quên về thành thị cũng như nông thôn của Việt Nam, có thể mang lại trải nghiệm chân thực và lòng hiếu khách. Hơn nữa, với hệ thống lưu trú đang phát triển nhanh chóng với các khu nghỉ dưỡng phát triển hàng đầu, khu vực này có thể đáp ứng các nhu cầu du lịch cao cấp. Tuy nhiên, các doanh nghiệp du lịch đã phải đối mặt với sự sụt giảm mạnh về công suất khai thác buồng phòng khi nguồn cung tăng lên. Do đó, cần có thêm một phương pháp tiếp thị chiến lược trên diện rộng. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực cũng thiếu hụt so với nhu cầu thực tế. Để giải quyết những vấn đề đó, ba tỉnh đặt ra định hướng chiến lược để phát triển bền vững du lịch:

- Thu hút nhiều khách quốc tế hơn và thời gian lưu trú dài hơn ít nhất là lưu trú từ năm ngày đêm trở lên.

- Điểm đến mang lại cho du khách giá trị tốt nhất, dựa trên thế mạnh sản phẩm hiện có của Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế và Quảng Nam, cải tiến và bổ sung sản phẩm mới.

- Khu vực phát triển du lịch xanh, xây dựng thành phố sinh thái và các sáng kiến du lịch có trách nhiệm.

Trong kế hoạch hành động chính quyền ba địa phương đã nêu rõ “áp dụng và thực hiện các chương trình du lịch xanh và có trách nhiệm” và “Cải tiến sản phẩm theo từng tỉnh để đáp ứng nhu cầu thị trường (trong tương lai)” bằng cách giải quyết các điểm yếu của sản phẩm và giới thiệu các đổi mới công nghệ xanh.

Các địa phương đã tập trung vào phát triển du lịch dựa trên khai thác các di sản văn hóa (Hội An, Mỹ Sơn), du lịch văn hóa kết hợp với du lịch sinh thái. Đã đề xuất một loạt các giải pháp để giải quyết các tác động tiêu cực của du lịch đến môi trường tự nhiên):

Tăng cường các biện pháp quản lý, thưởng phạt nghiêm minh trong xây dựng, phát triển kinh doanh và du lịch; tập trung xử lý nước thải, rác thải tại các khách sạn, điểm du lịch, khu du lịch. Có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp du lịch ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường; áp dụng chế tài xử phạt rõ ràng đối với các đơn vị, cá nhân gây ô nhiễm môi trường. Tăng cường phối hợp với các ngành, nâng cao mức độ tham gia và đóng góp của cộng đồng trong nỗ lực chung nhằm đảm bảo môi trường tự nhiên cũng như sự phát triển xã hội.

Tóm lại, quy hoạch du lịch của ba tỉnh này tập trung nhiều vào phát triển du lịch theo hướng bền vững và có một số chính sách thực hiện. Mặc dù còn gặp một số khó

khẩn như thiếu nhân lực, thiếu cơ sở vật chất cơ bản,... các địa phương này đã hoạch định chi tiết chiến lược phát triển du lịch cụ thể phù hợp với đặc thù của vùng.

2.4.3. Bài học kinh nghiệm cho phát triển bền vững du lịch Hải Phòng

Từ nghiên cứu kinh nghiệm phát triển bền vững du lịch của các địa phương điển hình, NCS đã tổng kết các bài học cho thành phố Hải Phòng.

- Cần hài hòa các tiêu chí phát triển du lịch bền vững (du lịch sinh thái, du lịch xanh) đảm bảo phát triển hài hòa về cả ba mặt KT – XH – MT. Khai thác các tài nguyên du lịch phải đi đôi bảo vệ, bảo tồn các di sản tự nhiên, văn hóa và lịch sử của địa phương.

- Chính quyền địa phương có vai trò quan trọng trong đảm bảo cho phát triển bền vững du lịch trên địa bàn qua việc lựa chọn chiến lược phù hợp và xây dựng hệ thống cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển bền vững du lịch phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương. Trong đó công tác quy hoạch hợp lý việc khai thác các tài nguyên phục vụ phát triển du lịch phải đi trước, tiếp theo là xây dựng chiến lược và kế hoạch chi tiết, liên kết các tổ chức ban ngành liên quan để cùng nhau tham gia vào hoạt động phát triển du lịch. Phát triển Khung quản lý toàn diện du lịch bền vững, trong đó có các hướng dẫn rõ ràng, giám sát thường xuyên và sự tham gia của cộng đồng cư dân trong các dự án phát triển du lịch phù hợp với các nguyên tắc bền vững.

- Để thu hút khách du lịch bền vững, địa phương phải xây dựng được những sản phẩm du lịch độc đáo có giá trị khác biệt. Phát triển đa dạng hóa các loại hình du lịch. Bằng cách đa dạng hóa các dịch vụ du lịch và phục vụ các phân khúc thị trường ngách, Hải Phòng có thể thu hút khách du lịch có giá trị cao, thực sự quan tâm đến các khía cạnh độc đáo của địa phương. Tích cực quảng bá, xúc tiến cho du lịch hiệu quả dựa trên tiềm năng độc đáo của khu du lịch, xây dựng hệ thống thông tin chi tiết để phục vụ du khách tìm hiểu về du lịch Hải Phòng. Xây dựng kênh thông tin thu nhận các ý kiến phản hồi của du khách.

- Cần ban hành và thực thi các chính sách thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư vào du lịch, tạo công ăn việc làm cho cư dân địa phương, tích cực cải thiện môi trường xung quanh khu du lịch. Xây dựng mạng lưới cộng đồng tham gia vào việc giám sát, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, và môi trường. Nâng cấp đồng bộ hệ thống giao thông, cơ sở lưu trú, các khu vui chơi phục vụ du lịch. Có các chính sách bảo đảm an toàn cho khách du lịch.

- Cần trao quyền cho cộng đồng cư dân địa phương trong quá trình phát triển du lịch, có giải pháp để cộng đồng cư dân tham gia vào quá trình ra quyết định, đồng thời đảm bảo rằng họ nhận được một phần lợi ích kinh tế công bằng từ phát triển du lịch. Hỗ trợ cộng đồng cư dân địa phương tham gia vào hoạt động du lịch, nâng cao nhận thức

của cộng đồng trong bảo vệ môi trường và cảnh quan khu du lịch. Tích cực phát triển các ngành nghề địa phương phục vụ du lịch, việc khai thác và phát triển các ngành nghề truyền thống phục vụ du lịch cũng chính là cách làm du lịch bền vững.

- Tăng cường qua hệ liên kết và hợp tác với các địa phương lân cận, phát huy tiềm năng, lợi thế của từng địa phương để gia tăng sức hấp dẫn du khách của mạng lưới điểm đến du lịch. Đồng thời, xây dựng chuỗi liên kết cung ứng dịch vụ cho khách du lịch trong tất cả các khâu.

- Xây dựng hệ sinh thái phục vụ phát triển kinh doanh du lịch, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà kinh doanh, cộng đồng dân cư địa phương tham gia đầu tư phát triển các loại hình kinh doanh dịch vụ du lịch đa dạng. Xây dựng môi trường an toàn, thân thiện và văn minh hấp dẫn du khách. Đầu tư vào cơ sở hạ tầng xanh, chỗ ở và phương tiện giao thông thân thiện với môi trường, có thể giảm thiểu tác động môi trường của du lịch đồng thời tăng cường sức hấp dẫn chung của điểm đến.

Tiểu kết chương 2

Trong chương 2, NCS đã hệ thống hóa các nội dung lý thuyết về du lịch, phát triển du lịch và phát triển du lịch bền vững. Ngành du lịch có vai trò quan trọng, đã và đang được nhiều quốc gia quan tâm phát triển như là một ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển bền vững du lịch có bản chất là phát triển ngành du lịch đạt tốc độ tăng trưởng về kinh tế nhưng vẫn bảo tồn được văn hóa xã hội và môi trường tự nhiên. Phát triển bền vững du lịch là làm gia tăng doanh thu, lợi nhuận, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ ngành du lịch với tỷ lệ ổn định qua nhiều năm. Phát triển bền vững du lịch cũng bao gồm đảm bảo tăng trưởng của du lịch tiệm cận tới khai thác tối đa được tiềm năng du lịch của địa phương mà vẫn bảo vệ được môi trường và văn hóa xã hội. Nội dung chương đã xác định hệ thống các tiêu chí và chỉ tiêu đo lường mức độ bền vững của du lịch trên cả ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường. Sự phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh/thành phố lại phụ thuộc rất nhiều yếu tố tác động. Luận án đã xác định khuôn khổ lý thuyết về các yếu tố tác động đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn theo lý thuyết các bên tham gia: Các doanh nghiệp du lịch, cộng đồng dân cư địa phương, cơ quan quản lý du lịch và chính quyền địa phương, khách du lịch, các tổ chức phi chính phủ. Luận án cũng tổng kết kinh nghiệm phát triển bền vững du lịch của một số địa phương điển hình để rút ra bài học cho Hải Phòng. Cơ sở lý thuyết của chương 2 sẽ là khung khổ để NCS phân tích đánh giá thực trạng phát triển du lịch Hải Phòng trong thời gian qua ở chương 3 và đề xuất giải pháp ở chương 4.

CHƯƠNG 3

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

3.1. Tổng quan về tình hình phát triển du lịch thành phố Hải Phòng

3.1.1. Giới thiệu về tiềm năng du lịch thành phố Hải Phòng

Thành phố Hải Phòng nằm trong vùng Duyên hải Đông Bắc, thuộc vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, cách thủ đô Hà Nội 102 km. Phía bắc và đông bắc giáp tỉnh Quảng Ninh; phía tây bắc giáp tỉnh Hải Dương; phía tây nam giáp tỉnh Thái Bình và phía đông là bờ biển chạy dài theo hướng tây bắc - đông nam từ phía đông đảo Cát Hải đến cửa sông Thái Bình, trong phần phía tây Vịnh Bắc Bộ. Thành phố có tổng diện tích tự nhiên 152.742,7 ha. Trong đó, diện tích đất chưa sử dụng chiếm 2,53% tổng diện tích. Thành phố Hải Phòng là một thành phố cảng biển và công nghiệp lớn ở vùng Duyên hải Bắc Bộ, Việt Nam. Thành phố Hải Phòng là một trong 2 trung tâm phát triển của vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, dự kiến đến năm 2025 sẽ trở thành thành phố thứ 3 xếp loại đô thị đặc biệt.

Không chỉ đóng vai trò động lực phát triển kinh tế của vùng, thành phố Hải Phòng còn hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi cho sự phát triển các ngành kinh tế biển, công nghiệp và dịch vụ, trong đó có ngành du lịch. Đây là một vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử văn hóa lâu đời với nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể phong phú, độc đáo, cảnh quan thiên nhiên đẹp. Thành phố có vị trí địa lý thuận lợi là cửa ngõ của các hoạt động thương mại, giao lưu văn hóa, phát triển du lịch. Hạ tầng giao thông, bưu chính viễn thông, điện lực, y tế, giáo dục-đào tạo, khoa học công nghệ... được đầu tư đồng bộ và có tốc độ tăng trưởng nhanh so với nhiều địa phương khác trong cả nước. Nguồn nhân lực trong độ tuổi lao động chiếm tỷ lệ khá cao.

3.1.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Hải Phòng có địa hình khá đa dạng, mang lại nhiều mặt thuận lợi cho phát triển du lịch. Vùng đồi núi chiếm 15% diện tích, phân bố chủ yếu ở phía bắc, có cấu tạo địa chất của vùng trung du với những đồng bằng xen đồi. Phía nam Hải Phòng có địa hình thấp và khá bằng phẳng kiểu địa hình đặc trưng vùng đồng bằng thuận tuý nghiêng ra biển. Bờ biển Thành phố Hải Phòng dài trên 125 km, thấp và khá bằng phẳng, chủ yếu là cát bùn do 5 cửa sông chính đổ ra biển. Chính điều này đã làm cho biển Đồ Sơn thường xuyên bị vắn đục, tác động tiêu cực đến hoạt động tắm biển của khách du lịch.

3.1.1.2. Tài nguyên du lịch

Thành phố Hải Phòng có 2 khu du lịch nổi tiếng là quần đảo Cát Bà và bán đảo Đồ Sơn với tài nguyên du lịch biển phong phú. Đảo Cát Bà là Khu dự trữ sinh quyển thế giới, di tích quốc gia đặc biệt - danh lam thắng cảnh quần đảo Cát Bà, là khu bảo tồn biển đa dạng hệ sinh thái. Đảo chính Cát Bà có diện tích khoảng 100 km², cách trung tâm thành phố 30 hải lý. Vùng nước đảo Cát Bà trong xanh cùng các đảo trong vịnh Lan Hạ có hình dáng đẹp kì thú. Cát Bà nổi tiếng với những bãi biển trong xanh trải dài trên những bãi cát trắng mịn màng và hệ thống sinh thái rừng ngập mặn, nhiệt đới xanh quanh năm. Đến Cát Bà du khách có thể đến thăm vịnh Lan Hạ, động Trung Trang, động Trung Sơn, động Phù Long, vườn quốc gia Cát Bà hay tham gia tắm biển, chèo thuyền kayak, lặn biển và thưởng thức đặc sản biển nổi tiếng. Các đảo có giá trị leo núi và thám hiểm hang động làm tăng thêm hình thức du lịch biển. Các bãi tắm có cảnh quan đẹp, nước biển sạch, cát mịn, độ an toàn cao; du khách có thể tắm biển vào bất cứ lúc nào. Bãi biển kiểu này chỉ có ở Cát Bà vì đây là những bãi cát rìa rạn san hô, tựa lưng vào núi đá vôi, vật liệu cát tạo bãi là các mảnh vụn vôi sinh vật biển nên rất sạch, mịn và nhẹ. Đặc biệt trong khu rừng nguyên sinh Cát Bà có loài Voọc Cát Bà, loài thú cực quý hiếm trên thế giới chỉ có tại Cát Bà. Hệ sinh thái của Cát Bà là nguồn tài nguyên thiên nhiên quý về bảo tồn đa dạng sinh học và là tiềm năng phát triển các hoạt động nghiên cứu khoa học và du lịch khám phá. Vùng biển quần đảo Cát Bà của Thành phố Hải Phòng giáp vùng biển Vịnh Hạ Long với tỉnh Quảng Ninh, trung tâm du lịch quốc gia hàng đầu của Việt Nam, hàng năm đón hàng triệu lượt khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan, nghỉ dưỡng. Hải Phòng có thể khai thác di sản Vịnh Hạ Long trên cơ sở kết hợp với tỉnh Quảng Ninh để mở rộng tuyến du lịch phục vụ nhu cầu của khách du lịch.

Cách Cát Bà hơn 90 km về phía Đông Nam là đảo Bạch Long Vỹ, có địa hình khá bằng phẳng và bờ biển nhiều cát trắng. Cả 2 đảo Cát Bà và Bạch Long Vỹ đều có tiềm năng phát triển du lịch, đặc biệt đảo Cát Bà có thể xây dựng trở thành khu du lịch quốc gia, hàng năm thu hút hàng triệu khách du lịch đến tham quan, nghỉ dưỡng.

Đồ Sơn là một bán đảo nhỏ được bao quanh bởi núi, vươn dài ra biển có những bãi cát mịn trên những bờ biển rợp bóng phi lao. Trong lịch sử, Đồ Sơn là nơi nghỉ ngơi của vua chúa, quan lại đô hộ. Ngày nay, Đồ Sơn là một điểm đến lý tưởng của khách du lịch trong ngày hè. Đồ Sơn còn nổi tiếng có casino, cùng với hệ thống sân golf đạt chuẩn quốc tế. Nằm cách Đồ Sơn 1 km về phía Đông Nam là Hòn Dấu. Nét hấp dẫn của Hòn Dấu là sự hoang sơ tĩnh mịch cách biệt hẳn với Đồ Sơn ồn ào với những gốc si cổ thụ khổng lồ. Hệ thực vật nguyên vẹn cả 3 tầng cùng với những rễ cây lớn tua tủa đâm sâu vào lòng đất

càng làm cho đảo thêm cổ kính. Nét hoang sơ, tĩnh mịch như càng được tôn thêm với Đền Thờ Nam Hải Thần Vương cùng với ngọn hải đăng hơn một trăm năm tuổi.

Về tài nguyên du lịch văn hóa, thành phố Hải Phòng được hình thành trên miền đất cổ, với nền tảng văn hóa - xã hội lâu đời, ngày nay còn lưu giữ được nhiều công trình kiến trúc nổi tiếng và các di tích quốc gia đặc biệt. Hệ thống di tích của thành phố khá phong phú, có hàng trăm di tích - danh thắng xếp hạng cấp quốc gia và cấp thành phố. Hệ thống đình, đền, chùa phong phú là nơi diễn ra các lễ hội mang đậm nét bản sắc văn hoá Việt Nam. Hải Phòng có nhiều di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc, tạo nên nét riêng của mảnh đất và con người Hải Phòng. Đặc biệt, sự kiện phát lộ hàng loạt bãi cọc tại Thủy Nguyên liên quan đến trận chiến Bạch Đằng Giang lịch sử. Hiện nay, toàn thành phố có 533 di tích được xếp hạng, trong đó có 2 di tích quốc gia đặc biệt là danh lam thắng cảnh quần đảo Cát Bà và Khu di tích Đền Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm; 118 di tích cấp quốc gia và 413 di tích cấp thành phố.

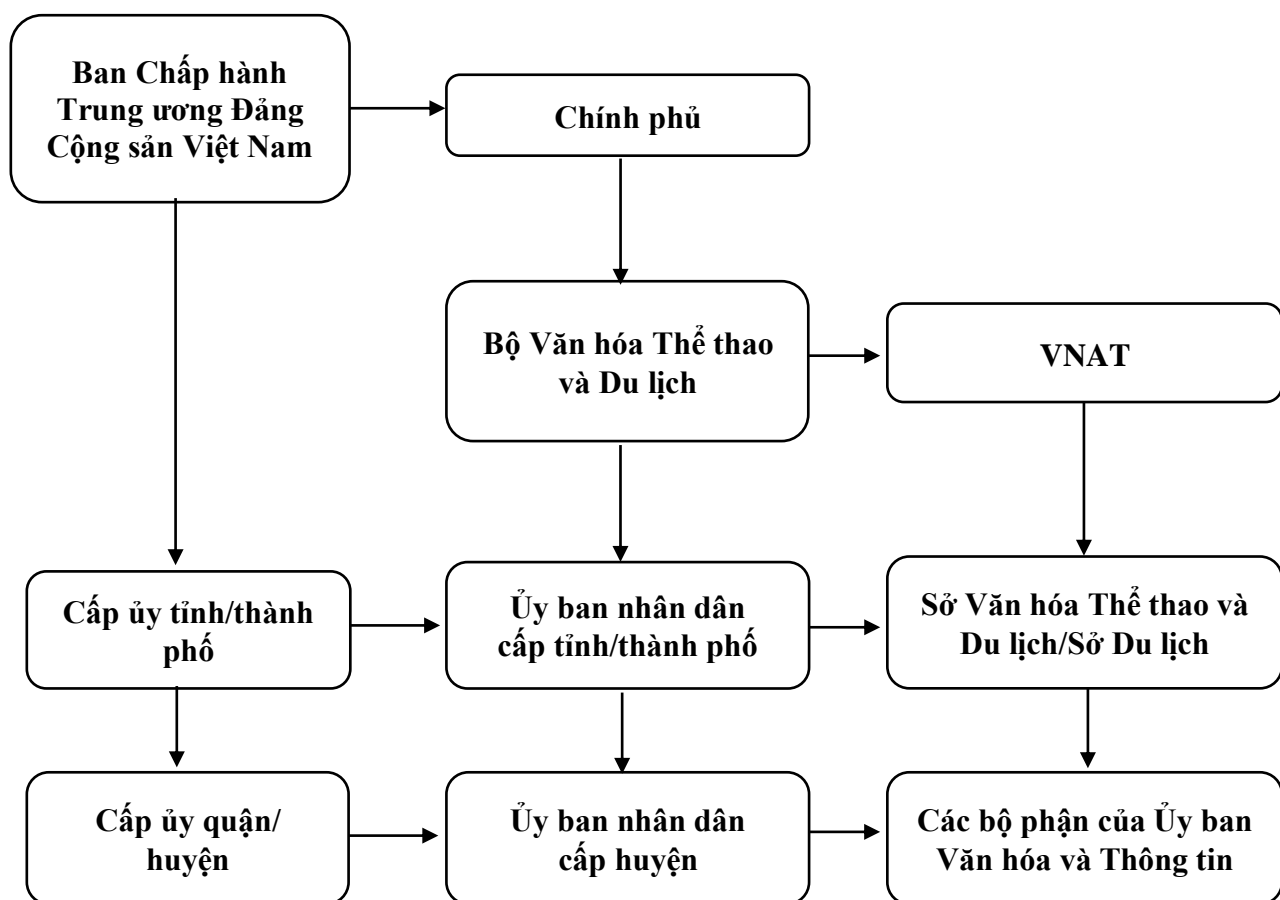
3.1.2. Mô hình quản lý vĩ mô ngành du lịch ở Việt Nam

Du lịch Việt Nam đã trải qua một số giai đoạn phát triển khác nhau và được quản lý bởi hai Bộ khác nhau. Trước năm 1990, lĩnh vực du lịch ở Việt Nam do Bộ Ngoại thương quản lý. Năm 1992, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được thành lập và ngành du lịch là một trong các ngành do Bộ này quản lý về mặt pháp lý đối với các hoạt động bao gồm ban hành nghị định, văn bản quy phạm pháp luật, phê duyệt quy hoạch, ... Tổng cục Du lịch trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm thực hiện tất cả các hoạt động liên quan đến du lịch của Việt Nam. Đến 1 tháng 7/2023, Tổng cục Du lịch được chuyển đổi thành Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam (tiền Anh là Viet Nam National Authority of Tourism - VNAT) với mô hình tổ chức mới để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động du lịch. Mối quan hệ giữa các cơ quan quản lý du lịch tại Việt Nam thể hiện ở hình 3.6.

Tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoạt động du lịch do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý hoặc Sở Du lịch, như thành phố Hải Phòng, địa điểm nghiên cứu của luận án này. Các Sở này là một bộ phận của Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan hành chính cấp tỉnh, chịu trách nhiệm về quản lý hoạt động du lịch trên địa bàn. Ở cấp huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin chịu trách nhiệm quản lý hoạt động du lịch. Các Phòng này là một bộ phận của chính quyền cấp huyện, chịu trách nhiệm về các quyết định du lịch ở cấp vi mô. Tuy nhiên, Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Do vậy, mọi hoạt động du lịch cũng chịu sự quản lý của các cấp Đảng. Các cơ quan chức năng này cũng có những Nghị quyết về phát triển du lịch cũng như các hoạt động khác của chính quyền.

3.3.1.1. Chức năng của Cục Du lịch Quốc gia (VNAT)

Cục Du lịch Quốc gia là cơ quan trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có chức năng giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động du lịch trong cả nước. Cơ cấu tổ chức của Cục Du lịch Quốc gia có các phòng: Quản lý lữ hành, Quản lý lưu trú, Quản lý xúc tiến du lịch, Kế hoạch - Tài chính, Hợp tác Quốc tế, Tổ chức Cán bộ, Văn phòng. Ngoài ra còn có hai đơn vị sự nghiệp trực thuộc: Trung tâm Công nghệ Thông tin Du lịch, Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch. Với những đơn vị đó, nhiệm vụ nội bộ của Cục Du lịch Quốc gia bao gồm cấp phép cho các công ty lữ hành, đại lý du lịch và hướng dẫn viên du lịch nội địa cũng như phân loại các khách sạn từ ba sao đến năm sao. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp tỉnh phụ trách các hạng cơ sở lưu trú ở cấp thấp hơn. Cục Du lịch Quốc gia cũng có các chức năng quản lý nhà nước về đào tạo, kiểm soát chất lượng và cơ sở hạ tầng trong lĩnh vực du lịch. Đối với nhiệm vụ đối ngoại, Cục Du lịch Quốc gia chịu trách nhiệm về các hoạt động xúc tiến, marketing du lịch Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế.



Hình 3.1: Mối quan hệ giữa các cơ quan quản lý du lịch tại Việt Nam

Một trong những trách nhiệm chính của Cục Du lịch Quốc gia là xây dựng quy hoạch tổng thể du lịch trong đó xác định các mục tiêu của du lịch quốc gia và vai trò của quản lý nhà nước về du lịch. Cục là cơ quan nhà nước có trách nhiệm nghiên cứu lập Quy hoạch tổng thể du lịch quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đây là hướng dẫn quan trọng ảnh hưởng tới sự phát triển du lịch của cả nước có vai trò định hướng cho tất cả các tỉnh thực hiện để đạt được các mục tiêu phát triển của ngành du lịch. Để đạt được các mục tiêu của Kế hoạch tổng thể, Cục Du lịch Quốc gia xây dựng Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chiến lược nêu mục tiêu tổng quát và cụ thể, sau đó đưa ra các giải pháp phát triển sản phẩm du lịch, Phát triển cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch, phát triển thị trường, xúc tiến và phát triển thương hiệu du lịch, Cục cũng đề xuất các chính sách khuyến khích đầu tư và thúc đẩy phát triển du lịch, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực du lịch, quản lý nhà nước về du lịch, đồng thời là xây dựng các kế hoạch hành động cụ thể.

3.3.1.2. Mối quan hệ giữa Cục Du lịch Quốc gia và Ủy ban nhân dân tỉnh

Như đã trình bày ở trên, Cục Du lịch Quốc gia là cơ quan chuyên môn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giải quyết việc thực hiện tất cả các hoạt động liên quan đến du lịch của Việt Nam. Do đó, Cục Du lịch Quốc gia có trách nhiệm kiểm soát tất cả các hoạt động du lịch trong lãnh thổ Việt Nam và báo cáo Chính phủ thông qua Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Cục Du lịch Quốc gia nghiên cứu đề xuất các chính sách du lịch, bao gồm các chính sách thúc đẩy phát triển du lịch, các chính sách du lịch bền vững, các chương trình hành động của cả nước ở tầm vĩ mô và được Chính phủ quản lý chặt chẽ. Ở cấp địa phương, các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc ở 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như Hà Nội, TP HCM, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Hải Phòng, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa, Bà Rịa - Vũng Tàu, Kiên Giang, các Sở Du lịch chịu trách nhiệm về du lịch của địa phương mình. Các Sở này là cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh. Sở Du lịch có trách nhiệm chuẩn bị đề xuất các chính sách và chương trình hành động cụ thể quản lý hoạt động du lịch ở từng địa phương để đảm bảo đáp ứng tất cả các yêu cầu chính sách, quy hoạch du lịch của Chính phủ, do Cục Du lịch Quốc gia xây dựng cũng như các yêu cầu quản lý của Chính quyền địa phương.

3.1.3. Thực trạng ngành du lịch Hải Phòng

Những năm gần đây, thành phố Hải Phòng đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra hết sức mạnh mẽ, tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn duy trì ở mức cao và

ổn định, thành phố đã và đang đầu tư với nguồn vốn lớn để nâng cấp, mở rộng hệ thống cảng biển, khu công nghiệp và đô thị.

3.1.3.1. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động du lịch

Những năm gần đây, hạ tầng giao thông của thành phố Hải Phòng đã có sự thay đổi mạnh mẽ đã tạo một diện mạo mới, tạo nền tảng cho sự phát triển của thành phố Hải Phòng trong hiện tại và tương lai. Cơ sở vật chất phục vụ du lịch cũng ngày càng phát triển.

Thực trạng các cơ sở lưu trú

- Số lượng phòng lưu trú du lịch liên tục tăng trong giai đoạn từ 2011-2019 (tăng từ 7.472 phòng lên 11.794 phòng), tăng trưởng trung bình đạt 5,52%/năm.

Giai đoạn 2020-2022, tuy chịu tác động của dịch bệnh Covid-19 nhưng số lượng phòng lưu trú vẫn tăng, đặc biệt tăng mạnh hơn giai đoạn trước (7,52%/năm), đến 2023 đạt 15.560 phòng; gắn với sự hoàn thiện các công trình, dự án du lịch.

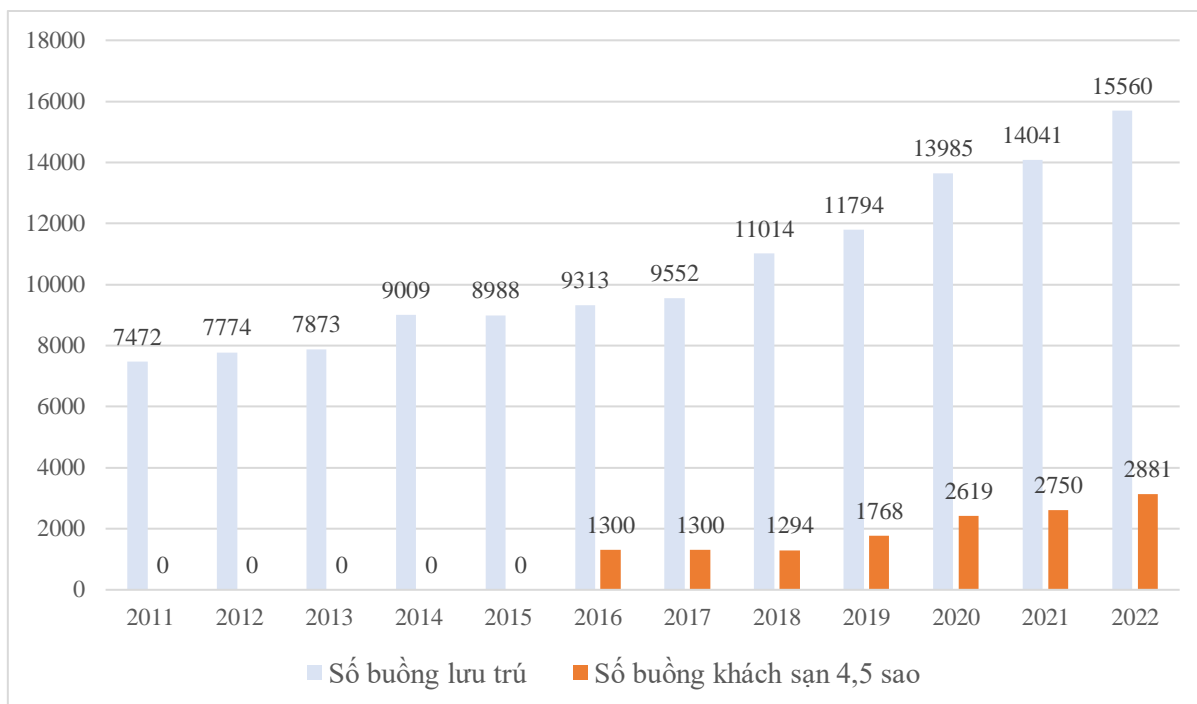
Trong đó, nhóm phòng lưu trú du lịch 4, 5 sao cũng có sự tăng trưởng liên tục, từ 1.300 phòng năm 2016 lên 4.386 phòng năm 2023, chiếm trung bình từ 14% (2016) đến 28% (2023) tổng số phòng lưu trú.

- Hải Phòng có đa dạng các cơ sở lưu trú du lịch, bao gồm khách sạn, khách sạn nghỉ dưỡng, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê và tàu thủy lưu trú du lịch.

- Đối với các cơ sở lưu trú được xếp hạng: Năm 2022 thành phố có 13 khách sạn hạng 04, 05 sao; 21 khách sạn hạng 03 sao. Dự kiến năm 2024 có thêm 03 khách sạn 5 sao đưa vào hoạt động gồm: Khách sạn Pullman, khách sạn Hilton, Khách sạn nghỉ dưỡng Dream Dragon trong Dự án Khu Du lịch Quốc tế Đồi Rồng. Hiện tại các cơ sở lưu trú tiêu chuẩn 5 sao vẫn đang tiếp tục gia tăng với 03 dự án đang đề xuất chủ trương đầu tư (1.220 phòng); 06 dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (1.185 phòng), trong đó có 03 dự án đang thực hiện (685 phòng).

Cơ sở lưu trú cộng đồng (nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê) chưa phát triển đáng kể, chiếm dưới 5% số lượng cơ sở lưu trú tại Hải Phòng. Nhóm này chủ yếu tập trung tại xã Việt Hải, huyện Cát Hải, gắn với khai thác du lịch văn hóa cộng đồng xã Việt Hải, tham quan vườn quốc gia Cát Bà.

Đơn vị: *Buồng/phòng khách sạn*



Hình 3.2: Sự phát triển của cơ sở lưu trú Hải Phòng giai đoạn 2011 – 2022

Nguồn: Sở du lịch, Cục thống kê thành phố Hải Phòng

Sự phát triển các cơ sở lưu trú đã vượt các mục tiêu quy hoạch theo Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, thể thao, du lịch đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Sở Du lịch thành phố Hải Phòng).

Bảng 3.1: Số liệu phát triển cơ sở lưu trú du lịch Hải Phòng giai đoạn 2016 - 2023

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Cơ sở lưu trú	Cơ sở	427	439	456	501	529	541	543	579
Số phòng	Phòng	9.313	9.552	11.014	11.794	13.636	13.985	14.041	15.560
Công suất sử dụng	%	45	45	48	51	18	25	38	41
Số CSLT xếp hạng	Cơ sở	115	123	86	70	51	54	49	49
Số phòng	Phòng	4.798	5.017	3.870	3.884	3.958	4.174	4.386	4.386
Số KS 4, 5 sao	Cơ sở	11	11	10	11	14	16	16	15
Số phòng	Phòng	1.300	1.300	1.294	1.768	2.418	2.619	2.750	2.881

Nguồn: Sở Du lịch Hải phòng

Riêng tại khu du lịch đảo Cát Bà có 4.940 phòng (so với quy hoạch là 11.000 phòng), đạt 44,9% mục tiêu quy hoạch tổng thể phát triển du lịch bền vững quần đảo Cát Bà đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Số lượng khách sạn, nhà nghỉ của các thành phần kinh tế tăng nhanh cả về số lượng, quy mô và phương thức hoạt động. Nhiều khách sạn đã tích cực đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất nên giữ được hạng đã xếp, có khách sạn được nâng hạng sao. Tuy nhiên, Tuy nhiên, phần lớn các cơ sở kinh doanh lưu trú của Hải Phòng còn có quy mô nhỏ, đặc biệt tại hai khu du lịch Cát Bà, Đồ Sơn chủ yếu là các nhà nghỉ của các hộ kinh doanh cá thể với quy mô dưới 40 phòng (chiếm tới 83% số phòng nghỉ trên địa bàn) phản ánh chất lượng cơ sở lưu trú và năng lực cạnh tranh thấp. Các cơ sở lưu trú quy mô nhỏ thường chỉ phục vụ khách du lịch tắm biển vào mùa hè, không thu hút được khách du lịch lưu trú vào mùa đông nên phát triển không bền vững về kinh tế.

Thực trạng hệ thống nhà hàng, cơ sở vui chơi giải trí

Là thành phố dân số đông đúc, kinh tế phát triển; hệ thống nhà hàng, dịch vụ của Hải Phòng được hoàn thiện từ sớm và có chất lượng rất tốt, đảm bảo phục vụ cho phát triển du lịch. Theo số liệu của các quận, huyện, tổng số nhà hàng trên địa bàn thành phố hiện nay là trên 600 cơ sở, trong đó có trên 300 nhà hàng có sức chứa trên 100 khách. Về phân bố, chủ yếu tập trung ở Trung tâm thành phố, quận Đồ Sơn và huyện Cát Hải.

Hiện nay, lĩnh vực kinh doanh ăn uống đang là thế mạnh, là sự khác biệt độc đáo riêng có thu hút được khách du lịch tới Hải Phòng. Hệ thống nhà hàng và cơ sở dịch vụ ẩm thực đang trở thành nguồn lực, tài nguyên du lịch lớn để phát triển foodtour cũng như phục vụ nhu cầu đa dạng của khách du lịch tới Hải Phòng.

Các công trình vui chơi giải trí phục vụ cho khách du lịch của Hải Phòng còn rất hạn chế, chủ yếu là các cơ sở thể thao như sân golf, hiện đang thiếu các cơ sở vui chơi giải trí về đêm cho du khách tới Hải Phòng. Các khu vui chơi giải trí tại các điểm đến du lịch của Hải Phòng còn ít. Ngoài một số điểm trải nghiệm, công viên, vườn hoa và hồ điều hòa thì còn rất ít các quán bar, club, (hiện có 7 cơ sở tại Cát Hải, 2 cơ sở ở Hồng Bàng và 03 cơ sở tại Đồ Sơn). Thiếu các khu vui chơi giải trí có tầm cỡ đáp ứng nhu cầu của du khách, đặc biệt là tại các khu du lịch biển như Cát Bà, Đồ Sơn đã làm giảm sức hấp dẫn của điểm đến đối với du khách. Một số địa điểm vui chơi giải trí mới xây dựng nhưng chưa độc đáo và tạo được sự khác biệt cho điểm đến Hải Phòng.

Ngoài ra, có khoảng trên 100 cơ sở karaoke, phân bố chủ yếu tại trung tâm thành phố và Đồ Sơn, Cát Bà. Có khoảng 12 quán bar, pub, club tập trung tại Cát Hải, nội

thành và Đồ Sơn. Đây là các cơ sở phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí của dân cư và khách du lịch. Hệ thống các sân golf trở thành cơ sở thể thao vui chơi giải trí có vị trí quan trọng, nhằm thu hút khách nước ngoài và các du khách có mức chi tiêu cao. Hiện Hải Phòng đã đưa vào kinh doanh 4 sân golf (Sân golf Đồ Sơn, Sân Golf Sông Giá, Vinpearl Golf Hải Phòng, Sân golf Vũ Yên).

3.1.3.2. Thực trạng các cơ sở kinh doanh lữ hành

Trong giai đoạn 2011- 2019, số lượng các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành tăng liên tục, từ 48 công ty lên 73 công ty, và một số văn phòng, chi nhánh đại diện.

Giai đoạn 2020 - 2021, số lượng các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành có sự thay đổi, năm 2020 toàn thành phố có 79 doanh nghiệp, đến năm 2021 giảm xuống còn 67 doanh nghiệp. Tác động của dịch bệnh Covid19 đến các cơ sở này rất nặng nề, năm 2021 có khoảng 1/4 số lượng doanh nghiệp (12 doanh nghiệp với 07 doanh nghiệp quốc tế và 05 doanh nghiệp nội địa) thu hồi giấy phép do dừng hoạt động kinh doanh; 04 doanh nghiệp phải chuyển phạm vi kinh doanh từ kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế sang lữ hành nội địa. Tổng doanh thu du lịch lữ hành ước giảm 90% so với cùng kỳ năm 2019.

Đến hết tháng 2023, trên địa bàn thành phố có 121 đơn vị hoạt động kinh doanh lữ hành, tăng 89% so với năm 2016; trong đó có 64 doanh nghiệp lữ hành quốc tế, 54 doanh nghiệp lữ hành nội địa và 03 chi nhánh, đại lý, văn phòng đại diện du lịch. Số hướng dẫn viên du lịch năm 2023 là 609 người, trong đó có 275 hướng dẫn viên quốc tế, và 327 hướng dẫn viên nội địa (xem bảng 3.2).

Bảng 3.2: Số liệu về các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành giai đoạn 2016 – 2023

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
DN lữ hành	Doanh nghiệp	64	69	72	73	79	67	83	121
DN quốc tế	Doanh nghiệp	12	17	22	37	33	23	34	64
DN nội địa	Doanh nghiệp	44	44	42	29	37	35	46	54
Chi nhánh, VP đại diện	Doanh nghiệp	8	8	8	7	9	3	3	3
HĐV	Người	321	378	371	437	490	519	498	609
HĐV quốc tế	Người	142	171	169	197	231	236	232	275
HĐV nội địa	Người	179	207	202	240	258	276	266	327

Nguồn: Sở Du lịch Hải Phòng

Hoạt động của các doanh nghiệp lữ hành đã góp phần vào thu hút khách du lịch, thúc đẩy sự phát triển của du lịch Hải Phòng.

3.1.3.3. Thực trạng lao động ngành du lịch

Hải Phòng là khu vực có điều kiện tập trung và thu hút lao động du lịch của vùng, với nhiều cơ sở đào tạo nghề du lịch. Chất lượng lao động du lịch của Hải Phòng khá cao so với các địa phương khác ở vùng đồng bằng sông Hồng. Đây là những thuận lợi lớn trong phát triển du lịch Hải Phòng.

- Đánh giá về số lượng lao động:

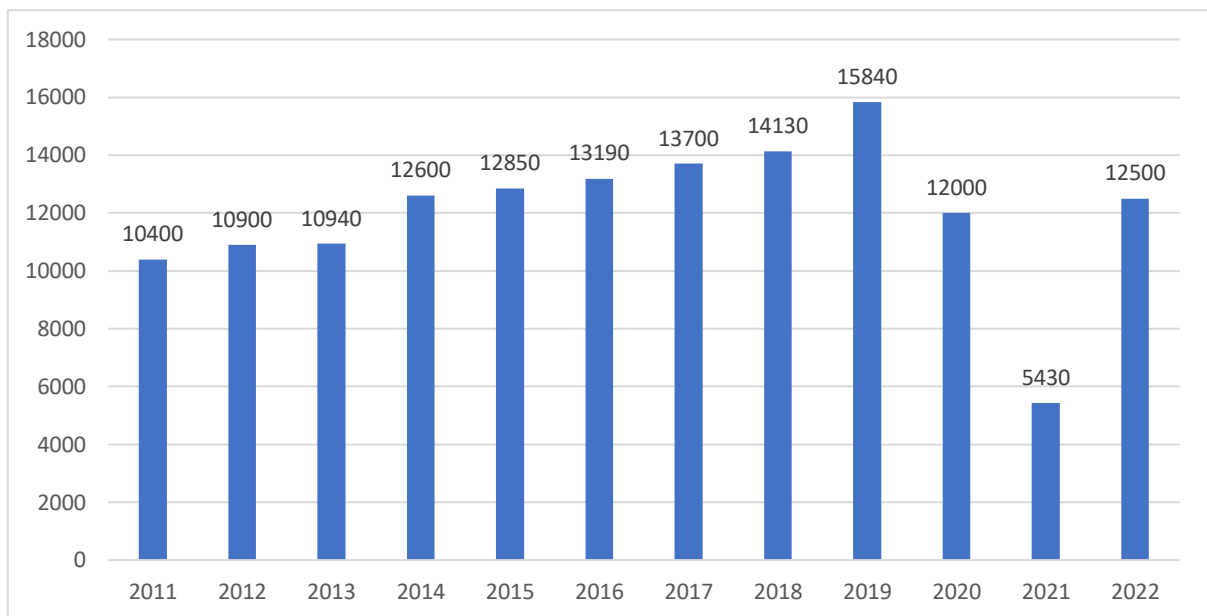
+ Giai đoạn 2011 - 2019: Nguồn lao động du lịch của Hải Phòng tăng trưởng ổn định, từ 10.400 người lên 15.840 người, tốc độ tăng trưởng trung bình 5,4%/năm. Từ năm 2016, Hải Phòng đã đạt được mục tiêu về lao động ngành du lịch năm 2020 của Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, thể thao và du lịch thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Giai đoạn 2016 - 2019, nguồn lao động du lịch của thành phố có sự tăng trưởng nhanh cả về số lượng và chất lượng phục vụ.

+ Giai đoạn 2020 - 2021: Nguồn nhân lực du lịch giảm mạnh do tác động của đại dịch Covid-19. Năm 2021 có 10.410 lao động phải nghỉ việc hoặc tạm nghỉ việc. Nhiều lao động đã chuyển đổi nghề nghiệp trong thời điểm này. Số lao động còn làm việc hoặc làm việc bán thời gian là 5.430 người, chỉ bằng 34% so với tổng số lao động tại thời điểm năm 2019.

+ Năm 2022: Sau gần 1 năm hồi phục, số lượng lao động du lịch của Hải Phòng khoảng 12.500 người (đạt 79% so với năm 2019). Đến 2023 số lượng lao động du lịch khoảng 12.800 người.

- Lao động theo ngành nghề: Bao gồm 5 nhóm lao động hoạt động trong các lĩnh vực lưu trú, lữ hành, hướng dẫn, vận chuyển và dịch vụ khác. Trong đó nhóm lao động trong lĩnh vực lưu trú chiếm tỷ lệ cao nhất, trên 60% tổng số lao động du lịch của thành phố.

Đơn vị: Người



Hình 3.3: Số lượng lao động của ngành du lịch Hải Phòng giai đoạn 2011 – 2022

Nguồn: Sở Du lịch, Cục thống kê thành phố Hải Phòng

- Đánh giá về chất lượng lao động:

+ Chất lượng chung của nguồn nhân lực du lịch thành phố Hải Phòng cao, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 85% và thường xuyên được tổ chức đào tạo bổ sung kỹ năng nghề. Năm 2019, Hải Phòng có 3,15% lao động du lịch trình độ sau đại học, 63,1% lao động trình độ đại học và cao đẳng, 18,93% lao động trình độ trung cấp và đào tạo nghề, còn lại là trình độ trung học phổ thông. Là địa phương phát triển du lịch sớm đồng thời có hệ thống cơ sở vật chất phục vụ du lịch và điểm đến đa dạng, Hải Phòng cũng là địa phương thu hút nguồn lao động du lịch chất lượng, bao gồm lao động từ nơi khác đến và lao động tại chỗ gắn với các cơ sở đào tạo ngành du lịch của Hải Phòng.

+ Số liệu thống kê và qua khảo sát các nhà quản trị doanh nghiệp du lịch cho thấy chất lượng lao động du lịch tại Hải Phòng không đồng đều và chưa cao. Nhóm lao động chất lượng cao qua đào tạo chính quy và có việc làm ổn định tập trung ở các cơ sở lưu trú từ 3 sao, thương hiệu nghỉ dưỡng và du lịch cao cấp như Flamingo, Sono Belle, các sân golf... Nhóm này thường xuyên được đào tạo bổ sung và có việc làm ổn định quanh năm. Nhóm lao động thời vụ, tập trung chủ yếu ở các khu dịch vụ tại Đồ Sơn, Cát Bà, thường chỉ hoạt động vào mùa hè và gắn với các cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ, đa phần chỉ được đào tạo sơ cấp, đào tạo nhanh. Chất lượng lao động không cao, kỹ năng nghiệp vụ và chất lượng phục vụ thấp gắn với đặc trưng tính mùa vụ cao ở các khu vực này. Nhóm lao động không thường xuyên từ cộng đồng, chủ yếu gắn với các hoạt động lễ hội và các di tích trên địa bàn các huyện có số lượng nhỏ, chất lượng thấp, thường không được đào tạo và tuân thủ theo các quy định kinh doanh, hoạt động của địa phương. Đánh giá

chung là chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là lao động trực tiếp trong ngành du lịch Hải Phòng chưa đáp ứng yêu cầu và chưa đạt chuẩn chất lượng. Tỷ lệ qua đào tạo thấp, yếu về trình độ chuyên môn, giao tiếp và ngoại ngữ.

3.1.3.4. Phương tiện và dịch vụ vận chuyển khách du lịch

Trong những năm qua, thành phố Hải Phòng cũng đã phát triển được dịch vụ vận chuyển khách du lịch chuyên nghiệp.

- Hệ thống xe điện du lịch: Tập trung ở trung tâm thành phố và 2 trọng điểm du lịch Đồ Sơn, Cát Bà cũng như các trung tâm huyện, đảm bảo nhu cầu di chuyển của khách du lịch. Hiện có 10 hãng xe điện hoạt động trên địa bàn thành phố, bao gồm 150 xe tại Cát Bà (08 đơn vị) và 60 xe tại Đồ Sơn, phát triển du lịch xanh, thân thiện với môi trường, bền vững, giảm khí thải,...

- Xe đạp công nghệ công cộng là một loại hình phương tiện di chuyển mới được triển khai vào đầu năm 2023 trên địa bàn thành phố với 33 trạm xe đạp công cộng gồm 550 xe trên địa bàn 4 quận nội thành thành phố (Hải An, Ngô Quyền, Lê Chân, Hồng Bàng).

- Hệ thống tàu thủy du lịch: Trên địa bàn thành phố có 209 tàu du lịch, với 81 tàu thủy chở khách du lịch trên vịnh Lan Hạ; trong đó đảo Cát Bà có 196 tàu, Đồ Sơn có 13 tàu, phục vụ khách du lịch tham quan, trải nghiệm trên các vịnh, đảo của Cát Bà và Đồ Sơn. Hải Phòng chưa có bến tàu du lịch chuyên biệt, cao cấp. Vận tải du lịch tại các bến phà Cát Bà vẫn còn hiện tượng quá tải vào thời điểm khách du lịch tập trung đông. Các phương tiện vận chuyển đường thủy, nhìn chung còn thiếu, tần suất hoạt động thấp và chất lượng phương tiện thấp, công nghệ lạc hậu.

- Tuyến tàu cao tốc Hải Phòng - Cát Bà duy trì với tần suất 01 chuyến/1 ngày từ thứ 2 đến thứ 5 và 02 chuyến/ngày từ thứ 6 đến Chủ nhật với sức chứa 136 khách/chuyến đang được Công ty Cổ phần khu du lịch Đảo Cát Bà sử dụng và khai thác.

- Tuyến cáp treo Cát Hải - Phù Long với chiều dài 3.955 m. Đây là tuyến cáp treo 3 dây vượt biển Cát Hải - Phù Long nối địa bàn hai xã Đồng Bài và xã Phù Long thuộc huyện Cát Hải, là một phần trong hệ thống cáp treo Cát Bà có tổng chiều dài 19,5km. Đây không chỉ là cơ sở vật chất quan trọng của du lịch mà còn là sản phẩm tham quan hấp dẫn, mở đầu cho chuỗi dự án sẽ được thực hiện ở Cát Bà trong tương lai. Tuy nhiên, dự án cáp treo Phù Long - Cát Bà chưa triển khai thực hiện và đi vào hoạt động, ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng dịch vụ du lịch Cát Bà.

Giai đoạn 2016 -2020, thành phố Hải Phòng đã huy động gần 44 nghìn tỷ đồng để đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng hiện đại và đồng bộ. Thành phố

Hải Phòng đã đầu tư hàng loạt các tuyến đường và cầu kết nối với các địa phương, các vùng ngoại thành với nội đô, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa, chống ùn tắc giao thông và đáp ứng nhu cầu đi lại ngày càng tăng của nhân dân. Nhiều công trình giao thông tạo điểm nhấn cho cảnh quan đô thị như: Nút giao Nam Cầu Bính; cầu Hoàng Văn Thụ; cầu vượt Lê Hồng Phong, Cầu Rào.

3.1.3.5. *Thực trạng thu hút vốn đầu tư vào ngành du lịch*

Trong thập kỷ qua, Hải Phòng đã chứng kiến những thay đổi đáng kể trong việc thu hút vốn đầu tư vào ngành du lịch. Đây là một phần của chiến lược phát triển bền vững của thành phố nhằm tận dụng tối đa tiềm năng du lịch, đồng thời tạo động lực cho sự phát triển kinh tế xã hội. Trong giai đoạn 2013-2023, Hải Phòng đã thu hút được tổng cộng hơn 8 tỷ USD vào ngành du lịch, trong đó nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chiếm khoảng 35%, tương đương 2,8 tỷ USD. Số liệu từ Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cho thấy, trong năm 2023, Hải Phòng đã thu hút được 950 triệu USD vào các dự án du lịch, tăng 15% so với năm 2022.

Từ năm 2013 đến 2023, số lượng các dự án đầu tư vào ngành du lịch tại Hải Phòng đã tăng trưởng đều đặn. Cụ thể:

- Năm 2013: Hải Phòng thu hút được 300 triệu USD với 10 dự án mới, chủ yếu tập trung vào các khách sạn và khu nghỉ dưỡng.
- Năm 2015: Số vốn đầu tư đạt 600 triệu USD, với 15 dự án mới, trong đó có sự xuất hiện của một số nhà đầu tư lớn từ Hàn Quốc và Nhật Bản.
- Năm 2018: Thành phố ghi nhận 25 dự án với tổng vốn đầu tư lên đến 1,2 tỷ USD, tăng gấp đôi so với năm 2015. Các dự án này bao gồm khu nghỉ dưỡng cao cấp, khu vui chơi giải trí, và dịch vụ du lịch khác.
- Năm 2020: Mặc dù đại dịch COVID-19 tác động nặng nề đến ngành du lịch, Hải Phòng vẫn thu hút được 700 triệu USD vào 12 dự án mới. Các dự án này chủ yếu là cải tạo và nâng cấp các cơ sở du lịch hiện có.
- Năm 2023: Số vốn đầu tư đạt mức kỷ lục với 950 triệu USD, với 30 dự án mới, bao gồm cả các dự án về phát triển du lịch sinh thái và bền vững.

Hải Phòng đã thành công trong việc đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư vào ngành du lịch. Ngoài nguồn vốn FDI, thành phố cũng thu hút được một lượng lớn vốn đầu tư từ khu vực tư nhân trong nước. Tổng vốn đầu tư trong nước đạt khoảng 5,2 tỷ USD trong giai đoạn 2013-2023. Các tập đoàn lớn trong nước như Vingroup, SunGroup đã

đầu tư mạnh mẽ vào các dự án nghỉ dưỡng cao cấp và các khu vui chơi giải trí tại Cát Bà và Đồ Sơn.

Tuy nhiên, một số dự án triển khai còn chậm so với cam kết. Nhiều dự án đã được thành phố cấp giấy chứng nhận đầu tư nhiều năm nhưng chưa được triển khai, nhiều dự án triển khai cầm chừng và nhiều dự án dở dang. Dự án sân golf Ruby Tree: Được xác định là một trong những dự án trọng điểm của thành phố, tuy nhiên, tiến độ triển khai đã không đạt yêu cầu đề ra. Dự án xây dựng Nhà ga hành khách số 2 tại Cảng Hàng không quốc tế Cát Bi: gặp khó khăn trong việc triển khai, dẫn đến chậm tiến độ so với kế hoạch ban đầu. Dự án Trung tâm Thương mại và Khách sạn cao cấp tại Khu đô thị mới Ngã 5 – Sân bay Cát Bi: Khu đất hơn 9.000 m² tại góc đường Lê Hồng Phong - Nguyễn Bình Khiêm được UBND TP Hải Phòng cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Duy Hưng thuê từ năm 2008 để triển khai dự án. Tuy nhiên, sau thời gian dài không thực hiện theo tiến độ đăng ký, UBND quận Hải An đã thực hiện cưỡng chế thu hồi diện tích đất này để thành phố đưa vào đấu giá. UBND quận Đồ Sơn đã đề nghị TP Hải Phòng thu hồi hơn 700.000 m² đất của 12 dự án chậm tiến độ tại các phường Vạn Hương, Hải Sơn, Ngọc Xuyên. Nhiều trong số này là các dự án khách sạn và khu du lịch, ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch của khu vực. Nguyên nhân là do nhiều nhà đầu tư còn hạn chế, yếu kém về năng lực tài chính, quản lý; bên cạnh đó, các thủ tục và công tác giải phóng mặt bằng còn nhiều khó khăn trở ngại.

So với nhu cầu phát triển, tiềm năng thế mạnh của thành phố, thì tổng số vốn đầu tư từ ngân sách thành phố cho phát triển du lịch còn thấp (bình quân trong 10 năm qua là 71,8 tỷ/năm) và tiến độ thực hiện các dự án còn chậm so với kế hoạch. Nguyên nhân là do nguồn vốn ngân sách trung ương và thành phố cho đầu tư phát triển du lịch còn rất hạn hẹp. Việc giải ngân còn chậm; các nhà thầu năng lực còn yếu; chủ đầu tư tiềm lực hạn chế và chưa quyết liệt trong thực hiện tiến độ các dự án. Thành phố cũng đã huy động được hàng trăm tỷ đồng xã hội hóa để đầu tư vào các phương tiện vận chuyển du lịch; xây dựng, phục dựng, tôn tạo các di tích văn hoá, lịch sử, tôn giáo tín ngưỡng nhằm thu hút, hấp dẫn khách tham quan du lịch đến thành phố.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào du lịch thành phố Hải Phòng năm 2023 có 06 dự án với tổng số vốn là 734,329 triệu USD, trong đó có 5 dự án 100% vốn nước ngoài. Các dự án sử dụng nguồn vốn nước ngoài đáng chú ý có Khu tổ hợp Resort Sông Giá (đầu tư xây dựng, kinh doanh sân golf 27 lỗ) của Tập đoàn Hyundai Hàn Quốc; dự án bất động sản, khách sạn, nhà hàng và các hoạt động vui chơi giải trí của các nhà đầu tư Hoa Kỳ; Dự án Khu du lịch Quốc tế Đồi Rồng, Khu du lịch và ẩm thực tập trung tại Đồ Sơn.

Các dự án phát triển du lịch hoàn thành, đưa vào khai thác đã góp phần thay đổi diện mạo của ngành du lịch thành phố. Sản phẩm du lịch cũng được phát triển ngày càng đa dạng, chất lượng và hấp dẫn hơn, phù hợp với thị hiếu của du khách, phát triển các loại hình du lịch chơi golf, du thuyền trên vịnh Lan Hạ và trải nghiệm ẩm thực đường phố (food tour), du lịch nông nghiệp, nông thôn đã góp phần mở rộng không gian du lịch của thành phố.

Đánh giá chung là trong những năm qua, cơ sở vật chất và hạ tầng du lịch của thành phố có nhiều chuyển biến, song nhìn chung cơ sở vật chất phục vụ du lịch trên địa bàn còn thiếu đồng bộ, chưa tương xứng với tiềm năng, vị thế và tốc độ phát triển kinh tế. Thành phố còn thiếu cơ sở vật chất có thể đáp ứng tổ chức các sự kiện, hoạt động du lịch quy mô cấp quốc tế. Các dịch vụ vui chơi giải trí còn chưa phong phú; thiếu những khu vui chơi, giải trí tổng hợp lớn và cao cấp. Phần lớn cơ sở lưu trú du lịch của thành phố có quy mô nhỏ, manh mún, không có hoặc ít các loại hình dịch vụ bổ trợ. Phương tiện vận chuyển du khách còn ít và chất lượng kém; dụng cụ, thiết bị cứu hộ, cứu nạn còn nhiều hạn chế. Đường giao thông dẫn đến một số trung tâm, điểm tham quan du lịch ở khu vực nội thành, tuyến đường Hải Phòng - Đình Vũ, Cát Bà cùng với hệ thống phương tiện vận chuyển qua biển còn bất cập, chưa đồng bộ và phù hợp. Thành phố chưa có bến tàu du lịch nội địa và quốc tế được đầu tư đồng bộ và hợp chuẩn (hiện nay tàu chở khách du lịch quốc tế phải cập bến chung với cầu tàu chở hàng làm ảnh hưởng đến tâm lý, chất lượng phục vụ du khách).

3.1.4. Thực trạng kết quả kinh doanh du lịch giai đoạn 2011 - 2023

Thực trạng phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng được đánh giá dựa trên đo lường và phân tích hệ thống các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả của hoạt động kinh doanh du lịch trong hơn 10 năm qua. Kết quả phát triển du lịch cũng được so sánh với tiềm năng tài nguyên du lịch của địa phương để xác định mức độ hiệu quả và mức độ đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch phải bền vững. Việc phân tích thực trạng phát triển du lịch Hải Phòng cũng được đánh giá so sánh với các mục tiêu trong Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, thể thao và du lịch thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định 1309/QĐ-UBND ngày 13/5/2017 của UBND thành phố Hải Phòng (QH TT VHTTDL).

Ngành du lịch Hải Phòng đã có sự phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ từ 2011-2023 mặc dù gặp đại dịch Covid19 vào 2020 - 2021.

- Trong giai đoạn 2011-2019 du lịch Hải Phòng đã có sự phát triển mạnh mẽ, năm sau tăng hơn năm trước, với nhiều thành tựu lớn. Tuy nhiên, đây cũng là giai đoạn

xuất hiện của hàng loạt các địa điểm du lịch cạnh tranh mạnh mẽ như Ninh Bình, Hà Nội, Quảng Ninh,... Trong bối cảnh này, Hải Phòng vẫn duy trì được sự phát triển ổn định, đồng thời thực hiện đổi mới trong phát triển du lịch, với trọng tâm đầu tư vào điểm đến ưu tiên đặc biệt là đảo Cát Bà, vịnh Lan Hạ. Đồng thời Hải Phòng tiếp tục định hướng mở rộng không gian phát triển du lịch, thu hút các dự án đầu tư quy mô lớn, bổ sung hệ thống sản phẩm du lịch mới điển hình là du lịch golf, du lịch văn hóa lịch sử.

- Giai đoạn 2020 – 2021 cũng giống như ngành du lịch cả nước và toàn cầu, du lịch Hải Phòng bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19.

- Từ 2022 đến nay - giai đoạn phục hồi sau Covid-19. Du lịch chính thức mở cửa trở lại từ 15/3/2022. Về cơ bản các hoạt động du lịch đã được khôi phục, và đến 2023 du lịch đã bắt đầu phát triển trở lại.

3.1.4.1. Thực trạng sản phẩm du lịch

Hệ thống sản phẩm du lịch của thành phố khá phong phú. Các sản phẩm du lịch chủ lực đã và đang thu hút du khách, có tốc độ tăng trưởng tốt bao gồm các nhóm sản phẩm sau:

- *Du lịch sinh thái biển đảo, kết hợp du lịch nghỉ dưỡng, thể thao, mạo hiểm:* các điểm đến thu hút khách là đảo Cát Bà gắn liền với vườn quốc gia Cát Bà và Vịnh Lan Hạ kết nối với vịnh Hạ Long của Quảng Ninh, khu du lịch bán đảo Đồ Sơn, các sân golf,...

- *Du lịch lễ hội, tâm linh, kết hợp du lịch với khảo cứu văn hóa lịch sử:* các điểm đến thu hút khách du lịch là quần thể di tích lịch sử danh thắng quốc gia Tràng Kênh – Bạch Đằng; Khu di tích đền thờ Trưng Trích - Nguyễn Bình Khiêm, khu tưởng niệm Vương triều Nhà Mạc,... Các lễ hội tiêu biểu như lễ hội Hoa Phượng đỏ, lễ hội Chọi Trâu Đồ Sơn, lễ hội làng cá Cát Bà,...

- *Du lịch cuối tuần, du lịch trăng mật, du lịch nông thôn ở một số làng quê ngoại thành:* nhu cầu du lịch của khách nội địa có xu hướng tăng cao do mức sống được cải thiện và sự thay đổi thói quen du lịch những năm gần đây.

- *Du lịch ẩm thực:* foodtour Hải Phòng phục vụ khách hàng trẻ tuổi, chủ yếu là du khách từ Hà Nội.

- *Du lịch golf* thu hút khách đến với các sân golf đạt chuẩn quốc tế của Hải Phòng, du lịch MICE gắn với các trung tâm hội nghị và khách sạn lớn của thành phố. Các sản phẩm du lịch hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học đã được quan tâm phát triển trong

những năm gần đây vì Thành phố có nhiều điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, vẻ đẹp thiên nhiên, hạ tầng giao thông vận tải phục vụ du khách.

Thành phố Hải Phòng nỗ lực đa dạng hoá, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm du lịch. Các khu, điểm du lịch đã đẩy mạnh việc khai thác tiềm năng và thế mạnh về tài nguyên du lịch thiên nhiên và lịch sử văn hóa. Các sản phẩm du lịch mới có xu hướng xây dựng kết hợp giữa du lịch sinh thái với bảo tồn và phục hồi các lễ hội truyền thống, hình thành hệ thống sản phẩm du lịch văn hoá với nhiều chủ đề khác nhau. Một số sản phẩm du lịch mới được xây dựng đưa vào khai thác như du lịch sinh thái, du lịch văn hoá với chủ đề đồng quê, du lịch trang trại, nhà vườn; “du khảo đồng quê” tuyến Kiến An - An Lão - Vĩnh Bảo - Tiên Lãng hay tuyến du lịch nội thành tham quan các đình chùa nổi tiếng của thành phố như đình Hàng Kênh, chùa Dư Hàng, đền Nghè,... đã góp phần tăng sức hấp dẫn cho du khách.

Các sản phẩm du lịch của Hải Phòng gắn với các khu vực có tài nguyên du lịch tự nhiên hoặc lịch sử văn hóa. Các khu vực phát triển du lịch của thành phố có thể phân chia thành: 1) khu vực phát triển du lịch biển đảo gồm 2 khu vực là Cát Bà (bao gồm cả Bạch Long Vĩ và Vũ Yên) và Đồ Sơn; 2) khu vực phát triển du lịch văn hóa lịch sử, nông thôn; 3) khu vực du lịch nội thành Hải Phòng.

Bảng 3.3: Các khu du lịch của Hải Phòng đạt chuẩn đến 2030

STT	Khu du lịch	Vị trí	Đặc điểm	Đánh giá sơ bộ	Thời gian công nhận đạt chuẩn
I	Khu du lịch cấp tỉnh (thành phố)				
1	Khu du lịch Đồ Sơn	Bán đảo Đồ Sơn	KDL hiện hữu	Đảm bảo tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh	2025
2	Khu du lịch Đồi Rồng	Quận Đồ Sơn	KDL đang hoàn thiện	Đảm bảo tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh khi hoàn thiện	2025
3	Khu du lịch đô thị cảng Hải Phòng	Quận Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền và	KDL đang hình thành (đô thị Bắc sông Cấm đang xây dựng bên cạnh 03	Đảm bảo tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh khi hoàn thiện	2030

STT	Khu du lịch	Vị trí	Đặc điểm	Đánh giá sơ bộ	Thời gian công nhận đạt chuẩn
		đô thị Bắc sông Cẩm	quận trung tâm đã hình thành)		
4	Khu du lịch sinh thái, thể thao và nghỉ dưỡng Thủy Nguyên	Huyện Thủy Nguyên	KDL thu hút đầu tư mới	Đánh giá sau khi hoàn thiện xây dựng dự án	2030
5	Khu du lịch Vũ Yên	Đảo Vũ Yên	KDL đang hoàn thiện	Đảm bảo tiêu chí khu du lịch cấp tỉnh khi hoàn thiện	2030
II	Khu du lịch quốc gia				
1	Khu DLQG Cát Bà	Quần đảo Cát Bà	KDL hiện hữu	Cơ bản đảm bảo tiêu chí khu du lịch quốc gia, cần được lập ranh giới cụ thể và xây dựng hồ sơ công nhận.	2025

Nguồn: Sở Du lịch thành phố Hải Phòng

Bảng 3.4: Hệ thống các điểm du lịch của Hải Phòng đến năm 2030

STT	Điểm du lịch	Vị trí	Đặc điểm	Thời gian công nhận dự kiến
1	Đồi Thiên Văn	Kiến An	Điểm du lịch hiện hữu	2025
2	Bạch Đằng Giang	Thủy Nguyên	Điểm du lịch hiện hữu	2025
3	Đền Gắm	Tiên Lãng	Điểm du lịch hiện hữu	2025
4	Đảo Bàu	An Lão	Điểm du lịch đang đầu tư	2025
5	Phố đi bộ Hải Phòng	Hồng Bàng	Điểm du lịch hiện hữu	2025
6	Đền Nghè	Lê Chân	Điểm du lịch hiện hữu	2025

STT	Điểm du lịch	Vị trí	Đặc điểm	Thời gian công nhận dự kiến
7	Tử Lương Xâm	Hải An	Điểm du lịch hiện hữu	2025
8	Hệ thống các bãi tắm tại Cát Bà	Cát Hải	Điểm du lịch hiện hữu	2025
9	DLCĐ Việt Hải	Cát Hải	Điểm du lịch hiện hữu	2025
10	Núi Voi	An Lão	Điểm du lịch hiện hữu	2025
11	Creative City	Quận Hồng Bàng	Điểm du lịch đề xuất mới	2030
12	Nhà truyền thống Cảng Hải Phòng	quận Ngô Quyền	Điểm du lịch đề xuất mới	2030
13	Hồ An Biên	Quận Ngô Quyền	Điểm du lịch đề xuất mới	2030
14	Núi Vọ	Kiến An	Điểm du lịch đề xuất mới	2030
15	Du lịch cộng đồng Bạch Long Vỹ	Huyện đảo Bạch Long Vỹ	Điểm du lịch đề xuất mới	2030
16	Du lịch cộng đồng Đại Hạp	Kiến Thụy	Điểm du lịch đề xuất mới	2030
17	Du lịch cộng đồng Vinh Quang	Tiên Lãng	Điểm du lịch đề xuất mới	2030

Nguồn: Sở Du lịch thành phố Hải Phòng

3.1.4.2. Thực trạng phát triển số lượng khách du lịch

Trong 10 năm qua, lượng khách du lịch đến Hải Phòng đã có sự tăng trưởng đáng kể. Theo thống kê của Sở Du lịch Hải Phòng, số lượng khách du lịch quốc tế và nội địa đến Hải Phòng đã tăng lên qua các năm.

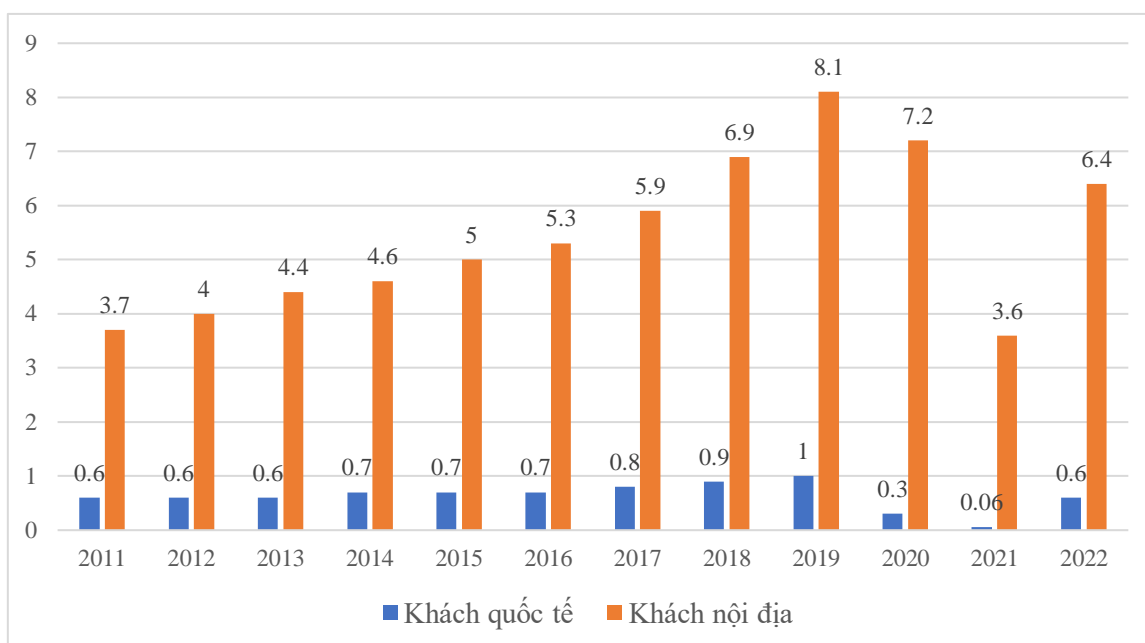
- Giai đoạn 2011-2019: Khách du lịch Hải Phòng tăng trưởng mạnh mẽ từ 4,3 triệu lượt năm 2011 lên 9,1 triệu lượt năm 2019, với tốc độ tăng trưởng trung bình 9,82%/năm. Trong đó giai đoạn 2016 – 2019 là giai đoạn bứt phá của du lịch Hải Phòng, tốc độ tăng trưởng khách gấp đôi giai đoạn 2011 - 2015 (14,9% của giai đoạn 2016 – 2019 so với 7,3% của giai đoạn 2011 - 2015). Đặc biệt từ năm 2018, Hải Phòng đã đạt

được mục tiêu về lượng khách năm 2020 theo quy hoạch phát triển du lịch của thành phố (7,8 triệu khách năm 2018 so với mục tiêu 7,5-8 triệu lượt khách của Quy hoạch).

+ Khách du lịch nội địa: Từ 3,7 triệu lượt khách năm 2011 đến 2019 đạt 8,1 triệu lượt, tăng trưởng trung bình 10,29%/năm.

+ Khách du lịch quốc tế: Tỷ lệ khách quốc tế đạt 10,3% trong tổng số khách du lịch đến Hải Phòng. Từ 564.000 lượt khách quốc tế năm 2011 đến 2019 đạt gần 1 triệu lượt khách, tăng trưởng trung bình 6,59%/năm, chậm hơn khách nội địa. Nguyên nhân do sự cạnh tranh mạnh mẽ trong thu hút khách quốc tế đến từ các trọng điểm mới nổi khác (Ninh Bình, Phú Quốc,...).

Đơn vị: Triệu lượt.



Hình 3.4: Tổng lượng khách du lịch đến thành phố Hải Phòng thời kỳ 2011 – 2022

Nguồn: Sở Du lịch, Cục thống kê thành phố Hải Phòng

- Giai đoạn 2020 - 2021 do tác động mạnh mẽ của đại dịch Covid-19 nên lượng khách suy giảm mạnh, năm 2020 chỉ đón được 7,2 triệu lượt khách nội địa và 0,3 triệu lượt khách quốc tế và tiếp tục giảm ở năm 2021 với 3,6 triệu lượt khách nội địa, 0,06 triệu lượt khách quốc tế. Tổng lượt khách năm 2020 đạt 82,4% và 2021 đạt 40,66% so với năm 2019.

- Lượng khách du lịch phục hồi từ 2022: Hoạt động du lịch của Thành phố đã có sự phát triển trở lại từ đầu năm 2022. Trong năm 2022, Hải Phòng đã đón được 7 triệu lượt khách tuy nhiên so với mức của 2019, số lượng khách quốc tế mới đạt 62%, khách nội địa đạt 79%. (Theo số liệu của Tổng cục Du lịch nay là Cục Du lịch Quốc

gia, trong năm 2022, khách quốc tế chỉ đạt 11,7% so với năm 2019 nhưng khách nội địa đã hoàn toàn hồi phục và bứt phá đạt 91,8 triệu lượt, bằng 108% so với 2019). Năm 2023, đã thu hút được 7,95 triệu lượt khách, trong đó có 975 nghìn lượt khách quốc tế và khoảng 7 triệu lượt khách nội địa. Như vậy, tốc độ phục hồi khách quốc tế của Hải Phòng nhanh hơn so với cả nước, tuy nhiên tốc độ phục hồi khách nội địa lại chậm hơn. Nguyên nhân do sản phẩm du lịch của Hải Phòng chủ yếu là du lịch biển đảo, với mùa vụ du lịch tập trung từ tháng 4 đến tháng 10 là thời kỳ đầu sau mở cửa, thị trường còn hạn chế và khôi phục chậm, bên cạnh đó nguồn lao động đứt gãy sau dịch bệnh chưa hồi phục, nhiều cơ sở kinh doanh dịch vụ chưa hoạt động trở lại trong thời gian ngắn

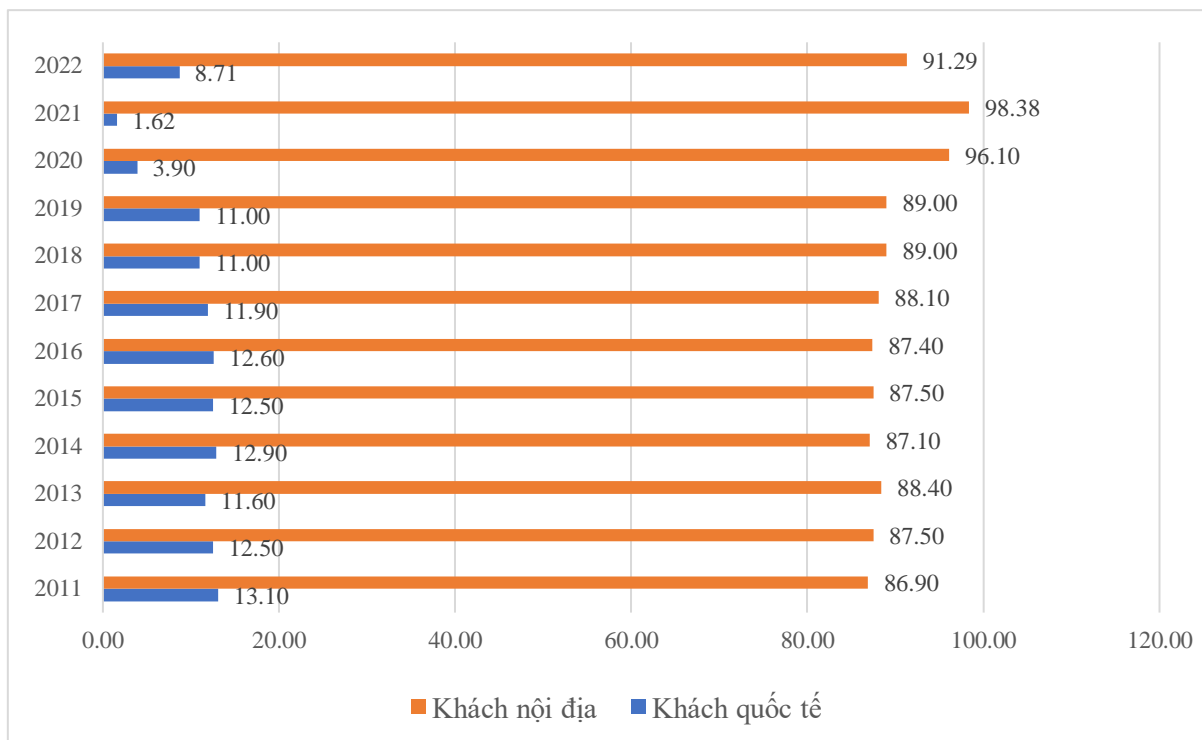
Cơ cấu khách du lịch

- Giai đoạn 2011 – 2019: Khách quốc tế chiếm khoảng 11 – 13% tổng lượt khách và có sự suy giảm nhẹ, từ 13,1% năm 2011 đến 2019 còn 11%. Khách nội địa có sự tăng trưởng từ 86,9% năm 2011 lên 89% năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do sự phát triển mạnh mẽ của thị trường nội địa, với tốc độ tăng trưởng cao hơn so với thị trường quốc tế.

- Giai đoạn 2020 - 2021: Giai đoạn biến động với tác động từ dịch bệnh Covid-19. Tỷ trọng khách quốc tế giảm mạnh, đỉnh điểm ở 2021 chỉ còn 1,62% tổng lượng khách.

Khách du lịch quốc tế đến Thành phố Hải Phòng bằng nhiều đường khác nhau, nhưng chủ yếu là theo đường bộ từ Hà Nội và Quảng Ninh (từ Quảng Ninh tới chủ yếu là khách Trung Quốc) và đến từ các thành phố lớn ở phía Nam như TP Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng bằng đường hàng không. Chi tiêu trung bình của khách du lịch quốc tế tương đối thấp (trung bình 1,9 triệu đồng/lượt khách vào năm 2019) thấp hơn nhiều so với tỉnh lân cận là Quảng Ninh (2,45 triệu/lượt khách). Số ngày lưu trú trung bình của khách quốc tế tới Hải Phòng tương đối thấp, chỉ 1.8 ngày/ lượt khách vào 2019 và 2,2 ngày/lượt khách năm 2022.

Đơn vị: %



Hình 3.5: Cơ cấu khách du lịch nội địa - quốc tế Hải Phòng thời kỳ 2011 – 2022

Nguồn: Sở Du lịch, Cục thống kê thành phố Hải Phòng

- Từ năm 2022: Tỷ trọng khách quốc tế tăng dần, đạt 8,7% nhưng chưa phục hồi được kết quả của 2019. Năm 2023, tỷ lệ 14,29% khách quốc tế. Nguyên nhân do ngành du lịch Việt Nam đã mở cửa, nhu cầu du lịch quốc tế dần hồi phục sau dịch bệnh.

Thị trường khách du lịch quốc tế đến Hải Phòng gồm: Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên bang Nga, Mỹ; các nước thuộc khối Liên minh châu Âu (EU), các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và một số quốc gia khác. Thị trường khách du lịch quốc tế truyền thống gồm: Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ; các quốc gia Tây Âu (*Anh, Đức, Pháp*) và một số quốc gia Đông Nam Á (*Thái Lan, Singapore, Malaysia*). Trong đó: Trung Quốc chiếm tỷ lệ 31,9% tổng khách quốc tế đến Hải Phòng, tiếp đến là Hàn Quốc (9,5%), Nhật Bản (6,6%), Mỹ (4,4%), Đài Loan (2%) và Liên bang Nga (0,9%); thị trường khách du lịch các nước thuộc khối Liên minh châu Âu (EU) chiếm tỉ lệ 26,7%; thị trường khách du lịch các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) chiếm tỉ lệ 3,8%; thị trường khách du lịch các quốc gia còn lại chiếm tỉ lệ 14,2%. Như vậy thị trường khách du lịch quốc tế của Hải Phòng tương đồng với xu hướng thị trường khách quốc tế chung của Việt Nam. Trong cơ cấu khách quốc tế của Việt Nam, Trung Quốc và Hàn Quốc là hai thị trường quan trọng nhất chiếm lần lượt 32,2% và 23,8% nguồn khách.

Khách du lịch nội địa đang chiếm tỷ trọng lớn so với tổng lượng khách đến Thành phố Hải Phòng. Thị trường khách nội địa đang đóng vai trò quan trọng đối các sản phẩm du lịch của Thành phố Hải Phòng. Các điểm du lịch hấp dẫn như Bạch Long Vĩ, Cát Bà, Long Châu, Đồ Sơn, Hòn Dấu và cùng với lễ hội Chọi Trâu Đồ Sơn.. vẫn đang là những điểm du lịch hấp dẫn đối với khách nội địa, đặc biệt là vào các dịp hè, lễ hội. Tuy nhiên, do các loại hình du lịch của Hải Phòng còn đơn điệu, thiếu dịch vụ vui chơi giải trí thể thao hấp dẫn, nên lượng khách đến Hải Phòng đặc biệt là khách nghỉ cuối tuần vẫn còn thấp hơn nhiều với Hà Nội và Quảng Ninh. Khách nội địa đến Hải Phòng chủ yếu là vào mùa hè đi du lịch tắm biển và mùa lễ hội văn hóa lịch sử. Tính mùa vụ cao là hạn chế lớn nhất dẫn đến sự phát triển du lịch Hải Phòng chưa đảm bảo bền vững về kinh tế.

3.1.4.3. Kết quả kinh doanh của ngành du lịch Hải Phòng

Giai đoạn 2016 - 2019, du lịch Hải Phòng có bước phát triển đáng kể; tổng thu từ khách du lịch tăng ổn định, bình quân 15,3%/năm.

Bảng 3.5: Kết quả hoạt động du lịch giai đoạn 2016 – 2023

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Tổng lượt khách	1.000 lượt khách	5.964	6.707	799,75	9.078,21	7.515,501	3.670	6.040	7.950
Khách QT	1.000 lượt khách	749	797	859,13	997,3	291,664	40,73	536,233	975,8
Khách ND	1.000 lượt khách	5.215	5.910	6.940,62	8,080,91	7.223,837	3.629,27	5.504,52	6.970
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.129	5.768	6.700	7.850	6.760	3.376	5.437	6.300

Nguồn: Sở Du lịch và Cục Thống kê thành phố Hải Phòng

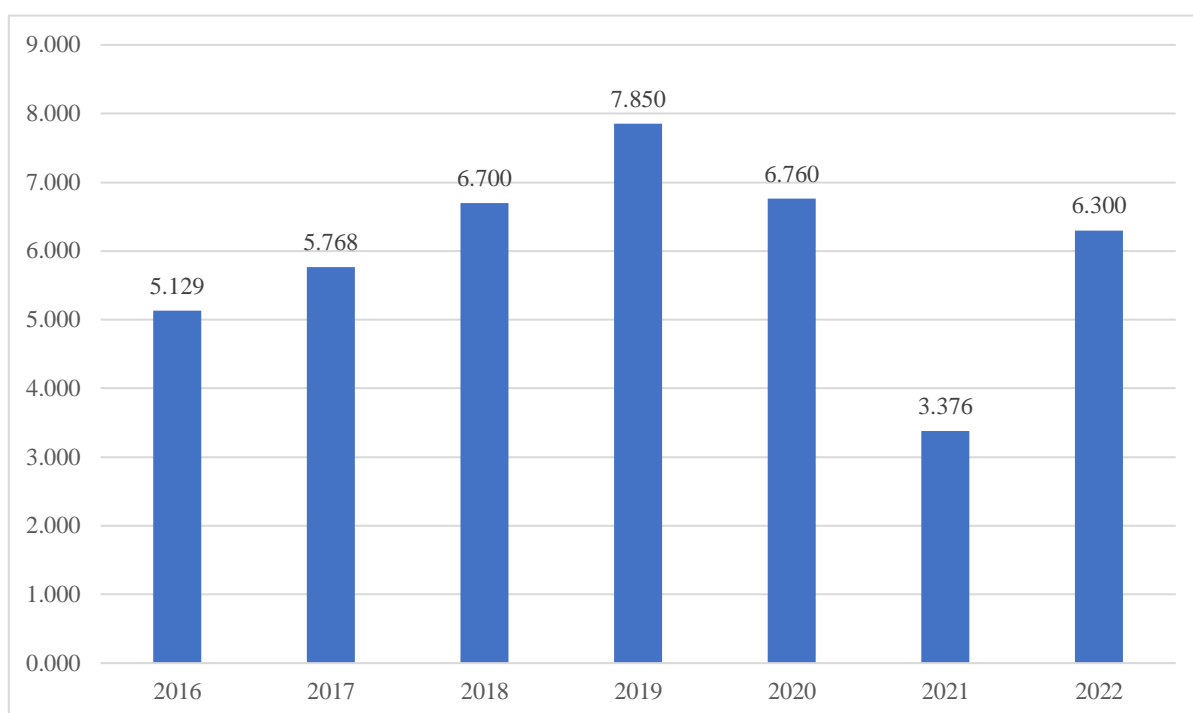
Tổng doanh thu từ ngành du lịch thành phố Hải Phòng tăng trưởng ổn định trong giai đoạn từ 2011 đến 2019, hàng năm đã tăng từ 2011 là 5.129 tỷ đồng, năm 2018 là 7.850 tỷ đồng, đến 2019 đạt 7.850 tỷ đồng, tỷ lệ tăng trung bình đạt 15,24%/năm. Từ năm 2016, du lịch Hải Phòng đã đạt được mục tiêu về tổng doanh thu từ ngành du lịch của năm 2020 theo Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, thể thao và du lịch thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 của UBND Thành phố.

- Giai đoạn 2020-2021, tổng thu giảm mạnh do tác động của đại dịch Covid19, tương ứng 86% (2020) và 43% (2021) so với doanh thu của năm 2019. Nhưng đến 2022, tổng doanh thu từ du lịch đã dần phục hồi, đạt 5.437 tỷ đồng, tương ứng 69,2% so với 2019.

- Năm 2023, du lịch Hải Phòng có doanh thu ước đạt 6300 tỷ, tăng 15,87% so với năm 2022.

Trong 10 năm qua, doanh thu từ du lịch của Hải Phòng đã tăng lên đáng kể, với tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm khoảng 10-20%. Đặc biệt, doanh thu từ du lịch quốc tế tăng trưởng nhanh chóng nhờ vào việc tăng cường quảng bá và thu hút đầu tư vào các khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, như Vinpearl và Flamingo Cát Bà.

Đơn vị: Tỷ đồng



Hình 3.6: Doanh thu từ du lịch Hải Phòng giai đoạn 2016 – 2022

Nguồn: Sở du lịch, Cục thống kê thành phố Hải Phòng

Tuy nhiên, tổng doanh thu từ du lịch Hải Phòng so với toàn vùng và cả nước còn ở mức khiêm tốn. Năm 2019, tổng doanh thu từ du lịch của Hải Phòng đứng ở vị trí 12/63 tỉnh thành cả nước; trong khi tổng lượng khách du lịch đứng thứ 7/63 tỉnh thành. Điều này nói lên thực trạng số lượng khách du lịch đến Hải Phòng chủ yếu là khách nội địa và với mức chi tiêu thấp. Nếu so sánh với các tỉnh có ngành du lịch phát triển hàng đầu của Việt Nam thì tổng doanh thu từ du lịch của Hải Phòng rất thấp. Cụ thể, so với 2 tỉnh, thành phố phát triển du lịch đứng đầu vùng đồng bằng sông Hồng vào năm 2019 thì Hải Phòng chỉ bằng 7,3% so với Hà Nội, 25,71% so với Quảng Ninh.

Sự đóng góp của ngành du lịch vào GRDP của Hải Phòng đã tăng đều đặn trong mười năm qua, phản ánh tầm quan trọng ngày càng tăng của du lịch thành phố như một điểm đến du lịch trọng điểm ở miền Bắc Việt Nam. Tỷ lệ đóng góp của du lịch vào GRDP chỉ chiếm khoảng 3-4% vào năm 2013; tỷ lệ này đã tăng lên khoảng 7% vào năm 2023. Cụ thể, tỷ trọng đóng góp của ngành du lịch vào GRDP của Hải Phòng năm 2019 là 7,64%, năm 2020 do đại dịch là 6,12%, năm 2023 ước đạt khoảng 7%. Số liệu cho thấy mức đóng góp của du lịch vào GRDP của thành phố có tăng nhưng mức độ khiêm tốn và hiện vẫn chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ. Từ kết quả kinh doanh, có thể đánh giá sự phát triển du lịch của thành phố về kinh tế còn chưa đáp ứng yêu cầu của tính bền vững.

Do tính mùa vụ của khách du lịch nội địa đến Hải Phòng cao, lại chưa thu hút được nhiều khách du lịch quốc tế đến vào mùa đông nên công suất khai thác phòng lưu trú của các cơ sở lưu trú trên địa bàn Hải Phòng còn thấp.

Công suất khai thác phòng lưu trú khoảng từ 45-55% trong giai đoạn 2011 - 2019, tương đương với công suất khai thác chung của Việt Nam (52% năm 2019) tuy nhiên thấp hơn một số tỉnh có điều kiện mùa vụ du lịch tương đương như Quảng Ninh trung bình 60% hay Thanh Hóa trung bình 65%-68% trong cùng giai đoạn. Bên cạnh đó, chỉ tiêu này có sự suy giảm, từ 55% năm 2011 đến 45% năm 2016, sau đó tăng trở lại đến 2019 đạt 51%. Số liệu này phản ánh kết quả phát triển kinh doanh du lịch Hải Phòng bị ảnh hưởng bởi tính mùa vụ nên chưa đạt hiệu quả cao và chưa bền vững về kinh tế. Ở giai đoạn 2020 - 2021, công suất giảm mạnh, năm 2021 chỉ đạt 10% do tác động của dịch bệnh. Đến năm 2022, công suất sử dụng phòng đang dần phục hồi, đạt 38% và đến 2023 đạt 45%. Kết quả này càng khẳng định sự phát triển của du lịch Hải Phòng chưa bền vững về kinh tế, hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn chưa cao.

3.1.4.4. Đánh giá chung về thực trạng phát triển du lịch Hải Phòng

Từ các dữ liệu thứ cấp về du lịch Hải Phòng có thể nhận định du lịch Hải Phòng đã có sự phát triển mạnh mẽ trong hơn 10 năm qua. PGS.TS Đan Đức Hiệp (nguyên Phó Chủ tịch thường trực UBND thành phố Hải Phòng) đã đánh giá “ngành du lịch đã dần trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo đúng định hướng, chủ trương và mục tiêu của Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn. Thu hút 56 dự án đầu tư trong nước với vốn gần 67.800 tỷ đồng và 14 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với số vốn 931 triệu USD” (Đan Đức Hiệp, 2022). Tuy nhiên, các dữ liệu phản ánh thực trạng du lịch Hải Phòng trong 10 năm qua cho thấy mặc dù đã có những bước phát triển nhất định nhưng so với tiềm năng tài nguyên du lịch của địa phương thì du lịch Hải Phòng vẫn đang ở trong giai đầu của sự phát triển và còn dư địa phát triển lớn. Cho đến hiện tại, tổng lượng khách du lịch đến

với Hải Phòng mới đạt chưa đầy 10 triệu lượt khách/năm, trong đó số lượng khách quốc tế rất ít, thời gian lưu trú và chi tiêu của khách du lịch thấp. Doanh thu từ dịch vụ du lịch còn thấp, công suất sử dụng phòng lưu trú thấp. Đặc biệt, giá trị gia tăng tạo ra từ ngành kinh doanh du lịch không cao, mức độ đóng góp cho ngân sách và tạo thu thập cho cư dân thành phố còn ở mức rất hạn chế.

3.2. Đánh giá thực trạng các tiêu chí thuộc các trụ cột phát triển bền vững du lịch Hải Phòng

Thông tin và dữ liệu thu thập được từ phỏng vấn đại diện các bên liên quan đến phát triển du lịch trên địa bàn được sử dụng để phân tích theo từng nhóm tiêu chí chính đánh giá về mức độ phát triển bền vững du lịch của địa phương.

3.2.1. Thực trạng các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững du lịch Hải Phòng về kinh tế

3.2.1.1. Thực trạng kết quả kinh doanh du lịch và tỷ suất sinh lợi đầu tư bền vững

Vì du lịch đã tồn tại lâu đời trên địa bàn Hải Phòng, nên các bên liên quan địa phương đã nhất trí rằng phát triển bền vững du lịch phải mang lại lợi ích và hiệu quả kinh tế tích cực cho cộng đồng cư dân địa phương và góp phần phát triển kinh tế của địa phương. Phát triển du lịch đã tạo ra nhiều việc làm ổn định hơn so với trước đây. Tại các điểm đến du lịch cần có thêm nhân lực để duy trì môi trường xanh, bảo vệ khách du lịch, quản lý các cơ sở kinh doanh du lịch, ... Một người dân địa phương bày tỏ quan điểm:

Rõ ràng là du lịch tạo ra rất nhiều việc làm cho người dân địa phương cũng như những người khác đến từ các địa phương khác hoặc thậm chí một số người nước ngoài làm việc trong thành phố. Như tôi biết, hiện nay có nhiều khách sạn, khu nghỉ dưỡng, nhà hàng, dịch vụ du lịch hơn so với mười năm trước. Do đó, tất nhiên cần phải có nhiều nhân lực hơn để làm việc trong các doanh nghiệp này. Với du lịch bền vững, tôi nghĩ rằng những công việc này có thể ổn định hơn khi chúng ta thu hút được nhiều khách du lịch hơn với các chiến lược mới của chính quyền địa phương.

Tổng hợp ý kiến từ các bên liên quan tại địa phương cho thấy họ tin rằng sự phát triển bền vững du lịch có thể tạo ra nhiều việc làm hơn trong ngành du lịch và các ngành kinh doanh khác, chẳng hạn như ngân hàng, bán lẻ, v.v. Cư dân địa phương háo hức nói về điều này, tưởng tượng rằng con cái họ sẽ không phải kiếm việc làm xa nhà như ở các thế hệ trước. Họ hy vọng rằng nguồn nhân lực từ người dân địa phương sẽ được ưu tiên cho việc làm trong ngành du lịch khi du lịch phát triển. Thu nhập từ du lịch tăng cũng tăng thêm tiền thuế từ nhà hàng và khách sạn và các khoản khác, có thể được sử dụng đầu tư cho trường học, nhà ở, bệnh viện và các cơ sở hạ tầng khác của địa phương.

Các bên liên quan địa phương cũng nhận thức được rằng sẽ thu hút được nhiều vốn đầu tư hơn vào khu vực nếu có các chính sách phát triển bền vững du lịch của chính quyền địa phương phù hợp. Bên cạnh các dự án đầu tư trực tiếp vào lĩnh vực kinh doanh du lịch để phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch trong khu vực, thì cần phải có nhiều dự án đầu tư hơn vào xây dựng các hệ thống xử lý chất thải rắn và lỏng, hệ thống vệ sinh công cộng,... Rõ ràng muốn phát triển bền vững du lịch các doanh nghiệp kinh doanh du lịch phải đầu tư cho các hệ thống xử lý nước thải để bảo vệ môi trường. Các doanh nghiệp phải đầu tư cho các dự án du lịch bền vững với chất lượng dịch vụ cao hơn, đáp ứng yêu cầu của du khách; hoặc phải phát triển các loại hình du lịch mới như du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng. Như một nhà quản lý của một công ty du lịch đã nêu ý kiến:

Một trong những lợi ích rõ ràng của phát triển du lịch bền vững đối với kinh tế của thành phố là sự đầu tư vào du lịch không chỉ của quốc gia mà còn của các tổ chức quốc tế. Chính quyền địa phương cũng đã thực hiện một số khoản đầu tư để hỗ trợ bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo du lịch bền vững. Vì du lịch bền vững còn mới mẻ đối với khu vực, chúng tôi đang phải chấp nhận nhiều khoản đầu tư mới cho mục tiêu thu hút khách du lịch cao cấp. Một số công ty đang phải đầu tư vào hệ thống xử lý chất thải ở các khu du lịch. Một số nhà kinh doanh đang thành lập các doanh nghiệp du lịch mới tập trung vào du lịch sinh thái và du lịch dựa vào cộng đồng.

Phần lớn ý kiến từ các bên liên quan trong phát triển bền vững du lịch Hải Phòng đều đồng thuận là về kinh tế, phát triển du lịch bền vững cần các khoản đầu tư mới để nâng cấp chất lượng dịch vụ và đáp ứng tiêu chí bảo vệ môi trường.

Các nhà kinh doanh du lịch trên địa bàn Hải Phòng đều đánh giá tính bền vững về các chỉ số hiệu quả kinh doanh các dịch vụ du lịch còn thấp. Các nhà quản trị các doanh nghiệp du lịch ở 2 khu du lịch gắn liền với tài nguyên du lịch biển là Cát Bà và Đồ Sơn cho rằng hiện tại hiệu quả kinh doanh chưa cao do ảnh hưởng của tính mùa vụ du lịch. Mùa du lịch chính của các khu du lịch biển là mùa hè thu hút chủ yếu là khách nội địa ngắn, mùa đông có rất ít khách du lịch nội địa trong khi chưa thu hút được nhiều khách du lịch quốc tế nên công suất sử dụng buồng phòng còn thấp (số liệu của sở du lịch là khoảng 51%). Chi phí đầu tư xây dựng các khu du lịch lớn, thời gian thu hồi vốn dài, nên hiệu quả đầu tư chưa cao.

Đối với các công dân địa phương, phát triển bền vững du lịch trên địa bàn phải mang lại lợi ích kinh tế cho họ và địa phương. Theo nhận xét của cư dân địa phương, phát triển du lịch trên địa bàn chưa bền vững do khách du lịch đến các địa điểm du lịch không đều nên cơ hội việc làm cũng như lợi ích do du lịch mang lại cho cư dân địa

phương còn thất thường. Các đại diện của cư dân địa phương được phỏng vấn đều có ý kiến chung phản ánh là lợi ích kinh tế do du lịch mang lại cho cộng đồng cư dân địa phương trong khu vực còn rất khiêm tốn, cuộc sống của họ không được cải thiện nhiều từ phát triển du lịch.

Hầu hết khách du lịch đến các khu vực du lịch biển hoặc du lịch văn hóa tâm linh có xu hướng đi du lịch vào cuối tuần, ngày lễ hoặc khi có các sự kiện đặc biệt, chẳng hạn như lễ hội truyền thống. Sự biến động hàng tuần của nhu cầu không chỉ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch mà còn ảnh hưởng đến hoạt động của cộng đồng cư dân địa phương và các bên liên quan khác. Hầu hết các dịch vụ, lao động và cơ sở hạ tầng phục vụ khách du lịch chỉ hoạt động vào cuối tuần hoặc ngày lễ. Các khu vực du lịch của thành phố đều gặp phải vấn đề này vì không đủ các dịch vụ đa dạng và hấp dẫn để thu hút khách du lịch vào các ngày trong tuần. Khách du lịch hiện nay đến các khu du lịch của thành phố là du khách đến từ các vùng lân cận, do đó họ thường nghỉ cuối tuần và các ngày nghỉ lễ để đi du lịch thành phố. Vấn đề này dẫn đến lợi tức trên vốn đầu tư và tỷ suất lợi nhuận thấp do sử dụng các nguồn lực và cơ sở vật chất kém hiệu quả. Một nhà quản lý khách sạn 4 sao đã có ý kiến:

Chúng tôi không có nhiều khách du lịch đến nghỉ trong các ngày trong tuần. Khách du lịch có xu hướng chỉ đến thăm khu vực này vào cuối tuần và ngày lễ vì họ đến từ các tỉnh và địa phương xung quanh. Thực trạng này gây cho chúng tôi nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh do nhu cầu thất thường, lượng khách không đều trong tuần. Do đó, chúng tôi nhận thấy lợi nhuận từ các khoản đầu tư vào kinh doanh khách sạn là rất thấp và không thể trả lương cao cho nhân viên được.

Các khu vực du lịch cũng phải đối mặt với tình trạng thiếu việc làm vào các ngày trong tuần và kỹ năng của nhân viên vẫn ở mức tối thiểu. Chi phí đào tạo đối với lao động được tuyển dụng theo thời vụ cũng tăng lên. Các doanh nghiệp kinh doanh du lịch còn gặp khó khăn hơn trong việc thu hút nhân viên làm việc do mức lương thấp.

Theo ý kiến của người dân địa phương số 4 – một người đã sống lâu năm ở điểm đến du lịch nổi tiếng “*du lịch trong khu vực muốn phát triển bền vững cần phải có chất lượng dịch vụ cao để thu hút càng nhiều khách du lịch càng tốt và cần có sản phẩm du lịch thu hút được khách du lịch đến vào các ngày trong tuần và đến vào mùa đông. Ngành du lịch cần làm hài lòng khách du lịch để họ quay trở lại. Điều này sẽ mang lại thu nhập ổn định và tạo thêm nhiều việc làm cho người dân địa phương trong khu vực*”. Ông cho rằng nguồn tài nguyên thiên nhiên trong vùng chưa được ngành du lịch khai thác hiệu quả, các doanh nghiệp du lịch chưa đầu tư cho các sản phẩm du lịch đủ hấp dẫn để thu hút và làm hài lòng du khách, điều này đồng nghĩa với việc

ngành du lịch chưa phát triển bền vững. Các cư dân địa phương khác và cán bộ chính quyền cũng đồng quan điểm như vậy.

Công dân số 6 có ý kiến là “*để thu hút nhiều khách du lịch hơn vào các ngày thường trong tuần và vào mùa đông cần phải xây dựng nhiều trung tâm vui chơi giải trí hơn cho khách du lịch. Mặc dù khu vực du lịch như Cát Bà hay Đồ Sơn có cảnh đẹp tự nhiên, nhưng dịch vụ không đủ tốt đối với khách du lịch nước ngoài.*” Quan điểm của phần lớn cư dân địa phương và khách du lịch được phỏng vấn đều có chung nhận định là địa phương đang thiếu các dịch vụ du lịch, chưa thu hút được khách du lịch đến vào mùa thấp điểm. Ý kiến của các bên liên quan đều đồng thuận là mong muốn làm thế nào để phát triển du lịch như một hoạt động kinh tế bền vững. Theo quan điểm của cả các nhà kinh doanh du lịch và cư dân địa phương, hoạt động du lịch của vùng chưa được phát triển bền vững và chưa tương xứng với tài nguyên du lịch và thế mạnh hiện có. Mong muốn của các bên liên quan là càng thu hút được nhiều khách du lịch tới khu vực càng tốt để tăng thu nhập cho kinh tế địa phương.

Tổng hợp ý kiến đánh giá của các nhà kinh doanh du lịch, cư dân địa phương, cán bộ chính quyền địa phương NCS rút ra các nhận xét chung về những mặt hạn chế của phát triển du lịch Hải Phòng dẫn đến chưa bền vững bao gồm các khía cạnh dưới đây.

Thiếu hụt cơ sở hạ tầng đồng bộ phục vụ du lịch: Mặc dù Hải Phòng đã đầu tư vào nhiều công trình hạ tầng du lịch, nhưng sự phát triển này vẫn còn thiếu đồng bộ và chưa đáp ứng đủ nhu cầu ngày càng tăng của khách du lịch. Nhiều khu du lịch thiếu các cơ sở hạ tầng quan trọng như hệ thống giao thông công cộng, cơ sở y tế, nhà vệ sinh công cộng, và các tiện ích cơ bản khác, ảnh hưởng đến trải nghiệm của du khách. Ví dụ điển hình là du lịch biển Hải Phòng đang thiếu bến tàu chuyên dụng; hay Đồ Sơn đang có kết cấu hạ tầng và quy hoạch đô thị thiếu đồng bộ. thiếu dịch vụ vui chơi giải trí cho cộng đồng dân cư và du khách.

Chất lượng dịch vụ chưa đồng đều: Dịch vụ du lịch tại Hải Phòng chưa được nâng cấp và đồng đều giữa các khu vực. Trong khi một số khu vực trung tâm được đầu tư phát triển mạnh mẽ, các khu vực ngoại ô và nông thôn lại thiếu các dịch vụ du lịch chất lượng, làm giảm khả năng thu hút và giữ chân du khách, từ đó ảnh hưởng đến doanh thu và lợi ích kinh tế.

Thiếu sự độc đáo và đa dạng hóa sản phẩm du lịch: Hải Phòng vẫn chưa khai thác hết tiềm năng của mình để tạo ra các sản phẩm du lịch độc đáo và khác biệt so với các điểm đến khác. Các sản phẩm du lịch tại đây còn đơn điệu và thiếu sáng tạo, chưa tạo được ấn tượng mạnh với du khách. Chính vì vậy mà chưa thu hút được khách du lịch

đến vào mùa đông. Khả năng cạnh tranh của du lịch Hải Phòng còn thấp, đặc biệt khi so sánh với các địa phương tương đồng như Quảng Ninh hay Đà Nẵng.

Giá trị gia tăng thấp trong kinh doanh du lịch: Mặc dù có tiềm năng phát triển các dịch vụ bổ trợ như ẩm thực, mua sắm, và giải trí, nhưng Hải Phòng chưa tạo ra được nhiều giá trị gia tăng trong ngành du lịch. Các dịch vụ này vẫn còn hạn chế, thiếu sự đa dạng và chưa được nâng cao chất lượng, dẫn đến việc giảm hiệu quả kinh tế từ ngành du lịch.

Các bên liên quan cũng đánh giá du lịch Hải Phòng cũng đang đối mặt với việc thiếu hụt cả về chất lượng và số lượng nguồn nhân lực phục vụ du lịch.

Thiếu nhân lực chất lượng cao: Hải Phòng vẫn thiếu hụt nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao, đặc biệt là trong các lĩnh vực quản lý, điều hành, và hướng dẫn viên du lịch. Điều này dẫn đến việc cung cấp dịch vụ du lịch chưa đạt tiêu chuẩn, ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách và khả năng cạnh tranh của ngành du lịch.

Chất lượng đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu: Các cơ sở đào tạo nhân lực du lịch tại Hải Phòng chưa đáp ứng được yêu cầu về chất lượng và cập nhật các kiến thức, kỹ năng cần thiết cho ngành du lịch hiện đại. Việc thiếu hụt các chương trình đào tạo chuyên sâu và các khóa học nâng cao đã làm giảm khả năng cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho thị trường du lịch.

3.2.1.2. *Thực trạng tiêu chí phát triển du lịch với lợi ích kinh tế được chia sẻ cho các bên liên quan tại địa phương*

Tổng hợp kết quả đánh giá của cư dân địa phương, các doanh nhân kinh doanh du lịch và cán bộ chính quyền địa phương, cho thấy rằng hoạt động du lịch trên địa bàn đã đảm bảo ở mức độ nhất định việc chia sẻ lợi ích kinh tế giữa các bên liên quan tại địa phương. Các sản phẩm địa phương bán cho khách du lịch đã mang lại lợi ích cho cư dân địa phương. Người dân địa phương cũng có thể kiếm tiền bằng cách cung cấp sản phẩm của họ cho các công ty du lịch hoặc bán trực tiếp cho khách du lịch. Đảm bảo lợi ích cho người dân địa phương trong các hoạt động du lịch là một phần quan trọng của du lịch bền vững. Một số nhà quản lý Công ty Du lịch cho rằng “*nên tập trung nhiều hơn vào sản xuất các sản phẩm địa phương để phục vụ khách du lịch trong khu vực. Sẽ tốt hơn nhiều nếu các sản phẩm địa phương được sử dụng để phục vụ khách du lịch, thay vì nhập khẩu từ các khu vực khác. Điều này sẽ tạo ra nhiều việc làm hơn, mang lại nhiều lợi ích hơn cho các bên liên quan tại địa phương và thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, vì nó sẽ phần nào làm cho việc phân phối lợi ích giữa các bên liên quan trong phát triển du lịch trở nên cân bằng. Nhờ đó, nó có thể làm giảm các tệ nạn xã hội. Đặc biệt, điều*

này cũng có thể làm cho sản phẩm du lịch của địa phương trở nên độc đáo hơn khi có nhiều đặc sản địa phương được sử dụng để phục vụ du khách.”

Các nhà quản lý doanh nghiệp du lịch đã giới thiệu một số đặc sản địa phương có thể được sử dụng để thu hút khách du lịch, chẳng hạn như hải sản, rượu gạo địa phương, đồ ăn địa phương và quà lưu niệm thủ công mỹ nghệ. Những món quà lưu niệm này được làm từ những vật liệu sẵn có trong vùng, thân thiện với môi trường và phản ánh nét độc đáo của khu vực. Các sản phẩm đặc biệt của địa phương hấp dẫn và độc đáo hơn sẽ góp phần thu hút khách du lịch và mang lại thu nhập cho cư dân địa phương.

Tuy nhiên, các cư dân địa phương, cán bộ chính quyền địa phương và các nhà quản trị doanh nghiệp du lịch cũng nhận thấy rằng vẫn còn có sự gia tăng khoảng cách giàu nghèo và sự phân bổ lợi ích không công bằng từ phát triển du lịch. Hoạt động du lịch trong khu vực đã tạo ra nhiều cơ hội việc làm nhưng việc làm chưa ổn định, thu nhập chưa cao và chưa tạo được mối liên kết tốt, đặc biệt là với sản xuất nông nghiệp và các ngành cung cấp dịch vụ khác.

Hơn nữa, các nhà quản trị các công ty du lịch địa phương cho rằng du lịch của thành phố chưa phát triển với hiệu quả bền vững còn do sự thiếu hợp tác và cạnh tranh không lành mạnh giữa các công ty du lịch trên địa bàn. Nếu những vấn đề này tiếp diễn, ngành du lịch trong vùng sẽ không thu hút được thêm nhiều khách du lịch và do đó không thể phát triển bền vững. Như người quản lý của công ty du lịch số 6 đã cảnh báo:

Thiếu sự hợp tác giữa các công ty du lịch. Cạnh tranh không công bằng dẫn đến nhiều vấn đề nghiêm trọng gây căng thẳng cho khách du lịch. Sự hợp tác giữa các công ty du lịch là quan trọng để làm hài lòng khách hàng của họ. Một điểm đến với những điểm tham quan tuyệt vời không thể không hấp dẫn du khách trừ khi các dịch vụ trong lĩnh vực đó cũng hấp dẫn.

3.2.2. Thực trạng các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững du lịch Hải Phòng về bảo vệ và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường sinh thái

3.2.2.1. Thực trạng các tiêu chí bảo vệ môi trường tự nhiên

Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên cho thế hệ hiện tại và tương lai đã được hầu hết người dân địa phương và những người kinh doanh du lịch đề cập đến khi họ thảo luận về làm thế nào để phát triển bền vững du lịch trong khu vực của họ. Điều này được thể hiện bằng các cụm từ như “bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên”, “bảo tồn môi trường tự nhiên”, “môi trường cần được bảo vệ”, “giảm thiểu tác động của du lịch đến môi trường tự nhiên” và “duy trì và đảm bảo bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường”. Từ tài nguyên thiên nhiên và môi trường tự nhiên sẵn có thuận lợi, du

lich Hải Phòng chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên thiên nhiên. Hầu hết khách du lịch đến Hải Phòng để tận hưởng tắm biển, thăm vịnh và rừng tự nhiên, thưởng thức ẩm thực hải sản. Mặc dù có nhiều di tích lịch sử và văn hóa trên địa bàn thành phố Hải Phòng, nhưng chúng không hấp dẫn bằng hai khu du lịch Cát Bà và Đồ Sơn, do đó các điểm du lịch văn hóa lịch sử chưa nhận được nhiều sự quan tâm của khách du lịch. Được hầu hết người dân và doanh nhân du lịch địa phương công nhận, tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là các bãi biển là thế mạnh riêng có của du lịch Hải Phòng. Người quản lý của Công ty Du lịch 5 đã đề cập đến vấn đề này trong cuộc phỏng vấn:

“Chúng tôi có tài nguyên thiên nhiên như các bãi biển, rừng, và cơ sở hạ tầng tốt như hệ thống lưu trú, nhà hàng, ... để phát triển du lịch trên địa bàn thành phố. Tuy nhiên, hầu hết mọi người đến để tắm biển, thăm cảnh quan của vịnh Lan Hạ, Vịnh Hạ Long và thưởng thức hải sản trong khu vực. Các điểm du lịch khác như di tích lịch sử, làng nghề truyền thống không thu hút được nhiều du khách. Chúng ta vẫn dựa nhiều vào tài nguyên thiên nhiên để phát triển du lịch trên địa bàn thành phố.”

Bên cạnh các bãi biển, cư dân địa phương cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của rừng nguyên sinh Cát Bà và hải sản là các nguồn tài nguyên thiên nhiên quan trọng thu hút khách du lịch của điểm đến. Khi được hỏi lý do tại sao cộng đồng người dân địa phương đặt môi trường tự nhiên vào trọng tâm trong các diễn giải của họ về phát triển bền vững du lịch, NCS đã phát hiện có năm chủ đề chính nổi lên được những người thuộc các bên liên quan tham gia phỏng vấn quan tâm: (i) Phát triển du lịch phụ thuộc vào chất lượng của môi trường tự nhiên; (ii) Hoạt động du lịch trong khu vực chủ yếu dựa vào tài nguyên thiên nhiên nhiều hơn là các di tích lịch sử hoặc văn hóa; (iii) Phát triển du lịch trong khu vực có ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường tự nhiên; (iv) Môi trường tự nhiên đang bị ô nhiễm bởi khách du lịch và người dân địa phương; và (v) Việc xử lý chất thải của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch đã không được coi trọng.

Đầu tiên, các bên liên quan đề cập đến tầm quan trọng của môi trường tự nhiên đối với sự phát triển của ngành du lịch. Các doanh nghiệp du lịch đã cố gắng hết sức để giảm thiểu tác động của du lịch từ các hoạt động kinh doanh của họ đối với môi trường tự nhiên. Người quản lý công ty du lịch 8 cho biết: *“Công ty luôn cố gắng làm tốt nhất để giữ cho khu nghỉ mát sạch sẽ nhất có thể. Môi trường tự nhiên rất quan trọng đối với ngành du lịch ở bất kỳ khu vực nào trên thế giới. Chúng tôi cũng phối hợp với chính quyền địa phương để tuyên truyền về bảo vệ môi trường tự nhiên cho người dân địa phương cũng như khách du lịch đến khu vực này. Bất kỳ hoạt động nào đe dọa đến môi trường tự nhiên đều không được chấp nhận tại công ty chúng tôi”*.

Ngành du lịch không thể phát triển nếu không có các nguồn tài nguyên thiên nhiên, là nhận định đã được nhiều người dân địa phương và các nhà kinh doanh du lịch đồng thuận trong khi nói về phát triển bền vững du lịch. Họ đều thừa nhận tầm quan trọng của môi trường tự nhiên trong phát triển du lịch và khẳng định rằng bất kỳ kế hoạch phát triển du lịch nào cũng đều phải xem xét nghiêm túc đến mức độ ảnh hưởng tới môi trường tự nhiên. Các cư dân địa phương có ý kiến rằng một số khu du lịch trong địa bàn thành phố Hải Phòng đã được quản lý tốt hơn và đã quan tâm đến bảo vệ môi trường tự nhiên ở những khu vực du lịch và do đó, những khu vực đó đã ngày càng tiếp nhận được nhiều khách du lịch hơn. Cụ thể, một số cư dân đã nhận xét về bãi biển ở thị trấn Cát Bà. Công dân địa phương 19, đến từ thị trấn Cát Bà, cho biết:

Khoảng 10 năm trước, ý thức của người dân địa phương sống gần các bãi biển, đặc biệt là người dân làng chài còn rất thấp. Họ vứt rác trên các bãi biển sau những chuyến đánh bắt trở về và thậm chí có cả rác thải của con người. Chính quyền địa phương đã cố gắng hết sức để giữ cho các bãi biển sạch sẽ và yêu cầu họ không được hành động như vậy. Sau một thời gian dài khuyến cáo người dân địa phương giữ gìn bãi biển sạch sẽ cũng như có thêm nhân viên làm vệ sinh và bảo vệ bãi biển, chính quyền địa phương đã làm cho bãi biển sạch hơn và có thể thu hút nhiều khách du lịch đến vui chơi cuối tuần hoặc nghỉ lễ.

Mặc dù khu vực này cố gắng hết sức để bảo vệ môi trường tự nhiên để tiếp cận du lịch bền vững, nhưng những vấn đề này không thể thoát khỏi. Ô nhiễm tiếng ồn và ô nhiễm không khí là một phần của kết quả thu hút khách du lịch đến khu vực này. Những tác động này chỉ xảy ra vào cuối tuần, ngày lễ hoặc trong các sự kiện đặc biệt như lễ hội truyền thống và quốc tế trên địa bàn. Các bên liên quan trên địa bàn du lịch đều thống nhất phải khắc phục ô nhiễm mới phát triển du lịch trong khu vực đồng thời cần phải có chiến lược mới có thể làm giảm tính thời vụ của khách du lịch. Các bên liên quan cũng khẳng định mặc dù ô nhiễm tiếng ồn và ô nhiễm không khí là những vấn đề nghiêm trọng không thể tránh khỏi đang ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường tự nhiên. Tuy nhiên, tình trạng này chắc chắn có thể được giảm bớt đáng kể thông qua thực thi luật pháp, quy hoạch và quản lý môi trường tốt hơn. Đánh giá chung của các bên liên quan ở các khu du lịch là thực trạng phát triển du lịch có tác động tiêu cực đến môi trường vẫn còn nghiêm trọng.

Các bên liên quan tại địa phương cũng nhìn nhận rằng, mặc dù du lịch bền vững nhằm bảo vệ môi trường tự nhiên nhưng vẫn đòi hỏi phải sử dụng tài nguyên thiên nhiên để phục vụ du khách. Việc sử dụng đất, nước, hải sản, ... có thể dẫn đến cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy thoái môi trường, bao gồm cả chất lượng nước và đa dạng

sinh học. Các khu vực tự nhiên và sự đa dạng sinh học cũng bị mất đi do hệ quả của việc xây dựng các khu nghỉ dưỡng và cơ sở hạ tầng giao thông. Các khu vực có nhiều dự án phát triển du lịch nhằm mục tiêu trở thành một trong những trung tâm du lịch lớn nhất của Hải Phòng, tất yếu có sự đánh đổi giữa việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên và phát triển du lịch. Áp lực này được đại diện chính quyền địa phương minh họa trong phát biểu sau:

Một trong những mục tiêu chính của du lịch bền vững là bảo vệ thiên nhiên môi trường. Tuy nhiên, Hải Phòng đang hướng tới trở thành một trong những trung tâm du lịch lớn nhất của Việt Nam. Có rất nhiều dự án lớn trong khu vực và chúng tôi đang cố gắng hết sức để điều chỉnh lại các dự án này để đảm bảo rằng chúng tuân thủ các quy tắc bảo vệ môi trường tự nhiên và rà soát để tìm ra liệu có bất kỳ dự án nào trong số đó không thể thực hiện được để tiết kiệm đất đai và ưu tiên cho những dự án khác phù hợp hơn, thân thiện hơn với môi trường tự nhiên.

Việc bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên sau đó phụ thuộc nhiều vào việc sàng lọc các dự án du lịch cẩn thận thông qua thực hiện nghiêm túc các quy hoạch du lịch khoa học và việc thực hiện các chính sách quản lý môi trường. Tuy nhiên, các đánh giá cụ thể về các tiêu chí bền vững về tài nguyên thiên nhiên và môi trường cho thấy thực trạng phát triển du lịch Hải Phòng còn nhiều hạn chế về tính bền vững.

Tiêu chí về ô nhiễm nước

Một trong những thách thức môi trường cấp bách nhất tại các khu du lịch của Hải Phòng là ô nhiễm nước. Các hoạt động công nghiệp của thành phố, cùng với số lượng khách du lịch ngày càng tăng, đã làm tăng mức nước thải chưa qua xử lý thải ra môi trường. Nhiều cơ sở xử lý nước thải tại Hải Phòng đã lỗi thời hoặc không đầy đủ, dẫn đến nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý một phần được xả ra sông và các vùng ven biển. Một số khu du lịch có tình trạng suy thoái chất lượng nước như Quần đảo Cát Bà. Ô nhiễm nguồn nước không chỉ ảnh hưởng đến đa dạng sinh học biển mà còn làm giảm sức hấp dẫn của những khu vực này đối với khách du lịch. Ví dụ, mức độ ô nhiễm cao đã được báo cáo ở vùng nước ven biển do dòng chất dinh dưỡng và hóa chất từ nước thải nông nghiệp và nước thải chưa qua xử lý tràn vào, dẫn đến tảo nở hoa có hại. Điều này làm giảm vẻ đẹp tự nhiên và giá trị giải trí của những vùng nước này, vốn rất quan trọng đối với các hoạt động như bơi lội, lặn và chèo thuyền.

Tiêu chí quản lý chất thải rắn

Mặc dù hầu hết các doanh nghiệp du lịch trong khu vực cố gắng bảo vệ môi trường tự nhiên bằng cách cung cấp các phương tiện như thùng rác để giữ cho khu vực

sạch sẽ và kêu gọi khách du lịch giữ gìn vệ sinh bằng cách không vứt rác bừa bãi, v.v., các bên liên quan địa phương lưu ý vấn đề xả rác và ô nhiễm từ nước thải của khách du lịch. Đây là một vấn đề khác mà người dân địa phương cảm thấy không thể giải quyết dễ dàng vì nhận thức về môi trường của khách du lịch còn thấp.

Đánh giá của các bên liên quan qua kết quả phỏng vấn là việc quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố chưa tốt ảnh hưởng tới phát triển bền vững du lịch. Quá trình đô thị hóa nhanh chóng và sự gia tăng du lịch cũng làm trầm trọng thêm vấn đề quản lý chất thải rắn ở Hải Phòng. Các địa điểm du lịch, đặc biệt là các bãi biển, phải chịu cảnh xả rác và tích tụ rác thải nhựa. Bất chấp những nỗ lực thúc đẩy tái chế và phân loại rác thải, việc thiếu cơ sở hạ tầng quản lý chất thải hiệu quả và nhận thức của công chúng đã dẫn đến tình trạng ô nhiễm lan rộng. Điều này không chỉ gây hại cho hệ sinh thái địa phương mà còn làm giảm sức hấp dẫn về mặt thị giác của các điểm đến du lịch. Khu du lịch Cát Bà hiện phải đối mặt với thách thức nghiêm trọng về quản lý chất thải rắn. Dòng khách du lịch đổ về, đặc biệt là trong mùa cao điểm, dẫn đến lượng rác thải tăng mạnh, vượt quá khả năng quản lý chất thải hạn chế của hòn đảo. Tình hình này còn trầm trọng hơn do tình trạng đổ rác lộ thiên và đốt rác, gây ô nhiễm không khí và gây nguy cơ sức khỏe cho cả người dân địa phương và du khách.

Hầu hết người dân địa phương được phỏng vấn cũng bức xúc trước việc du khách thiếu ý thức giữ gìn vệ sinh nơi công cộng. Hầu hết khách du lịch đến thăm khu vực là khách trong nước, hiện có ý thức bảo vệ môi trường thấp. Ví dụ, một số khách du lịch sống ở những khu vực nông thôn với điều kiện sống kém, họ có xu hướng không giữ cho môi trường xung quanh mình sạch sẽ. Vì vậy, mặc dù có thùng rác tại các điểm du lịch, họ vẫn xả rác, như người dân địa phương số 10 đề cập dưới đây:

Tôi nhận thấy rằng có rất nhiều thùng rác được cung cấp dọc theo các bãi biển và địa điểm du lịch. Tôi cho rằng đây là một nỗ lực tốt của chính quyền địa phương nhằm giữ cho khu vực này sạch sẽ, gọn gàng để hỗ trợ phát triển du lịch. Tuy nhiên, rác vẫn còn ở khắp các địa điểm này sau khi khách du lịch rời đi. Họ không để chất thải trong các thùng được cung cấp mà vứt rác bừa bãi khắp nơi và làm cho các khu vực trở nên mất vệ sinh. Điều này thực sự gây khó chịu cho người dân địa phương và khách du lịch. Chúng tôi đang cố gắng bảo vệ môi trường khi một số khách du lịch vẫn đang phá hoại nó.

Trong khi phát triển du lịch mang lại lợi ích kinh tế cho thành phố, nó cũng đang hủy hoại môi trường tự nhiên. Việc bảo vệ môi trường tự nhiên dường như chưa được các khách sạn và nhà hàng trong khu vực và khách du lịch coi trọng. Vấn đề này có thể gây ra những tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên và du lịch bền vững trong khu

vực. Môi trường tự nhiên của thành phố đang bị đe dọa bởi các hệ thống xử lý chất thải từ các doanh nghiệp du lịch địa phương. Một số cán bộ quản lý của các công ty du lịch cho rằng nước thải của nhiều khách sạn và nhà hàng trên địa bàn thành phố không được xử lý đầy đủ và xả thải thẳng ra biển, sông. Một thách thức lớn để giải quyết vấn đề này là yêu cầu phải đầu tư nhiều tiền vốn cho hệ thống xử lý nước và chất thải mà các doanh nghiệp du lịch không có khả năng hoặc không muốn đầu tư. Nếu không giải quyết được vấn đề xử lý chất thải, môi trường tự nhiên của điểm đến du lịch sẽ bị ô nhiễm nghiêm trọng, kéo theo sự suy giảm của ngành du lịch trên địa bàn. Để bảo vệ môi trường xung quanh, các doanh nghiệp cần phải đầu tư theo hướng đạt được tiêu chuẩn gắn nhãn ‘Green Lotus VNAT (Cục Du lịch Quốc gia) chứng nhận. Hiện mới có một số ít khách sạn trên địa bàn Hải Phòng đã đầu tư hệ thống xử lý chất thải theo hướng đáp ứng các tiêu chuẩn xanh của ngành du lịch.

Tiêu chí ô nhiễm không khí

Một số người dân địa phương cũng lo lắng về tình trạng ô nhiễm không khí, có thể ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển bền vững du lịch ở các khu du lịch của thành phố. Ô nhiễm không khí là một mối quan tâm ngày càng tăng ở Hải Phòng, trầm trọng hơn do các hoạt động công nghiệp và lưu lượng xe cộ tăng do hoạt động du lịch. Chất lượng không khí của thành phố đã xấu đi do khí thải từ các nhà máy, công trường xây dựng và giao thông, bao gồm cả việc sử dụng tàu chạy bằng dầu diesel ở các khu du lịch. Nồng độ bụi mịn (PM2.5 và PM10) cao đã được ghi nhận, gây ra những rủi ro đáng kể cho sức khỏe của cả người dân và khách du lịch. Ngành giao thông vận tải, đặc biệt là việc sử dụng các phương tiện lỗi thời và bảo dưỡng kém, góp phần đáng kể vào vấn đề ô nhiễm không khí. Vấn đề này đặc biệt nghiêm trọng ở những khu vực như Đảo Cát Bà, nơi lượng khách du lịch đổ về vào các mùa cao điểm dẫn đến tắc nghẽn giao thông và tăng lượng khí thải. Chất lượng không khí kém không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân địa phương mà còn làm giảm trải nghiệm du lịch nói chung.

Khu du lịch Cát Bà vẫn còn tình trạng ô nhiễm không khí do làng chài gây ra: mùi hôi từ cá được tập kết bờ bãi, phơi trên vỉa hè và bày ở chợ, gây ô nhiễm không khí. Mặc dù người dân địa phương ở những khu vực cụ thể này đã quen với những mùi này, nhưng khách du lịch thì khó chịu. Ở một số địa điểm du lịch, ô nhiễm không khí có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động du lịch. Người dân địa phương cũng phản ánh khói và tiếng ồn từ các phương tiện giao thông và khách du lịch cũng làm ảnh hưởng đến cư dân địa phương khi khách du lịch đổ xô vào khu vực này vào các ngày lễ hoặc cuối tuần. Khi các khu du lịch đông đúc du khách quá mức, thường xảy ra tình trạng ùn

tắc xung quanh các địa điểm du lịch như bãi biển, khu vui chơi, đồng thời gây ô nhiễm tiếng ồn.

Mất đa dạng sinh học

Việc mở rộng cơ sở hạ tầng du lịch, như xây dựng các khách sạn, khu nghỉ dưỡng và mạng lưới giao thông, đã dẫn đến phá hủy môi trường sống và mất đa dạng sinh học tại một số khu du lịch của Hải Phòng. Các hoạt động xây dựng thường xâm phạm vào các hệ sinh thái nhạy cảm, chẳng hạn như rừng ngập mặn và rạn san hô, vốn rất quan trọng để duy trì cân bằng sinh thái và hỗ trợ sinh vật biển. Quần đảo Cát Bà, nơi sinh sống của một số loài có nguy cơ tuyệt chủng, bao gồm cả vọc Cát Bà, đặc biệt dễ bị tổn thương trước những hoạt động phát triển này. Các hoạt động du lịch không được quản lý, chẳng hạn như lặn biển và chèo thuyền, cũng góp phần làm suy thoái các rạn san hô và các môi trường sống dưới biển khác.

Biến đổi khí hậu và tính dễ bị tổn thương của vùng ven biển

Các vùng ven biển của Hải Phòng rất dễ bị ảnh hưởng bởi tác động của biến đổi khí hậu, bao gồm mực nước biển dâng cao, xói mòn bờ biển. Những hiện tượng này gây ra mối đe dọa đáng kể đến tính bền vững của du lịch trong khu vực. Ví dụ, Đảo Cát Bà và Bãi biển Đồ Sơn, cả hai đều là những điểm du lịch nổi tiếng, đang bị xói mòn bờ biển nhanh hơn, đe dọa cơ sở hạ tầng và làm giảm diện tích bãi biển tự nhiên. Một số điểm đến du lịch cũng dễ bị lũ lụt, đặc biệt là trong mùa mưa, làm gián đoạn các hoạt động du lịch và làm hỏng cơ sở hạ tầng. Sự kết hợp giữa mực nước biển dâng cao làm trầm trọng thêm nguy cơ lũ lụt ven biển, đặc biệt là ở những vùng trũng thấp. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến sự an toàn và thoải mái của khách du lịch mà còn làm tăng chi phí bảo trì và sửa chữa các cơ sở hạ tầng du lịch.

Trong khi những người kinh doanh du lịch địa phương cho rằng nếu chính quyền địa phương không chú trọng đến công tác bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên thì ngành du lịch của vùng sẽ dần sa sút, người dân địa phương cho rằng đây là trách nhiệm của cả các doanh nghiệp du lịch địa phương và chính quyền địa phương. Điều quan trọng là người dân địa phương nhận thức được rằng môi trường tự nhiên có thể bị đe dọa bởi sự phát triển không phù hợp. Họ sẽ hỗ trợ việc bảo tồn thiên nhiên để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, vốn không chỉ cần thiết cho họ để tồn tại, mà còn cho các thế hệ tương lai. Họ cũng có thể khuyên người khác làm như vậy. Với sự hỗ trợ của người dân địa phương, môi trường tự nhiên sẽ được bảo vệ tốt hơn và các khu vực du lịch vẫn có thể tiếp tục thu hút khách du lịch lâu dài. Các công ty du lịch cũng cần hợp tác với chính quyền địa phương để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người dân

địa phương và hỗ trợ chính quyền địa phương trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên trong khu vực thông qua các hoạt động kinh doanh.

3.2.2.2. Thực trạng việc sử dụng các nguồn tài nguyên sẵn có của khu vực cho phát triển du lịch

Các cư dân đang sinh sống ở Cát Bà và Đồ Sơn, nơi có ngành du lịch lâu đời, và các doanh nhân địa phương đều có ý kiến đánh giá là sự phát triển của du lịch trên địa bàn chưa bền vững, chưa tối ưu hóa được việc sử dụng các nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa lịch sử hiện có trong khu vực. Họ nhận thấy là khu vực du lịch của Hải Phòng sở hữu nhiều yếu tố phù hợp để phát triển du lịch như tài nguyên thiên nhiên, di tích lịch sử, làng nghề và các lễ hội hàng năm những các tài nguyên này đang khai thác phục vụ các mục tiêu ngắn hạn nhưng chưa đảm bảo duy trì được sự phát triển bền vững trong dài hạn.

Ngành du lịch của khu vực hiện đang phụ thuộc rất nhiều vào việc sử dụng các bãi biển, với hầu hết khách du lịch trong nước tham gia các chuyến đi đến các điểm du lịch ở Hải Phòng trong ngày để tận hưởng các bãi biển với bơi lội, tắm nắng, dã ngoại, câu cá, v.v. Ngoài ra còn có một số di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng trong khu vực cũng chỉ thu hút được khách du lịch trong nước vào một số thời điểm lễ hội cụ thể trong năm. Như công dân địa phương số 20 đã nêu:

Chúng tôi có những bãi biển dài và đẹp. Ngoài ra còn có một số di tích lịch sử, rừng nguyên sinh, làng nghề, suối nước nóng. Tuy nhiên, những địa điểm này không đủ thú vị để thu hút thêm khách du lịch vì chúng chưa được đầu tư và có một số điểm tham quan tương tự xung quanh khu vực. Phần lớn khách du lịch đến những địa điểm này là khách nội địa. Các khu vực này không phải là những địa điểm hấp dẫn đối với khách du lịch quốc tế. Chúng ta cần phải đầu tư thêm vào các điểm tham quan khác bên cạnh bãi biển để thu hút nhiều hơn nữa khách du lịch trong nước cũng như quốc tế.

Nhiều người dân địa phương cũng cho biết chính quyền địa phương cũng bức xúc và quan tâm đến vấn đề chưa thu hút được khách du lịch quốc tế, các khách du lịch có sức mua cao và muốn lưu trú dài ngày hơn. Mặc dù du lịch ở một số điểm đến nổi tiếng đã được hình thành và phát triển hơn một trăm năm, nhưng các dịch vụ du lịch trong khu du lịch chưa đa dạng, chưa đủ để đáp ứng nhu cầu của du khách để họ có thể ở lại lâu hơn và chi tiêu nhiều hơn. Có một số các khu di tích lịch sử, đền, chùa, đình đã được đầu tư phục vụ du khách, giới thiệu những nét độc đáo của vùng nhưng chưa đón được lượng khách như mong đợi và chỉ có khách đến vào mùa lễ hội. Chính quyền địa phương đã đầu tư cải tạo một số di tích lịch sử để thu hút khách du lịch, nhưng dường như vẫn chưa đủ hấp dẫn được khách du lịch và mang lại sự phát triển bền vững và hiệu quả cao.

3.2.3. Thực trạng các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững du lịch địa phương về văn hóa - xã hội

Với sự quan tâm nhiều hơn đến hoạt động du lịch trên địa bàn thành phố, một số doanh nhân du lịch và cán bộ chính quyền địa phương cũng đã nhận thức được phát triển bền vững du lịch là phải tập trung vừa bảo vệ môi trường tự nhiên vừa phải bảo tồn các giá trị văn hóa - xã hội của địa phương. Kết quả nghiên cứu cho thấy các khía cạnh văn hóa - xã hội cũng được các bên liên quan tại địa phương quan tâm khi đánh giá về phát triển bền vững du lịch trên địa bàn. Họ nhìn nhận rằng mặc dù phát triển du lịch mang lại lợi ích kinh tế cho các khu vực du lịch như giải quyết việc làm, thu hút đầu tư, tăng thu nhập,... nhưng nhiều tác động tiêu cực cũng xuất hiện và có ảnh hưởng tới các vấn đề văn hóa – xã hội của địa phương.

Chính quyền địa phương và các doanh nghiệp cũng đã và đang làm hết sức mình để giảm thiểu những tác động tiêu cực của phát triển du lịch đến các mặt văn hóa xã hội của các khu du lịch. Chính quyền địa phương đã ban hành luật lệ và chính sách để kiểm soát các vấn đề nảy sinh do du lịch gây ra, giúp bảo tồn các di tích lịch sử, làng nghề và lễ hội truyền thống. Các khu du lịch gắn với di tích lịch sử văn hóa đã và đang thu hút nhiều du khách hành hương đến tham dự các lễ hội truyền thống và phần lớn các di sản quý giá này đã được thành phố bảo tồn tốt.

Tuy nhiên, theo đánh giá của các bên liên quan tại địa phương, không dễ tránh khỏi những tác động tiêu cực về văn hóa xã hội từ phát triển du lịch. Bên cạnh những lợi ích tích cực của du lịch bền vững, một số tác động tiêu cực vẫn còn và cần có sự hỗ trợ của tất cả các bên liên quan (chính quyền địa phương, doanh nghiệp và người dân) để giảm thiểu hoặc loại bỏ chúng. Những tiêu cực các tác động được xác định là tắc nghẽn giao thông, tệ nạn xã hội và thương mại hóa các lễ hội văn hóa truyền thống.

Việc thương mại hóa các lễ hội truyền thống cũng được coi là một vấn đề nan giải của hoạt động du lịch trên địa bàn thành phố. Vì có nhiều lễ hội hàng năm trong khu vực, người dân địa phương có xu hướng coi các dịp lễ hội là cơ hội kiếm tiền. Mặc dù chính quyền địa phương đã rất cố gắng để thay đổi điều này, nhưng người dân địa phương, đặc biệt là những người bán hàng rong vẫn tụ tập quanh khu vực lễ hội. Như một người quản lý của một công ty du lịch đã lưu ý,

Mặc dù du lịch bền vững đang cố gắng mang lại nhiều cơ hội hơn cho người dân địa phương kiếm lợi nhuận từ du lịch trong khu vực, nhưng vẫn có nhiều người dân địa phương cố gắng kiếm tiền trong các lễ hội truyền thống. Xung quanh khu vực diễn ra lễ hội có rất nhiều người bán hàng rong. Họ đến để cố gắng bán nước ngọt, đồ ăn nhẹ, đồ chơi, đồ lưu niệm, vv cho những người tham dự. Họ có xu hướng coi những lễ hội này

như một cơ hội để kiếm tiền, hơn là tổ chức và bảo tồn chúng. Việc bán hàng của họ làm phiền khách du lịch và các công dân địa phương khác đang tham gia các sự kiện.

Các cư dân tại các khu du lịch được phỏng vấn đều bày tỏ lo ngại về việc sự phát triển du lịch đang làm thay đổi và làm mất đi những giá trị văn hóa và lối sống truyền thống của họ, cụ thể là:

Thương mại hóa văn hóa địa phương: Sự gia tăng du lịch đã dẫn đến việc thương mại hóa các giá trị văn hóa truyền thống để phục vụ cho nhu cầu của du khách. Nhiều phong tục, lễ hội, và sản phẩm thủ công mỹ nghệ đã bị biến đổi để phù hợp với thị hiếu của khách du lịch, làm mất đi ý nghĩa và giá trị nguyên bản. Người dân cho rằng điều này không chỉ làm mất đi bản sắc văn hóa của cộng đồng mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến việc truyền bá và bảo tồn văn hóa truyền thống cho các thế hệ sau.

Thay đổi lối sống và giá trị xã hội: Sự phát triển du lịch cũng đã làm thay đổi lối sống và giá trị xã hội của người dân địa phương. Nhiều người, đặc biệt là giới trẻ, đã chuyển từ các nghề truyền thống sang các ngành nghề dịch vụ du lịch. Điều này dẫn đến sự suy giảm các hoạt động nông nghiệp và thủ công truyền thống, cũng như sự thay đổi trong cấu trúc xã hội và gia đình. Người dân lo ngại rằng, nếu không có chính sách bảo vệ và khuyến khích sự phát triển bền vững, văn hóa và lối sống truyền thống của họ sẽ bị mai một theo thời gian.

3.2.4. Tổng hợp đánh giá về thực trạng phát triển bền vững du lịch Hải Phòng

Các bên liên quan tuy còn những quan điểm và đánh giá khác nhau về phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng nhưng đã cung cấp cho NCS thông tin để tổng hợp thực trạng phát triển của du lịch thành phố Hải Phòng. NCS tổng hợp các đánh giá từ các bên liên quan trong bảng 3.6.

Bảng 3.6: Tổng hợp đánh giá thực trạng phát triển bền vững du lịch Hải Phòng từ quan điểm của các bên liên quan

TT	Tiêu chí	Thực trạng	Mức độ đạt được
	<i>Tăng trưởng bền vững về kinh tế</i>		
1	Tốc độ tăng lượng khách và doanh thu từ du lịch	Tăng trưởng ổn định trừ 2 năm bị ảnh hưởng bởi Covid19	Tăng trưởng chưa như kỳ vọng
2	Đóng góp của giá trị tăng thêm ngành du lịch cho GRDP của địa phương	Theo chiều hướng tăng	Thấp so với mục tiêu mong muốn

TT	Tiêu chí	Thực trạng	Mức độ đạt được
3	Sự phù hợp lợi thế địa phương, tính đa dạng, bền vững của sản phẩm du lịch	Chưa phong phú, mang tính tự nhiên, tự phát.	Chưa phù hợp với tiềm năng
4	Lượng vốn đầu tư cho du lịch	Tăng nhanh theo quy hoạch	Chưa đạt giới hạn bền vững
5	Nguồn vốn đầu tư cho du lịch	Đa dạng nguồn vốn, đã có những dự án đầu tư lớn	Chưa đáp ứng yêu cầu bền vững
6	Công suất sử dụng cơ sở lưu trú	Ở mức trung bình khá (khoảng trên 50%) nhưng không đều giữa các mùa trong năm	Chưa đáp ứng yêu cầu bền vững
7	Số lượng, chất lượng nguồn lao động du lịch	Đã đáp ứng về số lượng nhưng chất lượng chưa cao	Chưa bền vững trong dài hạn
8	Mức độ ứng dụng công nghệ du lịch	Thấp, nhiều doanh nghiệp nhỏ chưa chủ động ứng dụng	Chưa bền vững trong dài hạn
9	Tăng trưởng lượng khách du lịch	Tăng trưởng hàng năm nhưng không đều	Chưa đáp ứng tính bền vững
10	Thời gian lưu trú trung bình của khách du lịch	Thấp hơn bình quân chung cả nước	Chưa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững
11	Chỉ tiêu bình quân của du khách	Thấp hơn bình quân chung cả nước	Chưa đạt yêu cầu bền vững
12	Mức độ hài lòng của du khách và khả năng quay lại	Chỉ ở mức trung bình thấp	Chưa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững
	<i>Phát triển du lịch ảnh hưởng tới cộng đồng địa phương và giá trị văn hóa lịch sử</i>		
13	Mức độ tạo việc làm, thu nhập cho cộng đồng địa phương từ du lịch	Ở các điểm du lịch trọng điểm người dân địa phương đã có thêm việc làm	Đáp ứng yêu cầu bền vững ở mức độ thấp
14	Đóng góp cho kinh tế địa phương, và mang lại lợi ích cho cộng đồng cư dân từ phát triển du lịch	Có đóng góp ở mức độ nhất định được người dân ghi nhận	Chưa đảm bảo tính bền vững
15	Phát triển du lịch đã đảm bảo giữ gìn các giá trị văn hóa địa phương	Các giá trị văn hóa lịch sử quan trọng vẫn được bảo tồn	Đảm bảo được tính bền vững
16	Ảnh hưởng của phát triển du lịch đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội	Người dân ghi nhận tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội về cơ bản vẫn ổn định. Tuy	Chưa thật sự đảm bảo bền vững

TT	Tiêu chí	Thực trạng	Mức độ đạt được
		nhiên, vẫn còn một số hiện tượng chưa tốt	
17	Mức độ hài lòng của cộng đồng địa phương đối với phát triển du lịch	Người dân mới hài lòng ở mức độ trung bình	Chưa đảm bảo bền vững
	<i>Phát triển du lịch với bảo vệ tài nguyên du lịch tự nhiên và môi trường sinh thái</i>		
18	Thực trạng quy hoạch các không gian, điểm đến và tài nguyên phục vụ phát triển du lịch	Đã có quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết ở một số khu vực	Đảm bảo tính bền vững ở mức độ
19	Thực trạng đầu tư cho bảo vệ tài nguyên du lịch tự nhiên, bảo vệ môi trường	Số điểm đến du lịch được đầu tư tôn tạo và bảo tồn suy giảm tài nguyên và bảo vệ môi trường còn ở mức độ thấp	Chưa đảm bảo bền vững
20	Đánh giá về dung lượng phục vụ du khách tại các điểm du lịch chính của thành phố	Tính mùa vụ cao, mùa cao điểm số du khách vượt quá sức chứa nhưng mùa thấp điểm số lượng du khách rất thấp	Chưa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững
21	Ảnh hưởng của du lịch đến môi trường tự nhiên tại các điểm du lịch của thành phố	Tình trạng gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng tiêu cực đến cảnh quan thiên nhiên từ hoạt động du lịch còn nhiều	Chưa phát triển bền vững
22	Hành vi của khách du lịch đối với tài nguyên và môi trường	Một số du khách chưa có hành vi bảo vệ tài nguyên, môi trường	Chưa đảm bảo bền vững
23	Hành vi của người dân địa phương đối với môi trường du lịch	Một số người dân địa phương chưa có hành vi bảo vệ môi trường du lịch địa phương	Chưa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững
24	Trách nhiệm của các cơ sở kinh doanh du lịch với tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa lịch sử	Nhiều cơ sở kinh doanh nhỏ chưa chủ động, tích cực áp dụng các biện pháp xử lý nước và chất thải rắn	Chưa đảm bảo phát triển bền vững

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ ý kiến của các bên liên quan tại địa phương

Những ý kiến nhận xét đánh giá có khác nhau về phát triển bền vững du lịch Hải Phòng xuất phát từ quan điểm khác nhau của các bên liên quan khác nhau, các công dân địa phương, các nhà kinh doanh du lịch, khách du lịch và cán bộ chính quyền địa phương, tổ chức phi chính phủ. Các thành viên của mỗi nhóm bên liên quan có các đặc điểm nhất định, chẳng hạn như thời gian làm việc trong lĩnh vực du lịch, vị trí của họ trong công ty và mối quan tâm của họ về sự phát triển của ngành du lịch trong khu vực. Nhưng những ý kiến diễn giải của họ về phát triển du lịch đã phản ánh cảm nhận của họ và đánh giá của họ về mức độ phát triển bền vững của hoạt động du lịch trên địa bàn Hải Phòng.

3.3. Phân tích các nhân tố thuộc các bên liên quan tác động đến phát triển bền vững du lịch Hải Phòng

3.3.1. Phân tích các nhân tố tác động đến phát triển bền vững du lịch thuộc chính quyền và cơ quan quản lý vĩ mô về du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Do đề tài luận án về phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng nghiên cứu trên góc độ quản lý kinh tế, nên NCS tập trung nghiên cứu nhóm nhân tố tác động thuộc chính quyền và cơ quan quản lý vĩ mô về du lịch trên địa bàn thành phố.

3.3.1.1. Thực trạng mô hình quản lý nhà nước về du lịch của thành phố Hải Phòng

Cơ quan quản lý trực tiếp hoạt động du lịch của Hải Phòng từ 2016 trở về trước là sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Nhận thức được tầm quan trọng của lĩnh vực du lịch trên địa bàn thành phố, Sở Du lịch Hải Phòng được thành lập theo Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 24/04/2016 của UBND thành phố Hải Phòng. Ngày 08/08/2022 UBND thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND quy định chức năng quyền hạn và cơ cấu tổ chức. Hiện nay sở có 29 công chức có trình độ 100% tốt nghiệp đại học với 4 phòng ban chức năng.

Sở du lịch thành phố cùng chính quyền tại các điểm đến du lịch và các cơ quan quản lý các ngành liên quan đã thực hiện tương đối tốt việc quản lý các hoạt động du lịch trên địa bàn thành phố. Cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương về du lịch thực hiện các chức năng hoạch định, quy hoạch, lập chiến lược, kế hoạch, huy động, cân đối mọi nguồn lực, chỉ đạo tổ chức thực hiện, thanh tra, kiểm tra các hoạt động du lịch,... Trình độ tổ chức, quản lý ngành du lịch của các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch là nhân tố ảnh hưởng lớn đến việc phát triển du lịch, có thể kìm hãm hay thúc đẩy du lịch phát triển. Đồng thời, bộ máy quản lý du lịch có trách nhiệm tham mưu cho Thành ủy và UBND thành phố về ban hành các chính sách phát triển du lịch của Hải Phòng trong mối quan hệ với chính sách phát triển kinh tế - xã hội Hải Phòng nói chung.

Chính quyền thành phố và sở du lịch đã ký kết các biên bản hợp tác trong lĩnh vực du lịch với nhiều tỉnh và thành phố ở Miền Bắc về liên kết các điểm đến phục vụ du khách. Cơ quan quản lý du lịch cũng đã xây dựng và thực hiện nhiều chương trình và hoạt động quảng bá thu hút khách du lịch đến với địa phương Hải Phòng.

Trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý du lịch không chỉ thể hiện ở trình độ học vấn. Do đặc thù ngành du lịch là ngành kinh tế tổng hợp nên đòi hỏi đội ngũ cán bộ quản lý phải có kiến thức liên ngành và hiểu biết rộng về kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, một tỷ lệ đáng kể đội ngũ cán bộ quản lý du lịch chưa đáp ứng yêu cầu này.

3.3.1.2. Đánh giá thực trạng các chính sách hỗ trợ của quốc gia đến phát triển bền vững du lịch của địa phương

Ở phạm vi quốc gia, Việt Nam đã xác định phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn theo hướng bền vững là định hướng chiến lược dài hạn. Ngày 16/01/2017, Bộ chính trị đã ra Nghị quyết số 08-NQ/TW về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn. Du lịch bền vững cũng đã được đưa vào Luật Du lịch do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua năm 2005. Thủ tướng chính phủ cũng đã ký ban hành “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” năm 2011. Tiếp theo quan điểm phát triển du lịch bền vững tiếp tục được đưa vào Luật du lịch sửa đổi bổ sung và được Quốc hội thông qua vào năm 2017, (Luật số 09/2017/QH14). Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2021) đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu trong lĩnh vực du lịch. Quán triệt định hướng chiến lược quốc gia về du lịch, các chính quyền địa phương đã và đang xây dựng các chính sách quyết định phát triển du lịch và ban hành các chính sách, đề án, kế hoạch cụ thể nhằm phát triển bền vững ngành du lịch theo hướng du lịch bền vững trên mỗi tỉnh thành.

Các bên liên quan trên địa bàn Hải Phòng có chung nhận xét là các chính sách phát triển bền vững du lịch ban hành đúng hướng, có tác động tích cực. Tuy nhiên, trên địa bàn địa phương, việc triển khai các chính sách này vẫn gặp khó khăn do thiếu nguồn lực, cơ sở hạ tầng chưa hoàn thiện, và sự phối hợp giữa các cấp chính quyền chưa đồng bộ. Ngoài ra, nhận thức của người dân và doanh nghiệp về du lịch bền vững còn chưa cao, dẫn đến vẫn tồn tại những tác động tiêu cực đến môi trường như ô nhiễm, quá tải hạ tầng, và khai thác tài nguyên thiên nhiên không bền vững.

Để nâng cao hiệu quả của các chính sách phát triển du lịch bền vững, cần phải triển khai đồng bộ và hiệu quả hơn, với sự phối hợp chặt chẽ giữa chính phủ, chính quyền địa phương, doanh nghiệp và cộng đồng cư dân địa phương.

3.3.1.3. Đánh giá thực trạng công tác quy hoạch, kế hoạch và các chính sách hỗ trợ phát triển bền vững du lịch của chính quyền thành phố Hải Phòng

Do vị trí quan trọng của thành phố Hải Phòng nên Bộ chính trị đã ra Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Quán triệt chủ trương của Đảng và các quy định pháp luật của Nhà nước, Thành ủy và UBND thành phố Hải Phòng đã phê duyệt nhiều Nghị quyết, Quyết nghị, Đề án, Kế hoạch nhằm thúc đẩy phát triển bền vững ngành du lịch của thành phố.

- Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch bền vững quần đảo Cát Bà đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 04-NQ/TU của Thành ủy ngày 26 tháng 12 năm 2016 về đẩy mạnh phát triển du lịch thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến 2030.

- Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, thể thao và du lịch thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 09-NQ/ĐH ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 – 2025.

- UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 85/KH-UBND triển khai thực hiện Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Quyết định số 512/QĐ-UBND về Phát triển Du lịch Sinh thái và Bảo vệ Cảnh quan Thiên nhiên. UBND TP Hải Phòng; 2020.

- Quyết định số 436/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh cục bộ khu vực đảo Cát Hải và đảo Cát Bà trong Đồ án quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng và quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải.

- Nghị quyết số 92/NQ-HĐND về Phát triển Du lịch Văn hóa và Cộng đồng tại Hải Phòng. HĐND TP Hải Phòng; 2021.

- Chỉ thị số 09/CT-UBND về Tăng cường Công tác Quản lý Du lịch và Bảo vệ Môi trường. UBND TP Hải Phòng; 2021.

- Chương trình Hành động số 17/CTr-UBND về Phát triển Du lịch Bền vững gắn liền với Phát triển Kinh tế Xã hội. UBND TP Hải Phòng; 2022.

- Kế hoạch số 155/KH-UBND về Quảng bá và Xúc tiến Du lịch Bền vững tại Hải Phòng. UBND TP Hải Phòng; 2023.

Như vậy, phát triển bền vững du lịch ở thành phố Hải Phòng đã nhận được sự quan tâm của chính quyền địa phương. Các kế hoạch, chính sách của thành phố đã được các bên liên quan, bao gồm chính quyền địa phương, doanh nghiệp du lịch, cộng đồng dân cư và du khách đánh giá cao về những lợi ích mang lại. Tuy nhiên, ý kiến của cán bộ địa phương thừa nhận rằng vẫn còn những khó khăn trong việc triển khai các chính sách này, đặc biệt là thiếu nguồn lực tài chính và nhân lực chuyên môn để quản lý và giám sát. Họ cũng nhận định rằng cần phải cải thiện công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý và chính quyền địa phương để triển khai các chính sách hiệu quả hơn.

Nhiều người dân cho rằng các chính sách phát triển du lịch của thành phố Hải Phòng chưa đảm bảo được sự công bằng trong việc phân bổ lợi ích kinh tế từ du lịch. Lợi ích do du lịch mang lại chủ yếu vào tay các doanh nghiệp lớn. Một số người dân cho rằng họ không nhận được sự hỗ trợ đáng kể từ chính quyền trong việc nâng cao năng lực kinh doanh và cải thiện sinh kế. Các cư dân địa phương cũng mong muốn các chính sách cần tập trung hơn vào việc quản lý lưu lượng du khách và giảm thiểu tác động tiêu cực từ du lịch đại trà. Nhiều người dân phản ánh rằng các dự án phát triển du lịch đôi khi ảnh hưởng đến quyền lợi của họ, chẳng hạn như việc thu hồi đất, hay ảnh hưởng tới các hoạt động kinh tế truyền thống. Người dân địa phương cũng phản ánh rằng họ ít khi được tham vấn hoặc mời tham gia vào các cuộc họp hay thảo luận liên quan đến các dự án phát triển du lịch. Sự thiếu vắng việc đối thoại giữa chính quyền và cộng đồng dân cư đã dẫn đến nhiều chính sách và dự án phát triển du lịch không phù hợp với nhu cầu và mong muốn của người dân, dẫn đến sự bất mãn của người dân và làm giảm hiệu quả của các chính sách.

Kết quả phỏng vấn các nhà quản trị một số doanh nghiệp du lịch đã ghi nhận nhiều ý kiến đa chiều về những hạn chế của các chính sách phát triển du lịch hiện hành. Các nhà quản trị doanh nghiệp nhận xét rằng các chính sách ở cấp địa phương cần phải cụ thể hơn, đặc biệt là để phát triển bền vững du lịch nhằm đáp ứng yêu cầu bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường, cần phải phù hợp với đặc thù của mỗi tỉnh/thành phố. Mỗi địa phương cấp tỉnh/thành phố cần có những chính sách và quy hoạch cụ thể nhất định để phát triển bền vững ngành du lịch trên địa bàn của địa phương. Các doanh nghiệp đánh giá cao việc thành phố đầu tư vào hạ tầng du lịch và khuyến khích phát triển du lịch sinh thái, giúp thu hút nhiều du khách quan tâm đến trải nghiệm bền vững. Các hoạt động như du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng tại Cát Bà đang ngày càng thu hút nhiều khách du lịch, từ đó nâng cao lợi nhuận cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, một số doanh

nghiệp cũng chỉ ra rằng thủ tục hành chính và quy định pháp lý đôi khi còn phức tạp, làm chậm quá trình triển khai các dự án phát triển bền vững. Họ mong muốn có sự đơn giản hóa các quy trình và cơ chế hỗ trợ tài chính tốt hơn để có thể tiếp cận các công nghệ xanh và mô hình du lịch bền vững.

Một trong những phản ánh phổ biến từ các doanh nghiệp du lịch tại Hải Phòng là sự thiếu đồng bộ và minh bạch trong các chính sách phát triển du lịch của thành phố. Nhiều doanh nghiệp cho rằng các chính sách phát triển du lịch tại Hải Phòng đôi khi chồng chéo và không rõ ràng, khiến họ gặp khó khăn trong việc tuân thủ và thực hiện. Các quy định về cấp phép kinh doanh, thuế, và quản lý môi trường đôi khi mâu thuẫn với nhau, tạo ra những rào cản không cần thiết. Quy trình cấp phép cho các dự án du lịch, đặc biệt là các dự án liên quan đến xây dựng và phát triển hạ tầng, thường phức tạp và thiếu minh bạch. Nhiều doanh nghiệp phản ánh rằng họ phải đối mặt với tình trạng kéo dài thời gian chờ đợi và gặp khó khăn trong việc tiếp cận thông tin cần thiết để hoàn thành các thủ tục pháp lý. Trong phát triển du lịch nông thôn, quy hoạch sử dụng đất còn chồng chéo, cản trở việc triển khai các dự án du lịch. Thành phố chưa có các cơ chế, chính sách khuyến khích nông dân và doanh nghiệp tham gia phát triển du lịch nông thôn, dẫn đến việc khai thác tiềm năng du lịch ở khu vực này chưa hiệu quả.

Các doanh nghiệp du lịch tại Hải Phòng cũng bày tỏ sự không hài lòng với các chính sách hỗ trợ tài chính và đầu tư của thành phố. Một số nhà quản trị cho rằng thành phố thiếu chính sách hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) trong lĩnh vực du lịch tại Hải Phòng thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Chính sách hỗ trợ tài chính hiện nay thường bỏ qua những doanh nghiệp nhỏ nhưng có tiềm năng đóng góp quan trọng cho sự phát triển bền vững của ngành du lịch.

Nhiều doanh nghiệp du lịch cũng phản ánh rằng các chính sách thu hút đầu tư vào ngành du lịch chưa đủ hấp dẫn và cạnh tranh so với các địa phương khác. Việc thiếu các ưu đãi về thuế và đất đai, cùng với quy trình phê duyệt dự án kéo dài, đã làm giảm sự quan tâm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước đối với Hải Phòng.

Qua khảo sát ý kiến đánh giá của cộng đồng cư dân, các nhà quản trị doanh nghiệp du lịch và cán bộ chính quyền địa phương tại các điểm đến du lịch, tất cả đều có chung đánh giá là các đề án, quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch chưa có sự tham gia đầy đủ và thu thập thông tin phản hồi thấu đáo từ các bên liên quan. Mặt khác, cộng đồng cư dân địa phương và các nhà kinh doanh du lịch quy mô nhỏ không biết hoặc biết rất ít thông tin về các quy hoạch, đề án, kế hoạch phát triển du lịch của thành phố đã ban hành.

Các doanh nghiệp du lịch tại Hải Phòng cũng cho rằng họ chưa được tham gia đầy đủ vào quá trình xây dựng các chính sách phát triển du lịch. Nhiều doanh nghiệp phản ánh rằng họ ít khi được mời tham gia vào các cuộc họp hay thảo luận về các chính sách phát triển du lịch. Sự thiếu vắng của đối thoại và tham vấn từ phía doanh nghiệp khiến các chính sách ban hành đôi khi không phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh và không đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp.

Quy trình xây dựng chính sách tại Hải Phòng thường diễn ra mà không có sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan như doanh nghiệp, cộng đồng địa phương, và các tổ chức xã hội. Điều này dẫn đến sự thiếu đồng thuận và làm giảm hiệu quả của các chính sách khi triển khai thực tế.

3.3.1.2. Đánh giá thực trạng quy hoạch sử dụng đất cho phát triển du lịch của chính quyền thành phố

Đối với cộng đồng người dân địa phương và doanh nhân du lịch kinh doanh trên địa bàn, những người được phỏng vấn đã phản ánh “*các vấn đề liên quan đến việc quy hoạch sử dụng đất cho phát triển du lịch trong khu vực chưa đáp ứng yêu cầu phải lập kế hoạch sử dụng đất cẩn thận*”. Các cư dân sống ở gần các khu vực có các dự án và địa điểm du lịch cũng đều có chung đánh giá là quy hoạch sử dụng đất cho phát triển các dự án du lịch còn bất cập. Họ nêu ý kiến về các dự án du lịch thất bại, các khu khách sạn được xây dựng mà không xem xét cẩn thận các vấn đề môi trường và các điểm thu hút khách du lịch không được quy hoạch cẩn thận và không có kế hoạch cải tạo và bảo tồn.

Một số dự án du lịch lớn trên địa bàn thành phố đã không thể hoàn thành đúng kế hoạch. Các dự án này có tổng vốn đầu tư lớn, và có tác động lớn đến các bên liên quan trong khu vực địa phương. Khi lập kế hoạch cho các dự án, việc giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến nhiều người dân địa phương vì họ phải di chuyển ra khỏi khu vực họ đang sinh sống để xây dựng dự án và được bồi thường chưa thỏa đáng hoặc không được bồi thường và hỗ trợ để di chuyển đến nơi sinh sống khác.

Một hạn chế khác trong quy hoạch sử dụng đất của Hải Phòng cho phát triển du lịch bền vững là khung pháp lý không đủ và cơ chế thực thi yếu kém. Mặc dù có các chính sách và quy định hướng dẫn sử dụng đất và phát triển du lịch, nhưng chúng thường được thực thi kém, dẫn đến tình trạng xây dựng trái phép, vi phạm môi trường và các hoạt động du lịch không được quản lý. Một trong những lý do khiến việc thực thi yếu kém này là do thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan chính quyền khác nhau chịu trách nhiệm về sử dụng đất, bảo vệ môi trường và phát triển du lịch.

Về quy hoạch sử dụng đất, lập kế hoạch phát triển du lịch chưa có sự tham gia của cộng đồng cư dân địa phương. Cộng đồng địa phương không phải lúc nào cũng được

tham vấn đầy đủ hoặc được tham gia vào các quyết định về đất đai và sinh kế của họ. Điều này có thể dẫn đến sự phản đối các dự án phát triển du lịch, bất ổn xã hội và thiếu sự hỗ trợ cho các sáng kiến du lịch bền vững. Người dân địa phương phản ánh là một số dự án phát triển du lịch chưa xem xét các bên liên quan ở địa phương sẽ bị ảnh hưởng như thế nào hay cần phải được bồi thường như thế nào. Khi một số dự án bị tạm dừng, nhiều người dân địa phương vẫn chưa nhận được tiền bồi thường. Tình trạng này đã gây khó khăn cho việc giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án du lịch phát triển trong tương lai do lo ngại từ các bên liên quan tại địa phương.

Các bên liên quan tại địa phương đã đề cập đến các vấn đề của các dự án du lịch thất bại, các tòa nhà được xây dựng mà không xem xét các vấn đề môi trường và các điểm thu hút khách du lịch mà không có kế hoạch cải tạo và bảo tồn. Một số dự án du lịch lớn trong vùng đã không thể hoàn thành đúng kế hoạch sẽ có tác động lớn đến các bên liên quan địa phương. Khi lập kế hoạch cho các dự án, việc giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến nhiều người dân địa phương vì họ phải di chuyển ra khỏi khu vực sử dụng để xây dựng và không được bồi thường hoặc hỗ trợ để di chuyển đến nơi khác

Các điểm du lịch tự nhiên như khu vực Cát Bà và Đồ Sơn đang chịu áp lực ngày càng tăng từ các hoạt động du lịch. Sự phát triển không kiểm soát, bao gồm việc xây dựng các khu nghỉ dưỡng, khách sạn và các cơ sở du lịch khác, đã dẫn đến việc suy thoái môi trường sống tự nhiên, và mất đa dạng sinh học. Ví dụ, Đảo Cát Bà, một phần của Khu dự trữ sinh quyển quần đảo Cát Bà được UNESCO công nhận, đã chứng kiến thiệt hại đáng kể về môi trường do phát triển du lịch không có kế hoạch. Rừng ngập mặn, rạn san hô và các hệ sinh thái nhạy cảm khác đã bị suy thoái, đe dọa đến sự cân bằng sinh thái của hòn đảo và tính bền vững lâu dài của một điểm đến du lịch. Hơn nữa, vấn đề môi trường không được coi trọng khi các dự án du lịch được xây dựng trong khu vực (bao gồm khách sạn, khu nghỉ dưỡng và nhà hàng). Hầu hết các khu vực xung quanh các dự án du lịch này đều bị bê tông hóa và không có nhiều mảng xanh được tạo ra để bù đắp cho môi trường tự nhiên đã mất. Các cư dân địa phương cũng chỉ trích việc một số khu nghỉ dưỡng và nhà hàng đã được xây dựng trên các bãi biển. Những công trình này có thể phá hủy môi trường tự nhiên và làm cho khu du lịch trở nên kém hấp dẫn, do đó ảnh hưởng tiêu cực đến du lịch vì chúng đã không được quy hoạch và quản lý tốt. Ngoài ra, cần có quy hoạch và quy định sử dụng đất cẩn thận hơn cho du lịch. Công dân địa phương 4 cho biết:

Cơ sở hạ tầng du lịch không có quy hoạch và đất nông nghiệp cũng như rừng tự nhiên bị phá để xây dựng ngành du lịch. Mặc dù con đường dọc theo bãi biển đã được mở rộng, nhưng việc xây dựng này đã phá hủy vẻ đẹp tự nhiên của khu vực. Các khách

sạn nhỏ đã được xây dựng trong nhiều năm qua, không theo quy hoạch trong các khu dân cư ven biển. Những công trình khách sạn, nhà nghỉ mini làm xáo trộn môi trường tự nhiên và phá vỡ sự cân bằng của môi trường sinh thái.

Một hạn chế khác trong quy hoạch sử dụng đất cho du lịch ở Hải Phòng là xung đột giữa các ưu tiên sử dụng đất khác nhau. Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và mở rộng nông nghiệp nhanh chóng của thành phố thường xung đột với nhu cầu phát triển du lịch. Các khu công nghiệp và khu đô thị đã mở rộng sang các khu vực có thể được bảo tồn cho mục đích du lịch hoặc bảo tồn môi trường. Điều này đã dẫn đến việc các hoạt động công nghiệp xâm lấn vào các khu vực có vẻ đẹp tự nhiên, làm giảm sức hấp dẫn của thành phố như một điểm đến du lịch. Ví dụ, sự phát triển công nghiệp ở khu vực gần bãi biển Đồ Sơn không chỉ ảnh hưởng đến tính thẩm mỹ của khu vực mà còn góp phần gây ô nhiễm, tác động đến cả môi trường và ngành du lịch địa phương. Việc thiếu một chiến lược sử dụng đất thống nhất và toàn diện cân bằng giữa nhu cầu phát triển công nghiệp, đô thị và du lịch đã dẫn đến các quyết định sử dụng đất rời rạc và thường xung đột.

3.3.1.4. Đánh giá thực trạng các chính sách quản lý hoạt động du lịch theo hướng bền vững của chính quyền thành phố Hải Phòng

Một số văn bản của chính quyền thành phố Hải Phòng về quản lý và phát triển lĩnh vực du lịch trên địa bàn đã được ban hành và triển khai thực hiện trong thời gian qua.

- Quyết định số 1015/QĐ-UBND năm 2019 về Quản lý và Bảo vệ Môi trường tại Các Điểm Du lịch Biển Đảo. UBND TP Hải Phòng.

- Quyết định số 569/QĐ-CT ngày 19/3/2019 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Quyết định số 2527/QĐ-CT ngày 26/8/2020 của UBND thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Quyết định số 3408/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc lĩnh vực du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Để hỗ trợ phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng, các quyết định cụ thể của chính quyền thành phố đã cụ thể hóa các chính sách, các qui định luật pháp để doanh nghiệp và cư dân địa phương triển khai thực thi. Một số quy định được

sử dụng trực tiếp để quản lý và kiểm soát ngành du lịch, trong khi một số quy định khác ảnh hưởng gián tiếp thông qua việc tạo cơ chế và điều kiện để thúc đẩy sự phát triển của ngành du lịch theo hướng bền vững. Các quy định của chính quyền địa phương Hải Phòng đã được sử dụng để điều chỉnh hành vi kinh doanh của doanh nghiệp, hành vi của khách du lịch và cư dân địa phương, từ đó đóng góp tích cực vào thực hiện chiến lược phát triển bền vững du lịch của địa phương. Tuy nhiên, ý kiến của một số người dân địa phương cho rằng việc thực thi các quy định còn chưa nghiêm, chế tài xử phạt còn nhẹ, nên chưa tạo được sự chuyển biến triệt để

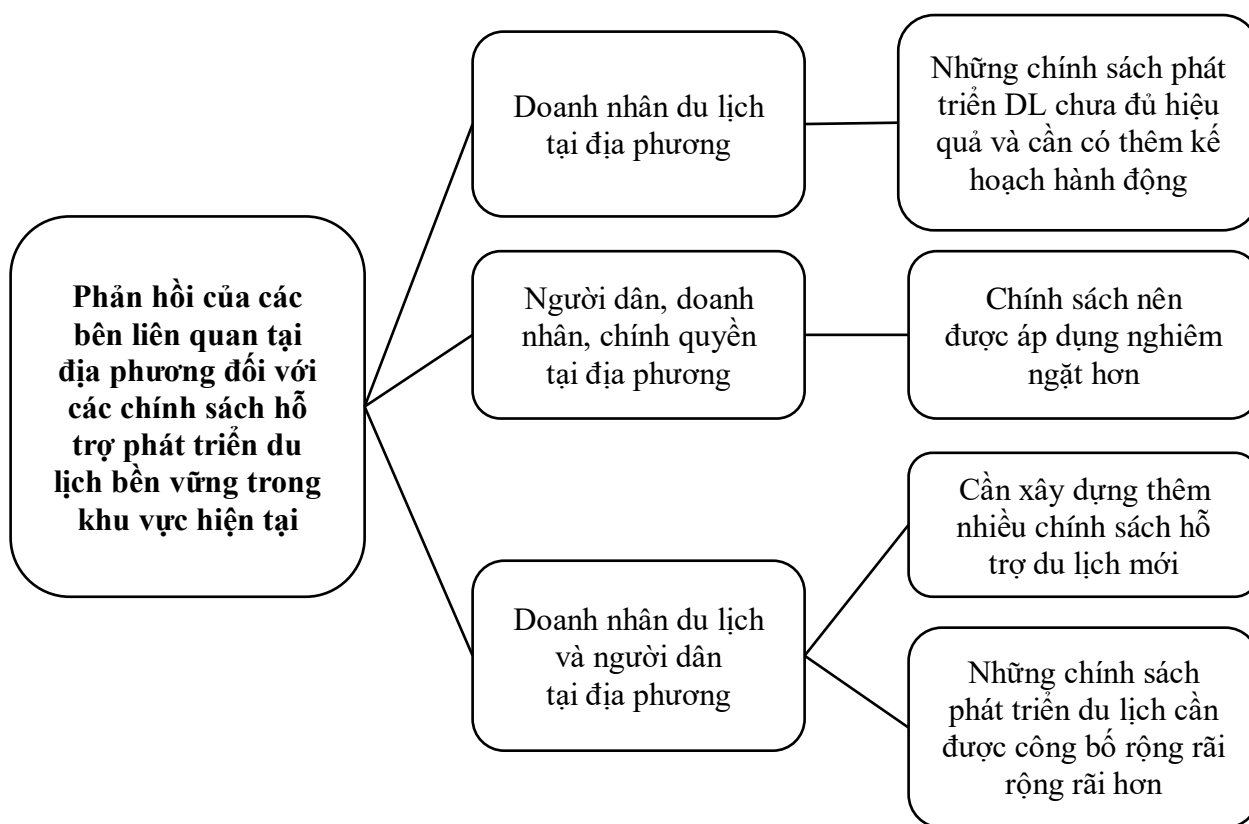
3.3.1.5. Tổng hợp đánh giá chung về thực trạng quản lý vĩ mô của chính quyền thành phố Hải Phòng đối với phát triển bền vững du lịch

Các bên liên quan ở địa phương đã được yêu cầu cho ý kiến của họ về các chính sách quản lý và hỗ trợ phát triển du lịch và việc thực hiện các chính sách đã ban hành để đánh giá các chính sách, cơ chế quản lý của thành phố đã mang lại hiệu quả như thế nào và còn những hạn chế gì. Bốn chủ đề chính đã được NCS tập trung khảo sát các bên liên quan nhằm thu thập thông tin về các đánh giá của họ đối với các chính sách đã ban hành và thực trạng thực thi chính sách. Kết luận chung rút ra từ ý kiến của các bên liên quan đối với phát triển du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng là: (i) các chính sách chưa đạt hiệu quả thật sự và cần có thêm các kế hoạch hành động để triển khai thực thi các chính sách đã ban hành trên địa bàn thành phố. Một số công dân địa phương, doanh nhân du lịch địa phương và cán bộ chính quyền địa phương khuyến cáo rằng (ii) các chính sách quản lý đã ban hành nên được triển khai áp dụng nghiêm ngặt hơn. Hơn nữa, một số người dân địa phương và người kinh doanh du lịch cũng cho rằng (iii) cần ban hành thêm các chính sách mới hoặc bổ sung điều chỉnh một số chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi và các yêu cầu có tính pháp lý cao hơn đảm bảo phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố và (iv) các chính sách này nên được công bố rộng rãi hơn, tuyên truyền tốt hơn đến các đối tượng thực hiện.

Các nhà quản lý doanh nghiệp và cộng đồng cư dân địa phương trong phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thừa nhận có biết đến sự tồn tại của các chính sách hỗ trợ du lịch bền vững của chính quyền địa phương và cũng đã theo dõi tác động của các chính sách này tới quá trình hoạt động kinh doanh du lịch. Tuy nhiên, họ nhận thấy rằng các chính sách này chưa đủ hiệu quả và ý kiến của họ là các chính sách này cần cụ thể hơn mới hỗ trợ cho các doanh nghiệp phát triển kinh doanh du lịch bền vững. Cụ thể, (i) vẫn có khoảng cách lớn giữa chính sách và thực hiện chính sách; (ii) các chính sách có quá nhiều các điều kiện ràng buộc nên các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn thành phố khó vận dụng; (iii) cần có sự hợp tác hơn của các ngành khác với ngành du

lich trên địa bàn thành phố; và (iv) cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa việc ban hành các chính sách với tuyên truyền giáo dục các chính sách này tới các đối tượng thực hiện.

Xem xét các chính sách quản lý và hỗ trợ phát triển bền vững du lịch tại các điểm du lịch chủ yếu trên địa bàn thành phố, đại diện của tất cả các nhóm bên liên quan được phỏng vấn đều nhận xét rằng các chính sách và quy định luật pháp cần được áp dụng nghiêm ngặt hơn. Các hình thức xử phạt các hành vi xấu ảnh hưởng đến phát triển bền vững du lịch chưa đủ mạnh, chưa đủ sức răn đe nghiêm khắc để các đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật không tái phạm sau khi họ đã bị xử phạt. Ngoài ra, trong khi cũng có một số nhà kinh doanh du lịch cho rằng một số chính sách và chương trình hoạt động của chính quyền đã giúp các doanh nghiệp quảng bá tới khách du lịch thông qua thông tin trên các trang web địa phương hoặc các khóa đào tạo miễn phí, tuy nhiên vẫn cần nghiên cứu để triển khai thực hiện các chương trình quảng bá có du lịch thành phố hiệu quả. Đối với một số hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực du lịch, các ý kiến đều đề xuất cần có chế tài xử phạt nghiêm minh hơn. Các đề xuất có thể được chia thành ba chủ đề phụ: (i) áp dụng mức phạt cao hơn hoặc rút giấy phép kinh doanh; (ii) quản lý chặt chẽ các giai đoạn thực hiện các chính sách; (iii) công bố danh sách đen những người vi phạm pháp luật.



Hình 1.7. Phản hồi của các bên liên quan tại địa phương về các chính sách hỗ trợ phát triển bền vững du lịch trên địa bàn Hải Phòng

Mặc dù các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch của thành phố đã ban hành và triển khai thực hiện một số chính sách hỗ trợ phát triển bền vững du lịch, nhưng một số người dân địa phương và những người kinh doanh du lịch địa phương vẫn thấy cần phải có thêm các chính sách hỗ trợ thiết thực và hiệu quả hơn nữa. Họ nhận thấy rằng vẫn còn một số vấn đề cản trở phát triển bền vững ngành du lịch chưa được giải quyết, nguyên nhân là vì những chính sách ban hành chưa đủ bao quát và giải quyết được hết các vấn đề rò cản mà người kinh doanh du lịch và cư dân ở các điểm đến du lịch đang gặp phải.

Mặc dù các chính sách đã được nhiều người kinh doanh du lịch địa phương tại các điểm đến du lịch biết đến, nhưng ý kiến của một số người dân địa phương cho rằng cộng đồng dân cư vẫn chưa được thông tin đầy đủ và chưa thật sự hiểu rõ về các chính sách đó. Vấn đề này không chỉ người dân địa phương mà cả những người kinh doanh du lịch tại địa phương cũng thừa nhận như vậy. Một số người được phỏng vấn là công dân địa phương không biết về các chính sách này, trong khi các nhà quản lý của các công ty du lịch địa phương cũng cho rằng họ cũng không biết về các chính sách này. Các bên liên quan trong phát triển du lịch đều cho rằng những chính sách này nên được công bố rộng rãi hơn cho các công ty du lịch trong khu vực và cả người dân địa phương để chấp hành và thực thi.

Tóm lại về đánh giá của các bên liên quan trên địa bàn địa phương cấp tỉnh đối với các chính sách hiện hành hỗ trợ phát triển bền vững du lịch, có bốn chủ đề chính đã được xác định: (i) các chính sách này không đủ hiệu quả và cần có thêm các kế hoạch hành động; (ii) các chính sách này cần được áp dụng nghiêm ngặt hơn; (iii) Cần phát triển một số chính sách mới; và (iv) các chính sách này nên được công bố rộng rãi hơn. Vai trò của chính quyền địa phương cấp tỉnh rất quan trọng trong việc ban hành và thực thi các chính sách đảm bảo phát triển du lịch bền vững.

3.3.2. Phân tích các nhân tố tác động đến phát triển bền vững du lịch thuộc các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Các doanh nghiệp du lịch đóng vai trò trực tiếp thúc đẩy phát triển bền vững du lịch Hải Phòng. Sự phát triển của các khách sạn, nhà hàng, công ty lữ hành và trung tâm giải trí đã thu hút ngày càng nhiều khách du lịch trong nước và quốc tế, mang lại nguồn thu nhập cho doanh nghiệp và cộng đồng địa phương. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) đã khai thác các thị trường du lịch ngách, chẳng hạn như du lịch sinh thái và du lịch mạo hiểm, phù hợp với các hoạt động du lịch bền vững. Ngoài ra, các tập đoàn lớn hơn đã đầu tư vào cơ sở hạ tầng du lịch, bao gồm các khu nghỉ dưỡng, khách sạn sang

trọng và các cơ sở giải trí làm cho các điểm đến du lịch tăng được quy mô phục vụ du khách.

Các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn cũng gây nên các vấn đề về môi trường, làm cản trở sự phát triển bền vững. Việc xây dựng các khu nghỉ dưỡng và khách sạn lớn, đặc biệt là dọc theo bờ biển của Đồ Sơn và Cát Bà, đã dẫn đến suy thoái môi trường sống, và mất đa dạng sinh học. Lượng khách du lịch tăng lên gây áp lực lên các nguồn tài nguyên thiên nhiên, dẫn đến khai thác quá mức và ô nhiễm môi trường. Các doanh nghiệp du lịch chủ yếu kinh doanh du lịch đại chúng, ưu tiên lợi nhuận kinh tế ngắn hạn hơn là quản lý môi trường lâu dài.

Những nỗ lực bảo vệ môi trường vẫn còn hạn chế, do phần lớn các doanh nghiệp du lịch quy mô nhỏ hoạt động mà không có các chiến lược phát triển bền vững toàn diện. Việc thiếu các quy định và thực thi nghiêm ngặt về môi trường, cùng với nhận thức thấp về các hoạt động du lịch bền vững trong các doanh nghiệp nhỏ, đã và đang cản trở việc áp dụng các nguyên tắc phát triển bền vững. Đa số các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn có quy mô nhỏ, vốn đầu tư hạn chế, nên chưa đầu tư cơ sở hạ tầng đầy đủ để đảm bảo tính bền vững. Hệ thống quản lý chất thải không đầy đủ, chưa sử dụng năng lượng tái tạo và giao thông công cộng kém làm cho hoạt động của các doanh nghiệp có tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên. Sự phụ thuộc vào các nguồn năng lượng truyền thống và nhựa dùng một lần càng làm trầm trọng thêm dấu chân môi trường của các hoạt động du lịch. Hơn nữa, các doanh nghiệp du lịch thường phải vật lộn để cân bằng giữa lợi nhuận và tính bền vững. Áp lực phải đáp ứng nhu cầu của khách du lịch, đặc biệt là trong các mùa cao điểm, có thể dẫn đến các hoạt động không bền vững, chẳng hạn như mật độ khách quá cao, tiêu thụ quá nhiều tài nguyên và không thực hiện bảo vệ môi trường.

Các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn với chiến lược kinh doanh vẫn chủ yếu dựa vào tài nguyên thiên nhiên sẵn có, thiếu sự sáng tạo trong phát triển các sản phẩm du lịch mới đặc sắc nên vẫn chưa thu hút được nhiều khách du lịch đặc biệt là khách quốc tế tới Hải Phòng vào mùa thấp điểm để đảm bảo hoạt động kinh doanh của họ có doanh thu bền vững.

Các nhà quản lý doanh nghiệp du lịch, cộng đồng cư dân địa phương và cán bộ chính quyền địa phương đã khẳng định vai trò trực tiếp và trung tâm của phát triển bền vững du lịch là hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn. Những người được phỏng vấn (đều đã làm việc tại địa phương lâu năm và là những người có vai trò quan trọng trong khu vực du lịch), đều có nhận xét là đa số các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn Hải Phòng có quy mô nhỏ, nguồn lực và năng lực quản lý hạn chế nên quản lý điều hành hoạt động du lịch chưa đảm bảo tính bền vững lâu dài.

3.3.3. Phân tích các nhân tố tác động đến phát triển bền vững du lịch thuộc cộng đồng dân cư địa phương trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Cộng đồng cư dân địa phương là người bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và các di sản văn hóa mà các doanh nghiệp du lịch khai thác trên địa bàn Hải Phòng. Du lịch bền vững phụ thuộc vào việc bảo tồn và phát huy các truyền thống, nghề thủ công, lễ hội và biểu đạt văn hóa địa phương, tất cả đều góp phần tạo nên sự độc đáo của một điểm đến. Tại Hải Phòng, sự tham gia tích cực của cộng đồng trong việc bảo tồn các lễ hội truyền thống, chẳng hạn như Lễ hội chọi trâu Đồ Sơn, tạo nên một bức tranh phong phú về trải nghiệm cho du khách. Nếu không có sự tham gia của cộng đồng địa phương, sự xói mòn văn hóa có thể xảy ra do dòng khách du lịch quốc tế đổ về và sự thương mại hóa các truyền thống. Người dân, thông qua các tổ chức địa phương và các doanh nghiệp gia đình, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và phát huy các tài sản văn hóa này. Hơn nữa, bằng cách cung cấp dịch vụ lưu trú tại nhà dân và tổ chức các tour du lịch nhấn mạnh vào truyền thống địa phương, cộng đồng tác động trực tiếp đến trải nghiệm của khách du lịch.

Các hoạt động du lịch bền vững phụ thuộc vào sự tham gia tích cực của người dân địa phương vào các nỗ lực bảo tồn môi trường, chẳng hạn như quản lý chất thải, làm sạch bãi biển và duy trì đa dạng sinh học. Tại Đảo Cát Bà, cộng đồng đã tích cực tham gia vào Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà, thúc đẩy du lịch có trách nhiệm đồng thời giảm thiểu dấu chân môi trường. Sự tham gia của cư dân địa phương vào giáo dục bảo tồn, bảo vệ các loài có nguy cơ tuyệt chủng và các hoạt động đánh bắt cá bền vững giúp duy trì sự cân bằng sinh thái quan trọng đối với du lịch bền vững.

Một số người dân địa phương cho rằng phát triển bền vững du lịch phải tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn tài nguyên trong khu vực. Người dân và các nhà kinh doanh du lịch đều cho rằng Hải Phòng có những bãi biển, quần đảo với cảnh quan thiên nhiên rất đẹp. Ngoài ra còn có một số di tích lịch sử, rừng nguyên sinh,... Tuy nhiên, những điểm đến du lịch này đã khai thác từ lâu nhưng chưa được đầu tư một cách bài bản và quản lý phát triển bền vững. Phần lớn khách du lịch đến các khu du lịch này là khách nội địa chưa mang lại nguồn thu nhập bền vững cho cư dân địa phương. Các điểm đến này chưa thật sự hấp dẫn đối với khách du lịch quốc tế. Vì vậy, cần phải đầu tư thêm vào các dịch vụ du lịch khác bên cạnh bãi biển để thu hút khách du lịch trong nước cũng như quốc tế đến vào mùa đông.

Ý kiến của các bên liên quan đều cho rằng để phát triển du lịch bền vững thành công, cộng đồng cư dân địa phương cần phải tham gia tích cực vào các quá trình ra quyết

định phát triển du lịch. Chính quyền địa phương Hải Phòng đã quan tâm đến việc lấy ý kiến góp ý của cộng đồng cư dân cho quy hoạch và các chính sách về phát triển du lịch trên địa bàn. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến của cư dân địa phương còn hình thức, chưa thực sự đảm bảo cho các quy hoạch và chiến lược phát triển du lịch phù hợp với lợi ích của cộng đồng địa phương. Một số dự án du lịch chưa nhận được sự đồng tình ủng hộ của cư dân địa phương nên thu hồi đất gặp khó khăn.

Qua ý kiến phản ánh của các nhà quản trị doanh nghiệp du lịch trên địa bàn địa phương, các cán bộ chính quyền địa phương và chính người dân cho thấy cộng đồng cư dân địa phương chưa trở thành tác nhân quan trọng thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển bền vững du lịch hay giữ vai trò đóng góp ý kiến quan trọng cho các quyết định phát triển du lịch của chính quyền trên địa bàn Hải Phòng. Hơn nữa, để phát triển các mô hình kinh doanh du lịch dựa vào cộng đồng, các cư dân địa phương chưa có đủ trình độ nhận thức và kiến thức cần thiết để chủ động tham gia phát triển các mô hình kinh doanh du lịch bền vững này.

Cộng đồng cư dân địa phương cần phải đóng vai trò quan trọng hơn trong việc bảo tồn di sản văn hóa, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và thúc đẩy các mô hình kinh doanh du lịch dựa vào cộng đồng, qua đó mới đảm bảo phát triển bền vững du lịch và mang lại lợi ích cho các bên liên quan tại địa phương.

3.3.4. Phân tích các nhân tố tác động đến phát triển bền vững du lịch thuộc các tổ chức phi chính phủ trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Như cơ sở lý thuyết đã chỉ ra, các tổ chức phi chính phủ đã trở thành những nhân tố chủ chốt trong việc thúc đẩy các hoạt động bền vững, bảo tồn di sản văn hóa và môi trường, hỗ trợ cộng đồng địa phương và đảm bảo lợi ích du lịch được chia sẻ công bằng. Một trong những đóng góp quan trọng nhất của các tổ chức phi chính phủ đối với du lịch bền vững tại Hải Phòng là công tác bảo vệ và bảo tồn môi trường.

Các tổ chức phi chính phủ như Fauna & Flora International (FFI) và Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên (WWF) đã đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ đa dạng sinh học của khu vực. Họ đã nỗ lực nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc bảo tồn các loài có nguy cơ tuyệt chủng, chẳng hạn như voọc Cát Bà, một loài linh trưởng cực kỳ nguy cấp chỉ có ở Đảo Cát Bà. Bằng cách hợp tác với cộng đồng địa phương, các tổ chức phi chính phủ này giúp phát triển các mô hình du lịch sinh thái giúp giảm thiểu tác động đến môi trường đồng thời thúc đẩy bảo tồn động vật hoang dã. Hơn nữa, các tổ chức phi chính phủ về môi trường tham gia vào các dự án tái trồng rừng, các sáng kiến

bảo tồn biển và quản lý nghề cá bền vững. Những nỗ lực của họ góp phần duy trì sự cân bằng sinh thái, điều này rất quan trọng để đảm bảo rằng các hoạt động du lịch không làm cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Nhiều tổ chức phi chính phủ quốc tế và địa phương cũng đã quan tâm thúc đẩy du lịch cộng đồng (CBT) tại Hải Phòng. Hoạt động du lịch cộng đồng đảm bảo lợi ích do phát triển du lịch trực tiếp cho cộng đồng địa phương. Ví dụ, các tổ chức phi chính phủ như Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) đã triển khai các chương trình hỗ trợ người dân địa phương phát triển các doanh nghiệp du lịch quy mô nhỏ, chẳng hạn như homestay, xưởng thủ công và tour du lịch sinh thái.

Tại Vườn quốc gia Cát Bà, các tổ chức phi chính phủ đã tham gia vận động hành lang để có các quy định chặt chẽ hơn về phát triển cơ sở hạ tầng du lịch nhằm ngăn chặn nạn phá rừng và phá hủy môi trường sống. Họ cũng đã vận động cho các chính sách du lịch có trách nhiệm bao gồm các chương trình quản lý chất thải và giảm ô nhiễm nhựa ở các vùng ven biển. Thông qua quan hệ đối tác với chính quyền địa phương, các tổ chức phi chính phủ cũng đã đóng góp vào việc soạn thảo và thực hiện các chính sách du lịch địa phương ưu tiên tính bền vững. Điều này bao gồm việc quy hoạch sử dụng đất, quy định phân vùng và tích hợp đánh giá tác động môi trường (EIA) vào các dự án du lịch.

Các tổ chức phi chính phủ đã đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của du lịch bền vững đối với người dân địa phương, khách du lịch và các quan chức chính phủ. Qua các chiến dịch giáo dục và hội thảo cộng đồng, các tổ chức phi chính phủ giúp các bên liên quan hiểu được tác động về môi trường, xã hội và kinh tế của du lịch.

Tuy nhiên, các tổ chức phi chính phủ thường thiếu nguồn lực, đặc biệt là về mặt nhân sự và chuyên môn nên các hoạt động hỗ trợ thực hiện và giám sát các dự án phát triển du. Tương tự, vai trò của các tổ chức phi chính phủ trong việc vận động chính sách cho các chính sách phát triển bền vững du lịch còn rất hạn chế.

3.3.5. Tổng hợp tác động của các bên liên quan đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Các nhóm bên liên quan khác nhau tất nhiên có các mục tiêu và lợi ích khác nhau liên quan đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn. Tuy nhiên, họ có chung một số mục tiêu về phát triển du lịch phải đảm bảo tính bền vững. Ngành du lịch và cộng đồng cư dân địa phương có mục tiêu chung là phát triển bền vững du lịch cả về kinh tế, văn

hóa xã hội và môi trường. Các bên liên quan ủng hộ phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường đòi hỏi chia sẻ lợi ích kinh tế và các tài nguyên thiên nhiên cho các mục tiêu phát triển bền vững. Các công dân địa phương, các tổ chức xã hội và những người ủng hộ môi trường quan tâm đến chia sẻ các mục tiêu phát triển bền vững liên quan đến sử dụng và bảo vệ tài nguyên. Như vậy, có thể khẳng định tính bền vững trong phát triển du lịch chỉ có thể đạt được khi các nhóm bên liên quan đa dạng về thành phần có chung mục tiêu. Tuy nhiên, thực tế tại Hải Phòng cho thấy sự tương tác giữa các bên liên quan trong phát triển bền vững du lịch còn chưa thường xuyên, chưa chặt chẽ thậm chí thiếu vắng sự phối hợp hoạt động giữa các bên liên quan.

Kết quả nghiên cứu cũng đã phát hiện các nhân tố cản trở sự phát triển bền vững du lịch từ sự thiếu phối hợp giữa các bên liên quan trong phát triển du lịch trên địa bàn. Một số rào cản đối với sự tham gia của các bên liên quan địa phương vào quá trình phát triển du lịch trên địa bàn thành phố, đó là các rào cản về hoạt động, cấu trúc và văn hóa. Những rào cản hoạt động bao gồm: Quản lý nhà nước tập trung về phát triển du lịch chưa thật hiệu quả đã dẫn đến thiếu sự phối hợp giữa các bên liên quan và thiếu thông tin sẵn có cho doanh nghiệp du lịch và người dân địa phương sống tại điểm du lịch, làm cho sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương vào quá trình phát triển du lịch còn thấp. Rào cản cấu trúc liên quan đến cấu trúc quyền lực thể chế, hệ thống quản lý hành chính và cơ cấu kinh tế trên địa bàn. Các cấu trúc quản lý trên địa bàn thiếu đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan trong phát triển du lịch trên địa bàn. Thiếu các chuyên gia, thiếu nguồn nhân lực được đào tạo, thiếu kiến thức chuyên môn, thiếu cơ chế thực thi các quy định pháp lý phù hợp, đã chưa hỗ trợ hiệu quả cho phát triển du lịch bền vững và chi phí kinh doanh du lịch tương đối cao. Cuối cùng, với các rào cản văn hóa, các yếu tố bao gồm năng lực hạn chế của cư dân địa phương trong việc thích ứng với sự phát triển du lịch một cách hiệu quả, sự thờ ơ và mức độ nhận thức thấp của cộng đồng cư dân địa phương, tất cả đều là những trở ngại đối với phát triển bền vững du lịch có sự tham gia của cộng đồng. Những rào cản này đã ngăn cản việc phát triển du lịch theo hướng bền vững trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Sự tham gia của cộng đồng cư dân địa phương với tư cách là nhóm ảnh hưởng có quyền lực chưa được thể hiện rõ trên thực tế, vì nó liên quan đến các niềm tin ý thức hệ, trách nhiệm công dân. Để tiếp cận phát triển du lịch theo hướng bền vững, cần khẳng định rằng tất cả các bên liên quan cần làm việc cùng nhau, chính quyền và các doanh

nghiệp du lịch cần phải khuyến khích sự tham gia của cộng đồng cư dân địa phương vào các hoạt động phát triển bền vững trên địa bàn.

Bảng 3.7: Tổng hợp ý kiến của các bên liên quan về các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển bền vững du lịch Hải Phòng

TT	Tiêu chí	Thực trạng	Ý kiến của các bên liên quan
	<i>Nhận xét về các nhân tố thuộc quản lý vĩ mô của thành phố</i>		
1	Các quy định quản lý du lịch của thành phố	Đã có ban hành các quy định về du lịch bền vững.	Các quy định chưa đi vào cuộc sống như kỳ vọng.
2	Các chính sách thúc đẩy hỗ trợ phát triển bền vững du lịch của thành phố	Đã có ban hành một số chính sách quản lý.	Ảnh hưởng của các chính sách đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn còn hạn chế.
3	Quy hoạch và kế hoạch phát triển du lịch của thành phố	Đã có quy hoạch tổng thể nhưng triển khai thành các quy hoạch chi tiết còn chậm. Một số quy hoạch chưa đảm bảo ổn định dài hạn.	Đã có những ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn.
4	Quy hoạch sử dụng đất cho phát triển du lịch của chính quyền thành phố	Quy hoạch sử dụng đất cho phát triển các dự án du lịch còn bất cập. Xung đột giữa các ưu tiên sử dụng đất khác nhau.	Chưa đáp ứng yêu cầu lập kế hoạch sử dụng đất cẩn thận.
5	Mức độ người dân được thông tin hoặc lấy ý kiến về quy hoạch, chủ trương đầu tư dự án trước khi triển khai	Người dân ít được tham gia ý kiến ở các mức độ khác nhau.	Người dân không được tham gia ý kiến về các quy hoạch du lịch.
6	Mức độ các doanh nghiệp du lịch được thông tin hoặc lấy ý	Các doanh nghiệp ít được tham gia ý kiến	Các doanh nghiệp ít hoặc không được tham gia ý kiến

TT	Tiêu chí	Thực trạng	Ý kiến của các bên liên quan
	kiến về quy hoạch, chủ trương đầu tư dự án trước khi triển khai	ở các mức độ khác nhau.	về quy hoạch du lịch trên địa bàn.
	<i>Nhận xét về các nhân tố thuộc các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn</i>		
7	Hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn	Doanh thu và lợi nhuận có tăng qua các năm nhưng mức tăng thấp, hiệu quả kinh doanh chưa cao. Mức độ đóng góp của du lịch vào phát triển kinh tế địa phương còn thấp.	Đồng thuận với các đánh giá về hoạt động kinh doanh du lịch từ các số liệu thứ cấp.
8	Hiệu quả kinh doanh du lịch giữa các mùa trong năm	Khách du lịch nội địa rất đông vào mùa hè, rất vắng vào mùa đông.	Kết quả kinh doanh du lịch thấp và không bền vững do tính mùa vụ quá cao.
9	Mức độ quan tâm của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch tới bảo vệ tài nguyên du lịch tự nhiên	Nhiều cơ sở kinh doanh nhỏ chưa áp dụng các biện pháp xử lý nước và chất thải rắn.	Một số doanh nghiệp kinh doanh lưu trú chưa quan tâm đầu tư cho khâu bảo vệ môi trường tự nhiên.
10	Mức độ quan tâm bảo vệ văn hóa lịch sử của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch	Một số cơ sở kinh doanh nhỏ còn hoạt động vì lợi nhuận làm ảnh hưởng tới môi trường văn hóa xã hội.	Nhiều người kinh doanh du lịch chưa quan tâm đến bảo tồn các giá trị văn hóa lịch sử.
	<i>Nhận xét về các nhân tố thuộc cộng đồng dân cư trên địa bàn</i>		
11	Lợi ích kinh tế mang lại từ phát triển du lịch cho cư dân địa phương.	Cư dân địa phương nhận được ít lợi ích từ phát triển du lịch trên địa bàn.	Phân phối lợi ích chưa công bằng, cư dân nhận được lợi ích thấp, còn bị

TT	Tiêu chí	Thực trạng	Ý kiến của các bên liên quan
			ảnh hưởng tiêu cực từ phát triển du lịch trên địa bàn.
12	Cộng đồng cư dân địa phương chủ động tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường tại điểm đến du lịch.	Mức độ tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường tự nhiên của cư dân còn thấp.	Cư dân chưa quan tâm đến hoạt động của các công ty du lịch và tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường tại điểm đến du lịch.
13	Cộng đồng cư dân địa phương chủ động tham gia các hoạt động bảo tồn giá trị văn hóa xã hội tại điểm đến du lịch	Cư dân tham gia các hoạt động bảo tồn còn thấp.	Đa số cư dân chưa quan tâm đến hoạt động kinh doanh du lịch có bảo tồn giá trị văn hóa lịch sử địa phương.
14	Cộng đồng cư dân địa phương tham gia vào quy hoạch và kế hoạch phát triển bền vững du lịch trên địa bàn.	Cộng đồng cư dân địa phương không được cung cấp thông tin đầy đủ và chưa được tham gia góp ý cho quy hoạch và kế hoạch phát triển bền vững du lịch trên địa bàn.	Tác động tiêu cực đến phát triển bền vững du lịch.
	<i>Nhận xét về các nhân tố thuộc các tổ chức phi chính phủ trên địa bàn</i>		
15	Các tổ chức phi chính phủ được cung cấp thông tin và tham gia góp ý cho các dự án	Chưa được cơ quan quản lý nhà nước chủ động mời tham gia và cung cấp đầy đủ thông tin.	Vai trò của các tổ chức phi chính phủ trong phát triển bền vững du lịch còn mờ nhạt.
16	Hoạt động của các tổ chức phi chính phủ bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội tại các điểm đến du lịch	Đã có một số tổ chức phi chính phủ hoạt động nhưng phạm vi	Chưa thấy rõ các hoạt động của các tổ chức phi chính phủ ảnh hưởng tích

TT	Tiêu chí	Thực trạng	Ý kiến của các bên liên quan
		và mức độ tác động còn thấp.	cực đến phát triển bền vững du lịch.

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ ý kiến của các bên liên quan tại địa phương

3.4. Đánh giá chung về thực trạng phát triển bền vững du lịch thành phố Hải Phòng

3.4.1. Thành công

Trong hơn 10 năm qua, thành phố Hải Phòng đã đạt được những thành tựu nhất định trong phát triển du lịch. Đầu tư phát triển hạ tầng du lịch có chuyển biến tích cực, một số khu/điểm đến du lịch phát triển nhanh, hình thành thêm các cơ sở lưu trú, nghỉ dưỡng mới, chất lượng dịch vụ du lịch từng bước được nâng cao, nhất là hai địa bàn trọng điểm du lịch biển đảo là Đồ Sơn và Cát Bà. Ngành kinh doanh du lịch của thành phố đã thu hút được ngày càng nhiều nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước vào phát triển cơ sở vật chất cho kinh doanh du lịch bao gồm xây dựng các cơ sở lưu trú có chất lượng cao, các cơ sở vui chơi giải trí như sân golf có quy mô và đẳng cấp có thể đáp ứng các nhu cầu khác nhau của các nhóm du khách khác nhau.

Chính quyền địa phương cũng đã quan tâm xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn và đã ban hành nhiều nghị quyết và chính sách để đưa Hải Phòng trở thành một trong những điểm đến du lịch lớn nhất của Việt Nam. Công tác quản lý quy hoạch được Thành ủy và UBND thành phố quan tâm, chỉ đạo. Hải Phòng đã quan tâm chú trọng gắn kết quy hoạch phát triển du lịch với quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, các quy hoạch ngành, lĩnh vực khác của thành phố và gắn với quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng, cả nước làm tiền đề quan trọng cho các nhà đầu tư thực hiện các dự án phát triển du lịch trên địa bàn.

Chính quyền thành phố cũng đã đầu tư ngân sách để cải tạo chỉnh trang cảnh quan thành phố, cải tạo và đầu tư mới các công trình hạ tầng giao thông, và các hạ tầng kỹ thuật khác phục vụ cho khách du lịch. Đồng thời, thành phố đã ban hành nhiều chính sách nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào phát triển lĩnh vực du lịch của thành phố. Kết quả là ngành du lịch đã có sự tăng trưởng liên tục về lượng khách, doanh thu và lợi nhuận, tỷ lệ đóng góp vào GDP cũng tăng dần trong các năm gần đây.

3.4.2. Hạn chế

- Kết quả và hiệu quả kinh doanh của ngành du lịch còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng của thành phố. Doanh thu du lịch còn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng thu nhập của thành phố. Tỷ suất lợi nhuận của ngành du lịch còn thấp, thu nhập do ngành du lịch mang lại cho cư dân địa phương còn rất khiêm tốn. Lượng khách du lịch đến thành phố có tăng trưởng hàng năm nhưng phần lớn là khách du lịch nội địa với thời gian lưu trú ngắn và chi tiêu thấp. Khách du lịch quốc tế còn rất khiêm tốn và doanh thu do nguồn khách này mang lại cũng còn nhỏ bé. Chưa thu hút được các nhóm khách du lịch chi tiêu cao cả trong nước và quốc tế. Chưa giải quyết được tính mùa vụ trong kinh doanh du lịch trên địa bàn.

- Hệ thống sản phẩm du lịch chưa đa dạng, thiếu phong phú và chưa có giá trị đặc sắc cho du khách; chưa phát triển được nhiều sản phẩm du lịch mới đặc biệt là nhóm sản phẩm vui chơi giải trí theo định hướng của kế hoạch chiến lược phát triển du lịch mà thành phố đã xác định. Tốc độ phát triển các loại hình kinh doanh du lịch bền vững còn thấp chưa đáp ứng nhu cầu. Các sản phẩm du lịch gắn với nông nghiệp, nông thôn, với cộng đồng dân cư chưa được phát triển. Giá trị đặc sắc của khu du lịch quần đảo Cát Bà chưa được khai thác đúng với tiềm năng và lợi thế. Thương hiệu du lịch biển đảo đang bị suy giảm như thương hiệu điểm đến Đồ Sơn.

- Nguồn vốn, tài nguyên, lao động và công nghệ cho phát triển bền vững ngành du lịch của thành phố chưa được khai thác hợp lý, hiệu quả để phục vụ phát triển.

- Ngành du lịch chưa đảm bảo phát triển mang lại sự hài hòa lợi ích cho các bên liên quan trên địa bàn điểm đến du lịch. Các dịch vụ hỗ trợ, vui chơi giải trí, trung tâm thương mại, khu mua sắm đẳng cấp quốc tế, khu triển lãm, hội nghị... còn thiếu, chưa tổ chức được các sự kiện lớn mang tầm quốc tế.

- Sự phát triển kinh doanh du lịch tại các điểm đến như Cát Bà, Đồ Sơn vẫn còn có tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái, tài nguyên du lịch như ô nhiễm nước, không khí và chất thải rắn. Đây là thách thức không chỉ của du lịch thành phố Hải Phòng mà còn là thách thức chung của du lịch Việt Nam. Hai điểm đến du lịch biển Cát Bà và Đồ Sơn tuy thu hút được đông du khách nhưng chủ yếu là khách nội địa và đến nghỉ vào mùa hè, chưa thu hút được khách du lịch đến vào mùa đông. Đảo Cát Bà còn chịu sức ép về trách nhiệm bảo tồn các giá trị của rừng quốc gia và Khu dự trữ sinh quyển thế giới.

- Các bên liên quan tại địa phương cũng đã phản ánh một loạt các tác động tiêu cực của phát triển chưa bền vững du lịch đến môi trường văn hóa xã hội. Một số lễ hội còn bị thương mại hóa và không duy trì và tôn vinh được các giá trị văn hóa truyền thống.

- Hạ tầng cơ sở vật chất cho phát triển du lịch còn nhiều bất cập; giao thông chưa phát triển đồng bộ, chưa đảm bảo sự di chuyển dễ dàng và nhanh chóng cho du khách. Ví dụ, tình trạng các phương tiện chở khách ùn tắc tại phà bến phà Gót - Cái Viêng trên đường ra Cát Bà vào các ngày nghỉ lễ chưa được cải thiện, gây bức xúc.

3.4.3. Nguyên nhân của các hạn chế

- Thiếu cơ chế và chính sách đảm bảo lợi ích hài hòa của các bên tham gia phát triển bền vững du lịch. Bởi vì, sự phát triển bền vững du lịch cần chủ yếu dựa vào sự chủ động thực hiện các mô hình kinh doanh bền vững của các doanh nghiệp; sự ủng hộ của cư dân địa phương tại điểm đến, thiện chí và sự chủ động tham gia của cư dân vào các hoạt động du lịch bền vững như du lịch cộng đồng và vào các hoạt động bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội. Chính quyền và cơ quan quản lý nhà nước về du lịch chưa thực hiện tốt vai trò tạo lập sự liên kết phối hợp giữa các bên liên quan trên địa bàn để phát triển bền vững du lịch.

- Các bên liên quan tại địa phương chưa nhận thức đầy đủ và chính xác về phát triển du lịch bền vững và hiểu rõ vai trò của họ đối với bảo vệ môi trường và tài nguyên du lịch. Nhiều doanh nghiệp, công dân địa phương và khách du lịch vẫn quan tâm nhiều hơn đến lợi ích kinh tế trước mắt, chưa thực sự quan tâm đến bảo vệ môi trường tự nhiên và môi trường văn hóa xã hội. Nhận thức về trách nhiệm phát triển bền vững du lịch tại điểm đến của một số doanh nghiệp và người dân còn chưa cao, dẫn đến việc không tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường.

- Đa số các cơ sở kinh doanh du lịch tại các điểm đến có quy mô nhỏ, nguồn lực hạn chế hình thành và phát triển kinh doanh dựa chủ yếu vào lợi thế của điều kiện tự nhiên. Vì vậy, hoạt động kinh doanh du lịch của nhiều doanh nghiệp còn thiếu tính chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ du lịch cung ứng cho khách du lịch chưa cao. Các quan hệ liên kết kinh doanh yếu và thiếu. Chưa hình thành các tuyến du lịch liên thông với các địa phương trong vùng và quốc tế.

- Chính quyền địa phương và cơ quan quản lý nhà nước về du lịch đã quan tâm thực hiện vai trò quản lý vĩ mô trong phát triển bền vững du lịch trên địa bàn,

tuy nhiên, năng lực còn hạn chế nên công tác lập quy hoạch phát triển du lịch chưa đáp ứng yêu cầu đảm bảo phát triển bền vững. Công tác quy hoạch phát triển tổng thể và phát triển các ngành/lĩnh vực kinh doanh cụ thể trong đó có du lịch chưa đảm bảo sự hợp lý và nhất quán theo định hướng phát triển dài hạn bền vững trên địa bàn thành phố.

- Các chính sách quản lý phát triển du lịch theo hướng bền vững chưa đủ và chưa được thực hiện triệt để và nghiêm ngặt. Việc ban hành các chính sách quản lý phát triển bền vững trên địa bàn các điểm đến du lịch chưa nhất quán, chưa lấy ý kiến tham vấn từ tất cả các bên liên quan nên chưa đảm bảo được sự đồng thuận của cư dân địa phương và cộng đồng doanh nghiệp; các chính sách cũng chưa được triển khai thực hiện và kiểm soát tốt.

- Chính quyền thành phố cũng đang thiếu cơ chế, chính sách hỗ trợ đủ mạnh để có thể thu hút các doanh nghiệp lớn, các thành phần kinh tế tham gia phát triển các loại hình kinh doanh du lịch theo hướng bền vững. Sự phát triển của một số dự án du lịch lớn chưa đảm bảo gắn kết với các điểm đến du lịch hiện có nên chưa đảm bảo phát triển bền vững du lịch trên toàn thành phố.

Các bên liên quan ở địa phương đều nhận định các chính sách còn hạn chế và việc triển khai thực hiện các chính sách còn chậm và không đồng bộ. Một số người kinh doanh du lịch và công dân ở các điểm du lịch cho rằng: (1) các chính sách này không đủ hiệu quả và cần có thêm các kế hoạch hành động; (2) các chính sách chưa được áp dụng nghiêm ngặt; (3) cần bổ sung các chính sách mới và (4) các chính sách chưa được công bố rộng rãi.

- Công tác quy hoạch đất đai dành cho phát triển du lịch thành phố còn những hạn chế. Các bên liên quan tại các khu du lịch của thành phố đều đánh giá rằng phát triển du lịch thường đồng nghĩa với việc chuyển đổi các khu vực tự nhiên rộng lớn để xây dựng các khu nghỉ dưỡng và khách sạn. Tuy nhiên, việc quy hoạch đảm bảo cho sự phát triển du lịch bền vững hiện tại chưa được thực hiện tốt để giúp giải quyết vấn đề này. Vì vậy, mặc dù thành phố đang phát triển các dự án du lịch bền vững hơn, nhưng nhiều khu vực tự nhiên không thể được bảo tồn hoàn toàn.

- Nguồn lực tài chính cho các chương trình bảo vệ môi trường và bảo tồn văn hóa còn hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế đang chịu nhiều áp lực từ các yếu tố bên ngoài.

- Hạ tầng du lịch tại một số khu vực, đặc biệt là các điểm đến mới phát triển, vẫn chưa đồng bộ và chưa đáp ứng được yêu cầu của du khách. Điều này ảnh hưởng đến trải nghiệm của du khách và làm giảm sức cạnh tranh của Hải Phòng so với các địa phương khác.

- Cuối cùng, việc phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, các tổ chức phi chính phủ và cộng đồng cư dân địa phương trong việc thực hiện chính sách còn chưa chặt chẽ, dẫn đến tình trạng chòng chẹo hoặc không đồng bộ trong quá trình triển khai các quy hoạch, kế hoạch, các chính sách quản lý và hỗ trợ phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Tiểu kết chương 3

Trong chương này, NCS đã phân tích thực trạng du lịch Hải Phòng từ tiềm năng phát triển du lịch theo cách tiếp cận tài nguyên du lịch thiên nhiên, văn hóa xã hội vốn có của địa phương và kết quả hoạt động kinh doanh du lịch trong những năm qua của thành phố Hải Phòng. Từ khung lý thuyết đã xây dựng, luận án đã đo lường hệ thống các chỉ tiêu đánh giá sự phát triển bền vững du lịch thành phố Hải Phòng trong thời gian qua với các thành tựu đạt được, những hạn chế cố hữu, qua đó đã khái quát được thực trạng phát triển du lịch Hải Phòng còn nhiều tiêu chí chưa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, chỉ ra được mức độ phát triển một số mặt chưa đáp ứng yêu cầu bền vững. Với các dữ liệu thu thập được từ phỏng vấn định tính các nhóm bên liên quan đến phát triển du lịch trên địa bàn các điểm đến du lịch của địa phương, luận án đã rút ra được nhận xét, kết luận về tác động của các nhân tố thuộc các bên liên quan tới mức độ phát triển bền vững của du lịch Hải Phòng. Từ đó, phát hiện được các hạn chế và nguyên nhân từ các bên liên quan trong phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố. Luận án cũng tập trung đánh giá quan điểm ý kiến của các bên liên quan đối với chính sách quản lý ngành du lịch, các chính sách hỗ trợ, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng trong những năm qua. Trong đó tập trung vào những hạn chế của các chính sách, quy hoạch, kế hoạch. Đây là cơ sở quan trọng để đề xuất định hướng chiến lược và các giải pháp phát triển bền vững du lịch Hải Phòng trong thời gian tới.

CHƯƠNG 4

ĐỀ XUẤT QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Trên cơ sở phân tích và làm rõ thực trạng phát triển du lịch của thành phố Hải Phòng, dự báo các xu hướng phát triển và các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển du lịch trên địa bàn trong thời gian tới, luận án đề xuất hệ thống các quan điểm, định hướng chiến lược và các nhóm giải pháp nhằm phát triển du lịch Hải Phòng theo hướng bền vững. Trong đó, các giải pháp chủ yếu đảm bảo tính bền vững trong phát triển du lịch từ góc độ kinh tế, văn hóa, xã hội và tài nguyên, môi trường, đồng thời phân chia rõ ràng giải pháp cần triển khai thực hiện cho từng nhóm bên liên quan, các chủ thể và tác nhân tham gia vào sự phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

4.1. Dự báo xu hướng phát triển của du lịch trong thời gian tới

* Bối cảnh phát triển du lịch trên thế giới

Ngành du lịch đã nhanh chóng phục hồi sau đại dịch, nhu cầu đi du lịch đã tăng trưởng nhanh chóng. Tuy nhiên, nhiều khu vực trên thế giới lại xuất hiện những bất ổn như chiến tranh, thiên tai cũng gây nên những khó khăn trở ngại cho ngành du lịch. Ngành du lịch quốc tế đứng trước bối cảnh đan xen giữa cơ hội tăng quy mô nhu cầu và thách thức do tác động của các yếu tố địa chính trị và biến đổi khí hậu. Xu hướng người dân đi du lịch vẫn tăng nhưng đã và đang xuất hiện những thay đổi trong hành vi du lịch của người tiêu dùng. Khách du lịch có những sự thay đổi trong cách du lịch, quan tâm nhiều đến các loại hình du lịch bền vững, du lịch gần nhà, và trải nghiệm tự nhiên.

Các thị trường mới nổi như châu Á, châu Phi và châu Mỹ Latinh đang trở thành điểm đến phổ biến cho du khách quốc tế, tạo ra cơ hội mới cho sự phát triển của ngành du lịch. Trong đó, khu vực Châu Á và Đông Nam Á nổi lên trở thành các khu vực hấp dẫn du khách quốc tế, mang lại cơ hội cho các doanh nghiệp và địa phương có tiềm năng phát triển du lịch trong khu vực như Hải Phòng. Các quốc gia đều đang tăng cường quản lý du lịch để đảm bảo phát triển bền vững và bảo vệ môi trường, cũng như giảm thiểu tác động tiêu cực đến cộng đồng địa phương. Sự hợp tác giữa các quốc gia và giữa các doanh nghiệp ở nhiều quốc gia trong phát triển du lịch trở thành những xu hướng phát triển mới trong lĩnh vực kinh doanh du lịch. Công nghệ số đang ngày càng trở nên quan trọng trong việc tạo ra trải nghiệm du lịch, từ việc đặt phòng khách sạn trực tuyến đến việc sử dụng công nghệ thực tế ảo để trải nghiệm điểm đến cho du khách trước khi thực sự đến đó. Nhìn chung, các địa điểm du lịch với tài nguyên du lịch tự nhiên và lịch sử

phong phú đa dạng vẫn có nhiều tiềm năng thu hút khách du lịch quốc tế, đặc biệt là nhóm du khách đến từ các nước phát triển có mức chi tiêu cao. Việt Nam là điểm đến tiềm năng hấp dẫn đối với nhiều du khách quốc tế, vì vậy, nếu Việt Nam có những chính sách thu hút khách du lịch và có những sản phẩm du lịch hấp dẫn sẽ có cơ hội phát triển mạnh mẽ ngành du lịch.

*** Bối cảnh phát triển du lịch trong nước, vùng đồng bằng Sông Hồng và thành phố Hải Phòng**

Ngành du lịch trong nước đã và đang có sự phục hồi mạnh mẽ và phát triển với tốc độ cao từ năm 2023. Số lượng khách du lịch nội địa đã và đang ngày càng tăng. Việt Nam được đánh giá là quốc gia có nhiều tài nguyên du lịch cả tự nhiên và văn hóa lịch sử phong phú và đa dạng, nên có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển bền vững ngành du lịch. Với các điều kiện vĩ mô thuận lợi như kinh tế phát triển với tốc độ cao, chính trị ổn định, an ninh trật tự đảm bảo, sẽ đảm bảo điều kiện cho phát triển bền vững ngành du lịch. Đồng thời Việt Nam cũng đã và đang hoàn thiện hệ thống luật pháp, cùng với các chính sách quản lý du lịch ngày càng thông thoáng sẽ thu hút được ngày càng nhiều vốn đầu tư vào phát triển du lịch. Năng lực cạnh tranh quốc gia của ngành du lịch Việt Nam đã tăng liên tục trong các năm qua, chỉ số năng lực phát triển du lịch xếp hạng 57/117 quốc gia. Trong bối cảnh chung của quốc gia, Hải Phòng với vị trí giao thông thuận lợi và hệ thống tài nguyên du lịch phong phú riêng có hoàn toàn có điều kiện để phát triển ngành du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn. Tuy nhiên, cũng có những yếu tố khó khăn cản trở phát triển ngành du lịch trong bối cảnh Việt Nam như ngành kinh doanh du lịch phần đông là doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, sức cạnh tranh còn yếu; nhiều điểm đến du lịch trong thời gian dài vừa qua còn phát triển mang tính tự phát manh mún; khả năng chi tiêu của du khách nội địa nhìn chung còn thấp. Đứng trước bối cảnh mới đan xen cơ hội và thách thức, nhận rõ được tiềm năng thế mạnh và các yếu tố điểm hạn chế cần khắc phục sẽ giúp cho Hải Phòng có thể lựa chọn được các mục tiêu và định hướng chiến lược phát triển bền vững du lịch trên địa bàn.

Thành phố Hải Phòng, với vị trí địa lý chiến lược và đa dạng tài nguyên du lịch, đang ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong bản đồ du lịch của Việt Nam. Sự phát triển du lịch bền vững tại Hải Phòng không chỉ là mục tiêu ngắn hạn mà còn là chiến lược dài hạn nhằm đảm bảo cân bằng giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Hải Phòng nằm trong khu vực du lịch trọng điểm đồng bằng Sông Hồng và là một trong ba địa phương của tam giác du lịch Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh càng có tiềm năng và động lực phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng và bền vững.

*** Các xu hướng phát triển du lịch trong bối cảnh mới**

Nhu cầu đi du lịch của con người có nhiều thay đổi dưới tác động của các yếu tố văn hóa, xã hội và công nghệ. Khách du lịch ngày càng ưu tiên các chuyến du lịch ngắn ngày với các sản phẩm du lịch thân thiện với môi trường và mang lại lợi ích về sức khỏe. Cơ cấu chi tiêu của khách du lịch cũng thường xuyên thay đổi đòi hỏi người kinh doanh du lịch phải thường xuyên nghiên cứu để đáp ứng được những thay đổi đó. Nhu cầu các sản phẩm du lịch ngày càng đa dạng với các sản phẩm mới như du lịch trải nghiệm, du lịch mạo hiểm, du lịch sinh thái,...

Thị trường khách du lịch ngày càng phân mảnh với nhiều nhóm khách du lịch có nhu cầu và khả năng chi tiêu khác nhau. Đòi hỏi về chất lượng dịch vụ du lịch của các du khách ngày càng cao, để làm hài lòng các khách hàng ngày càng khó, đòi hỏi các doanh nghiệp kinh doanh du lịch phải không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ. Điều này đặt ra cho Hải Phòng phải nghiên cứu lựa chọn cẩn thận nhóm khách hàng mục tiêu mà du lịch Hải Phòng hướng tới để nâng cao hiệu quả kinh doanh và phát triển bền vững.

Do nhu cầu của du khách ngày càng cao, đòi hỏi các doanh nghiệp phải năng động thường xuyên phát triển các sản phẩm du lịch mới, độc đáo hơn mang lại cho khách hàng nhiều giá trị mong muốn hơn. Các xu hướng như du lịch gắn với công nghệ, du lịch thông minh ngày càng phát triển bên cạnh sự phát triển của du lịch thể thao, du lịch golf,...

4.2. Các quan điểm và định hướng chiến lược cho phát triển bền vững du lịch Hải Phòng

Dựa trên các phân tích thực trạng và dự báo các xu hướng phát triển trong những năm tới của môi trường kinh doanh và hành vi khách du lịch, tiềm năng lợi thế, nguồn lực của địa phương dành cho phát triển du lịch, NCS đã tập hợp đánh giá những điểm mạnh và điểm yếu, cơ hội và nguy cơ của ngành du lịch Hải Phòng trong thời gian tới.

Cơ hội:

- Thị trường khách du lịch quốc tế phát triển mạnh, có nhiều nhóm khách tiềm năng cho du lịch Việt Nam;
- Nhu cầu của khách du lịch thay đổi theo hướng muốn trải nghiệm thiên nhiên và văn hóa lịch sử mới
- Đông Nam Á đã và đang trở thành điểm du lịch hấp dẫn với du khách từ các quốc gia phát triển và Trung Quốc.

Nguy cơ:

- Cạnh tranh thu hút khách du lịch ngày càng cao cả trong nước, khu vực và quốc tế;
- Nhu cầu du lịch có nhiều biến động do các yếu tố thiên tai, chiến tranh,...
- Ảnh hưởng của tính mùa vụ du lịch mạnh do thời tiết khí hậu;
- Yêu cầu phát triển du lịch phải đảm bảo tính bền vững cho môi trường tự nhiên và văn hóa xã hội.
- Tính chất đa ngành của du lịch dẫn đến phát triển ngành du lịch phụ thuộc nhiều vào sự phát triển của nhiều ngành và lĩnh vực khác.

Điểm mạnh:

- Tài nguyên thiên nhiên và văn hóa lịch sử phục vụ du lịch phong phú, độc đáo riêng có;
- Có vị trí thuận lợi để hợp tác liên kết phát triển du lịch với các địa phương ở khu vực;
- Hai điểm đến du lịch là Cát Bà và Đồ Sơn đã có thương hiệu trên thế giới và trong nước;
- Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch đã phát triển ở mức độ khá trong những năm gần đây.

Điểm yếu:

- Đa số các doanh nghiệp kinh doanh du lịch có quy mô vừa và nhỏ, năng lực quản trị và sức cạnh tranh yếu;
- Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ khách du lịch còn ở mức độ khiêm tốn: số cơ sở lưu trú 4 sao, 5 sao còn ít, các cơ sở ăn uống còn thấp cấp, cơ sở vui chơi giải trí còn nghèo nàn;
- Sản phẩm du lịch còn đơn điệu và chậm thay đổi, thiếu các sản phẩm chủ lực; hoạt động marketing, quảng bá xúc tiến cho du lịch Hải Phòng còn chưa thật hiệu quả;
- Đội ngũ nhân lực ngành du lịch còn thiếu và yếu cả về số lượng và chất lượng;
- Công tác quy hoạch và ban hành thực thi các chính sách hỗ trợ du lịch mặc dù đã quan tâm triển khai nhưng còn chậm và chưa thật hiệu quả.

4.2.1. Các quan điểm phát triển bền vững du lịch Hải Phòng

Quan điểm 1. Xây dựng và thực thi hệ thống chính sách quản lý đồng bộ và hiệu quả các hoạt động của ngành du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Hình thành và

phát triển một ngành du lịch năng động và hiệu quả ở Hải Phòng bằng cách xây dựng và thực hiện các quy hoạch và hệ thống chính sách rõ ràng, toàn diện, đưa ra định hướng, có sự phối hợp chặt chẽ của các bên liên quan và nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tính bền vững trong hoạt động của toàn ngành du lịch.

Quan điểm 2. Thúc đẩy các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn phát triển bền vững, phát triển và duy trì lợi thế cạnh tranh và phát triển thị trường khách du lịch. Nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú, lữ hành, kinh doanh dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí và dịch vụ mua sắm. Phát triển các sản phẩm/dịch vụ du lịch đặc sắc mang lợi thế khác biệt về thiên nhiên và văn hóa của Hải Phòng, đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở xây dựng các sản phẩm du lịch chủ lực, dẫn dắt. Đảm bảo tăng trưởng bền vững và bao trùm cũng như sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư, nhà kinh doanh và du khách quốc tế đến với Hải Phòng.

Quan điểm 3. Phát triển ngành du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Tối đa hóa sự đóng góp của ngành du lịch Hải Phòng vào phát triển kinh tế xã hội trên diện rộng và góp phần vào xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống của cư dân địa phương thông qua lập kế hoạch, phát triển và vận hành toàn diện các hoạt động kinh doanh du lịch.

Quan điểm 4. Xây dựng nhận thức và hiểu biết về du lịch bền vững và phát triển các mô hình kinh doanh du lịch bền vững. Nâng cao nhận thức trong cộng đồng dân cư Hải Phòng về tiềm năng của du lịch trong việc đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội bền vững có thể mang lại trải nghiệm tích cực cho cả du khách và cư dân địa phương. Tạo cơ hội và động lực phát triển các loại hình du lịch cộng đồng có sự tham gia của cư dân địa phương.

Quan điểm 5. Phát triển lực lượng lao động du lịch có tay nghề cao và thái độ làm việc tốt. Đào tạo và sử dụng hiệu quả đội ngũ nhân lực có năng lực quản trị, kiến thức và kỹ năng kinh doanh, tạo lập một cộng đồng gắn kết góp phần tăng sự hài lòng của khách du lịch và mang lại lợi ích cho người dân địa phương.

Quan điểm 6. Bảo vệ và phát huy một cách hợp lý các di sản văn hóa và thiên nhiên. Đảm bảo rằng tất cả các bên liên quan đến phát triển du lịch đóng vai trò tích cực trong việc quản lý bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa lịch sử của Hải Phòng.

Quan điểm 7. Hoàn thiện các chính sách, quy hoạch và kế hoạch phát triển du lịch Hải Phòng bền vững tới năm 2030 và tầm nhìn đến 2050. Có các cơ chế, chính sách hiệu quả để hỗ trợ phát triển du lịch, trong đó tập trung vào 4 nhóm cơ chế, chính sách:

- (i) Thu hút đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch;
- (ii) Khuyến khích, ưu đãi thu hút phát triển sản phẩm du lịch khác biệt, độc đáo;
- (iii) Hỗ trợ, nghiên cứu phát triển thị trường, tăng cường xúc tiến, quảng bá, hợp tác về du lịch;
- (iv) Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ du lịch.

Quan điểm 8. Kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về du lịch theo hướng đồng bộ, chuyên nghiệp, hiệu lực và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý liên ngành, liên vùng của hoạt động du lịch; tham mưu đặc lực cho Thành ủy, UBND về ban hành chính sách cơ chế phát triển bền vững du lịch.

Trong quan điểm 3, phát triển du lịch được đề cập đến như ngành kinh tế mũi nhọn để phát triển kinh tế xã hội của thành phố. Trụ cột này tập trung vào phát triển kinh tế - xã hội thông qua phát triển du lịch cũng như xóa đói giảm nghèo, những yếu tố quan trọng của phát triển du lịch bền vững. Quan điểm 4 tập trung vào việc xây dựng nhận thức và hiểu biết về du lịch bền vững trong toàn cộng đồng dân cư Hải Phòng về tiềm năng của du lịch trong việc đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội bền vững nhằm tạo ra trải nghiệm tích cực không chỉ cho du khách mà còn cho cư dân địa phương. Bên cạnh đó, nó có thể giúp giải quyết mâu thuẫn “giữa những người được hưởng lợi từ du lịch và những người không được hưởng lợi”. Ví dụ trong phát triển du lịch nông thôn, thì một số nông dân được hưởng lợi từ du lịch trong khi những người khác thì không. Trong Quan điểm 6, môi trường tự nhiên và khía cạnh văn hóa xã hội được các bên liên quan bảo vệ và phát huy hiệu quả khai thác các di sản văn hóa và thiên nhiên. Trong quan điểm 8, Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về du lịch; củng cố tổ chức bộ máy quản lý từ cấp thành phố tới quận, huyện, đồng thời rà soát, đánh giá, sắp xếp, tuyển chọn, bố trí, đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững du lịch Hải Phòng.

4.2.2. Các mục tiêu và định hướng chiến lược phát triển bền vững du lịch Hải Phòng

Thành phố Hải Phòng, với vị trí địa lý chiến lược và tiềm năng kinh tế vượt trội, đã và đang trở thành một trong những động lực phát triển quan trọng của khu vực Bắc Bộ cũng như của cả nước. Trong thời gian tới, Hải Phòng dự kiến sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghiệp, cảng biển, du lịch và dịch vụ. Trong giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2045, Thành phố Hải Phòng dự báo tiếp tục có những bước phát triển mạnh mẽ về mọi mặt kinh tế, xã hội. Các quy hoạch, đề án, chương trình phát triển kinh tế, xã hội của thành phố, của Vùng trọng điểm kinh tế Bắc Bộ, vùng Duyên hải Đông Bắc đã và đang được triển khai có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động phát triển kinh tế, văn hóa, thể thao xã hội và du lịch của thành phố.

Du lịch là một trong những lĩnh vực có tiềm năng phát triển lớn tại Hải Phòng. Với sự phong phú về tài nguyên thiên nhiên, văn hóa và lịch sử, Hải Phòng có thể phát triển mạnh mẽ du lịch biển, du lịch văn hóa và du lịch sinh thái. Trong tương lai, thành phố dự kiến sẽ đầu tư nâng cấp các điểm du lịch hiện có, xây dựng các khu nghỉ dưỡng cao cấp và phát triển các tour du lịch kết nối với các điểm đến trong khu vực.

Kế hoạch phát triển du lịch Việt Nam đã cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, định hướng phát triển du lịch của thành phố Hải Phòng hoàn toàn phù hợp. Du lịch Hải Phòng được đặt trong mối liên kết vùng và khu vực; huy động nguồn lực đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố. Bên cạnh đó, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong nhận thức và hành động của các cấp, ngành, địa phương, doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn thành phố, quyết tâm xây dựng du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển bền vững và từng bước đưa Hải Phòng trở thành một trong những vùng trọng điểm du lịch quốc gia, quốc tế. Kế hoạch này đưa ra mục tiêu đến năm 2025, phấn đấu xây dựng phát triển khu du lịch Cát Bà, Đồ Sơn, Vũ Yên trở thành trung tâm du lịch quốc tế, Hải Phòng trở thành trung tâm du lịch lớn của cả nước, đón và phục vụ 20 triệu lượt khách du lịch, trong đó có 2,7 – 2,8 triệu lượt khách quốc tế. Đến năm 2030, phấn đấu đón và phục vụ 35 triệu lượt khách du lịch, trong đó có 5,8 triệu lượt khách quốc tế, tạo 23-25 nghìn việc làm trực tiếp trong lĩnh vực du lịch, doanh thu trên 30 ngàn tỷ đồng, đóng góp khoảng 3,32% GRDP của thành phố Hải Phòng.

Xây dựng, phát triển khu du lịch Cát Bà, Đồ Sơn trở thành trung tâm du lịch biển có cơ sở vật chất hiện đại, sản phẩm du lịch phong phú, đa dạng, khác biệt, có chất lượng cao, có thương hiệu và uy tín, đáp ứng nhu cầu của khách du lịch trong nước và quốc tế. Thúc đẩy triển khai các công trình, dự án hạ tầng trọng điểm phát triển du lịch tại Cát Bà, Đồ Sơn, Vũ Yên, đồng thời nghiên cứu, có phương án phù hợp để từng bước xây dựng, khai thác, phát triển du lịch tại đảo Bạch Long Vỹ.

Thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển mạnh các loại hình du lịch biển, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch giải trí, nghỉ dưỡng cao cấp, du lịch văn hóa, du lịch tâm linh. Tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh các dự án vui chơi giải trí, khu nghỉ dưỡng đạt tiêu chuẩn quốc tế. Chủ trọng phát triển hệ thống cơ sở lưu trú, nhất là khách sạn 5 sao, các khu vui chơi, giải trí. Phối hợp với các cơ quan liên quan đề nghị UNESCO công nhận Hạ Long - Cát Bà là Di sản thiên nhiên thế giới. Quy hoạch, đầu tư mở rộng hoặc nâng cấp, bảo tồn hoàn thiện các di tích lịch sử: Di tích bãi cọc Đàng Giang, Di tích Trạng Trình - Nguyễn Bình Khiêm, khu di tích nhà Mạc..., tiếp tục đầu tư mới, bảo tồn, bổ sung, hoàn thiện các di tích lịch sử, di tích cách mạng như bến tàu không số K15,... hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng của Hải Phòng.

4.3. Các nhóm giải pháp đảm bảo phát triển bền vững du lịch theo 3 trụ cột của phát triển bền vững

4.3.1. Các giải pháp phát triển bền vững du lịch về kinh tế

Đây là hệ thống những giải pháp nhằm góp phần đảm bảo tăng trưởng bền vững về kinh tế trong hoạt động phát triển du lịch. Song hành cùng xây dựng, đổi mới cơ chế chính sách là việc điều chỉnh thay đổi các hoạt động tổ chức, quản lý.

Phát triển Hải Phòng trở thành trung tâm du lịch tầm cỡ quốc tế. Trọng tâm là đẩy nhanh tiến độ các dự án lớn về phát triển hạ tầng du lịch đã và đang được triển khai trên địa bàn Đồ Sơn, Cát Hải - Cát Bà, đảo Vũ Yên. Tiếp tục thu hút các nhà đầu tư lớn để triển khai các dự án du lịch, trung tâm thương mại, khách sạn 5 sao, khu nghỉ dưỡng cao cấp theo quy hoạch đã được phê duyệt.

4.3.1.1. Cải thiện, xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch bền vững theo hướng hiệu quả, phù hợp với nhu cầu khách du lịch

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra phần lớn các sản phẩm du lịch ở Hải Phòng thời gian qua còn thiếu “hàm lượng chất xám, công nghệ”, chủ yếu được xây dựng dựa trên những tài nguyên sẵn có, dễ khai thác, thiếu sự đầu tư. Quan điểm xây dựng phát triển các sản phẩm du lịch chưa xuất phát từ góc độ của khách du lịch (góc độ “cầu”), còn mang nhiều ý chủ quan, áp đặt của “cung” xuất phát từ tư tưởng bao cấp vốn tồn tại một thời gian dài trong các hoạt động kinh tế ở Việt Nam. Chính vì vậy nhiều sản phẩm du lịch không phải là những loại sản phẩm mà khách du lịch, đặc biệt khách từ những thị trường trọng điểm có khả năng chi trả cao, quan tâm. Vì vậy, giải pháp để phát triển du lịch bền vững là hình thành các sản phẩm du lịch chủ lực đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của khách du lịch và có sức cạnh tranh cao. Hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng của Hải Phòng gắn với biển đảo, các di tích lịch sử, văn hóa, du lịch - thương mại là một trong 3 trụ cột chủ yếu để đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, phấn đấu đến năm 2030, du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố. Quy hoạch khu vui chơi giải trí ban đêm, phố đi bộ, bến du thuyền để phát triển kinh tế đêm, thu hút khách lưu trú và chi tiêu cho các hoạt động du lịch dịch vụ sau 18h00 đêm đến 2h00 sáng.

4.3.1.2. Tăng cường liên kết và các hoạt động quảng bá xúc tiến du lịch bền vững theo hướng chuyên nghiệp

Ngành Du lịch thế giới đang chứng kiến sự phát triển của nhiều xu hướng du lịch khách như: tour tự thiết kế, tour cao cấp, du lịch mạo hiểm, du lịch trải nghiệm, du lịch giải trí với các thiết bị hiện đại. Xu hướng tiêu dùng du lịch cũng có thay đổi mới mẻ từ chi trả tiền mặt sang thanh toán thẻ, sử dụng các ứng dụng thanh toán trên điện thoại

thông minh. Sự phát triển của công nghệ thông tin đang làm thay đổi hoàn toàn phương thức tiếp cận, chia sẻ thông tin của khách du lịch. Đặc biệt, sự bùng nổ của mạng xã hội và các ứng dụng trên điện thoại di động tác động rất lớn đến việc lựa chọn điểm đến, nơi lưu trú, địa điểm ăn uống của du khách, hoạt động đầu tư kinh doanh du lịch. Đồng thời đặt ra những yêu cầu mới trong công tác quản lý hoạt động du lịch phù hợp với xu thế mới. Từ đó Luận án đề xuất giải pháp phát triển du lịch Hải Phòng bắt kịp với sự thay đổi của du lịch thế giới qua tăng cường các mối liên kết và hoạt động quảng bá xúc tiến theo hướng chuyên nghiệp. Đẩy mạnh việc tổ chức các chương trình, sự kiện truyền thông đa nền tảng với poster, banner, phủ rộng trên quy mô lớn. Tăng ngân sách hàng năm cho hoạt động hợp tác, quảng bá xúc tiến du lịch Hải Phòng. Đến năm 2025, đảm bảo kinh phí tương đương 1% doanh thu từ hoạt động du lịch, dịch vụ cho công tác hợp tác, quảng bá xúc tiến du lịch.

4.3.1.3. Đẩy mạnh phát triển cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ phát triển du lịch

Một trong số những yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định đến quyết định lựa chọn điểm đến du lịch là cơ sở vật chất. Vì vậy, Hải Phòng vẫn cần chú trọng đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng giao thông, điện, nước, môi trường, bưu chính viễn thông, hạ tầng các ngành, lĩnh vực liên quan trực tiếp đến phát triển du lịch như ngân hàng, tài chính, tin dụng, y tế. Trong số hạ tầng nói trên, các công trình kết cấu hạ tầng then chốt như giao thông, điện, cấp thoát nước và xử lý môi trường có ý nghĩa nền tảng cho sự phát triển của du lịch nói riêng cũng như của tất cả các ngành khác tại địa phương nói chung. Và dù có ý nghĩa tổng thể và hiệu quả kinh tế - xã hội lâu dài cao nhưng hiệu quả kinh tế trước mắt không hấp dẫn các nhà đầu tư tư nhân bỏ vốn, do đó việc đầu tư thay đổi cơ sở hạ tầng đòi hỏi phải có sự đầu tư tập trung từ nguồn ngân sách nhà nước là chủ yếu. Do đó, để huy động được các nguồn đầu tư tập trung cho xây dựng kết cấu hạ tầng, cần thực hiện các giải pháp tăng tích lũy từ nguồn thu của thành phố, duy trì, nâng cao tốc độ tăng trưởng và có các biện pháp tăng cường nguồn thu, khuyến khích tiết kiệm chi thường xuyên, ưu tiên chi cho đầu tư phát triển; đẩy mạnh áp dụng hình thức đấu giá quyền sử dụng đất kinh doanh có thời hạn ở các vị trí đất có lợi thế thương mại lớn thay cho hình thức cho thuê đất theo giá quy định, đấu giá quyền thăm dò, khai thác khoáng sản thay cho việc giao khai thác có thu thuế để tăng cường nguồn thu cho phát triển.

4.3.2. Các giải pháp đảm bảo sự phát triển bền vững du lịch dưới góc độ văn hóa – xã hội

Để đạt được mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tăng sức hấp dẫn của sản phẩm du lịch đối với du khách, đồng thời tạo bản sắc riêng của sản phẩm du lịch Hải Phòng, các sản phẩm du lịch văn hóa cần được chú trọng, đặc biệt là du lịch tour du lịch

làng quê và du lịch mua sắm. Các sản phẩm du lịch này không những đáp ứng được nhu cầu của khách mà còn là những sản phẩm đóng góp những tỷ trọng đóng góp của cộng đồng rất cao. Phát triển được các loại hình sản phẩm du lịch này không những tạo công ăn việc làm cho cộng đồng dân cư địa phương mà còn kích thích xuất khẩu tại chỗ, tạo sự hấp dẫn và tin cậy đối với du khách đồng thời duy trì các nghề thủ công truyền thống. Do đó, cần chọn lọc các phương thức khai thác những giá trị văn hóa độc đáo vào phát triển du lịch bền vững.

Hải Phòng phải đảm bảo các nguyên tắc thiết lập sự cân bằng phù hợp giữa các khía cạnh môi trường, đa dạng sinh học, kinh tế và văn hóa xã hội. Bảo tồn, phát huy giá trị các di sản lịch sử, bản sắc văn hóa vùng miền nhất là truyền thống và những bản sắc đặc biệt của cộng đồng dân cư địa phương tại các điểm du lịch như: văn hóa ẩm thực, văn hóa tâm linh, lễ hội, sinh hoạt văn hóa. Giảm thiểu mức sử dụng nhiên liệu hóa thạch trong hoạt động vận tải và dịch vụ du lịch, xây dựng, giữ gìn một môi trường trong lành, giảm thiểu ô nhiễm không khí, nước, đất và rác thải từ du khách và các hãng du lịch, bảo tồn khu vực tự nhiên, môi trường sống, sinh vật hoang dã và giảm thiểu thiệt hại đối với các yếu tố này. Quá trình phát triển này cần được bắt đầu từ những việc nhỏ để đạt được mục tiêu lớn, giảm thiểu tác động lên môi trường như xóa bỏ rác thải nhựa dùng một lần từ những chai nước nhựa hay chai sữa tắm, đồ vệ sinh cá nhân bằng nhựa.... Giảm dần tiến tới loại bỏ hoàn toàn xe du lịch sử dụng nhiên liệu hóa thạch, chuyển sang sử dụng xe điện và xe đạp ở các khu du lịch trọng điểm, trước hết là ở Cát Bà. Bảo vệ môi trường, phát triển du lịch bền vững phải được các cơ quan quản lý các cấp coi trọng, phải trở thành yêu cầu bắt buộc trong quy hoạch các đề án, chiến lược phát triển du lịch của Thành phố, các quận, huyện và các khu, điểm du lịch.

- Đối với các tài nguyên du lịch nhân văn, cần nghiên cứu, xác định được giới hạn áp lực của hoạt động du lịch lên tài nguyên để có biện pháp duy trì áp lực và cường độ sử dụng trong giới hạn an toàn cho tài nguyên. Thực hiện các biện pháp cụ thể như xây dựng quy chế quản lý khách du lịch, nội quy lễ hội, các bộ quy tắc ứng xử..., tuyên truyền để du khách tôn trọng và có thái độ ứng xử văn hoá với các tài nguyên du lịch nhân văn (tôn trọng di sản, tôn trọng truyền thống văn hoá, chuẩn mực văn hoá, đạo đức của cộng đồng địa phương nơi có hoạt động du lịch); đồng thời nâng cao nhận thức, ý thức giữ gìn các giá trị văn hoá truyền thống, môi trường xã hội truyền thống của cộng đồng khi tham gia hoạt động du lịch.

Nghiên cứu phát triển các biện pháp duy trì và tăng cường chất lượng cuộc sống của người dân địa phương nơi có các tài nguyên du lịch để họ được hưởng lợi từ việc phát triển du lịch. Người dân địa phương sẽ là lực lượng hữu hiệu nhất để bảo vệ tài

nguyên du lịch, tránh khai thác quá mức dẫn đến suy giảm tài nguyên du lịch dưới mọi hình thức.

4.3.3. Các giải pháp đề xuất đảm bảo sự phát triển bền vững du lịch dưới góc độ môi trường

Bảo tồn, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường tự nhiên là nội dung đặc biệt quan trọng đảm bảo phát triển du lịch bền vững. Tài nguyên du lịch có ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lãnh thổ của ngành du lịch, đến sự hình thành, chuyên môn hóa các vùng du lịch. Sự tồn tại và phát triển du lịch tổng thể không thể tách rời sự tồn tại, phát triển tài nguyên du lịch. Sự phát triển của bất kỳ ngành kinh tế nào cũng gắn liền với vấn đề môi trường. Điều này càng đặc biệt có ý nghĩa đối với sự phát triển của ngành kinh tế vốn có nhạy cảm với các vấn đề môi trường như du lịch. Môi trường được xem là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, tính hấp dẫn của các sản phẩm du lịch, trong đó ảnh hưởng đến khả năng thu hút khách, đến sự tồn tại của hoạt động du lịch. Các giải pháp cụ thể được tổng hợp bao gồm:

- Trên cơ sở danh mục tài nguyên du lịch đã được xác định, tiếp tục thường xuyên rà soát, đánh giá, kiểm kê thực trạng, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đầy đủ về tài nguyên du lịch của thành phố (bao gồm cả tài nguyên du lịch tự nhiên và sự cân bằng sinh thái).

- Xây dựng quy hoạch sử dụng, bảo vệ hệ thống tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn thành phố, trong đó cần đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất về quan điểm sử dụng và bảo vệ của các ngành, các địa phương dưới sự quản lý tập trung của Ủy ban nhân dân đối với những tài nguyên thiên nhiên đa tác dụng. Khoanh vùng xác định các tài nguyên tự nhiên có tính đa dạng cao như các khu vực cảnh quan thiên nhiên, đầm, hồ, hệ sinh thái rừng núi, khu vực vịnh và đảo đã được xếp hạng... dễ bị tổn thương, ảnh hưởng do tác động của các hoạt động du lịch và các hoạt động kinh tế khác như nông lâm nghiệp, thủy sản, khai thác khoáng sản, xây dựng. Đồng thời cũng thường xuyên theo dõi biến động của các tài nguyên tự nhiên để có những giải pháp phối hợp kịp thời giữa cơ quan quản lý chuyên ngành về du lịch với các cơ quan, ngành chức năng liên quan và chính quyền địa phương tại điểm đến của thành phố trong việc khắc phục sự cố, tình trạng suy thoái, xuống cấp của tài nguyên du lịch.

- Có chính sách ưu đãi trong việc huy động, thu hút vốn đầu tư vào các hoạt động bảo vệ, duy trì và tái tạo các tài nguyên du lịch tự nhiên. Khuyến khích các dự án đầu tư phát triển du lịch có những cam kết cụ thể về bảo vệ, duy trì, tái tạo và phát triển tài nguyên du lịch. Khuyến khích các doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh du lịch áp dụng công nghệ ít tiêu thụ năng lượng và thân thiện với môi trường trong đầu tư và hoạt động

(như sử dụng các giải pháp thiết kế phù hợp để tránh tiêu tốn năng lượng khi vận hành; sử dụng hệ thống pin mặt trời để cung cấp nước nóng...).

Đầu tư đồng bộ để khai thác một cách có hiệu quả các tài nguyên tự nhiên sẵn có, tạo nên những sản phẩm du lịch độc đáo gắn với bảo vệ môi trường và thay đổi cách làm du lịch chỉ dựa vào thiên nhiên. Khai thác lợi thế của Vịnh Lan Hạ với hàng trăm bãi tắm nhỏ giữa biển khơi, của Vườn Quốc gia Cát Bà với sự đa dạng, độc đáo về sinh học, của khu rừng ngập mặn Đồ Sơn lớn nhất Miền Bắc... sẽ tạo nên những sản phẩm du lịch độc đáo, hấp dẫn du khách trong và ngoài nước. Xây dựng các giải quyết hài hòa lợi ích của Nhà nước, người lao động và doanh nghiệp du lịch để thu hút các nguồn lực xã hội vào đầu tư phát triển các khu, điểm, cụm du lịch hiện có mang tầm cỡ quốc gia, quốc tế tạo sức hút và sự lan tỏa. Thực tế, giải pháp này đã đem đến cho du lịch Hải Phòng một sự thay đổi mạnh mẽ trong những năm gần đây, khi Hải Phòng mới gọi các nhà đầu tư tư nhân lớn như Vingroup, Sun Group, Galeximco, Him Lam,... đầu tư vào hạ tầng cơ sở du lịch. Tuy nhiên sự khai thác các tài nguyên du lịch tự nhiên của các dự án đầu tư này vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

4.4. Nhóm giải pháp cụ thể cho từng bên liên quan đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng

4.4.1. Nhóm giải pháp cho các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch

Các đề xuất giải pháp dành cho cơ quan quản lý nhà nước đều nhằm đảm bảo một môi trường phát triển có tính ổn định, thông thoáng và minh bạch đối với các doanh nghiệp du lịch, cộng đồng cư dân địa phương, khách du lịch nhằm đảm bảo các bên liên quan trên địa bàn cùng đảm bảo phát triển bền vững du lịch.

4.4.1.1. Công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch của thành phố

Lập kế hoạch du lịch và phát triển chiến lược là những thành phần thiết yếu trong các nỗ lực quản lý vĩ mô của thành phố. Chính quyền thành phố Hải Phòng tiếp tục hoàn thiện kế hoạch tổng thể toàn diện cho phát triển bền vững du lịch phù hợp với chiến lược phát triển du lịch quốc gia của Việt Nam.

Kế hoạch tổng thể tập trung vào một số lĩnh vực chính: Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch: Hải Phòng đặt mục tiêu mở rộng các dịch vụ du lịch bằng cách phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái và du lịch biển. Các khu vực như Đảo Cát Bà, nổi tiếng với sự đa dạng sinh học, và khu nghỉ dưỡng bãi biển Đồ Sơn được ưu tiên cho du lịch sinh thái và du lịch bãi biển. Quy hoạch không gian: Thành phố đã phân định các khu du lịch cụ thể, chẳng hạn như quần đảo Cát Bà và bán đảo Đồ Sơn, để thúc đẩy phát

triển tập trung đồng thời giảm thiểu tác động đến môi trường. Các khu vực này được quy hoạch cẩn thận để phát triển các cơ sở du lịch bền vững, chất lượng cao.

- Tổ chức điều tra, thống kê thường xuyên những chỉ tiêu đánh giá về ba trụ cột phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố: kinh tế, môi trường và xã hội. Qua đó, đánh giá mức độ cảnh báo ở mỗi tiêu chí để có định hướng cụ thể cho triển khai thực hiện quy hoạch, chính sách quản lý và hỗ trợ hiệu quả hơn; phân bổ các nguồn lực hợp lý cho phát triển bền vững du lịch, tránh sự đầu tư lãng phí, không đúng đối tượng.

- Đánh giá thường xuyên công tác bảo tồn, tu bổ, tôn tạo các khu danh thắng thông qua các chỉ tiêu về quy mô đầu tư, số lượng và chất lượng các công trình được quy hoạch tu bổ, xây dựng giải pháp cho công tác tôn tạo các danh thắng, các khu di tích lịch sử nhằm bảo tồn các giá trị của nguồn tài nguyên. Từ đó lập kế hoạch duy tu, tôn tạo và khai thác các tài nguyên du lịch đó một cách hợp lý.

- Thành phố cần rà soát lại quy hoạch phát triển du lịch thành phố đã xây dựng, lấy ý kiến góp ý cho quy hoạch từ quan điểm của các bên liên quan tại địa phương, hoàn thiện các quy hoạch phát triển chi tiết cho các điểm đến nổi tiếng đã có là Cát Bà, Đồ Sơn. Quy hoạch các tuyến du lịch đường sông và các tuyến du lịch lịch sử - văn hóa.

- Mở rộng không gian du lịch tại Đồ Sơn, Cát Bà và các địa phương có tiềm năng; kết nối du lịch Vịnh Lan Hạ - Long Châu - Bạch Long Vĩ. Từ đó, phát triển các sản phẩm du lịch cao cấp nhằm thu hút khách du lịch quốc tế và khách nội địa có khả năng chi trả cao: loại hình du lịch mạo hiểm, sinh thái, nghỉ dưỡng,...

- Quy hoạch, phát triển Hải Phòng trở thành điểm đến trung tâm trong mạng lưới điểm đến du lịch của toàn vùng Đồng bằng sông Hồng và vịnh Bắc Bộ.

- Phát triển du lịch theo mùa: Chiến lược của Hải Phòng cũng kết hợp các kế hoạch phát triển các hoạt động du lịch điều hòa nhu cầu giữa mùa cao điểm và mùa thấp điểm, giảm sự tập trung của khách du lịch trong mùa hè để giảm bớt tác động xấu đến môi trường và cơ sở hạ tầng. Rà soát lại quy hoạch khu dự trữ sinh quyển Cát Bà, với trọng tâm là bảo tồn môi trường tự nhiên đồng thời thúc đẩy du lịch có trách nhiệm. Bằng cách cân bằng phát triển với bảo tồn, đảm bảo ài nguyên thiên nhiên có thể khai thác lâu dài cho du lịch bền vững.

- Phát triển bền vững du lịch cần phải đảm bảo quy hoạch sử dụng đất hợp lý trong dài hạn. Ý kiến của người dân địa phương và các doanh nhân du lịch ở địa phương về các vấn đề liên quan đến việc sử dụng đất cho phát triển du lịch tại các điểm đến chưa bền vững. Vì vậy, chính quyền địa phương cần phải lập kế hoạch sử dụng đất cẩn thận, tính đến nhu cầu và mong muốn của các bên liên quan.

4.4.1.2. Hoàn thiện các chính sách khuyến khích và thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp kinh doanh du lịch có quy mô lớn và hoạt động bền vững

* Các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn cần nghiên cứu hoàn thiện các chính sách còn bất cập và nghiên cứu phát triển các chính sách mới nhằm thúc đẩy phát triển du lịch bền vững. Các cơ quan quản lý của thành phố cần rà soát các cơ chế chính sách về tài chính, đầu tư hay chính sách cơ chế giao đất. Trong đó, tập trung việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh đặc biệt tập trung thu hút đầu tư vào du lịch bền vững. Chính quyền thành phố cũng cần xây dựng và thực thi các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh du lịch phát triển các mô hình kinh doanh bền vững.

- Hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp du lịch thông qua các ưu đãi thuế và trợ cấp. Các doanh nghiệp đầu tư vào các hoạt động bền vững, chẳng hạn như chỗ ở thân thiện với môi trường hoặc các nguồn năng lượng tái tạo, sẽ đủ điều kiện được giảm thuế suất. Ngoài ra, thành phố cung cấp các khoản tài trợ cho các doanh nghiệp phát triển các sản phẩm hoặc cơ sở hạ tầng du lịch mới, bền vững.

- Đào tạo và xây dựng năng lực cho các doanh nghiệp du lịch thông qua việc thường xuyên tổ chức các hội thảo và chương trình đào tạo để giúp các đơn vị kinh doanh du lịch áp dụng các hoạt động bền vững. Các chương trình này bao gồm các chủ đề như dịch vụ khách hàng, bảo tồn môi trường và sử dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả và giảm tác động đến môi trường.

- Chính quyền phối hợp với các tổ chức tài chính địa phương để thiết lập các chương trình giúp các doanh nghiệp du lịch dễ dàng tiếp cận các khoản vay và tín dụng hơn. Các khoản vay này đặc biệt nhắm vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) muốn nâng cấp cơ sở vật chất hoặc phát triển các dự án du lịch bền vững mới.

- Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, đầu tư thêm nguồn lực để tiến tới ứng dụng công nghệ, phương pháp thống kê hiện đại, chính xác trong lĩnh vực du lịch nhằm phục vụ tốt cho công tác dự báo thị trường, xây dựng kế hoạch, đầu tư và xúc tiến phát triển du lịch của thành phố.

- Ban hành các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng công nghệ mới giảm tác động đến môi trường bằng cách tích hợp các hoạt động bền vững vào hoạt động kinh doanh của họ.

* Thành phố cần chú trọng đầu tư cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển của du lịch trong giai đoạn mới, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực du lịch có trình độ tay nghề cao; gắn kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, thực hiện đào tạo theo yêu cầu của doanh nghiệp.

Đào tạo nguồn nhân lực du lịch tại địa phương phải phù hợp với chiến lược phát triển du lịch quốc gia và phải gắn liền với chiến lược phát triển du lịch của Hải Phòng.

- Đẩy mạnh hợp tác phát triển nguồn nhân lực với các tập đoàn lớn, đa quốc gia về lĩnh vực du lịch, tiếp thu những kinh nghiệm trong quản lý, điều hành cũng như tính chuyên nghiệp trong phục vụ khách du lịch. Khai thác thế mạnh về nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ du lịch đã được đào tạo từ các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn thành phố.

- Phát triển các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về du lịch, cán bộ quản lý dự án và cán bộ quản trị kinh doanh các doanh nghiệp du lịch và ngành nghề khác phục vụ cho phát triển du lịch.

- Tiếp tục bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức về văn hoá, xã hội, lịch sử của địa phương cho đội ngũ hướng dẫn viên du lịch, đào tạo và phát triển kỹ năng thành thạo nhiều ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh để phục vụ khách quốc tế.

4.4.1.3. Hoàn thiện các chính sách, cơ chế quản lý hoạt động du lịch đảm bảo tính bền vững

- * Chính quyền Hải Phòng cần tiếp tục nghiên cứu để đưa ra một số khuôn khổ pháp lý được thiết kế để điều chỉnh hoạt động của du lịch theo hướng bền vững một cách hiệu quả.

- Hoàn thiện các quy định nghiêm ngặt về bảo vệ môi trường nhằm bảo vệ hệ sinh thái biển đảo độc đáo và tổ chức thực thi nghiêm túc các quy định này. Ví dụ, Vườn quốc gia Cát Bà và vùng nước xung quanh phải tuân theo luật bảo tồn, hạn chế số lượng khách du lịch và hạn chế các hoạt động có hại. Các công ty lữ hành phải tuân thủ các hướng dẫn về quản lý chất thải và các doanh nghiệp vi phạm các quy định này sẽ phải chịu tiền phạt.

- Chính quyền thành phố tiếp tục đảm bảo hệ thống cấp phép cho các doanh nghiệp du lịch thực thi nghiêm túc để đảm bảo rằng chỉ những đơn vị đủ điều kiện và có trách nhiệm mới được cung cấp dịch vụ du lịch. Hệ thống này bao gồm việc tuân thủ các tiêu chuẩn về sức khỏe và an toàn, chất lượng dịch vụ và các yêu cầu về bảo tồn môi trường.

- Rà soát lại các quy định về hành vi và Quy tắc ứng xử của khách du lịch đảm bảo khách du lịch tuân thủ các quy định về phát triển bền vững. Chính quyền địa phương thúc đẩy du lịch có trách nhiệm thông qua các chiến dịch giáo dục và biển báo tại các khu vực du lịch nổi tiếng, thông báo cho du khách về hành vi ứng xử phù hợp để bảo tồn văn hóa địa phương và môi trường tự nhiên.

- Tập trung triển khai thực hiện Luật Du lịch và các văn bản hướng dẫn hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn trong lĩnh vực du lịch phù hợp với xu hướng hội

nhập quốc tế; coi trọng nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý thực hiện quy hoạch du lịch theo hướng bền vững. Ngoài ra, các quy định cụ thể của thành phố cần được điều chỉnh phù hợp với bối cảnh mới.

- Hoàn thiện hệ thống tổ chức, quản lý ngành Du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn. Tập trung kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về du lịch và phân công, phân cấp theo hướng đồng bộ, chuyên nghiệp, hiệu lực và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý liên ngành, liên vùng trong phát triển du lịch. Nâng cao năng lực cho nhân lực tham mưu quản lý hoạt động du lịch ở cấp huyện tại những địa phương có hoạt động du lịch phát triển.

- Tăng cường phối hợp giữa các Sở, ngành và địa phương trong quản lý, hỗ trợ cung cấp thông tin phục vụ phát triển du lịch. Phát huy vai trò và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy và chính quyền địa phương các cấp trong tổ chức triển khai hoạt động du lịch. Quản lý chặt chẽ hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch; không để xảy ra hiện tượng chèo kéo, bắt chẹt, tăng giá dịch vụ, lừa đảo du khách... để tạo môi trường du lịch đồng bộ, an toàn, thân thiện, văn minh.

4.4.1.4. Đầu tư phát triển và hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch bền vững

Phát triển cơ sở hạ tầng là một thành phần quan trọng khác trong quản lý vĩ mô của Hải Phòng. Tăng trưởng du lịch bền vững đòi hỏi phải xây dựng và duy trì cơ sở hạ tầng hỗ trợ cả nhu cầu của khách du lịch và bảo vệ môi trường.

- Cơ sở hạ tầng Giao thông: Cần tiếp tục đầu tư mạnh vào việc cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông để tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch. Bao gồm việc mở rộng Sân bay Quốc tế Cát Bi. Cần nâng cấp mạng lưới đường bộ, nối các điểm nóng du lịch như Đảo Cát Bà và Đồ Sơn với trung tâm đô thị. Phát triển các phương án giao thông xanh, chẳng hạn như xe buýt điện và thuyền, nhằm giảm khí thải.

- Cơ sở du lịch: Chính quyền thành phố nỗ lực để đảm bảo rằng các cơ sở du lịch mới, chẳng hạn như khách sạn, khu nghỉ dưỡng và nhà hàng, được phát triển theo hướng bền vững. Các dự án phát triển mới phải tuân thủ các quy định về môi trường và các doanh nghiệp được khuyến khích sử dụng các công nghệ xây dựng xanh, chẳng hạn như năng lượng mặt trời và thiết kế tiết kiệm năng lượng. Phát triển các dự án cơ sở hạ tầng với mục tiêu giảm thiểu tác động đến môi trường, đặt giới hạn xây dựng ở các khu vực nhạy cảm về mặt sinh thái.

- Có kế hoạch phát triển các dự án cơ sở hạ tầng nhằm cải thiện quản lý chất thải và xử lý nước, đặc biệt là ở những khu vực có hoạt động du lịch cao như Cát Bà. Các cơ sở xử lý chất thải hiện đại đã được xây dựng để xử lý lượng chất thải tăng lên do

khách du lịch tạo ra và các hệ thống cung cấp nước sạch đã được mở rộng để đáp ứng nhu cầu của cả khách du lịch và người dân địa phương. Một dự án cơ sở hạ tầng đáng chú ý là phát triển Khu nghỉ dưỡng xanh đảo Cát Bà, sử dụng năng lượng tái tạo và vật liệu thân thiện với môi trường.

Ưu tiên xem xét cân đối và bố trí từ nguồn ngân sách thành phố để triển khai thực hiện như các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng quan trọng, có nghĩa trong việc phát triển du lịch của thành phố. Đề xuất đối với các dự án du lịch có tiềm năng và có khả năng khai thác thị trường, thành phố nên cho phép giãn thời gian nộp tiền đất từ 5 đến 10 năm để doanh nghiệp tập trung vốn đầu tư xây dựng sản phẩm du lịch bền vững cho thành phố.

4.4.1.5. Xây dựng và thực thi hoạt động tuyên truyền, quảng bá thông tin về các chính sách phát triển du lịch bền vững trên địa bàn

- Đối với hoạt động quảng bá cho hình ảnh điểm đến du lịch Hải Phòng, Sở Du lịch thành phố cần xây dựng chương trình truyền thông thống nhất cung cấp đầy đủ cho du khách những thông tin về cá giá trị độc đáo riêng có về môi trường tự nhiên, xã hội và văn hóa của các điểm đến du lịch như Cát Bà, Đồ Sơn. Xây dựng và thực hiện chương trình quảng cáo thu hút khách du lịch quốc tế tới nghỉ dưỡng tại các điểm đến Hải Phòng vào mùa đông, mùa thấp điểm của du lịch trong nước. Hoạt động truyền thông quảng bá tới khách du lịch quốc tế cần tập trung vào các sản phẩm du lịch đặc sắc mới và tới các khách hàng ở thị trường ngách. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong việc xúc tiến, tuyên truyền, quảng bá du lịch tới khách nước ngoài thông qua hội chợ, triển lãm quốc tế về du lịch.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các chương trình quảng bá du lịch Hải Phòng nhằm thu hút du khách nội địa đến với các hoạt động du lịch văn hóa lịch sử qua các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và Trung ương. Dựa trên xác định các sản phẩm, các loại hình và tuor du lịch cộng đồng và ẩm thực địa phương để truyền thông tới các nhóm khách du lịch mục tiêu đã lựa chọn.

4.4.2. Nhóm giải pháp cho các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn

Các doanh nghiệp du lịch là nhà cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho du khách, là bên liên quan quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển bền vững du lịch. Các doanh nghiệp du lịch tại Hải Phòng cần áp dụng các hoạt động thực hành kinh doanh có trách nhiệm với môi trường và xã hội. Các doanh nghiệp du lịch sinh thái trên đảo Cát Bà thúc đẩy du lịch tác động môi trường thấp bằng cách tuân thủ các nguyên tắc bảo tồn, giáo dục và sự tham gia của cộng đồng. Các doanh nghiệp cần phải hợp tác với các tổ chức phi chính phủ (NGO) và chính quyền địa phương để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đảm bảo doanh thu từ du lịch mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương. Các

khách sạn và khu nghỉ dưỡng cần phải triển khai các chứng nhận xanh và các sáng kiến phát triển bền vững, chẳng hạn như thiết kế tòa nhà tiết kiệm năng lượng, chương trình bảo tồn nước và giảm thiểu chất thải. Doanh nghiệp du lịch cần thực hiện những giải pháp sau để góp phần thúc đẩy hoạt động du lịch phát triển bền vững:

- Tích cực nghiên cứu áp dụng các mô hình kinh doanh, các công nghệ đảm bảo cho hoạt động du lịch phát triển bền vững theo chủ trương của chính quyền địa phương. Thực hiện các hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.

Tiết kiệm năng lượng: Các doanh nghiệp du lịch có thể giảm mức tiêu thụ năng lượng bằng cách đầu tư vào các công nghệ tiết kiệm năng lượng như đèn LED, thiết bị tiết kiệm năng lượng và hệ thống thông minh để sưởi ấm và làm mát. Ngoài ra, sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, chẳng hạn như tấm pin mặt trời hoặc tua bin gió, có thể giúp các doanh nghiệp giảm thiểu lượng khí thải carbon.

- Tăng cường sự đầu tư phát triển hệ thống nhà hàng, khách sạn theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải, bảo vệ môi trường, hạn chế sử dụng và loại bỏ việc sử dụng hoá chất trong hoạt động của cơ sở du lịch. Chuyển dần sang sử dụng những nguyên vật liệu phục vụ trong phát triển hoạt động kinh doanh theo hướng thân thiện môi trường.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến trong việc tiết kiệm nguồn năng lượng, hướng tới sử dụng năng lượng từ gió, mặt trời và các nguồn khác góp phần giảm chi phí đầu vào cho doanh nghiệp. Các doanh nghiệp nên thực hiện các biện pháp tiết kiệm nước như vòi nước và bồn cầu tiết kiệm nước, cũng như hệ thống thu gom nước mưa. Các khách sạn và khu nghỉ dưỡng cần phải xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường để ngăn ngừa ô nhiễm các nguồn nước tự nhiên. Các doanh nghiệp có thể giảm chất thải bằng cách thực hiện các chương trình tái chế, sử dụng các sản phẩm phân hủy sinh học, giảm thiểu đồ nhựa dùng một lần, thay thế chúng bằng các sản phẩm có thể tái sử dụng hoặc thân thiện với môi trường.

- Các doanh nghiệp du lịch nên ưu tiên tìm nguồn cung ứng vật liệu, thực phẩm và sản phẩm tại địa phương để giảm lượng khí thải carbon liên quan đến vận chuyển. Sử dụng thực phẩm và vật liệu có nguồn gốc tại địa phương cũng hỗ trợ nền kinh tế địa phương và thúc đẩy bản sắc văn hóa khu vực. Ngoài ra, các doanh nghiệp có thể đóng góp vào việc bảo tồn đa dạng sinh học bằng cách tránh sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc từ các loài có nguy cơ tuyệt chủng hoặc các nguồn không bền vững.

- Thực hiện công tác quảng bá, tiếp thị “xanh” như quảng cáo các sản phẩm du lịch giảm thiểu thiệt hại cho môi trường, cung cấp thông tin trung thực và giáo dục tuyên truyền cho du khách về những tác động đến tài nguyên do sự có mặt của họ.

Ngoài ra, một số công ty lữ hành và công ty lữ hành cần chuyển trọng tâm từ du lịch đại chúng truyền thống sang các tour du lịch cộng đồng chuyên biệt độc đáo hơn, nhấn mạnh vào du lịch có trách nhiệm với môi trường và bảo tồn văn hóa.

Thúc đẩy du lịch dựa vào cộng đồng (CBT). Du lịch dựa vào cộng đồng (CBT) là một mô hình kinh doanh du lịch bền vững cho phép cộng đồng địa phương tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động du lịch. Các công ty du lịch và lữ hành cần chuyển trọng tâm từ du lịch đại chúng truyền thống sang các tour du lịch cộng đồng chuyên biệt độc đáo hơn, nhấn mạnh vào du lịch có trách nhiệm với môi trường và bảo tồn văn hóa.

- Các doanh nghiệp du lịch có thể hợp tác với cộng đồng địa phương bằng cách tạo cơ hội cho họ cung cấp các dịch vụ như homestay, tour du lịch có hướng dẫn viên địa phương và hội thảo hàng thủ công địa phương. Cách tiếp cận này không chỉ cung cấp cho cộng đồng một nguồn thu nhập bổ sung mà còn cho phép khách du lịch trải nghiệm văn hóa địa phương đích thực. Ở Cát Bà, các làng chài địa phương có thể tham gia cung cấp các trải nghiệm du lịch sinh thái, du khách có thể ở cùng các gia đình địa phương và tham gia vào các hoạt động đánh bắt cá truyền thống.

- Các doanh nghiệp du lịch nên đầu tư vào việc xây dựng năng lực và đào tạo cho cộng đồng địa phương để giúp họ phát triển các kỹ năng cần thiết để tham gia vào các hoạt động du lịch. Cung cấp đào tạo về dịch vụ khách sạn, hướng dẫn viên du lịch và kỹ năng tiếng Anh, về bảo tồn môi trường và các hoạt động du lịch bền vững cũng rất quan trọng để nâng cao nhận thức và đảm bảo rằng cộng đồng địa phương tích cực đóng góp vào việc bảo tồn môi trường tự nhiên của họ.

- Các doanh nghiệp du lịch nên áp dụng các chiến lược tiếp thị có trách nhiệm, nhấn mạnh vào du lịch bền vững và có trách nhiệm. Có chiến lược thu hút khách du lịch có ý thức bảo vệ môi trường. Các tài liệu và chiến dịch tiếp thị nên nêu bật giá trị về môi trường và văn hóa của các điểm du lịch ở Hải Phòng, khuyến khích du khách hành động như người quản lý môi trường. Các doanh nghiệp có thể thúc đẩy các hoạt động thân thiện với môi trường như đi bộ đường dài, chèo thuyền kayak, có tác động thấp đến môi trường.

- Các doanh nghiệp du lịch cần có chiến lược thu hút các nhóm khách du lịch bền vững, có ý thức bảo vệ môi trường, chẳng hạn như khách du lịch mạo hiểm, người yêu thiên nhiên và những người đam mê di sản văn hóa. Những phân khúc này có xu hướng quan tâm nhiều hơn đến tính bền vững và có khả năng chi tiêu nhiều hơn cho các dịch vụ và sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Các doanh nghiệp du lịch cần phải tích cực hợp tác với các bên liên quan khác, bao gồm chính quyền địa phương, các tổ chức phi chính phủ (NGO) và các doanh nghiệp

khác, để thúc đẩy du lịch bền vững tại Hải Phòng. Hợp tác với chính quyền địa phương có thể giúp các doanh nghiệp tiếp cận nguồn tài trợ, ưu đãi và hỗ trợ theo quy định cho các sáng kiến phát triển bền vững. Quan hệ đối tác công tư (PPP) cũng có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển cơ sở hạ tầng du lịch bền vững, chẳng hạn như hệ thống giao thông xanh và các lựa chọn chỗ ở thân thiện với môi trường.

Hợp tác với các tổ chức phi chính phủ để họ có thể cung cấp chuyên môn và nguồn lực có giá trị hỗ trợ các doanh nghiệp trong các nỗ lực phát triển bền vững. Các tổ chức phi chính phủ có thể đưa ra hướng dẫn về các phương pháp giảm tác động đến môi trường tự nhiên hoặc hệ sinh thái.

Các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn Hải Phòng cần hợp tác với các bên liên quan khác trong ngành để hình thành liên minh hoặc mạng lưới thúc đẩy tính bền vững. Các doanh nghiệp trong mạng lưới có thể chia sẻ các phương pháp hay, tập hợp nguồn lực cho các chiến dịch tiếp thị và vận động các chính sách hỗ trợ phát triển du lịch bền vững.

4.4.3. Nhóm giải pháp cho cộng đồng dân cư địa phương

Thông qua việc tham gia vào hoạt động du lịch giúp cho người dân không khai thác bừa bãi nguồn tài nguyên phục vụ nhu cầu sống, tạo việc làm, tăng thu nhập mà trái lại chính họ góp phần vào sự phát triển du lịch bền vững. Để bảo vệ môi trường, góp phần cho phát triển du lịch bền vững, người dân địa phương cần phải:

- Hưởng ứng và duy trì cùng với doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước trong việc triển khai chương trình phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch văn hoá, du lịch sinh thái như cung cấp điểm đến, cơ sở lưu trú, thực phẩm, sản phẩm lưu niệm...
Đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ tài nguyên du lịch, tuyên truyền về quyền gắn với trách nhiệm của khách du lịch nhằm nâng cao ý thức tự giác của du khách về bảo vệ tài nguyên du lịch, bảo vệ môi trường, ý thức tôn trọng cộng đồng, tôn trọng văn hóa bản địa. Hướng dẫn du khách tự giác thực hiện các nội quy, quy chế, các bộ quy tắc ứng xử khi tham gia du lịch.

- Tích cực tham gia, đóng góp ý kiến vào các giai đoạn xây dựng, triển khai quy hoạch phát triển du lịch của thành phố. Thường xuyên giữ mối liên hệ hai chiều với cơ quan địa phương trong việc cung cấp thông tin liên quan đến sự nguy hại của môi trường do các tổ chức, cá nhân gây ra để cùng với chính quyền địa phương kịp thời giải quyết khắc phục.

Ngoài ra, một số giải pháp khác cũng được đề cập đến như tập trung thay đổi ý thức của khách du lịch, tạo mối quan hệ tốt giữa cộng đồng dân cư bằng việc đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ tài nguyên du lịch,

tuyên truyền về quyền gắn với trách nhiệm của khách du lịch nhằm nâng cao ý thức tự giác của du khách về bảo vệ tài nguyên du lịch, bảo vệ môi trường, ý thức tôn trọng cộng đồng, tôn trọng văn hóa bản địa. Hướng dẫn du khách tự giác thực hiện các nội quy, quy chế, các bộ quy tắc ứng xử khi tham gia du lịch. Đồng thời nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ là giải pháp quan trọng có ý nghĩa chiến lược đối với phát triển du lịch bền vững. Giải pháp này càng có ý nghĩa trong bối cảnh hiện nay khi hàm lượng khoa học và công nghệ trong mỗi sản phẩm xã hội ngày càng cao, khi Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển nền kinh tế tri thức. Các sản phẩm nghiên cứu khoa học sẽ là cơ sở cho công tác quy hoạch phát triển du lịch, hoạch định chiến lược phát triển các lĩnh vực chuyên ngành có chiến lược phát triển thị trường, chiến lược sản phẩm du lịch, chiến lược sản phẩm du lịch, chiến lược xúc tiến quảng cáo yêu thích...; cho việc đề xuất các cơ chế chính sách quản lý, kinh doanh phù hợp điều kiện thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh của du lịch địa phương.

4.4.4. Nhóm giải pháp cho các tổ chức phi chính phủ

Các tổ chức phi chính phủ (NGO) đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc thúc đẩy du lịch bền vững bằng cách đưa ra các giải pháp sáng tạo, ủng hộ các hoạt động thân thiện với môi trường và thúc đẩy các lợi ích xã hội và kinh tế cho cộng đồng địa phương. Hải Phòng cần có chính sách và hành động cho phép và khuyến khích các NGO tham gia các hoạt động làm thay đổi hành vi kinh doanh du lịch theo hướng bền vững.

Các tổ chức phi chính phủ cần hỗ trợ cho cư dân địa phương phát triển du lịch dựa vào cộng đồng Một trong những giải pháp hiệu quả nhất được các NGO đề xuất và triển khai tại nhiều khu vực là du lịch dựa vào cộng đồng (CBT). Cộng đồng địa phương là những người trực tiếp kinh doanh du lịch và hưởng lợi chính từ du lịch trong khi vẫn bảo tồn di sản văn hóa và thiên nhiên. Các NGO có vai trò tư vấn, đào tạo, xây dựng năng lực và nguồn lực cần thiết cho các cư dân địa phương có thể tích cực tham gia vào các hoạt động du lịch.

Các tổ chức phi chính phủ cần hỗ trợ thúc đẩy phát triển loại hình du lịch sinh thái thay thế cho du lịch đại chúng. Du lịch sinh thái giảm tác động đến môi trường và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên. Các tổ chức phi chính phủ thúc đẩy tích hợp bảo tồn môi trường vào quy hoạch du lịch và đưa ra các giải pháp thiết thực để giảm dấu chân sinh thái của các hoạt động du lịch.

Khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức phi chính phủ tuyên truyền tới các doanh nghiệp du lịch để họ sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường trong quá trình xây dựng các cơ sở du lịch, thúc đẩy việc sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, bao

gồm năng lượng mặt trời và năng lượng gió, để giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch. Các tổ chức phi chính phủ hợp tác với các doanh nghiệp và cộng đồng du lịch địa phương để triển khai các hoạt động quản lý chất thải hiệu quả. Các tổ chức phi chính phủ cần tham gia tuyên truyền thuyết phục các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và du khách tôn trọng và bảo vệ các truyền thống và phong tục địa phương.

Khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức phi chính phủ vận động cộng đồng địa phương tham gia vào các quy trình ra quyết định liên quan đến phát triển du lịch, đảm bảo nhu cầu của người dân địa phương được tính đến. Các tổ chức phi chính phủ tham gia vào quá trình hoạch định chính sách để giảm tác động tiêu cực của du lịch đối với môi trường và vận động cho các quy định chặt chẽ để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Các tổ chức phi chính phủ thúc đẩy các chương trình chứng nhận công nhận các doanh nghiệp du lịch đã phát triển bền vững. Các tổ chức phi chính phủ cần tăng cường giáo dục khách du lịch về các hoạt động du lịch bền vững.

Tiểu kết chương 4

Trong chương này, luận án đã phân tích bối cảnh trong nước và quốc tế của ngành du lịch trong thời gian tới với sự đan xen giữa cơ hội và thách thức. Tổng hợp các yếu tố tác động của môi trường bên ngoài và môi trường nội tại của ngành du lịch, NCS đã tổng hợp thành phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của du lịch thành phố Hải Phòng trong những năm tới. Trên cơ sở đó, NCS đã đề xuất hệ thống quan điểm và mục tiêu phát triển bền vững du lịch Hải Phòng theo hướng phát triển các mô hình kinh doanh du lịch bền vững, gia tăng sự phối hợp giữa các bên liên quan trong phát triển bền vững du lịch trên địa bàn. Từ đó, luận án đề xuất một hệ thống các giải pháp phát triển bền vững du lịch Hải Phòng trên cả ba phương diện là kinh tế, xã hội và môi trường. Luận án cũng đề xuất hệ thống các giải pháp cụ thể cho chính quyền và cơ quan quản lý du lịch địa phương, các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, cư dân địa phương và các bên liên quan khác.

KẾT LUẬN

Phát triển bền vững du lịch là xu hướng tất yếu của thế giới mà Việt Nam không phải là ngoại lệ. Để phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh của quốc gia đang phát triển như Việt Nam đòi hỏi phải tiếp cận nghiên cứu đa diện, đảm bảo tính hệ thống toàn diện. Vì vậy, luận án nghiên cứu các giải pháp phát triển bền vững du lịch tại thành phố Hải Phòng đã tiếp cận từ bản chất của phát triển bền vững và quan điểm của các bên liên quan trong kinh doanh du lịch. Do đã có rất nhiều các nghiên cứu khác nhau về phát triển bền vững du lịch nên để xác định các khoảng trống nghiên cứu, luận án đã tổng quan một cách toàn diện các nghiên cứu đã có về chủ đề này trong và ngoài nước. Phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương cấp tỉnh là vấn đề phức tạp, chịu tác động của nhiều nhân tố thuộc nhiều bên liên quan khác nhau nên luôn là vấn đề vẫn cần tiếp tục nghiên cứu trong các bối cảnh mới. Hơn nữa, phát triển bền vững du lịch phải dựa trên sự thấu hiểu cả về tiềm năng, thách thức, và những yếu tố riêng có của mỗi địa phương. Vì vậy, đề tài luận án này vẫn đáp ứng yêu cầu cấp bách về cả lý luận và thực tiễn và vẫn nguyên tính thời sự đối với Hải Phòng nói riêng và Việt Nam nói chung.

Để thực hiện các mục tiêu nghiên cứu, luận án đã xây dựng khung lý thuyết toàn diện và hệ thống về phát triển bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương. Luận án đã xây dựng hệ thống các khái niệm về phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương với bản chất là không chỉ khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên du lịch mà còn phải bảo tồn chúng cho các thế hệ tương lai. Luận án đã xác định và làm rõ nội dung của ba trụ cột phát triển bền vững du lịch là: tăng trưởng kinh tế bền vững, bảo vệ môi trường tự nhiên và hệ sinh thái, bảo tồn các giá trị văn hóa xã hội địa phương, đảm bảo phát triển du lịch mang lại lợi ích lâu dài cho tất cả các bên liên quan. Luận án đã xác định hệ thống các tiêu chí và chỉ tiêu cụ thể để đánh giá mức độ phát triển bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố theo ba trụ cột của phát triển bền vững. Trên cơ sở lý thuyết về các bên liên quan, luận án đã xây dựng cơ sở lý thuyết cho phân tích các nhân tố tác động đến phát triển bền vững du lịch thuộc các bên liên quan chủ yếu trong phát triển du lịch trên địa bàn địa phương. Các vấn đề lý thuyết được xác định trong chương 2 của luận án đã được sử dụng để phân tích thực trạng phát triển du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng và đề xuất các giải pháp ở chương 3 và 4 của luận án.

Thái độ, hành vi và hoạt động của các bên liên quan ở địa phương là những nhân tố tác động trực tiếp đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn. Các bên liên quan tại địa phương bao gồm: chính quyền và các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, cộng

đồng doanh nghiệp du lịch, cộng đồng cư dân địa phương, các tổ chức phi chính phủ và khách du lịch. Các bên liên quan đều quan tâm đến phát triển bền vững du lịch với các lợi ích mong muốn khác nhau, với nhận thức, thái độ, khả năng và các hành động khác nhau. Muốn phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương cần phải đảm bảo sự hài hòa về lợi ích của tất cả các bên, đồng thời phải thúc đẩy được sự tham gia tích cực của tất cả các bên vào hoạt động du lịch.

Luận án đã tập trung đánh giá các nội dung chính của phát triển bền vững du lịch mà các bên liên quan trên địa bàn thành phố Hải Phòng quan tâm. Cộng đồng cư dân địa phương và các doanh nhân du lịch địa phương quan tâm đến: (i) phát triển du lịch gắn liền với bảo vệ và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường tự nhiên; (ii) phát triển du lịch cần phải tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên; và (iii) phát triển du lịch gắn liền với quy hoạch sử dụng đất cẩn thận. Các doanh nghiệp du lịch địa phương và chính quyền địa phương cùng quan tâm đến: (iv) phát triển du lịch gắn với đảm bảo lợi ích kinh tế chung cho các bên liên quan tại địa phương; và (v) phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường văn hóa xã hội. Các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và cộng đồng cư dân địa phương quan tâm đến thu hút được nhiều khách du lịch hơn và thu được lợi nhuận nhiều hơn. Các bên liên quan cũng đã quan tâm đến phát triển bền vững du lịch cần gắn liền với bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên cho thế hệ hiện tại và tương lai đã được hầu hết người dân địa phương và những người kinh doanh du lịch đề cập đến khi họ thảo luận về du lịch bền vững trong khu vực của họ.

Bằng phương pháp phân tích các dữ liệu thứ cấp về thực trạng du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng, luận án đã đánh giá các chỉ tiêu phát triển bền vững du lịch về kinh tế như: lượng khách, doanh thu và lợi nhuận, thu nhập của người dân địa phương. Luận án cũng đã sử dụng phương pháp phỏng vấn định tính để đánh giá các chỉ tiêu phát triển bền vững du lịch trên địa bàn. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra người dân địa phương và các nhà kinh doanh du lịch đã có những hiểu biết nhất định về du lịch bền vững. Họ thừa nhận tầm quan trọng của môi trường tự nhiên trong sự tồn vong của ngành du lịch và đồng quan điểm rằng bất kỳ kế hoạch phát triển du lịch nào đều phải xem xét nghiêm túc tác động đến môi trường tự nhiên. Các bên liên quan trên địa bàn các điểm đến du lịch đã đánh giá mức độ phát triển du lịch trên tất cả các chỉ tiêu thuộc ba trụ cột của phát triển bền vững với các nhận xét chung về nhiều chỉ tiêu chưa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố.

Luận án đã phỏng vấn các bên liên quan tại địa phương để đánh giá các nhân tố tác động đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn. Đã rút ra được những nhân tố đang

là rào cản sự phát triển bền vững du lịch của thành phố Hải Phòng. Các công ty du lịch địa phương cho rằng hoạt động du lịch chưa phát triển bền vững về kinh tế do nguồn lực hạn chế, sự thiếu hợp tác và còn cạnh tranh không lành mạnh giữa các công ty du lịch. Một số doanh nghiệp du lịch mới chỉ quan tâm đến lợi nhuận thuần túy mà chưa quan tâm áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực từ các hoạt động kinh doanh du lịch đến sự bền vững của môi trường tự nhiên trên địa bàn điểm đến. Cư dân địa phương chưa thật sự quan tâm đến phát triển bền vững du lịch trên địa bàn sinh sống của họ, chưa biết và chưa chủ động tham gia thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội.

Một số doanh nhân du lịch và cán bộ chính quyền địa phương lâu năm tại các điểm đến du lịch trọng điểm của thành phố đều khẳng định phát triển du lịch bền vững không chỉ vì mục tiêu kinh tế mà phải tập trung vào bảo vệ môi trường tự nhiên và duy trì và bảo tồn các giá trị văn hóa xã hội. Các bên liên quan tại địa phương đã đề cập đến tầm quan trọng của môi trường tự nhiên đối với sự phát triển bền vững du lịch. Một số doanh nghiệp du lịch đã quan tâm đến kinh doanh bền vững và đào tạo nhân viên để hành động có trách nhiệm đối với môi trường tự nhiên và văn hóa xã hội.

Bảng phân tích quan điểm của các bên liên quan, luận án đã xác định phát triển bền vững du lịch tại Hải Phòng cần không những các giải pháp mang tính chiến lược mà còn cần sự hợp tác hành động đồng bộ từ các bên liên quan. Việc khai thác tiềm năng du lịch của thành phố cần được thực hiện một cách có trách nhiệm và bền vững, đảm bảo rằng các lợi ích kinh tế từ kinh doanh du lịch phân phối công bằng cho các bên liên quan và các bên đều quan tâm đến giảm thiểu các hành động làm tổn hại đến môi trường tự nhiên và xã hội. Đầu tư vào cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, bảo vệ tài nguyên và môi trường tự nhiên, phát triển nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao và xây dựng chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp du lịch phát triển phù hợp là những giải pháp cơ bản để đưa Hải Phòng phát triển thành điểm đến du lịch bền vững.

Luận án đã đề xuất được hệ thống các quan điểm tiếp cận phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng, từ đó đề xuất hệ thống các giải pháp phát triển bền vững du lịch dựa trên sự kết hợp giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và bảo tồn các giá trị văn hóa, để Hải Phòng có thể khai thác tối đa tiềm năng du lịch mà không ảnh hưởng đến các thế hệ tương lai. Luận án đã đề xuất các giải pháp cụ thể cho các bên liên quan trong phát triển bền vững du lịch Hải Phòng, các giải pháp hợp tác chặt chẽ giữa chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng cư dân địa phương để phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố trong thời gian tới.

Những hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo của luận án

Tuy đã cố gắng giải quyết các vấn đề nghiên cứu đặt ra, luận án vẫn còn một số hạn chế và cần tiếp tục triển khai các nghiên cứu tiếp theo, bao gồm:

- Do hạn chế nguồn lực nên NCS chưa thực hiện khảo sát định lượng các đối tượng nghiên cứu. Trong tương lai, có thể bổ sung thực hiện thêm phương pháp khảo sát định lượng các bên liên quan để có các con số đánh giá định lượng về sự phát triển bền vững của du lịch Hải Phòng từ các doanh nghiệp, người dân địa phương, và khách du lịch.
- Thiếu dữ liệu cụ thể để có thể đánh giá cả quá trình phát triển của các điểm đến du lịch cụ thể đã khai thác từ nhiều năm trước như Cát Bà và Đồ Sơn để chỉ ra được những hạn chế trong từng thời kỳ của quá trình phát triển du lịch Hải Phòng để lại những hệ lụy đến nay có thể rất khó có thể khắc phục được bằng những giải pháp ngắn hạn.
- Chưa nghiên cứu sâu về các địa bàn phát triển du lịch cụ thể trên địa bàn thành phố Hải Phòng và các sản phẩm du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng trên địa bàn các quận huyện cụ thể của Hải Phòng.
- Cần có nghiên cứu chuyên sâu về phát triển các sản phẩm du lịch mang lại giá trị gia tăng khác biệt để thu hút khách du lịch quốc tế đến với Hải Phòng vào mùa thấp điểm của khách du lịch nội địa.

CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CỦA NGHIÊN CỨU SINH

1. Phạm Minh Đạo (2017), “*Tư duy hệ thống trong phát triển du lịch biển thành phố Hải Phòng*”, *Tạp chí Công thương*, số 10 năm 2017, tr. 234 – 239.
2. Phạm Minh Đạo (2017), “*Phát triển du lịch Hải Phòng trong xu thế Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4*”, *Hội thảo Khoa học Quốc gia 2017/ Nâng cao năng lực Quản lý kinh tế và Quản trị kinh doanh trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ 4*, tr. 127-133.
3. Phạm Minh Đạo (2018), “*Một số đề xuất phát triển du lịch biển tại Hải Phòng*”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 17 năm 2018, tr. 92-95.
4. Phạm Minh Đạo (2022), “*Developing Vietnam’s Tourism industry under impact of Covid-19 pandemic: Current situation and solutions*”, *Hội thảo Khoa học Quốc tế 2022/ Phục hồi và Phát triển kinh tế Việt Nam trong bối cảnh Đại dịch COVID-19*, tr. 840-843.
5. Phạm Minh Đạo, Nguyễn Hoài Nam (2023), “*Tăng trưởng xanh từ lý tuyết đến thực tế, khảo sát tại ngành du lịch Hải Phòng*”, *Hội thảo Khoa học Quốc tế 2023/ Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam*, tr. 90-97.
6. Phạm Minh Đạo, Đỗ Minh Thụy (2024), “*Phát triển du lịch bền vững tại Thành phố Hải Phòng*”, *Hội thảo khoa học Quốc tế 2024/ Phát triển kinh tế bền vững: Cơ hội và thách thức*, tr. 37-50.
7. Trương Đình Chiến, Huỳnh Văn Khải, Nguyễn Khánh Chúc, Phạm Minh Đạo (2024), “*Influential factors on the intention to choose to stay at sustainable accommodation service business models of Vietnamese tourists*”, *Hội thảo khoa học Quốc tế 2024/ Du lịch thông minh và Phát triển bền vững*, tr. 466-480.
8. Phạm Minh Đạo, Trương Đình Chiến (2024), “*Phát triển bền vững du lịch trên địa bàn TP. Hải Phòng: Thực trạng và giải pháp*”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 23, tháng 12/2024, tr. 234 – 239.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. TIẾNG VIỆT

1. Ban chấp hành Trung ương (2017), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2014 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*.
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2020), *Chiến lược phát triển du lịch bền vững Việt Nam đến năm 2030*, NXB Chính trị Quốc gia.
3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2021), *Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu trong lĩnh vực du lịch*.
4. Chính phủ (2023), *Quyết định phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng đến thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023*.
5. Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2023), *Báo cáo tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam 2023*, Hà Nội.
6. Cục Thống kê thành phố Hải Phòng (2011-2022), *Niên giám thống kê thành phố Hải Phòng các năm từ 2011 đến 2022*.
7. Đan Đức Hiệp (2021), *Kinh tế Hải Phòng (1955-2055), Chặng đường, định hướng và tầm nhìn*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia; 2021.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội 12 Đảng cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Sự thật, 2016.
9. Đào Thị Bích Nguyệt (2023), “Phát triển bền vững du lịch cộng đồng ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Công Thương*, tháng 5/2023.
10. Đỗ Trọng Dũng (2011), *Phát triển du lịch sinh thái bền vững ở Tây Bắc Việt Nam*.
11. Dự án EU-ESRT (2015), *Chương trình quốc gia về du lịch có trách nhiệm. Báo cáo kỹ thuật của Dự án EU-ESRT*.
12. Dương Hoàng Hương (2017), *Phát triển du lịch bền vững ở tỉnh Phú Thọ; Khoa Kinh tế phát triển*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; 2017.
13. Hoàng Xuân Trọng, Nguyễn Hoàng Yên (2017), “Du lịch lòng hồ thủy điện Thác Bà, Hòa Bình, Na Hang và một số giải pháp về phát triển du lịch bền vững”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông*, ISSN: 1859-0519; 2017.
14. Hội đồng Nhân dân thành phố Hải Phòng (2020), *Nghị quyết số 04/NQ-HĐND về Phát triển Du lịch Hải Phòng giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến 2030*, Hải Phòng: HĐND TP Hải Phòng.

15. Hội đồng Nhân dân thành phố Hải Phòng (2021), *Nghị quyết số 92/NQ-HĐND về Phát triển Du lịch Văn hóa và Cộng đồng tại Hải Phòng*, Hải Phòng: HĐND TP Hải Phòng.
16. Hội đồng nhân Thành phố Hải Phòng (2020), *Quyết định số 09-NQ/ĐH ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*.
17. Lã Thị Bích Quang (2021), *Phát triển du lịch cộng đồng bền vững từ góc nhìn lý thuyết các bên liên quan: nghiên cứu điển hình tại các tỉnh Tây Bắc Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
18. Lê Quang Hùng. (2018), “Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch bền vững tại các đô thị ven biển Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý Kinh tế*, (12), 17-25.
19. Lê Thế Giới, Lê Đức Viện (2016), “Phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng theo hướng bền vững”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng*, số 4(101), Trang 102 - 106
20. Lê Thị Hoàng Ngân Hà (2021), “Phát triển bền vững du lịch Việt Nam thời kỳ Covid-19”, *Tạp chí Công thương*, 2021.
21. Lê Thị Thành Giao (2020), *Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến ngành du lịch Việt Nam*, *Khoa Du lịch - Đại học Huế*, 2020.
22. Lê Văn Dũng. (2020), “Ảnh hưởng của du lịch đến văn hóa và môi trường tại Hải Phòng: Góc nhìn từ người dân”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 2, trang 43-52.
23. Lê Văn Thành. (2021), “Đánh giá hiệu quả chính sách phát triển du lịch Hải Phòng từ góc nhìn doanh nghiệp”, *Tạp chí Quản lý và Phát triển*, số 3, trang 56-63.
24. Lê, Q. H., & cộng sự. (2023), “Bảo vệ môi trường và phát triển du lịch ven biển bền vững tại Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Môi trường*, 14(2), 67-80.
25. Lưu Thị Thanh Mai (2020), *Mối quan hệ giữa mạng xã hội, nhận thức phát triển bền vững và lựa chọn điểm đến của du khách: Nghiên cứu tại khu vực Tây Nguyên*, Khoa Quản trị Kinh doanh, Đại học Lạc Hồng.
26. Mai Anh Vũ, Nguyễn Xuân Hiếu (2020), “Những nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững”, *Tạp chí điện tử Công thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ*, Số 16, tháng 7 năm 2020.
27. Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.
28. Ngô Thắng Lợi, Vũ Thành Hường (2015), *Phát triển bền vững trong bối cảnh mới của toàn cầu hóa hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu*, Nhà xuất bản KTQD, 2015.

29. Nguyễn Đức Hải (2013), *Vận dụng marketing địa phương trong phát triển du lịch Thành phố Hà Nội*, 2013.
30. Nguyễn Minh Thành (2016), *Vận dụng marketing địa phương trong phát triển du lịch Bắc Ninh*, Luận án Tiến sĩ, Trường đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.
31. Nguyễn Minh Tuệ, Phạm Lê Thảo (2005), “Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên cho phát triển du lịch bền vững”, *Hội thảo Giáo dục vì sự phát triển bền vững trong thời đại toàn cầu hóa*, tháng 12/2005.
32. Nguyễn Thị Lan Hương. (2022), “Phân tích các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp du lịch tại Hải Phòng”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 4, trang 95-102.
33. Nguyễn Thị Minh Hạnh (2022), “Tác động của các chính sách du lịch đến phát triển bền vững tại Hải Phòng”, *Tạp chí Môi trường và Phát triển*.
34. Nguyễn Thị Thống Nhất (2010), “Chiến lược Marketing địa phương nhằm thu hút khách du lịch đến thành phố Đà Nẵng”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Đại học Đà Nẵng.
35. Nguyễn Thị Thu Trang và Vũ Văn Thành (2024), “Hoàn thiện chính sách phát triển du lịch bền vững tại Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*.
36. Nguyễn Trùng Khánh (2023), “Cục trưởng Cục Du lịch Quốc gia trả lời phóng viên Báo QĐND”, *Báo QĐND online*, ngày 09/07/2023.
37. Nguyễn Văn Bảy (2021), “Những thách thức trong việc thu hút đầu tư vào ngành du lịch Hải Phòng”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 34(6), 45-56.
38. Nguyễn Văn Đức (2013), *Tổ chức các hoạt động du lịch tại một số di tích lịch sử - văn hóa quốc gia của Hà Nội theo hướng phát triển bền vững*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội
39. Nguyễn Văn Hải. (2022), “Tác động của phát triển du lịch đến chất lượng cuộc sống của người dân tại Cát Bà”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 4, trang 78-85.
40. Nguyễn Văn Hiếu (2021), “Du lịch bền vững và vai trò của cộng đồng địa phương tại đảo Cát Bà”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 18.
41. Nguyễn Văn Minh. (2019). “Phát triển du lịch bền vững tại thành phố Hải Phòng”, *Tạp chí Du lịch Việt Nam*, (3), 45-52.
42. Nguyễn Văn Tuấn (2023), *Phát triển du lịch bền vững tại Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
43. Nguyễn, H. T., & cộng sự. (2021), “Chính sách và chiến lược phát triển du lịch bền vững tại Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, 17(3), 45-56.
44. Phạm Lê Thảo (2005), “Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên cho phát triển du lịch bền vững”, *Hội thảo Quốc gia*, 2005.

45. Phạm Quang Huy. (2020), “Hạn chế trong chính sách phát triển du lịch Hải Phòng: Nhìn từ các doanh nghiệp nhỏ và vừa”, *Tạp chí Kinh doanh và Công nghệ*, số 5, trang 68-75.
46. Phạm Quang Trung. (2019), *Chính sách phát triển du lịch bền vững và vai trò của cộng đồng địa phương*, New York: UNWTO.
47. Phạm Thị Hằng. (2020), “Phát triển bền vững du lịch vùng ven biển Hải Phòng”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển*, 20(3), 78-89.
48. Phan Thị Bích Hằng (2010), *Quản lý nhà nước về du lịch sinh thái trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*, 2010.
49. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật Du lịch 2005, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội
50. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Bảo Vệ Môi Trường năm 2014, Số: 55/2014/QH13 và Luật Bảo Vệ Môi Trường 2020 được Quốc Hội thông qua 17/11/2020*.
51. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2017), *Luật du lịch 2017, Luật số: 09/2017/QH14, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2017.
52. Sở Du lịch Hải Phòng. (2023), *Báo cáo tổng kết ngành du lịch Hải Phòng 2013-2023*, Sở Du lịch Hải Phòng.
53. Sungroup. (2023), *Tổng quan về các dự án đầu tư tại Hải Phòng*, Hải Phòng.
54. Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) (2019), *Hướng dẫn xây dựng chính sách du lịch bền vững*, New York: UNWTO.
55. Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) (2020), *Sustainable Tourism Development: Guidelines and Recommendations*.
56. Tổng cục Du lịch (2023), *Báo cáo phát triển du lịch bền vững tại Việt Nam 2023. Hà Nội*, Nhà xuất bản Thống kê.
57. Tổng cục Du lịch (2023), *Báo cáo thường niên ngành du lịch Việt Nam 2022*, Hà Nội.
58. Tổng cục Du lịch Việt Nam (2021), *Chiến lược phát triển du lịch bền vững tại Hải Phòng*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.
59. Tổng cục Du lịch Việt Nam (2022), *Báo cáo phát triển du lịch bền vững tại các địa phương*.
60. Tổng cục Du lịch Việt Nam (2022), *Báo cáo tình hình phát triển du lịch cộng đồng tại Việt Nam*.

61. Tổng cục Thống kê (2011-2022), *Niên giám thống kê Việt Nam các năm từ 2011 đến 2022*.
62. Trần Thị Hạnh. (2021), “Bảo tồn di sản văn hóa trong phát triển du lịch tại Hải Phòng”, *Tạp chí Khoa học Xã hội*, (6), 33-40.
63. Trần Thị Kim Oanh (2016), *Thực trạng phát triển du lịch tại tỉnh Tuyên Quang*, Trường Đại học Tân Trào, 2016.
64. Trần Thị Thu Hương. (2021), “Đánh giá ý kiến của cộng đồng dân cư về chính sách phát triển du lịch tại Đồ Sơn”, *Tạp chí Xã hội học*, số 3, trang 60-68.
65. Trần, P. L., & cộng sự. (2022), “Du lịch cộng đồng và phát triển bền vững: Nghiên cứu tại Sapa”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa và Du lịch*, 19(4), 101-115.
66. Trung ương (2016), *Quyết định số 04-NQ/TU ngày 26 tháng 12 năm 2016 về đẩy mạnh phát triển du lịch thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2030*.
67. Trương Thị Thu Hà, Trần Hữu Tuấn, Đoàn Khánh Hưng (2019), “Ảnh hưởng của nhân tố đẩy và kéo đến lòng trung thành của du khách đối với điểm đến Hội An”, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển*, ISSN 2588–1205; 2019.
68. UBND Thành phố Hải Phòng (2014), *Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng*.
69. UBND Thành phố Hải Phòng (2017), *Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng*.
70. UBND Thành phố Hải Phòng (2019), *Quyết định số 569/QĐ-CT ngày 19/3/2019 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng*.
71. UBND Thành phố Hải Phòng (2020), *Quyết định số 2527/QĐ-CT ngày 26/8/2020 của UBND thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng*.
72. UBND thành phố Hải Phòng (2021), *Đề án “Phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới tại Hải Phòng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” của UBND thành phố*.
73. UBND Thành phố Hải Phòng (2021), *Kế hoạch số 85/KH-UBND triển khai thực hiện Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng*.

74. UBND Thành phố Hải Phòng (2021), *Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050*.
75. UBND Thành phố Hải Phòng. (2023), *Báo cáo tổng kết tình hình phát triển kinh tế xã hội thành phố Hải Phòng 2023*, Hải Phòng.
76. Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng (2018), *Quyết định số 2577/QĐ-UBND về Phát triển Du lịch Bền vững tại Khu Dự trữ Sinh quyển Cát Bà*, Hải Phòng: UBND TP Hải Phòng.
77. Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng (2019), *Quyết định số 1015/QĐ-UBND về Quản lý và Bảo vệ Môi trường tại Các Điểm Du lịch Biển Đảo*, Hải Phòng: UBND TP Hải Phòng.
78. Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (2020), *Báo cáo về tình hình phát triển du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2015-2020*.
79. Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng (2020), *Quyết định số 512/QĐ-UBND về Phát triển Du lịch Sinh thái và Bảo vệ Cảnh quan Thiên nhiên*, Hải Phòng: UBND TP Hải Phòng.
80. Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng (2022), *Chương trình Hành động số 17/CTr-UBND về Phát triển Du lịch Bền vững gắn liền với Phát triển Kinh tế Xã hội*, Hải Phòng: UBND TP Hải Phòng.
81. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng (2022). *Báo cáo phát triển bền vững du lịch thành phố Hải Phòng*. Sở Du lịch Hải Phòng.
82. Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng (2023), *Kế hoạch phát triển du lịch bền vững thành phố Hải Phòng đến năm 2030*.
83. Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng (2023), *Kế hoạch số 155/KH-UBND về Quảng bá và Xúc tiến Du lịch Bền vững tại Hải Phòng*, Hải Phòng: UBND TP Hải Phòng.
84. Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng. (2021), *Chỉ thị số 09/CT-UBND về Tăng cường Công tác Quản lý Du lịch và Bảo vệ Môi trường*, Hải Phòng: UBND TP Hải Phòng.
85. Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hải Phòng (2021), *Báo cáo tiềm năng phát triển du lịch sinh thái tại đảo Cát Bà*.
86. Vingroup. (2022), *Báo cáo thường niên 2022*, Hà Nội.
87. Vũ Văn Đông (2014), “*Phát triển du lịch bền vững Bà Rịa – Vũng Tàu*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, 2014.

B. TIẾNG ANH

1. Abhishek Bhati, Philip L. Pearce (2017), “Tourist Behaviours, Vandalism and Stakeholder Responses”, *Visitor Management in Tourism Destinations*.
2. Agyeiwaah, E., McKercher, B., & Suntikul, W. (2017), “Identifying core indicators of sustainable tourism: A path forward?”, *Tourism Management Perspectives*, 24, 26–33.
3. Akis, S., Peristianis, N., & Warner, J. (1996), “Residents' attitudes to tourism development: The case of Cyprus”, *Tourism management*, 17(7), 481-494.
4. Almhrzi, H. M., & Al-Azri, H. I. (2019), “Conference report: second UNWTO/UNESCO world conference on tourism and culture: fostering sustainable development”, *International Journal of Culture, Tourism and Hospitality Research*, 13(1), 144-150.
5. Anne Hardy, Robert JS Beeton (2009), “Sustainable Tourism or Maintainable Tourism: Managing Resources for More Than Average Outcomes”, *Journal of Sustainable Tourism*, 9(3):168-192
6. Ashley, C., Roe, D., Goodwin, H. (2001), *Pro-Poor Tourism Strategies: Making Tourism Work for the Poor*, Overseas Development Institute (ODI), London.
7. Bakkes, J.A. and J.W. van Woerden, eds., (1997), *The Future of the Global Environment: A Model-based Analysis is Supporting UNEP's First Global Environment Outlook*, RIVM 402001007 and UNEP/DEIAI TR.97-1.
8. Bell, S., & Morse, S. (2003, March), “Learning from experience in sustainability”, *Proceedings of international sustainable development research conference 2003*, Nottingham, UK.
9. Blancas, F. J., Lozano-Oyola, M., & González, M. (2015), “A European sustainable tourism labels proposal using a composite indicator”, *Environmental Impact Assessment Review*, 54, 39-54.
10. Blanco, E. (2020), “The impact of sustainable tourism development in Costa Rica”, *Journal of Sustainable Tourism*.
11. Bonillo, M. & Fernández, Raquel & Castillo, David. (2016), “Sustainability, value, and satisfaction: Model testing and cross-validation in tourist destinations”, *Journal of Business Research*, 69. 5002–5007. 10.1016/j.jbusres.2016.04.071.
12. Bramwell, B., & Lane, B. (2008), *Sustainable Tourism: Critical Concepts in the Social Sciences*, Routledge.

13. Bramwell, B., & Lane, B. (Eds.). (2000), *Tourism collaboration and partnerships: Politics, practice and sustainability (Vol. 2)*, Channel View Publications.
14. Bridger, J.C. and Alter, T.R. (2006), "Place, community development, and social capital", *Community Development*, Vol. 37, No. 1, pp. 5-18
15. Brooks, J. S. (2011), "The Bhutanese approach to sustainable development: The GNH index", *Sustainability Science*.
16. Buckley, R. (2012), "Sustainable Tourism: Research and Reality", *Annals of Tourism Research*, 39, 528-546.
17. Butcher, J. (1997), "Sustainable development or development?", *Tourism and sustainability: Principles to practice*, 27-38.
18. Butler, R. W. (1999), "Sustainable tourism: A state of the art review", *Tourism Geographies*, 1(1), 7-25.
19. Byrd, E. T. (2007), "Stakeholders in sustainable tourism development and their roles: applying stakeholder theory to sustainable tourism development", *Tourism review*, 62(2), 6-13.
20. Byrd, E. T., Bosley, H. E., & Dronberger, M. G. (2009), "Comparisons of stakeholder perceptions of tourism impacts in rural eastern North Carolina", *Tourism Management*, 30(5), 693-703.
21. Canavan, B. (2014), "Sustainable tourism: Development, decline and de-growth. Management issues from the Isle of Man", *Journal of Sustainable Tourism*, 22(1), 127-147.
22. Chasek, P., Downie, D. L., & Welsh Brown, J. (2010), *Global environmental politics. Pamela Chasek, David Downie and Janet Welsh Brown, Global Environmental Politics*, 5th Edition. Boulder: Westview Press, 2010..
23. Chhetri, P., & Arrowsmith, C. (2008), "GIS-based modelling of recreational potential of nature-based tourist destinations", *Tourism Geographies*, 10(2), 233-257.
24. Choi, Hwansuk & Murray, Iain. (2010), "Resident Attitudes Toward Sustainable Community Tourism", *Journal of Sustainable Tourism - J SUSTAIN TOUR*, 18. 575-594. 10.1080/09669580903524852.
25. Clarkson, M. B. E. (1995), "A stakeholder framework for analyzing and evaluating corporate social performance", *Academy of Management Review*, 20, 92–117.
26. Cloquet, I., Palomino, M., Shaw, G., Stephen, G., & Taylor, T. (2017), "Disability, social inclusion and the marketing of tourist attractions", *Journal of Sustainable Tourism*, 26(2), 221–237. <https://doi.org/10.1080/09669582.2017.1339710>

27. Cobbinah, P. B. (2015), "Contextualising the meaning of ecotourism", *Tourism Management Perspectives*, 16, 179-189.
28. Cochrane, J. (2006), *Asian Tourism: Growth and Change*, Elsevier Science.
29. Coenen, L., & Truffer, B. (2012), "Places and spaces of sustainability transitions: Geographical contributions to an emerging research and policy field", *European Planning Studies*, 20(3), 367–374.
30. Cottrell, S., Van der Duim, R., Ankersmid, P., & Kelder, L. (2004), "Measuring the sustainability of tourism in Manuel Antonio and Texel: A tourist perspective", *Journal of Sustainable Tourism*, 12(5), 409-431.
31. CP Yu, HC Chancellor, ST Cole (2009), "Measuring residents' attitudes toward sustainable tourism: A reexamination of the sustainable tourism attitude (SUS-TAS) scale", *Journal of Travel Research*
32. Creswell, J. W., & Poth, C. N. (2018), *Qualitative Inquiry and Research Design: Choosing Among Five Approaches*.
33. Croall, J. (1995), *Preserve or Destroy?: Tourism and The Environment*, London: Calouste Gulbenkian Foundation
34. Croes và Kubickova (2013), "From potential to ability to compete: Towards a performance-based tourism competitiveness index", *Journal of Destination Marketing and Management*, 2(3):146–154
35. Crotty, M. (2003), *The foundation of social research: Meaning and perspective in the research process*, Thousand Oaks, CA: Sage Publications.
36. Crouch, G. I., & Ritchie, J. R. B. (1999), "Tourism, competitiveness, and societal prosperity", *Journal of Business Research*, 44(3), 137–152.
37. Cucculelli, M., & Goffi, G. (2016), "Does sustainability enhance tourism destination competitiveness? Evidence from Italian Destinations of Excellence", *Journal of Cleaner Production*, 111, 370-382.
38. Custódio Santos, M.; Ferreira, A.; Costa, C.; Santos, J.A.C (2020), "A Model for the Development of Innovative Tourism Products: From Service to Transformation", *Sustainability*, 12, 4362. <https://doi.org/10.3390/su12114362>
39. D'Mello, C., Chang, L. C., Pillai, S. K. B., Kamat, K., Zimmermann, F. M., & Weiermair, K. (2016), "Comparison of multistakeholder perception of tourism sustainability in Goa", *International Journal of Hospitality & Tourism Systems*, 9(2).

40. Dalia Streimikiene, Biruta Svagzdiene, Edmundas Jasinskas, Arturas Simanavicius (2020), *Sustainable tourism development and competitiveness: The systematic literature review*
41. De Araujo, L. M., & Bramwell, B. (2002), "Partnership and regional tourism in Brazil", *Annals of tourism research*, 29(4), 1138-1164.
42. Dempsey, N., G. Bramley, S. Power and C. Brown, (2011), "The social dimension of sustainable development: Defining urban social sustainability", *Sustain. Dev.*, 19(5), 289–300.
43. Dempsey, Nicola & Bramley, Glen & Power, Sinead & Brown, Caroline. (2011), "The Social Dimension of Sustainable Development: Defining Urban Social Sustainability", *Sustainable Development*, 19. 289 - 300. 10.1002/sd.417.
44. Deng, J., Qiang, S., Walker, G. J., & Zhang, Y. (2003), "Assessment on and perception of visitors' environmental impacts of nature tourism: A case study of Zhangjiajie National Forest Park, China", *Journal of sustainable tourism*, 11(6), 529-548.
45. D'Mello, C., Chang, L. C., Pillai, S. K. B., Kamat, K., Zimmermann, F. M., & Weiermair, K. (2016), "Comparison of Multi-Stakeholder Perception of Tourism Sustainability in Goa", *International Journal of Hospitality & Tourism Systems*, 9(2).
46. Dodds, R. (2007), "Sustainable tourism and policy implementation: Lessons from the case of Calvia, Spain", *Current Issues in Tourism*, 10(4), 296-322.
47. Dodds, R., & Butler, R. (2010), "Barriers to implementing sustainable tourism policy in mass tourism destinations", *Tourism Review*.
48. Doris Gomezelj Omerzel (2016), *The Impact of Entrepreneurial Characteristics and Organisational Culture on Innovativeness in Tourism Firms*
49. Dorji, U., & Wangchuk, T. (2022), "High-value, low-impact tourism: Bhutan's approach to sustainability", *Journal of Sustainable Tourism*, 30(4), 589-603.
50. Dwyer, L., & Edwards, D. (2009), *Sustainable Tourism Planning*, Routledge.
51. Dwyer, L., & Kim, C. (2003), "Destination competitiveness: determinants and indicators", *Current issues in tourism*, 6(5), 369-414.
52. Egresi, I. O., (2018), "Residents' attitudes to tourists visiting their mosques: a case study from Istanbul, Turkey", *Journal of Tourism and Cultural Change*, 16(1), 1–21. <https://doi.org/10.1080/14766825.2016.1192182>.

53. Eizenberg, E.; Jabareen, Y. Social Sustainability (2017), “A New Conceptual Framework”, *Sustainability*, 9, 68. <https://doi.org/10.3390/su9010068>
54. Elkington, J. (1997), *Cannibals with Forks: The Triple Bottom Line of 21st Century Business*, Capstone.
55. Epler, B. (2007), “Tourism, the economy, population growth, and conservation in Galapagos”, *Charles Darwin Foundation*.
56. Ercan Sirakaya-Turk (2005), “Measuring Residents’ Attitude toward Sustainable Tourism: Development of Sustainable Tourism Attitude Scale”, *Journal of Travel Research*, 43(4): 380-394
57. Erick T. Byrd (2007), “Stakeholders in sustainable tourism development and their roles: Applying stakeholder theory to sustainable tourism development”, *Tourism review of AIEST*, ISSN 1660-5373.
58. European Commission. (2020), *Sustainable tourism and the Sustainable Development Goals*, Retrieved from <https://ec.europa.eu/>
59. Falatoonitoosi, E., Schaffer, V., & Kerr, D. (2022), „Does Sustainable Tourism Development Enhance Destination Prosperity?”, *Journal of Hospitality & Tourism Research*, 46(5), 1056–1082. <https://doi.org/10.1177/1096348020988328>
60. Fayos-Solà, E., Alvarez, M. D., & Cooper, C. (Ed.) (2014), *Tourism as an Instrument for Development: A Theoretical and Practical Study. (Bridging Tourism Theory and Practice, Vol. 5)*, Emerald Group Publishing Limited, p. iii. <https://doi.org/10.1108/S2042-14432014000>
61. Fennell, D., & Malloy, D. (1999), “Measuring the ethical nature of tourism operators”, *Annals of Tourism Research*, 26, 928–943.
62. Font, X. and Sallows, M. (2002), “Setting global sustainability standards: The Sustainable Tourism Stewardship Council”, *Tourism Recreation Research*, 27 (1), 21–31.
63. Font, X., & Harris, C. (2004), “Rethinking standards from green to sustainable”, *Annals of tourism Research*, 31(4), 986-1007.
64. Font, Xavier and Margot Sallows (2002), “Setting Global Sustainability Standards: The Sustainable Tourism Stewardship Council”, *Tourism Recreation Research*, 27 (2002): 21 - 31.
65. Frederico Neto (2003), *A new approach to sustainable tourism development: Moving beyond environmental protection*.

66. Fredline, Elizabeth & Faulkner, Bill. (2000), "Host community reactions: A cluster analysis", *Annals of Tourism Research*, 763-784.
67. Goffi, G.; Cucculelli, M.; Masiero, L. (2019), "Fostering tourism destination competitiveness in developing countries: The role of sustainability", *J. Clean. Prod.*, 2019, 209, 101–115.
68. Golzardi, Farid & Sarvaramini, Shabnam & Sadatasilan, Kamal & Sarvaramini, Mahsa. (2012), "Residents Attitudes towards Tourism Development: A Case Study of Niasar, Iran", *Research Journal of Applied Sciences, Engineering and Technology*, 4. 863-868.
69. Goodwin, H. (2016), *Responsible Tourism 2nd edition*. Oxford: Goodfellow Publishers, <http://dx.doi.org/10.23912/978-1-910158-84-5-3101>
70. Gössling, S., & Hall, C. M. (2023), "Transition pathways for sustainable tourism in Europe: Green Deal perspectives", *Tourism Management*, 96, 104743.
71. Gössling, S., Hansson, C. B., Hörstmeier, O., & Saggel, S. (2002), "Ecological footprint analysis as a tool to assess tourism sustainability", *Ecological Economics*.
72. Gössling, S., Peeters, P., Hall, C. M., Ceron, J. P., Dubois, G., Lehmann, L. V., & Scott, D. (2015), "Tourism and water use: Supply, demand, and security. An international review", *Tourism Management*.
73. Guest, G., Bunce, A., & Johnson, L. (2006), *How Many Interviews Are Enough? An Experiment with Data Saturation and Variability*.
74. Gunn, C.A. (1994), "Emergence of effective tourism planning and development", in Seaton, V. (Ed.), *Tourism: The State of the Art*, Wiley, Chichester, pp. 10-19.
75. Gursoy, D., & Rutherford, D. G. (2004), "Host attitudes toward tourism: An improved structural model", *Annals of Tourism Research*, 31(3), 495–516. <https://doi.org/10.1016/j.annals.2003.08.008>
76. Gursoy, Dogan & Chi, Christina & Dyer, Pam. (2010), "Locals' Attitudes Toward Mass and Alternative Tourism: The Case of Sunshine Coast, Australia", *Journal of Travel Research*, 49. 381-394. 10.1177/0047287509346853.
77. H.C. Choi, I. Murray (2010), "Resident attitudes toward sustainable community tourism", *Journal of Sustainable Tourism*, 18 (4) (2010), pp. 575-594
78. Hai Phong City People's Committee. (2023), *Master Plan for Sustainable Tourism Development*.

79. Hai Phong Department of Tourism. (2022), *Tourism Development Master Plan for Hai Phong 2020-2030*.
80. Hai Phong Department of Tourism. (2023), *Annual Report on Tourism Development*.
81. Hall (2011), "Trends in ocean and coastal tourism: The end of the last frontier?", *Ocean & Coastal Management*, 44(9):601-618
82. Hall, C. M. (2019), *Tourism Planning: Policies, Processes and Relationships*, Pearson Education Limited.
83. Hall, C. M., & Lew, A. A. (2009), *Understanding and Managing Tourism Impacts: An Integrated Approach*, Routledge.
84. Hall, C. M., & Page, S. J. (2022), *The Geography of Tourism and Recreation: Environment, Place and Space*, Routledge.
85. Hall, C. M., Scott, D., & Gössling, S. (2022), "The challenges of sustainable tourism policies: Global and regional perspectives", *Current Issues in Tourism*, 25(7), 854-870.
86. Hall, C. M., Williams, A. M., & Lew, A. A. (2004), "Tourism: Conceptualizations, institutions, and issues", *A companion to tourism*, 3-21.
87. Hardy, A.L., & Beeton, R.J.S. (2001), "Sustainable tourism as maintainable tourism: Managing resources for more than average outcomes", *Journal of Sustainable Tourism*, 9(3), 168–192.
88. Hasan, Md & Ismail, Ahmed & Islam, Faridul (2017), "Tourist Risk Perceptions and Revisit Intention: A Critical Review of Literature", *Cogent Business & Management*, 4. 10.1080/23311975.2017.1412874.
89. Hassan, S. S. (2000), "Determinants of market competitiveness in an environmentally sustainable tourism industry", *Journal of Travel Research*, 38(3), 239–245.
90. He, Y., & Song, H. (2009), "A mediation model of tourists' repurchase intentions for packaged tour services", *Journal of Travel Research*, 47(3), 317-331.
91. He, Y., and H. Song (2009), "A Mediation Model of Tourists' Repurchase Intentions for Packaged Tour Services", *Journal of Travel Research*, 47 (3): 317-31.
92. Higham, J., Cohen, S. A., & Reis, A. (2022), "Climate action in tourism: Policies and pathways toward net-zero", *Tourism Review*, 77(2), 426-438.
93. Honey, M. (2008). *Ecotourism and Sustainable Development: Who Owns Paradise?*, Island Press.

94. Honey, M. (2008), "Setting standards: certification programmes for ecotourism and sustainable tourism", *In Ecotourism and Conservation in the Americas (pp. 234-261)*, Wallingford UK: CABI.
95. Hopwood, B., Mellor, M., & O'Brien, G. (2005), "Sustainable development: mapping different approaches", *Sustainable development*, 13(1), 38-52.
96. Hughes, G. (2004), "Tourism, sustainability, and social theory", *A companion to tourism*, 498-509.
97. Hunter, C. (2007), "The ecological footprint as a key indicator of sustainable tourism", *Tourism Management*, 28(1):46-57
98. Hunter, C., & Green, H. (1995), *Tourism and the environment: A sustainable relationship?*, Routledge.
99. Imran, S., Alam, K., & Beaumont, N. (2014), "Environmental orientations and environmental behaviour: Perceptions of protected area tourism stakeholders", *Tourism management*, 40, 290-299.
100. Inskip, E. (1991), *Tourism Planning: An Integrated and Sustainable Development Approach*, New York: Van Nostrand Reinhold
101. Ioannides, D. (1995), "A flawed implementation of sustainable tourism: The experience of Akamas, Cyprus", *Tourism Management*, 16(8), 583–592.
102. Jamal, T., & Stronza, A. (2009), "Collaboration theory and tourism practice in protected areas: Stakeholders, structuring and sustainability", *Journal of Sustainable tourism*, 17(2), 169-189.
103. Jeon, M. M., Kang, M. M., & Desmarais, E. (2016), „Residents' perceived quality of life in a cultural-heritage tourism destination", *Applied Research in Quality of Life*, 11, 105–123. <https://doi.org/10.1007/s11482-014-9357-8>
104. Jordan, F., & Gibson, H. (2005), "We're not stupid...But we'll not stay home either": Experiences of solo women travelers", *Tourism Review International*, 9(2), 195-211. doi: 10.3727/154427205774791663
105. Jurowski, C., Uysal, M., & Williams R. (1997), "A theoretical analysis of host community resident reactions to tourism", *Journal of Travel Research*, 36(2), 3–11.
106. Juvan, E., & Dolnicar, S. (2017), "Drivers of pro-environmental tourist behaviours are not universal", *Journal of Cleaner Production*.
107. Kangwa, J. (2017), "The legacy of David Livingstone: A contribution to sustainable tourism", *The Expository Times*, 128(5), 209-221.

108. Kim, J. S., Hart, R. J., Lee, J. E., & Kim, N. J. (2016), *The impact of climate change on the decision-making process of potential tourists using the model of goal-directed behavior*.
109. King, Brian; Pizam, Abraham; and Milman, Ady (1993), "Social Impacts of Tourism: Host Perceptions", *Faculty Scholarship and Creative Works*, 462.
110. Ko, T. G. (2005), "Development of a tourism sustainability assessment procedure: a conceptual approach", *Tourism management*, 26(3), 431-445.
111. Kontogeorgopoulos, N. (2005), "Community-based ecotourism in Phuket and Ao Phangnga, Thailand: Partial victories and bittersweet remedies", *Journal of Sustainable Tourism*, 13(1), 4–23.
112. Kreg Lindberg, Rebecca L. Johnson (1997), "The economic values of tourism's social impacts", *Annals of Tourism Research*, Volume 24, Issue 1, 1997, Pages 90-116, ISSN 0160-7383, [https://doi.org/10.1016/S0160-7383\(96\)00033-3](https://doi.org/10.1016/S0160-7383(96)00033-3).
113. Kristjánsdóttir, K. R., Ólafsdóttir, R., & Ragnarsdóttir, K. V. (2018), "Reviewing integrated sustainability indicators for tourism", *Journal of Sustainable Tourism*, 26(4), 583-599.
114. Laing, J. H., Lee, D., Moore, S. A., Wegner, A., & Weiler, B. (2009), "Advancing conceptual understanding of partnerships between protected area agencies and the tourism industry: A postdisciplinary and multi-theoretical approach", *Journal of Sustainable Tourism*, 17(2), 207-229.
115. Lange, G.-M., Wodon, Q. & Carey, K. The changing wealth of nations (2018), *Building a sustainable future*, (The World Bank, 2018).
116. Lee, T.H. (2013), "Influence analysis of community resident support for sustainable tourism development", *Tourism Management*, Vol. 34, pp. 37-46.
117. Lindberg, K., Dellaert, B. G. C., & Romer Rassing, C. (1999), "Resident tradeoffs: A choice modelling approach", *Annals of Tourism Research*, 26(3), 554-569.
118. Litvin, S. (2005), "Streetscape improvements in an historic tourist city a second visit to King Street, Charleston, South Carolina", *Tourism Management*, 26(3), 421–429.
119. Lozano-Oyola, M., Blancas, F. J., González, M., & Caballero, R. (2012), "Sustainable tourism indicators as planning tools in cultural destinations", *Ecological indicators*, 18, 659-675.

120. Lu, J., & Nepal, S. K. (2009), "Sustainable tourism research: An analysis of papers published in the Journal of Sustainable Tourism", *Journal of Sustainable Tourism*, 17(1), 5–16.
121. Luekveerawattana, R. (2018), "Key factors affecting of tourists' decisions to stay at environmental friendly hotels", *Polish Journal of Management Studies*, 17(2), 148–157.
122. Macbeth, J. (2005), "Towards an ethics platform for tourism", *Annals of Tourism Research*, 32(4), 962-984.
123. Madhavan, H., & Rastogi, R. (2013), "Social and psychological factors influencing destination preferences of domestic tourists in India", *Leisure Studies*, 32(2), 207–217.
124. Manyara, G., & Jones, E. (2007), "Community-based tourism enterprises development in Kenya: An exploration of their potential as avenues of poverty reduction", *Journal of Sustainable Tourism*.
125. Maser, C., & Kirk, C. (1996), "Local community development", *Resolving environmental conflict: Towards sustainable community development*, 167-200.
126. Mason, P. (2015), *Tourism Impacts, Planning and Management*, Routledge.
127. McCool, Stephen & Martin, Steven. (1994), "Community Attachment and Attitudes Toward Tourism Development", *Journal of Travel Research - JTRAVEL RES*, 32. 29-34. 10.1177/004728759403200305.
128. McIntyre, G. (1993), *Sustainable tourism development: guide for local planners*, World Tourism Organization (WTO).
129. McKercher, B. (2003), "Adopting a marketing approach to achieve sustainable cultural tourism", *International Journal of Tourism Sciences*, 3(1), 129-141.
130. Mebratu, D. (1998), "Sustainability and sustainable development: historical and conceptual review", *Environmental impact assessment review*, 18(6), 493-520.
131. Medina-Muñoz, D. R., Medina-Muñoz, R. D., & Gutiérrez-Pérez, F. J. (2016), "A sustainable development approach to assessing the engagement of tourism enterprises in poverty alleviation", *Sustainable Development*, 24(4), 220-236.
132. Mendola, D., & Volo, S. (2017), "Building composite indicators in tourism studies: Measurements and applications in tourism destination competitiveness", *Tourism Management*, 59, 541-553.
133. Mihalic (2000), "Environmental management of a tourist destination A factor of tourism competitiveness", *Tourism Management*, 21 (2000) 65

134. Mihalic, T., Žabkar, V., & Cvelbar, L. K. (2012), “A hotel sustainability business model: Evidence from Slovenia”, *Journal of Sustainable Tourism*.
135. Mihalic, T., Šegota, T., Kneževic Cvelbar, L., & Kuščer, K. (2016), “The influence of the political environment and destination governance on sustainable tourism development: A study of Bled, Slovenia”, *Journal of Sustainable Tourism*, 24(11), 1489–1505.
136. Mowforth, M., & Munt, I. (2015), *Tourism and sustainability: Development, globalisation and new tourism in the third world*, Routledge.
137. Nguyen, P. H. (2020), “The Role of Local Communities in Sustainable Tourism: Lessons from Vietnam”, *Tourism Review International*, 24(4), 301-315.
138. Nguyen, T. M., & Le, D. H. (2022), “Challenges in Sustainable Tourism Development: A Case Study of Hai Phong City”, *Journal of Tourism Studies*, 12(3), 45-58.
139. Nguyen, T. P. (2021), “Eco-Friendly Tourism in Coastal Cities: A Case Study of Hai Phong”, *Vietnam Journal of Environmental Management*.
140. Nguyen, T. T. (2023), “Community-based tourism in Vietnam: Case studies and lessons learned”, *PLOS ONE*.
141. Nicholas, Lorraine & Thapa, Brijesh & Ko, Yong Jae. (2009), “Residents' Perspectives of a World Heritage Site: The Pitons Management Area St. Lucia”, *Annals of Tourism Research*, 36. 390–412. 10.1016/j.annals.2009.03.005.
142. Nowacki, M., Kowalczyk-Anioł, J., Królikowska, K., Pstrocka-Rak, M., & Awedyk, M. (2018), “Strategic planning for sustainable tourism development in Poland”, *International Journal of Sustainable Development & World Ecology*, 25(6), 562-567.
143. Nunkoo, R., & So, K. K. F. (2016), “Residents' support for tourism: Testing alternative structural models”, *Journal of Travel Research*, 55, 847–861.
144. Nunkoo, Robin & Ramkissoon, Haywantee (2011), “Residents’ Satisfaction With Community Attributes and Support for Tourism”, *Journal of Hospitality & Tourism Research - J Hospit Tourism Res.* 35. 171-190. 10.1177/1096348010384600.
145. Nyaupane, G. P., & Poudel, S. (2011), ”Linkages among biodiversity, livelihood, and tourism”, *Annals of tourism research*, 38(4), 1344-1366.
146. Paul F. J. Eagles, Stephen F. McCool and Christopher D. Haynes (2002). “Sustainable tourism in protected areas: Guidelines for planning and management”, *World Commission on Protected Areas (WCPA)*, ISSN: 2831706483

147. Pérez-Esparrells, C., & Ysa, T. (2023), „Sustainable tourism development: The role of stakeholder collaboration in a Spanish provincial context”, *Environmental Science and Pollution Research*.
148. Pesonen, J., & Komppula, R. (2010), “Rural wellbeing tourism: Motivations and expectations”, *Journal of Hospitality and Tourism Management*, 17 (1), 150–157
149. Pham, D. M. (2020), “Community-Based Tourism in Vietnam: Lessons from Cat Ba National Park”, *Journal of Sustainable Tourism*.
150. Pham, L., & Kayat, K. (2011), “Residents’ perceptions of tourism impact and their support for tourism development: The case study of Cuc Phuong National Park, Ninh Binh province, Vietnam”, *European Journal of Tourism Research*, 4(2), 123-146.
151. Phillimore, J., & Goodson, L. (Eds.). (2004), *Qualitative research in tourism: Ontologies, epistemologies and methodologies*, London: Routledge.
152. Pjerotic, Delibasic, Joksiene, Griesiene và Georgeta (2017), “Review of rural tourism development theories”, *Transformations in Business and Economics*.
153. Pjerotic, L. (2017), “Stakeholder cooperation in implementation of the sustainable development concept: Montenegrin tourist destinations”, *Journal of International Studies*, 10(2), 148–157. <https://doi.org/10.14254/2071-8330.2017/10-2/11>
154. Pjerotic, L., Delibasic, M., Joksiene, I., Griesiene, I., & Georgeta, C. P. (2017), „Sustainable tourism development in the rural areas”, *Transformations in Business & Economics*, 16(3 (42)), 21–30.
155. Ponnareddy, S., Priskin, J., Ohnmacht, T., Vinzenz, F., & Wirth, W. (2017), “The influence of trust perceptions on German tourists' intention to book a sustainable hotel: A new approach to analyzing marketing information”, *Journal of Sustainable Tourism*, 25(7), 970–988.
156. Puhakka, R., Sarkki, S., Cottrell, S. P., & Siikamäki, P. (2009), “Local discourses and international initiatives: sociocultural sustainability of tourism in Oulanka National Park, Finland”, *Journal of Sustainable Tourism*, 17(5), 529-549.
157. Puppim de Oliveira, J. A. (2005), “Tourism as a force for establishing protected areas: The case of Bahia, Brazil”, *Journal of sustainable tourism*, 13(1), 24-49.
158. Freeman, R.E. (1984), *Strategic Management: A Stakeholder Approach*, Pitman Publishing Inc., Marshfield, MA.

159. Rahmoun, M., & Baeshen, Y. B. (2021), "Marketing tourism in the digital era and determinants of success factors influencing tourist destinations preferences", *Asia-Pacific Management Accounting Journal (APMAJ)*, 16(1), 163-181.
160. Ramkissoon, H. (2015), "Authenticity, satisfaction, and place attachment: A conceptual framework for cultural tourism in African island economies", *Development Southern Africa*, 32(3), 292-302
161. Richardson, J. I., & Fluker, M. (2004), *Understanding and managing tourism*. Pearson Education Australia.
162. Ritchie, J. B., & Crouch, G. I. (2003), *The competitive destination: A sustainable tourism perspective*, Cabi
163. Robin Nunkoo, Stephen L. J. Smith & Haywantee Ramkissoon (2013), "Residents' attitudes to tourism: a longitudinal study of 140 articles from 1984 to 2010", *Journal of Sustainable Tourism*, 21:1, 5-25, DOI: 10.1080/09669582.2012.673621
164. Rodríguez Díaz, M., & Espino Rodriguez, T. F. (2016), "Determining the sustainability factors and performance of a tourism destination from the stakeholders' perspective", *Sustainability*, 8(9), 951.
165. Ryan, C. (1999), *From the psychometrics of SERVQUAL to sexFmeasurements of tourist satisfaction*. In: A. Pizam, & Y. Mansfeld (Eds.), *Consumer behavior in travel & tourism* (pp. 267–286). Binghamton, NY: Haworth Press.
166. Saarinen, J. (2006), "Traditions of sustainability in tourism studies", *Annals of tourism research*, 33(4), 1121-1140.
167. Sarantakos, S. (2013), *Social Research. 4th edition*. Hampshire: Palgrave Macmillan.
168. Scheyvens, R. (1999), "E"cotourism and the empowerment of local communities", *Tourism management*, 20(2), 245-249.
169. Scheyvens, R. (2023), *Tourism for Development: Empowering Communities*, Channel View Publications.
170. Scheyvens, R., & Biddulph, R. (2022), "Inclusive tourism policies in Latin America: Challenges and opportunities", *Third World Quarterly*, 43(3), 479-496.
171. Scott, D., Gössling, S., & Hall, C. M. (2021), "Tourism and climate change: An evolving global policy framework", *Journal of Policy Research in Tourism, Leisure and Events*, 13(1), 33-48.

172. Sharpley, R. and Southgate, C. (2002), *Tourism, development and environment*, in R. Sharpley and D. Telfer (eds), *Tourism and development: Concept and Issues*, Channel view publication, Clevedon, pp. 62-100.
173. Sharpley, R., and J. Sharpley (1997), *Sustainability and the Consumption of Tourism.* " In *Tourism and Sustainability: Principles to Practices*, edited by M. J. Stabler, New York: Cab International, pp. 231–43.
174. Sigala, M. (2022), "Technology-driven sustainable tourism policies: The role of smart tourism systems", *Sustainability*, 14(10), 5794.
175. Sirakaya, E., Jamal, T. B., & CHOI, H. (2000), *Developing ecotourism indicators for destination sustainability. Ecotourism Encyclopedia*, CAB International.
176. Smith, M. D., & Krannich, R. S. (1998), „Tourism dependence and resident attitudes", *Annals of Tourism Research*, 25(4), 783–802. [https://doi.org/10.1016/S0160-7383\(98\)00040-1](https://doi.org/10.1016/S0160-7383(98)00040-1)
177. Smith, S. L. J. (1994), "The tourism product", *Annals of Tourism Research*, 21(3), 582}595.
178. Solis-Radilla, Maria & Hernández-Lobato, Lucio & Callarisa Fiol, Luis & Pastor-Durán, Héctor. (2019), "The Importance of Sustainability in the Loyalty to a Tourist Destination through the Management of Expectations and Experiences", *Sustainability*, 11. 4132. [10.3390/su11154132](https://doi.org/10.3390/su11154132).
179. Stoddard, J. E., Pollard, C. E., & Evans, M. R. (2012), "The triple bottom line: A framework for sustainable tourism development", *International Journal of Hospitality & Tourism Administration*, 13(3), 233–258. <https://doi.org/10.1080/15256480.2012.698173>
180. Strauss, A., & Corbin, J. (1990), *Basics of qualitative research: Grounded theory procedures and techniques*, Sage.
181. Streimikiene, D., & Bilan, Y. (2015), "Review of rural tourism development theories", *Transformations in Business & Economics*, 14(2), 21–34.
182. Streimikiene, D.; Svagzdiene, B.; Jasinskas, E.; Simanavicius, (2020), "A. Sustainable tourism development and competitiveness: The systematic literature review", *Sustain. Dev*, 2020, 1–13.
183. Strickland-Munro, J. K., Allison, H. E., & Moore, S. A. (2010), "Using resilience concepts to investigate the impacts of protected area tourism on communities", *Annals of tourism research*, 37(2), 499-519.

184. Szymanska, E. (2013), "Implementation of sustainable tourism concept by the tourists visiting national parks", *Journal of Environmental and Tourism Analyses*, 1(1), 64.
185. Teye, Victor & Sirakaya-Turk, Ercan & Sönmez, Sevil. (2002), "Residents' attitudes toward tourism development", *Annals of Tourism Research*, 29. 668-688. 10.1016/S0160-7383(01)00074-3.
186. Thapa, B. (2013), "Visitor Segments and Attitudes Toward Sustainable Tourism in Protected Areas: A Case Study in Zambia", *Journal of Park & Recreation Administration*, 31(2).
187. Timur, S., & Getz, D. (2009), "Sustainable tourism development: How do destination stakeholders perceive sustainable urban tourism?", *Sustainable Development*, 17(4), 220-232.
188. Tosun, C. (2000), "Limits to community participation in the tourism development process in developing countries", *Tourism management*, 21(6), 613-633.
189. Tosun, C., & Timothy, D. (2003), "Arguments for community participation in tourism development", *Journal of Tourism Studies*, 14(2), 2–11.
190. Tourism Council of Bhutan. (2021), *Bhutan's High-Value, Low-Impact Tourism Policy*, Retrieved from <https://www.tourism.gov.bt/>
191. Tourism Industry Aotearoa (TIA). (2021), *Sustainable Tourism Charter*, Retrieved from <https://www.tia.org.nz/>
192. Tran, L. H. (2019), "Sustainable Tourism Development: Challenges and Opportunities in Cat Ba Island", *Journal of Marine and Coastal Tourism*.
193. Tsung Hung Lee (2013), "Environmentally Responsible Behavior of Nature-Based Tourists: Related Concepts, Measurement, and Research", *Journal of Tourism & Hospitality*, 02. 10.4172/2167-0269.1000e126.
194. UNESCO. (2018), *Sustainable Tourism in Southeast Asia*, Bangkok: UNESCO.
195. United Nations World Tourism Organization (UNWTO). (2013), *Sustainable Tourism for Development Guidebook*, Madrid: UNWTO.
196. United Nations World Tourism Organization (UNWTO). (2017), *Tourism and the Sustainable Development Goals – Journey to 2030*, Madrid: UNWTO.
197. UNWTO. (2013), *Sustainable tourism for development guidebook*, Madrid, Spain: UNWTO.

198. UNWTO. (2014), *Indicators of sustainable development for tourism destinations: A guidebook*, Madrid, Spain. Retrieved from [https:// observe.pt/wp-content/uploads/2018/05/Indicators-of-ustainableDevelopment-for-Tourism-Destinations-A-Guide-Book-by UNWTO.pdf](https://observe.pt/wp-content/uploads/2018/05/Indicators-of-ustainableDevelopment-for-Tourism-Destinations-A-Guide-Book-by-UNWTO.pdf)
199. UNWTO. (2017), *Tourism and the Sustainable Development Goals – Journey to 2030*, Madrid: UNWTO.
200. UNWTO. (2019), *International tourism highlights. 2019 Edition*, Madrid, Spain. Retrieved from <https://www.e-unwto.org/doi/pdf/10.18111/9789284421152>.
201. UNWTO. (2022), *Glasgow Declaration: Climate Action in Tourism*, Madrid: World Tourism Organization.
202. UNWTO. (2022), *Sustainable Tourism Policies in Emerging Economies: Vietnam Case Study*, Madrid: World Tourism Organization.
203. Velikova, M. P. (2001), “How sustainable is sustainable tourism?”, *Annals of tourism research*, 28(2), 496-499.
204. Vera Rebollo, J. F., & Ivars Baidal, J. A. (2004), “Measuring sustainability in a mass tourist destination: pressures, perceptions and policy responses in Torrevieja, Spain”, *Coastal mass tourism: Diversification and sustainable development in Southern Europe*, 176-199.
205. Vietnam National Administration of Tourism. (2020), *Green Tourism Initiative*, Vietnam Government Publishing House.
206. Vietnam Tourism Association. (2021), *Strategies for Sustainable Tourism Development in Vietnam*, Hanoi: VTA.
207. Waligo, V. M., Clarke, J., & Hawkins, R. (2013), “Implementing sustainable tourism: A multi-stakeholder involvement management framework”, *Tourism Management*, 36, 342–353.
208. Waseema, M. (2017), “Enhancing destination competitiveness for a sustainable tourism industry: The case of Maldives”, *OIDA International Journal of Sustainable Development*, 10(02), 11–24.
209. Weaver, D. (2005), “The distinctive dynamics of exurban tourism”, *International Journal of Tourism Research*, 7(1), 23–33. doi:10.1002/jtr.521
210. Weaver, D. B. (2011), “Organic, Incremental and Induced Paths to Sustainable Mass Tourism Convergence”, *Tourism Management*, 32(1), 103-116.

211. Wilkinson, M. (1991), "The concretions of the Beareraig Sandstone Formation: geometry and geochemistry", *Sedimentology*, 38, 899-912.
212. Williams, P. W., & Ponsford, I. F. (2009), "Confronting tourism's environmental paradox: Transitioning for sustainable tourism", *Futures*, 41(6), 396-404.
213. Woo, E., Kim, H., & Uysal, M. (2015), "Life satisfaction and support for tourism development", *Annals of Tourism Research*, 50, 84–97.
214. Woods, B., Moscardo, G., & Greenwood, T. (1998), "A critical review of readability and comprehensibility tests", *Journal of Tourism Studies*, 9(2), 49-61.
215. World Bank. (2019), *Vietnam's Tourism Industry: Building a Sustainable Future*, Washington, D.C.: World Bank.
216. World Travel & Tourism Council (WTTC). (2018), *Travel & Tourism: Economic Impact 2018*, London: WTTC.
217. Yoon, Y., Gursoy, D., and Chen, J. (2001), "Validating a tourism development theory with structural equation modeling", *Tourism Management*, 22(4), 363-372.
218. Yuksel, Bramwell & Yuksel (1999), "Stakeholder interviews and tourism planning at Pamukkale, Turkey", *Tourism Management*.
219. Zorpas, A. A., Tsartas, P., Aristidis, G., & Theocharous, O. (2008), "Mediterranean standard for sustainable tourism (MESST)-General requirements, objectives and the philosophy of MESST", *WIT Trans. Ecol. Environ. I*, 85-94.

PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục 1

Bản câu hỏi phỏng vấn bán cấu trúc Các doanh nghiệp kinh doanh du lịch

Nhằm mục đích thu thập dữ liệu để đánh giá hiện trạng phát triển du lịch, từ đó đưa ra những giải pháp thích hợp thúc đẩy du lịch địa phương phát triển bền vững hơn trong những năm tới, kính mong anh chị cho ý kiến về một số vấn đề xung quanh chủ đề “phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng”. Đây là nghiên cứu ẩn danh, những ý kiến của anh chị chỉ dùng phục vụ mục đích nghiên cứu và được bảo mật tuyệt đối.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý anh chị!

1. Nhận thức về phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng

- Anh chị hiểu như thế nào về phát triển bền vững du lịch?
- Theo anh chị, các doanh nghiệp du lịch của thành phố Hải Phòng nên được phát triển như thế nào để có thể đảm bảo bền vững?
- Những thế mạnh nào của khu vực Hải Phòng có thể sử dụng để phát triển bền vững du lịch?
- Phát triển bền vững du lịch gắn với bảo vệ môi trường tự nhiên như thế nào?
- Phát triển du lịch theo hướng bền vững có thể góp phần phát triển kinh tế địa phương mang lại lợi ích cho tất cả các bên liên quan không?
- Du lịch có thể đảm bảo được vấn đề bảo vệ môi trường xã hội và bảo tồn văn hóa trong khu vực không?

2. Đánh giá về thực trạng phát triển du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ quan điểm của các doanh nghiệp

- Ngành du lịch Hải Phòng đã phát triển như thế nào? Đánh giá chung về tính bền vững của du lịch Hải Phòng?
- Đánh giá về sự phát triển kinh doanh của doanh nghiệp du lịch của anh chị trong những năm qua? Thực trạng kinh doanh của doanh nghiệp có bền vững không?
- Các biểu hiện của sự phát triển bền vững du lịch trong khu vực của doanh nghiệp của anh chị và của các doanh nghiệp trong khu vực.
- Nguyên nhân dẫn đến phát triển du lịch chưa bền vững từ phía các doanh nghiệp kinh doanh du lịch?

3. Đánh giá về tác động của các nhân tố thuộc các bên liên quan tại địa phương đối với phát triển bền vững du lịch trên địa bàn

- Đánh giá về vai trò và tác động của các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch đối với sự phát triển du lịch của địa phương.
- Đánh giá về vai trò và ảnh hưởng của cộng đồng dân cư đến sự phát triển bền vững của du lịch trên địa bàn thành phố.
- Cho ý kiến nhận xét về tác động của khách du lịch đến tính bền vững trong phát triển du lịch trên địa bàn Hải Phòng.
- Cho ý kiến nhận xét về tác động của các tổ chức phi chính phủ đến phát triển du lịch theo hướng bền vững trên địa bàn Hải Phòng.

4. Đánh giá của doanh nghiệp đối với các chính sách hỗ trợ phát triển bền vững du lịch trên địa bàn của thành phố Hải Phòng

- Các chính sách hỗ trợ phát triển du lịch của thành phố đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển bền vững như thế nào?
- Quy hoạch phát triển du lịch, quy hoạch sử dụng quỹ đất trong khu vực có tạo điều kiện cho phát triển bền vững du lịch không?
- Hiện đã có các chính sách phát triển bền vững du lịch nào của thành phố?
- Doanh nghiệp có thông tin về các chính sách này từ đâu?
- Các chính sách này nên được thông báo đến đến các bên liên quan như doanh nghiệp theo các kênh thông tin nào? khu vực (phương tiện thông tin đại chúng, báo chí, bảng thông báo, ...)?
- Các chính sách phát triển bền vững du lịch của thành phố đã được triển khai như thế nào? Nhận xét về tác động và hiệu quả của các chính sách đã ban hành.
- Đề xuất của anh chị về cần làm gì để cho các chính sách này phù hợp hơn và có thể áp dụng được và áp dụng hiệu quả?

5. Đánh giá mức độ nhận thức và hiểu biết của các bên liên quan khác về tác động tích cực và tiêu cực của phát triển bền vững du lịch

- Những tác động tích cực và tiêu cực đối với doanh nghiệp (thực tế đã trải qua) khi định hướng phát triển kinh doanh theo hướng bền vững là gì?
- Phát triển bền vững du lịch ảnh hưởng như thế nào đến môi trường trong khu vực?

- Những tác động tích cực và tiêu cực đối với doanh nghiệp về mặt kinh tế khi doanh nghiệp định hướng kinh doanh du lịch theo hướng bền vững?
- Phát triển bền vững du lịch ảnh hưởng như thế nào đến văn hóa xã hội của địa phương?

6. Hiểu về những rào cản mà doanh nghiệp gặp phải khi phát triển kinh doanh du lịch theo hướng bền vững

- Doanh nghiệp có thể tham gia vào phát triển bền vững du lịch trong khu vực theo những cách thức nào ?
- Doanh nghiệp gặp những khó khăn nào trong phát triển kinh doanh du lịch và làm cho việc phát triển kinh doanh du lịch trên địa bàn thành phố chưa bền vững?
- Theo anh chị cần hỗ trợ những gì để doanh nghiệp có thể phát triển bền vững? Nhà nước và chính quyền địa phương cần làm gì để hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng?
- Theo anh chị cần có cơ chế như thế nào để các doanh nghiệp kinh doanh du lịch có thể tham gia vào quá trình phát triển bền vững du lịch trên địa bàn địa phương và nên thực thi các cơ chế và chính sách này như thế nào?

Phụ lục 2

Bản câu hỏi phỏng vấn bán cấu trúc Cư dân địa phương tại các điểm đến du lịch

Nhằm mục đích thu thập dữ liệu để đánh giá hiện trạng phát triển du lịch, từ đó đưa ra những giải pháp thích hợp thúc đẩy du lịch địa phương phát triển bền vững hơn trong những năm tới, kính mong Quý vị cho ý kiến về một số vấn đề xung quanh chủ đề “phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng”. Đây là nghiên cứu ẩn danh, những ý kiến của quý vị chỉ dùng phục vụ mục đích nghiên cứu và được bảo mật tuyệt đối.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý vị!

1. Nhận thức về phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng

- Quý vị hiểu như thế nào về phát triển bền vững du lịch?
- Những thế mạnh nào của Hải Phòng có thể sử dụng để phát triển bền vững du lịch?
- Theo ông bà, cộng đồng cư dân trên các địa bàn du lịch của thành phố Hải Phòng có nhận được lợi ích thỏa đáng từ sự phát triển của du lịch không?
- Phát triển du lịch theo hướng bền vững có thể góp phần phát triển kinh tế địa phương, mang lại lợi ích cho tất cả các bên liên quan không?
- Phát triển du lịch có tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên không?
- Phát triển Du lịch có thể bảo vệ môi trường xã hội và bảo tồn văn hóa trong khu vực?

2. Đánh giá về thực trạng phát triển du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ quan điểm của các doanh nghiệp

- Hoạt động du lịch trên địa bàn sinh sống của quý vị đã phát triển như thế nào? Đánh giá về tính bền vững của sự phát triển du lịch trên địa bàn?
- Đánh giá về sự phát triển du lịch trên địa bàn trong những năm qua với sự gia tăng thu nhập và mức sống của cộng đồng dân cư? Sự gia tăng thu nhập có bền vững không?
- Các biểu hiện của sự phát triển bền vững du lịch trong khu vực sinh sống của quý vị.
- Phát triển du lịch của địa phương có ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường tự nhiên không? Biểu hiện cụ thể?
- Phát triển du lịch của địa phương có ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường văn hóa xã hội không? Biểu hiện cụ thể?

3. Đánh giá về tác động của các nhân tố thuộc các bên liên quan tại địa phương đối với phát triển bền vững du lịch trên địa bàn

- Nhận xét về vai trò và tác động của các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch đối với sự phát triển du lịch của địa phương.
- Đánh giá về vai trò và ảnh hưởng của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch đến sự phát triển du lịch nói riêng và kinh tế nói chung trên địa bàn trên địa bàn sinh sống.
- Cho ý kiến nhận xét về tác động của khách du lịch đến tính bền vững trong phát triển du lịch trên địa bàn.
- Cho ý kiến nhận xét về tác động của các tổ chức phi chính phủ đến phát triển du lịch theo hướng bền vững trên địa bàn Hải Phòng.

4. Đánh giá của cư dân đối với các chính sách hỗ trợ phát triển bền vững du lịch trên địa bàn của thành phố Hải Phòng

- Ông bà có biết đến các chính sách hỗ trợ phát triển du lịch của thành phố không?
- Ông bà có được thông tin đầy đủ về quy hoạch phát triển du lịch, quy hoạch sử dụng quỹ đất trong khu vực sinh sống không?
- Các chính sách phát triển du lịch của thành phố nào mà quý vị biết rõ về ảnh hưởng trong thực tế?
- Ông bà có thông tin về các chính sách này từ đâu?
- Các chính sách này nên được thông báo đến các bên liên quan như cư dân theo các kênh thông tin nào? khu vực (phương tiện thông tin đại chúng, báo chí, bảng thông báo, ...)?
- Các chính sách phát triển bền vững du lịch của thành phố đã được triển khai như thế nào? Nhận xét về tác động và hiệu quả của các chính sách đã ban hành.
- Đề xuất của Ông bà về cần làm gì để cho các chính sách này phù hợp hơn và có thể áp dụng được và áp dụng hiệu quả?

5. Đánh giá mức độ nhận thức và hiểu biết của các bên liên quan khác về tác động tích cực và tiêu cực của phát triển bền vững du lịch

- Những tác động tích cực và tiêu cực đối với cư dân (thực tế đã trải qua) khi định hướng phát triển kinh doanh theo hướng bền vững là gì?
- Phát triển bền vững du lịch ảnh hưởng như thế nào đến môi trường trong khu vực?
- Những tác động tích cực và tiêu cực đối với cư dân về mặt kinh tế khi phát triển du lịch trên địa bàn?

- Quan điểm của Ông bà về phát triển du lịch ảnh hưởng như thế nào đến tình hình trật tự trị an và văn hóa xã hội của địa phương?

6. Hiểu về những khó khăn của cư dân trên địa bàn phát triển kinh doanh du lịch

- Cư dân địa phương có thể tham gia ý kiến vào quy hoạch hay chính sách phát triển du lịch trên địa bàn không? Nếu có thì theo những cách thức nào?

- Dân cư địa phương gặp những vấn đề khó khăn nào trong cuộc sống khi du lịch ở khu vực phát triển? Phát triển kinh doanh du lịch trên địa bàn thành phố ảnh hưởng tới cư dân như thế nào?

- Theo Ông bà, Nhà nước cần hỗ trợ những gì để cộng đồng cư dân không bị ảnh hưởng bởi sự phát triển ngành du lịch trên địa bàn? Nhà nước và chính quyền địa phương cần có các chính sách gì để hỗ trợ cư dân?

- Theo Ông bà cần có cơ chế như thế nào để cư dân địa phương có thể tham gia vào quá trình phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố và nên thực thi các cơ chế và chính sách này như thế nào?

Phụ lục 3

Bản câu hỏi phỏng vấn bán cấu trúc

Khách du lịch tại các điểm đến

Nhằm mục đích thu thập dữ liệu để đánh giá hiện trạng phát triển du lịch, từ đó đưa ra những giải pháp thích hợp thúc đẩy du lịch địa phương phát triển bền vững hơn trong những năm tới, kính mong Quý vị cho ý kiến về một số vấn đề xung quanh chủ đề “phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng”. Đây là nghiên cứu ẩn danh, những ý kiến của quý vị chỉ dùng phục vụ mục đích nghiên cứu và được bảo mật tuyệt đối.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý vị!

1. Nhận thức về phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng

- Quý vị hiểu như thế nào về phát triển bền vững du lịch?
- Theo quý vị, quý vị có hài lòng với hoạt động du lịch của thành phố Hải Phòng không?
- Phát triển du lịch có tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên không?
- Phát triển du lịch có thể bảo vệ môi trường xã hội và bảo tồn văn hóa trong khu vực?

2. Đánh giá về thực trạng phát triển du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ quan điểm của các doanh nghiệp

- Hoạt động du lịch Hải Phòng có đảm bảo tính bền vững không?
- Đánh giá của quý vị về sự phát triển du lịch trên địa bàn Hải Phòng?
- Các biểu hiện của sự phát triển bền vững du lịch tại Hải Phòng.

3. Đánh giá về tác động của các nhân tố thuộc các bên liên quan tại địa phương đối với phát triển bền vững du lịch trên địa bàn

- Đánh giá về hoạt động phục vụ của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn?
- Cho ý kiến nhận xét về tác động của khách du lịch đến tính bền vững trong phát triển du lịch trên địa bàn.
- Cho ý kiến nhận xét về các chính sách quản lý hoạt động du lịch trên địa bàn Hải Phòng.

4. Đánh giá mức độ hài lòng của khách du lịch đối với du lịch Hải Phòng

- Những tác động tích cực và tiêu cực của du lịch Hải Phòng tới sự hài lòng của khách du lịch?
- Đánh giá của quý vị về cảnh quan môi trường du lịch trong khu vực?
- Đánh giá của quý vị về các dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống mua sắm trên địa bàn Hải Phòng?
- Quan điểm của quý vị tình hình trật tự trị an và văn hóa xã hội tại các điểm đến trên địa bàn Hải Phòng?

Phụ lục 4

Bản câu hỏi phỏng vấn bán cấu trúc Cán bộ cơ quan quản lý du lịch và chính quyền địa phương

1. Đánh giá về thực trạng phát triển du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ quan điểm của chính quyền

- Nhận xét của ông bà về sự phát triển của du lịch Hải Phòng
- Hoạt động du lịch Hải Phòng có đảm bảo tính bền vững không?
- Đánh giá của ông bà về sự phát triển du lịch so với tiềm năng tài nguyên du lịch trên địa bàn Hải Phòng?
- Đánh giá về tình trạng khách du lịch quá đông vào mùa du lịch hè nhưng lại quá vắng vào mùa đông trên địa bàn?
- Các hạn chế và nguyên nhân trong phát triển bền vững du lịch của Hải Phòng là gì.

2. Đánh giá về tác động của các nhân tố thuộc các bên liên quan tại địa phương đối với phát triển bền vững du lịch trên địa bàn

- Đánh giá về hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn, hoạt động của doanh nghiệp đã đáp ứng yêu cầu bền vững chưa?
- Cho ý kiến nhận xét về tác động của khách du lịch đến tính bền vững trong phát triển du lịch trên địa bàn.
- Cho ý kiến nhận xét về tác động của cư dân địa phương đến hoạt động du lịch trên địa bàn Hải Phòng.
- Phát triển du lịch có ảnh hưởng tới đời sống và thu nhập của cư dân địa phương như thế nào?
- Có xung đột về lợi ích giữa doanh nghiệp kinh doanh du lịch với cư dân địa phương không? Nguyên nhân (nếu có).
- Phát triển du lịch trên địa bàn đã ảnh hưởng tới môi trường tự nhiên của khu vực như thế nào?
- Đánh giá của ông bà về ảnh hưởng của du lịch đến văn hóa xã hội và trật tự trị an trong khu vực?

3. Tiềm năng và chiến lược chính sách phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng

- Đánh giá của ông bà về tiềm năng phát triển của du lịch của Hải Phòng? Sự phát triển của du lịch Hải Phòng đã tới giới hạn chưa?
- Đánh giá về tính hợp lý và bền vững của quy hoạch du lịch Hải Phòng?
- Nhận xét về quản lý và quy hoạch đất đai phục vụ phát triển du lịch và các ngành kinh tế khác trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
- Để phát triển bền vững du lịch trên địa bàn Hải Phòng, cần bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành thêm các chính sách quản lý và thúc đẩy như thế nào?

Phụ lục 5

Các chỉ tiêu phát triển du lịch Hải Phòng giai đoạn 2011 – 2022

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2011	2012	2013	2014	2015	Tốc độ tăng bình quân 2010-2015 (%/năm)
1. Tổng lượt khách	Triệu lượt khách	4,3	4,6	5	5,3	5,7	7,30%
Khách quốc tế	Nghìn lượt	0,6	0,6	0,6	0,7	0,7	3,93%
Khách nội địa	Nghìn lượt	3,7	4	4,4	4,6	5	7,82%
2. Cơ cấu khách quốc tế, nội địa	%						
Khách quốc tế	%	13,1	12,5	11,6	12,9	12,5	
Khách nội địa	%	86,9	87,5	88,4	87,1	87,5	
3. Tổng thu từ khách du lịch	Tỷ đồng	-	-	-	-	-	
4. Doanh nghiệp lữ hành	Doanh nghiệp	48	52	58	60	62	6,61%
- Doanh nghiệp quốc tế	Doanh nghiệp	13	13	14	18	18	
- Doanh nghiệp nội địa	Doanh nghiệp	36	39	44	42	44	
- Chi nhánh, VP đại diện	Doanh nghiệp	-	-	-	-	-	
5. Hướng dẫn viên du lịch	Người	62	81	88	95	103	13,53%
- Hướng dẫn viên quốc tế	Người	39	45	49	59	60	
- Hướng dẫn viên nội địa	Người	23	36	39	36	43	

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2011	2012	2013	2014	2015	Tốc độ tăng bình quân 2010-2015 (%/năm)
- Tại điểm	Người	0	0	0	0	0	
6. Cơ sở lưu trú	Cơ sở	301	315	322	405	404	7,64%
Buôn lưu trú	Buồng	7472	7724	7873	9009	8988	4,89%
Công suất sử dụng	%	55	50	50	52	52	-1,39%
7. Số CSLT xếp hạng	Cơ sở	-	-	-	-	-	
Số phòng	Buồng	-	-	-	-	-	
8. Số khách sạn 4,5 sao	Cơ sở	-	-	-	-	-	
Số phòng	Phòng	-	-	-	-	-	
9. Lao động ngành du lịch	Người	10.400	10.900	10.940	12.600	12.850	5,43%
10. Ngày Lưu trú BQ	Ngày	-	-	-	-	-	
Nội địa	Ngày	-	-	-	-	-	
Quốc tế	Ngày	-	-	-	-	-	
11. Chi tiêu		-	-	-	-	-	
Nội địa	Triệu đồng	-	-	-	-	-	
Quốc tế	Triệu đồng	-	-	-	-	-	

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	Tốc độ tăng bình quân 2016-2019 (%/năm)	2020	2021	2019	Tốc độ tăng bình quân 2010- 2015 (%/năm)
1. Tổng lượt khách	Triệu lượt khách	6	6,7	7,8	9,1	15,05%	7,5	3,7	7,0	3,5
Khách quốc tế	Nghìn lượt	0,7	0,8	0,9	1	10,08%	0,3	0,06	0,6	0,5
Khách nội địa	Nghìn lượt	5,3	5,9	6,9	8,1	15,73%	7,2	3,6	6,4	3,0
2. Cơ cấu khách quốc tế, nội địa	%									
Khách quốc tế	%	12,6	11,9	11	11		3,9	1,62	8,71	14,29
Khách nội địa	%	87,4	88,1	89	89		96,1	98,38	91,29	85,71
3. Tổng thu từ khách du lịch	Tỷ đồng	5.129	5.768	6.700	7.850	15,26%	6.760	3.376	6.300	3.120
4. Doanh nghiệp lữ hành	Doanh nghiệp	64	69	72	73	4,52%	79	67	91	114
- Doanh nghiệp quốc tế	Doanh nghiệp	12	17	22	37	46,42%	33	23	43	61
- Doanh nghiệp nội địa	Doanh nghiệp	44	44	42	29	-11,83%	37	35	45	50

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	Tốc độ tăng bình quân 2016-2019 (%/năm)	2020	2021	2019	Tốc độ tăng bình quân 2010- 2015 (%/năm)
- Chi nhánh, VP đại diện	Doanh nghiệp	8	8	8	7	-4,17%	9	9	3	3
5. Hướng dẫn viên du lịch	Người	321	378	371	437	11,23%	490	498	526	609
- Hướng dẫn viên quốc tế	Người	142	171	169	197	11,94%	231	232	235	275
- Hướng dẫn viên nội địa	Người	179	207	202	240	10,68%	258	265	284	327
- Tại điểm	Người	0	0	0	0		1	1	7	7
6. Cơ sở lưu trú	Cơ sở	427	439	456	501	5,52%	529	542	576	572
Buôn lưu trú	Buồng	9.313	9.552	11.014	11.794	8,35%	13.636	14.076	15.961	15.564
Công suất sử dụng	%	45	45	48	51	4,31%	18	10	38	40
7. Số CSLT xếp hạng	Cơ sở	115	123	86	70	-13,91%	51	55	51	53
Số phòng	Buồng	4.798	5.017	3.870	3.884	-5,98%	3.958	4.234	4.670	5.077

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	Tốc độ tăng bình quân 2016-2019 (%/năm)	2020	2021	2019	Tốc độ tăng bình quân 2010- 2015 (%/năm)
8. Số khách sạn 4,5 sao	Cơ sở	11	11	10	11	0,30%	14	16	13	14
Số phòng	Phòng	1.300	1.300	1.294	1.768	12,06%	2.418	2.619	3.138	3.500
9. Lao động ngành du lịch	Người	13.190	13.700	14.130	15.840	6,37%	12.000	5.430	12.500	12.800
10. Ngày Lưu trú BQ	Ngày									
Nội địa	Ngày				1.6		1.8	1.3	1.8	
Quốc tế	Ngày				1.8		3.5	2.2	2.2	
11. Chi tiêu										
Nội địa	Triệu đồng				1.2					
Quốc tế	Triệu đồng				1.9					

Phụ lục 6

Dự báo các chỉ tiêu phát triển du lịch Hải Phòng đến năm 2030

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	2019	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
1	Tổng số lượt khách đến	Nghìn lượt khách	3.100	7.000	8.000	9.500	12.000	15.000	18.000	21.000	25.000	20.000
1.1	Khách quốc tế		998	600	900	1.1.000	1.300	1.700	1.900	2.300	2.600	2.800
1.2	Khách nội địa		8.012	6.400	7.100	8.400	10.700	11.800	13.100	14.200	15.400	17.200
2	Chỉ tiêu trung bình/khách	Triệu đồng/khách										
	Khách quốc tế		1,9	-	2,00	2,10	2,20	2,40	2,50	2,70	2,9	3,00
	Khách nội địa		1,2	-	1,30	1,40	1,50	1,70	1,80	2,00	2,10	2,20
3	Ngày lưu trú trung bình	Ngày										
	Khách quốc tế		1,8	2,2	2,2	2,3	2,3	2,4	2,4	2,5	2,5	2,6
	Khách nội địa		1,6	1,8	1,8	1,9	2,0	2,0	2,1	2,2	2,2	2,2
4	Tổng thu ngành du lịch	Tỷ đồng	7.850	6.300	10.224	12.432	14.400	16.000	20.000	23.000	26.000	30.000
5	Đóng góp GRDP	%	2,21	1,20	-	-	2,88	-	-	-	-	3,32

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	2019	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
	GRDP ngành du lịch	Tỷ đồng	5.495	4.410,0	7.156,8	8.702,4	9.800,0	11.200,0	14.000,0	16.100,0	18.200,0	21.000,0
	Hệ số ICOR Hải Phòng		4,6		4,0			3,8				
6	Tổng nhu cầu đầu tư du lịch	Tỷ đồng	-	-	18.400			41.500				
7	Khách lưu trú	Nghìn lượt	-	-	3.200	4.275	6.000	6.750	7.650	8.415	9.075	12.000
	Số ngày khách lưu trú	Nghìn ngày	-	-	5.904	8.321	12.195	13.840	16.356	18.865	22.209	27.072
8	Nhu cầu bù đắp lưu trú	Buồng	-	-	16.180	18.720	23.360	25.270	28.650	30.330	33.800	38.040
	Hệ số chung bù đắp	-	-	-	2	2	2,2	2,2	2,3	2,4	2,5	2,6
	Công suất bù đắp	%	51%	38%	50%	58%	65%	67%	68%	71%	72%	75%
9	Nhu cầu lao động	Người	-	-	45.300	48.870	54.200	59.560	66.470	70.350	68.610	66.180
	Hệ số lao động trực tiếp/bù đắp	-	-	-	1,00	0,90	0,80	0,80	0,8	0,80	0,70	0,60

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	2019	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
	Hệ số lao động gián tiếp/Lao động trực tiếp	-	-	-	1,80	1,90	1,90	1,90	1,90	1,90	1,90	1,90
	Lao động trực tiếp	Người	-	-	16.180	16.850	18.690	20.580	22.920	24.260	23.660	22.820
	Lao động gián tiếp	Người	-	-	29.120	32.020	35.510	39.100	43.550	46.090	44.950	43.360